

Lời nói đầu

Trường Đại học Công nghệ (ĐHCN) thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) được thành lập theo Quyết định số 92/2004/QĐ-TTg ngày 25/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Khoa học Công nghệ và Trung tâm Hợp tác Đào tạo và Bồi dưỡng Cơ học thuộc ĐHQGHN. Điểm mốc có ý nghĩa lịch sử được chọn là Ngày Truyền thống của Nhà trường là ngày 18/10/1999, thời điểm mà Khoa Công nghệ Thông tin và Khoa Công nghệ Điện tử- Viễn thông thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên hợp nhất thành Khoa Công nghệ trực thuộc ĐHQGHN, đơn vị tiền thân của Trường ĐHCN.

Nhân dịp kỷ niệm 15 năm truyền thống (18/10/1999-18/10/2014) và 10 năm thành lập (25/05/2004-25/05/2014), Nhà trường tổ chức biên soạn và xuất bản kỷ yếu "Trường ĐHCN: 15 năm xây dựng và trưởng thành" nhằm cung cấp những thông tin về quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường, vun đắp, làm sâu sắc thêm các giá trị, truyền thống làm lên thương hiệu Trường ĐHCN. Kỷ yếu được biên soạn tiếp nối các nội dung đã được xuất bản dịp kỷ niệm 10 năm truyền thống, 5 năm thành lập trường năm 2009, gồm hai phần chính:

- Phần 1: Trường ĐHCN 15 năm xây dựng và trưởng thành
- Phần 2: Nhân vật & Sự kiện

Biên soạn kỷ yếu là một công việc đòi hỏi nhiều thời gian, công sức và trí tuệ. Ban biên tập bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc tới các đồng chí lãnh đạo, các nhà giáo lão thành và đông đảo cán bộ, viên chức và người học qua các thời kỳ đã ủng hộ, cung cấp nhiều tư liệu quý làm chất liệu xây dựng cuốn kỷ yếu.

Tuy nhiên, cuốn kỷ yếu có thể còn có các thiếu sót cả về hình thức lẫn nội dung mà do hạn chế về thời gian và trình độ cho nên Ban biên tập chưa phát hiện ra để khắc phục được. Chúng tôi mong muốn nhận được sự cảm thông chia sẻ về những thiếu sót đó.

Ban biên tập cũng mong muốn tiếp tục nhận được các ý kiến đóng góp và các tư liệu mới để cuốn kỷ yếu hoàn thiện hơn trong phiên bản xuất bản tiếp theo.

BAN BIÊN TẬP



Phát triển bền vững, tiếp cận nhanh với các chuẩn mực quốc tế

Trường Đại học Công nghệ (ĐHCN), với 10 năm hoạt động và 15 năm truyền thống, đang từng bước khẳng định là một đại học có vị thế và uy tín trong hệ thống các trường đại học trong cả nước.

Sự hình thành và phát triển của Nhà trường được gắn chặt và tạo điều kiện thuận lợi từ mẫu thể Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) - Trung tâm đại học đa ngành, đa lĩnh vực với quyền tự chủ cao, với truyền thống kế thừa trực tiếp từ Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Với tư duy, tâm huyết, và uy tín của tập thể lãnh đạo Nhà trường qua các thời kỳ, tiêu biểu là GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu, Hiệu trưởng sáng lập; với sự nỗ lực cố gắng không ngừng nghỉ của các nhà giáo, nhà khoa học, cán bộ viên chức, các thế hệ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh; được sự quan tâm ủng hộ của ĐHQGHN, sự hỗ trợ của các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN, sự hợp tác hiệu quả của các đối tác, Nhà trường đã đạt được nhiều thành tựu trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, và hợp tác phát triển.

- Nhà trường đã thu hút và có được đội ngũ nhà khoa học, giảng viên có trình độ cao, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và đào tạo; đã bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ quản lý và phục vụ chuyên nghiệp và tận tụy.
- Nhà trường đã xác lập được môi trường nghiên cứu tích cực và hiện đại; qua đó đã có được các kết quả nghiên cứu có tầm ảnh hưởng, đã hình thành một số sản phẩm khoa học công nghệ tiềm năng; số lượng công trình khoa học được công bố trên các tạp chí/hội nghị có uy tín tăng nhanh.
- Hệ thống chương trình đào tạo của Nhà trường được phát triển, hoàn thiện ở mọi bậc đào tạo theo hướng tiên tiến, hiện đại. Nhà trường đã tiên phong thực hiện đào tạo các chương trình chất lượng cao, chương trình đạt chuẩn quốc tế và thực hiện kiểm định chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn của mạng lưới các trường đại học ASEAN.
- Sinh viên tốt nghiệp được xã hội đón nhận và đánh giá cao. Cựu sinh viên đã từng bước trưởng thành và đã có những đóng góp đáng kể cho phát triển khoa học công nghệ, kinh tế xã hội cho đất nước.
- Nhà trường cùng với các đơn vị bạn đã phát triển thành công mô hình hợp hiệu quả “Khoa phối thuộc” giữa Trường đại học và Viện nghiên cứu; đã tạo dựng và phát huy quan hệ hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu tiên tiến trên thế giới.

Sứ mạng của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao và bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu phát triển và ứng dụng các lĩnh vực khoa học công nghệ tiên tiến trên cơ sở phát huy thế mạnh về Công nghệ thông tin và Truyền thông; và tiên phong tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học khu vực và thế giới, đóng góp tích cực vào sự phát triển nền kinh tế và xã hội tri thức của đất nước. Sứ mạng này hoàn toàn phù hợp và thống nhất với chủ trương, giải pháp và các mục tiêu của Chương trình đổi mới toàn diện giáo dục đại học mà Đảng và Nhà nước đang triển khai thực hiện.

Kế tục các thành quả đã đạt được, tiếp tục phát huy vị thế là trường đại học thành viên ĐHQGHN, với thế và lực được tạo dựng trong 15 năm qua, toàn thể giảng viên, cán bộ và sinh viên Trường ĐHCN sẵn sàng tiếp bước các thế hệ đi trước trên con đường đổi mới sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đưa Nhà trường phát triển bền vững, từng bước hiện thực hóa được sứ mệnh cao cả đã được giao phó.

PGS.TS. Nguyễn Việt Hà
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ



GS.VS Nguyễn Văn Hiệu
 Chủ nhiệm khoa Công nghệ (1999-2004)
 Hiệu trưởng nhiệm kỳ I (2004-7/2005)



GS.TS Nguyễn Hữu Đức
 Phó Hiệu trưởng (7/2004-7/2005)
 Hiệu trưởng nhiệm kỳ I (7/2005-4/2009)



PGS.TS Nguyễn Ngọc Bình
 Phó Hiệu trưởng (1/2006-4/2009)
 Hiệu trưởng nhiệm kỳ II (4/2009-9/2014)



PGS.TS Nguyễn Việt Hà
 Phó Hiệu trưởng (01/2010-2/10/2014)
 Hiệu trưởng nhiệm kỳ III (từ 3/10/2014)



PGS.TS Hồ Sĩ Đàm
 Phó Chủ nhiệm Khoa Công nghệ (1999-2004)



GS.TSKH Nguyễn Phú Thủy
 Phó Chủ nhiệm Khoa Công nghệ
 (2002-2004)



PGS.TS Trần Quang Vinh
 Phó Chủ nhiệm Khoa Công nghệ (1999-2004)
 Phó Hiệu trưởng (2004-01/2010)



PGS.TS Hà Quang Thủy
 Phó Hiệu trưởng từ (7/2004-01/2010)



GS.TSKH Nguyễn Đình Đức
 Phó Hiệu trưởng (11/2008-9/2012)

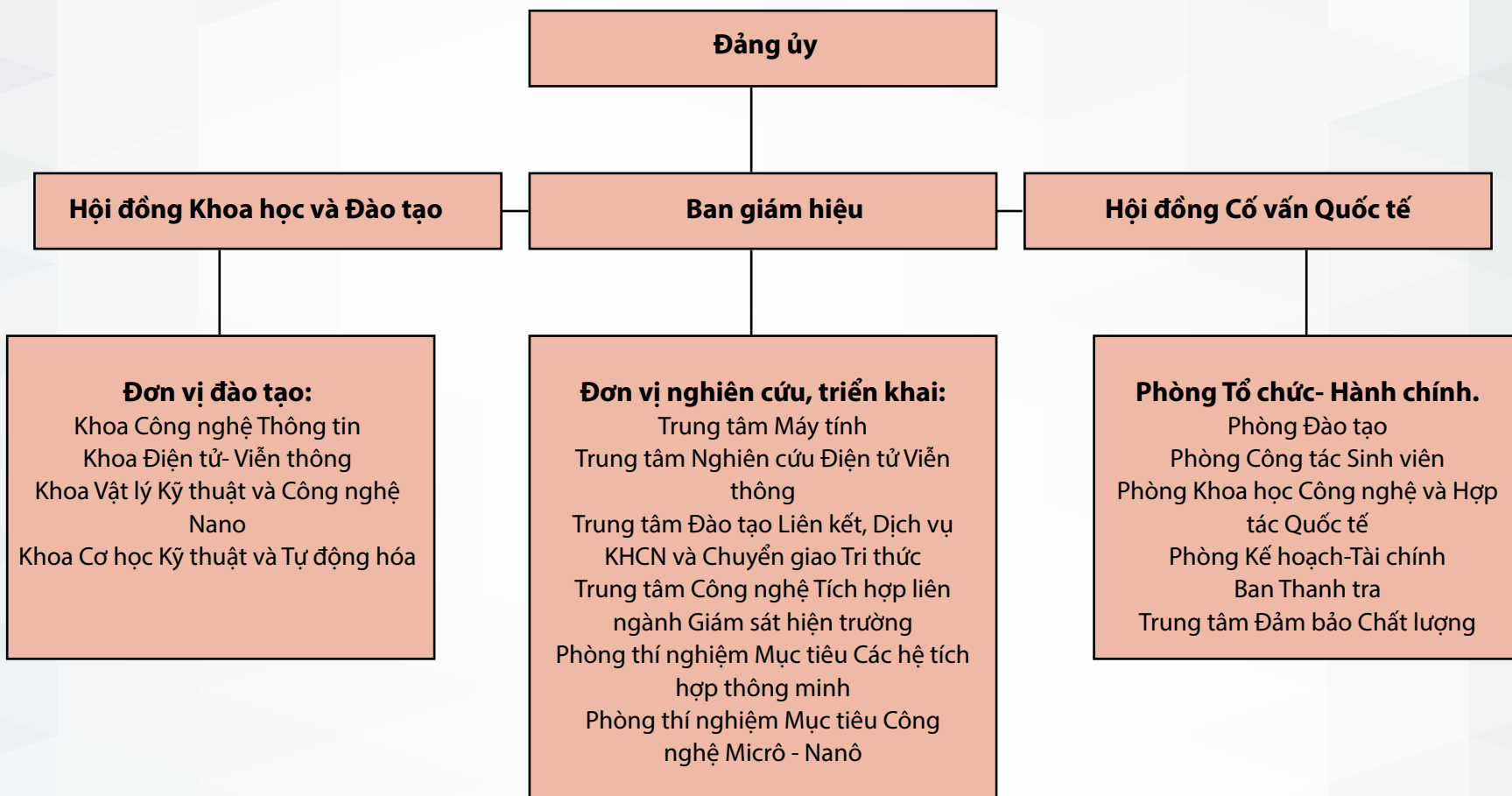


GS.TS Nguyễn Thanh Thủy
 Phó Hiệu trưởng (từ 6/2011)



TS. Nguyễn Anh Thái
 Phó Hiệu trưởng (từ 4/2013)

Phụ lục 1: Cơ cấu tổ chức hiện tại của Trường ĐHCN



Phụ lục 2: Kết quả đào tạo bồi dưỡng và thu hút giảng viên có trình độ tiến sĩ của Trường ĐHCN

Năm	Tuyển dụng	Đào tạo, bồi dưỡng	Chuyển đến	Chuyển đi	Nghỉ hưu	Số tăng
2005	7	1	1	1	1	7
2006	5	1	3	2	1	6
2007	3	2	2	1	1	5
2008	6	3	2	1	4	6
2009	1	4	1	1	0	5
2010	10	3	1	1	1	12
2011	6	2	1	4	3	2
2012	4	1	1	1	1	4
2013	4	6	1	1	1	9
2014	1	3	0	2	0	2
Cộng	47	26	13	15	13	58

Phụ lục 3: Thành tích thi đua, khen thưởng Trường ĐHCN

<p>Tập thể</p>	<p>1. Trường ĐHCN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Huân chương Lao động Hạng Ba (2009) - 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2004) - 12 lượt Bằng khen của Bộ GD&ĐT, Bộ KH-CN, Bộ TT&TT, UBND TP Hà Nội, Hòa Bình, Hà Tĩnh. - 05 Bằng khen của ĐHQGHN. - Tập thể lao động xuất sắc các năm 2008, 2009, 2012 <p>2. Các đơn vị trực thuộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Huân chương Lao động Hạng Ba (2010) - 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2005) - 6 Bằng khen của Bộ GD&ĐT, Bộ TT&TT, TW Đoàn, UBND TP Hà Nội, Liên Hiệp các Hội KHKT VN. - 16 lượt Bằng khen ĐHQGHN. - 66 lượt tập thể lao động xuất sắc. <p>3. Đoàn thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công Đoàn trường nhiều là Công đoàn cơ sở vững mạnh, trong đó năm 2007, 2008 đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc, có 12 lượt tập thể Công Đoàn được khen thưởng. - Đoàn thanh niên nhiều năm là Đoàn xuất sắc, có 32 lượt tập thể Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên được khen thưởng.
<p>Cá nhân</p>	<p>1. Cán bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - 02 Nhà giáo Nhân dân và 13 Nhà giáo ưu tú. - 2 Huân chương lao động hạng nhất, 1 hạng nhì và 4 hạng ba. - 13 Bằng khen Thủ tướng chính phủ. - 20 lượt Bằng khen của Bộ GD&ĐT, Bộ TT&TT, Bộ KH-CN, Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam. - 54 lượt Bằng khen ĐHQGHN - 59 lượt chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN. - 180 lượt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. - 31 Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục - 3 Kỷ niệm chương vì sự nghiệp KH-CN - 34 Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển ĐHQGHN - 6 Kỷ niệm chương vì thế hệ trẻ. - 7 Giải thưởng Quả Cầu Vàng; 3 Giải thưởng Nhân tài Đất Việt (Nhất, ba và khuyến khích); 1 Huy Chương đồng Hội chợ triển lãm Quốc tế; 2 Cúp vàng Techmart; 36 Giải thưởng Khoa học các cấp. <p>2. Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 134 lượt sinh viên đạt Giải thưởng NCKH. - 208 lượt sinh viên đạt giải thưởng các kỳ thi Olympic, thi chuyên ngành cấp Quốc gia, Quốc tế (ACM, Imagine Cup, PROCON, Olympic Tin học, Toán học, Vật lý, Cơ học). - 07 Giải Quả Cầu Vàng <p>3. Đoàn thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - 101 lượt khen thưởng Bằng khen, giấy khen Công đoàn viên. - 39 lượt khen thưởng Bằng khen, giấy khen Đoàn viên.

Phụ lục 4: Phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên

Số lượng cán bộ					Trình độ giảng viên cơ hữu				
Năm	Tổng cộng	Cơ hữu	Hợp đồng	Giảng viên cơ hữu	Học hàm		Học vị		
					GS	PGS	TSKH, TS	ThS	ĐH
2004	115	70	45	58	4	12	29	24	5
2005	188	111	77	78	4	12	35	37	6
2006	182	118	64	82	2	14	39	27	16
2007	188	126	62	89	3	13	45	30	14
2008	214	125	89	92	3	13	52	28	12
2009	230	137	93	93	2	18	57	29	7
2010	202	143	59	102	1	17	69	29	4
2011	230	141	89	102	2	18	71	28	3
2012	225	143	83	103	2	24	74	27	2
2013	224	148	76	105	2	27	79	25	1
2014	214	146	68	103	2	26	78	24	1

Phụ lục 5: Quy mô và điểm chuẩn tuyển sinh đại học các ngành đào tạo của trường

Stt	Năm tuyển sinh	Chi tiêu/ thực hiện	Ngành							
			Công nghệ Thông tin	Khoa học máy tính	Truyền thông & Mạng máy tính	Hệ thống thông tin	Công nghệ Điện tử Viễn thông	Vật lý kỹ thuật	Cơ học kỹ thuật	Công nghệ Cơ điện tử
1	2004	470/441	23,5	-	-	-	20,5	19,0	18,0	-
2	2005	500/496	25,5	-	-	-	26,5	22,5	22,0	-
3	2006	570/543	25,0	-	-	-	21,0	19,5	18,5	-
4	2007	560/545	22,0	-	-	-	24,0	18,5	18,0	25,0
5	2008	640/540	23,5	-	-	-	23,5	19,0	19,0	21,0
6	2009	580/597	20,5	20,5	-	-	20,0	18,0	18,0	20,5
7	2010	560/539	21,5	21,5	-	21,5	21,5	17,0	17,0	21,5
8	2011	560/561	18,5	18,5	-	18,5	18,5	16,0	16,0	16,0
9	2012	560/568	20,5	20,5	-	20,5	20,5	16,5	16,5	16,5
10	2013	610/640	23,0	23,0	22,0	22,0	22,0	21,0	21,0	22,0
11	2014	700/690	23,0	23,0	22,0	22,0	19,5	18,0	18,0	20,0

Phụ lục 6: Quy mô tuyển sinh bậc sau đại học

² Học viên cao học	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Năm	201	229	248	164	240	299	212	268	290	207	Đang tuyển sinh
Nghiên cứu sinh	3	20	19	21	10	15	19	25	20	23	

Phụ lục 7: Danh sách các nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp, được cấp bằng tiến sĩ tại Trường ĐHCN

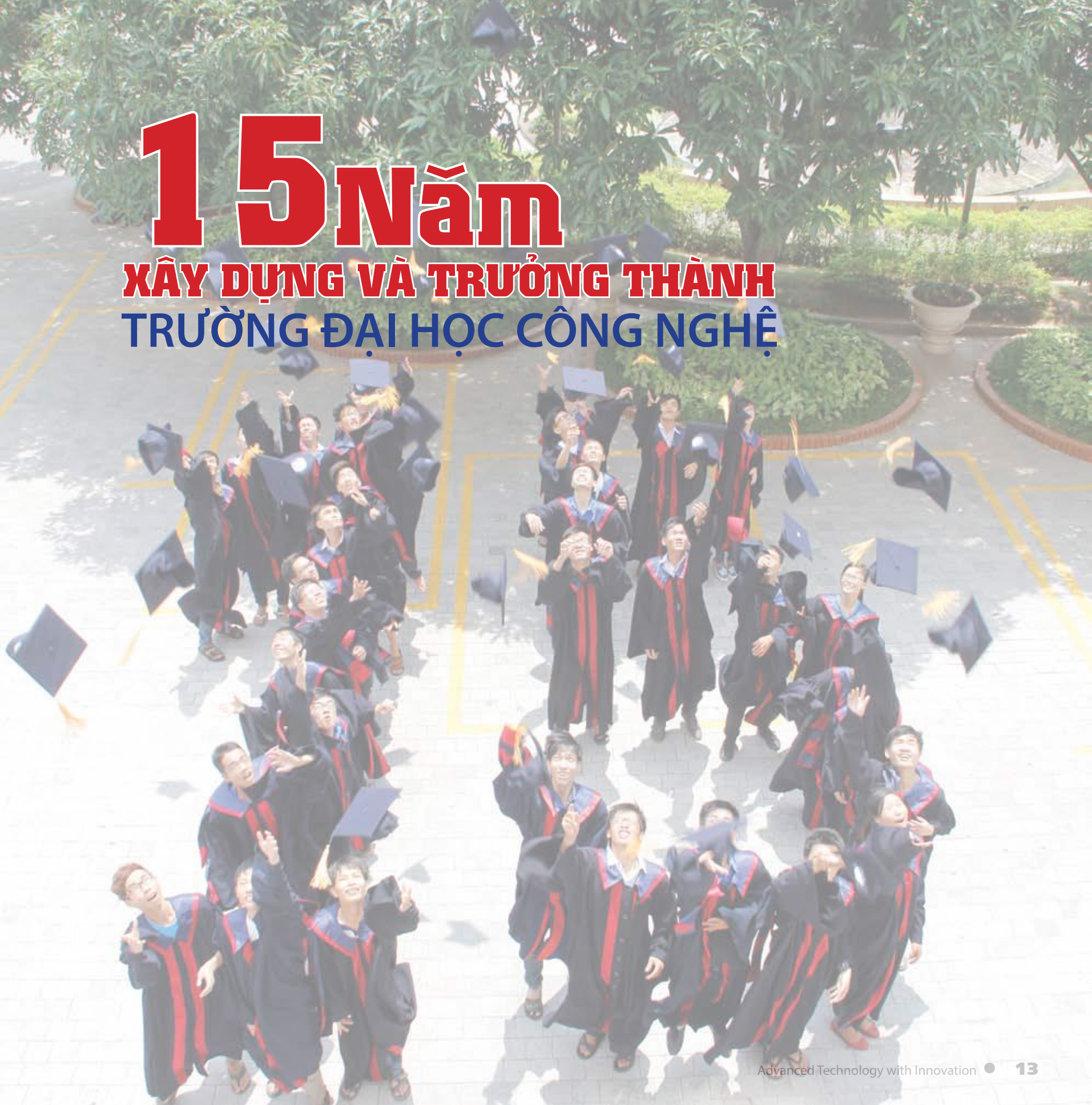
STT	Họ và Tên	Giới tính	Khóa	Cán bộ hướng dẫn chính	Cán bộ hướng dẫn phụ	QB công nhận học vị và cấp bằng	Chuyên ngành
	Phạm Hồng Thái	Nam		TS. Đặng Văn Hưng Trường ĐH Công nghệ	PGS.TS. Đinh Mạnh Tường, Trường ĐH Công nghệ	192/SĐH ngày 29/08/2005	ĐBTHCMT& CHTTT
	Lê Văn Ninh	Nam	QH-2003	PGS.TS. Nguyễn Việt Kính, Trường ĐH Công nghệ	PGS.TS. Trịnh Anh Vũ, Trường ĐH Công nghệ	746/QĐ-SĐH ngày 20/02/2008	Kỹ thuật Viên thông
	Nguyễn Quốc Tuấn	Nam	QH-2003	PGS.TS. Nguyễn Việt Kính, Trường ĐH Công nghệ	GS.TS. Nguyễn Đình Thông, Trường Đại học Tasmania, Australia	3039/QĐ-SĐH ngày 07/09/2009	Kỹ thuật Viên thông
	Trần Đức Tân	Nam	QH-2005	GS.TSKH. Nguyễn Phú Thùy, Trường ĐH Công nghệ	TS. Nguyễn Thăng Long Trường ĐH Công nghệ	659/QĐ-SĐH ngày 25/02/2010	Kỹ thuật điện
	Nguyễn Hữu Quỳnh	Nam	QH-2006	PGS.TS. Ngô Quốc Tạo, Viện Khoa học và Công nghệ VN	PGS.TS. Đinh Mạnh Tường, Trường ĐH Công nghệ	1808/QĐ-SĐH ngày 18/06/2010	Khoa học má tỉnh
	Đặng Thị Thu Hiền	Nữ	QH-2006	PGS.TS. Hoàng Xuân Huân, Trường ĐH Công nghệ	GS.TSKH. Huỳnh Hữu Tuệ, Trường ĐH Quốc tế Bắc Hà	2334/QĐ-SĐH ngày 05/08/2010	Khoa học má tỉnh
	Nguyễn Việt Anh	Nam	QH-2004	PGS.TS. Hồ Sĩ Đàm, Trường ĐH Công nghệ		2999/QĐ-SĐH ngày 20/10/2010	Truyền dữ liệ Mạng máy t tỉnh
	Nguyễn Duy Phương	Nam	QH-2005	PGS.TS. Từ Minh Phương, HV Công nghệ, Bưu chính - Viễn thông	PGS.TS. Đinh Mạnh Tường, Trường ĐH Công nghệ	2523/QĐ-ĐT ngày 31/08/2011	Khoa học má tỉnh
	Trịnh Thanh Bình	Nam	QH-2007	PGS.TS. Nguyễn Việt Hà, Trường ĐH Công nghệ	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Bình, Trường ĐH Công nghệ	748/QĐ-ĐT ngày 29/02/2012	Kỹ thuật/công nghệ phần m Hệ thống th tỉnh
	Hồ Thị Hương Thơm	Nữ	QH-2007	TS. Hồ Văn Canh, Bộ Công an	PGS.TS. Trịnh Nhật Tiến, Trường ĐH Công nghệ	2548/QĐ-ĐT ngày 01/08/2012	Vật liệu và li kiện nano
	Lê Hà Chi	Nữ	QH-2006	GS.TS. Nguyễn Năng Định, Trường ĐH Công nghệ	TS. Phạm Duy Long, Viện KHLV, Viện HL KH&CN VN	3470/QĐ-ĐT ngày 15/10/2012	Kỹ thuật Viên thông
	Trần Cao Quyền	Nam	QH-2003	GS.TS. Phan Anh, Trường ĐH Công nghệ	PGS.TS. Trịnh Anh Vũ, Trường ĐH Công nghệ	657/QĐ-ĐT ngày 06/03/2013	Kỹ thuật Viên thông
	Đỗ Đức Đông	Nam	QH-2009	PGS.TS. Hoàng Xuân Huân Trường ĐH Công nghệ		924/QĐ-ĐT ngày 27/03/2013	Khoa học má tỉnh
	Cù Thu Thủy	Nữ	QH-2006	PGS.TS. Đỗ Văn Thành Bộ KH-ĐT	PGS.TS. Hà Quang Thụy	2292/QĐ-ĐT ngày 05/07/2013	Hệ thống th tỉnh
	Nguyễn Hữu Mùi	Nam	QH-2005	PGS.TSKH. Vũ Đình Hòa Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	PGS.TS. Hoàng Xuân Huân Trường ĐH Công nghệ	197/QĐ-ĐHQGHN ngày 15/01/2014	Khoa học má tỉnh
	Ma Thị Châu	Nữ	QH-2007	PGS.TS. Bùi Thế Duy		197/QĐ-ĐHQGHN ngày 15/01/2014	Khoa học má tỉnh
	Nguyễn Thị Hương Thủy	Nữ	QH-2009	PGS.TS. Hoàng Xuân Huân Trường ĐH Công nghệ	TS. Nguyễn Ngọc Kỳ Bộ Công an	1581/QĐ-ĐHQGHN ngày 12/05/2014	Khoa học má tỉnh
	Đặng Cao Cường	Nam	QH-2009	TS. Lê Sỹ Vinh Trường ĐH Công nghệ	TS. Lê Sỹ Quang	1581/QĐ-ĐHQGHN ngày 12/05/2014	Khoa học má tỉnh

Phụ lục 8: Thống kê số bài báo/báo cáo khoa học được công bố trong giai đoạn 2004-2014

Năm	Tạp chí quốc tế	Tạp chí trong nước	Hội nghị quốc tế	Hội nghị trong nước	Tổng cộng	Tỷ lệ bài/giảng viên cơ hữu
2004	2	4	2	1	9	0.16
2005	3	4	5	18	30	0.44
2006	8	17	11	12	48	0.59
2007	7	21	18	10	56	0.63
2008	18	20	32	7	77	0.84
2009	29	9	50	6	94	1.01
2010	31	12	52	11	106	1.05
2011	38	16	75	10	139	1.36
2012	36	20	132	16	204	1.98
2013	66	23	100	17	206	1.94

15 Năm

XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ





Phần I

Khoa Công nghệ

(giai đoạn 1999-2004):

Bước chạy đà quan trọng tạo thế và lực cho sự ra đời của Trường Đại học Công nghệ

Trong những năm đầu sau khi thành lập Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), việc hoàn thiện cơ cấu đa ngành, đa lĩnh vực là vấn đề luôn trăn trở và không đơn giản đối với Lãnh đạo ĐHQGHN. Đã có những ý kiến đưa ra giải pháp lựa chọn, sáp nhập thêm một số trường đại học khác vào ĐHQGHN. Tuy nhiên, thực tế giải pháp này là không khả thi và kém hiệu quả. “Trong hoàn cảnh đó, một ý tưởng táo bạo và đầy sáng tạo đã được đưa ra và được chính thức khẳng định tại Đại hội Đảng bộ lần thứ II của ĐHQGHN, đó là hoàn chỉnh và phát triển cơ cấu đa lĩnh vực theo hướng chủ động xây dựng một số trường đại học thành viên mới và khởi đầu bằng việc thành lập các khoa trực thuộc. Mô hình khoa trực thuộc là sự tận dụng sáng tạo quyền chủ động cao của ĐHQGHN trong việc tổ chức những đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học mới, khắc phục được những

khó khăn, phức tạp ghê gớm về thủ tục và thời gian khi thực hiện thủ tục thành lập trường đại học mới thuộc thẩm quyền của Thủ tướng. Khoa trực thuộc là cơ sở đào tạo của ĐHQGHN có tư cách pháp nhân độc lập tương đương các trường đại học nhưng thẩm quyền thành lập được Thủ tướng Chính phủ giao cho Hội đồng ĐHQGHN. Mô hình khoa trực thuộc là giai đoạn trung chuyển nhằm tiếp tục chuẩn bị chu đáo các điều kiện cần thiết trước khi trình Thủ tướng Chính phủ nâng cấp lên thành trường đại học thành viên”.

Khoa Công nghệ là khoa đầu tiên được thành lập theo mô hình “Khoa trực thuộc” ở ĐHQGHN theo quyết định số 1348/TCCB ngày 18/10/1999 của Giám đốc ĐHQGHN trên cơ sở khoa Công nghệ Thông tin (CNTT) và khoa Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ĐT-VT) thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. GS. VS. Nguyễn Văn Hiệu, nhà khoa học có uy tín trong nước và quốc tế được mời làm Chủ nhiệm Khoa.

Cơ chế mới

Là đơn vị được thành lập theo mô hình mới

lần đầu tiên có ở Việt Nam, Khoa Công nghệ được sự quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa từ Lãnh đạo ĐHQGHN. Khoa có quy mô nhỏ, có tư cách pháp nhân độc lập và có quyền chủ động gần như quyền chủ động của một trường đại học thành viên, do vậy việc quản lý, điều hành sát với chuyên môn hơn, yếu tố hành chính được giảm nhẹ, vận hành linh hoạt, tinh thần dân chủ, công khai, minh bạch trong đơn vị được thực hiện triệt để. Hoạt động hành chính được quản lý tập trung với cơ cấu gồm Ban Chủ nhiệm khoa, 2 Phòng chức năng, các Bộ môn và Trung tâm trực thuộc. Do khoa được tổ chức từ hai ngành nên để công tác tư vấn khoa học và đào tạo có chất lượng, đảm bảo tính đặc thù của mỗi ngành, Khoa đã thành lập hai Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngành tương ứng; do đó, khi triển khai công việc chuyên môn, các Hội đồng ngành đã phát huy được hiệu quả. Nhờ vậy mà, sau khi thành lập Trường Đại học Công nghệ (ĐHCN), và tái thành lập hai Khoa CNTT và Khoa ĐTVT công việc của khoa đã có sẵn

**ĐỘI BỘ VÀ SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ NHỊT LIỆT CHÀO MỪNG
THƯỜNG NGUYỄN MINH TRIẾT THĂM VÀ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**



bộ máy tư vấn về đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) để triển khai các hoạt động một cách nền nếp, thuận lợi từ đầu.

Chuẩn bị nguồn nhân lực, khâu then chốt

Ngay khi được thành lập, Lãnh đạo Khoa đã quan tâm chuẩn bị đội ngũ giảng viên trình độ cao và ba giải pháp đã được thực hiện đồng bộ

- Chọn các cán bộ xuất sắc của Khoa đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài (21 người) đồng thời triển khai chính sách thực tập sinh khoa học, theo đó, Khoa sử dụng một phần kinh phí các đề tài, một phần kinh phí của Khoa để tuyển tất cả sinh viên tốt

nghiệp loại giỏi ở lại Khoa tiếp tục học tập và nghiên cứu ở bậc học cao hơn, chính sách này được thực hiện thông qua hợp đồng thực tập sinh. Kể từ khi bắt đầu thực hiện chính sách này đến thời điểm thành lập Trường, Khoa đã tuyển chọn và ký hợp đồng thực tập sinh với 58 người. Trong số các thực tập sinh này đã có 10 người có học vị tiến sĩ, trong số đó có 01 người là Phó giáo sư và hầu hết đang là giảng viên cơ hữu của Trường ĐHCN.

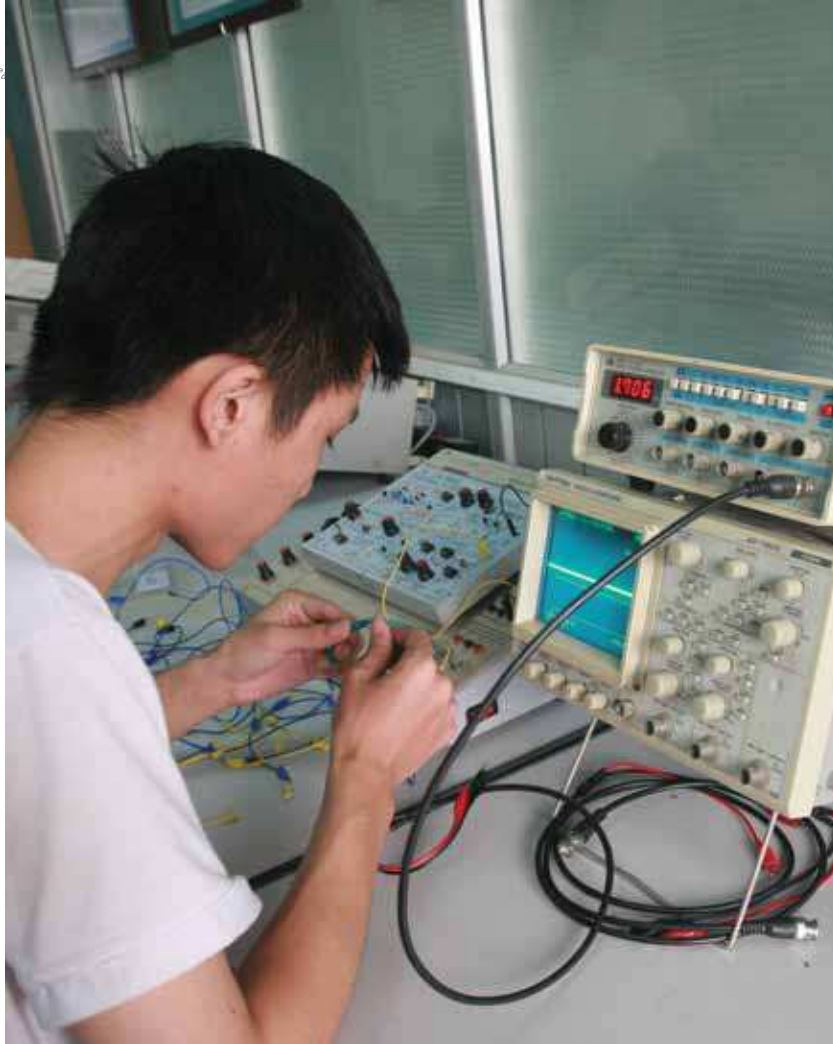
- Thu hút những cán bộ khoa học trẻ của Việt Nam đi làm Nghiên cứu sinh (NCS) tiến sĩ ở nước ngoài về nước. Khoa đã thí điểm xếp lương bậc 3 đối với giảng viên có trình độ tiến sĩ ngay khi tuyển dụng.

Chính sách này đi trước một bước so với quy định của Nhà nước về chế độ tiền lương. Trong giai đoạn này, khoa đã tuyển mới được 7 tiến sĩ.

- Thu hút, mời các Giáo sư Việt kiều tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại Khoa. Hưởng ứng lời mời này, GS.TSKH Nguyễn Đình Thông (Việt kiều ở Úc), GS.TSKH Huỳnh Hữu Tuệ (Việt kiều ở Canada),... đã thường xuyên gắn bó, đồng hành cùng với sự phát triển của Khoa.

Khẳng định chất lượng, thương hiệu đào tạo

Công tác xây dựng và phát triển đào tạo được Lãnh đạo Khoa xác định đóng vai



trò chủ đạo trong việc xác định sứ mạng trước mắt và lâu dài của Khoa Công nghệ và Trường ĐHCN sau này. Ngay từ những ngày đầu thành lập Khoa đã xác lập định hướng phát triển: một là phát triển các ngành đào tạo công nghệ cao dựa trên khoa học cơ bản liên quan trực tiếp đến tích hợp và ứng dụng CNTT, lấy ngành CNTT làm trung tâm; hai là giữ quy mô đào tạo đại học hợp lý, tăng quy mô đào tạo sau đại học, phát triển đào tạo nguồn nhân lực tài năng và liên kết đào tạo quốc tế; ba là tập trung chủ yếu là đào tạo chính quy. Khoa đã tiến hành xây dựng “Kế hoạch 10 năm xây dựng và phát triển hoạt động đào tạo (2000-2010)” gồm 18 quan điểm và 48 công việc chứa đựng một số định hướng và giải pháp chính về công tác đào tạo, mặc dù mới dừng lại ở bản dự thảo song nhiều phần việc đã được triển khai

hiệu quả trong giai đoạn Khoa Công nghệ và tiếp tục cho tới khi thành lập Trường ĐHCN. Các yếu tố cốt lõi được Lãnh đạo Khoa thường xuyên quan tâm, thực hiện đồng bộ đảm bảo chất lượng đào tạo, đó là: cơ chế, đội ngũ cán bộ, sinh viên, môi trường làm việc, dạy và học.

Khoa Công nghệ là khoa mới, mô hình mới, để xã hội biết đến và chấp nhận thì phải thực hiện tốt công tác quảng bá thông tin. Xác định nguồn tuyển sinh là quan trọng, Khoa đã gửi thông báo tờ rơi giới thiệu đến tận các trường chuyên, lớp chọn. GS.VS Nguyễn Văn Hiệu – Chủ nhiệm Khoa đã trực tiếp đến một số trường chuyên, lớp chọn để nói chuyện với học sinh. Cách làm này đã giúp cho điểm chuẩn tuyển sinh các ngành của Khoa luôn ở mức cao, đặc biệt những năm đó thường xuyên có khoảng 30 học

sinh được tuyển thẳng, chủ yếu là đạt giải Quốc gia, Quốc tế về Tin học. Từ năm 2001, Khoa bắt đầu triển khai Dự án đào tạo chất lượng cao song hành với hệ đào tạo chuẩn. Sinh viên tham gia chương trình này được tuyển chọn theo điểm thi đầu vào, quá trình đào tạo có sàng lọc và tuyển chọn bổ sung, sinh viên được hưởng nhiều chế độ ưu đãi của Khoa về điều kiện học tập, học bổng,...

Khoa đã đi đầu trong việc thực hiện điều tra xã hội học, lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về tất cả các mặt hoạt động đào tạo của Khoa (việc làm này rất mới ở Việt Nam nói chung và ở ĐHQGHN nói riêng lúc bấy giờ), thực hiện tốt công tác biên soạn giáo trình, bài giảng, đặc biệt là Khoa đã thí điểm xây dựng website môn học là kênh thông tin trực tuyến trao đổi, tương tác hai chiều giữa thầy và trò, biên soạn giáo trình



điện tử làm tiền đề cho các hoạt động, hiện nay đã trở thành hoạt động thường xuyên của Nhà trường. Khoa đã nghiên cứu và xây dựng Đề án trình ĐHQGHN cho thí điểm triển khai đào tạo theo tín chỉ đối với bậc đào tạo sau đại học, đón đầu thực hiện chủ trương đào tạo theo tín chỉ trong toàn ĐHQGHN sau này. Khoa đã chủ động xây dựng phòng học liệu, lập phòng máy truy cập Internet miễn phí cho sinh viên chất lượng cao; Quan tâm thúc đẩy các hoạt động NCKH sinh viên, nhiều công trình đạt giải thưởng cấp Bộ, được đánh giá cao. Sinh viên của Khoa đạt nhiều giải cao trong các kỳ thi Olympic Toán học, Tin học. Khoa có đóng góp chủ đạo về chuyên môn cho các kỳ Olympic Tin

học trẻ toàn quốc và Olympic Tin học sinh viên Việt Nam. Hằng năm, Khoa đều tổ chức các hội thảo chuyên đề về công tác đào tạo.

Với đặc thù là một đơn vị đào tạo các ngành công nghệ, công tác đào tạo thực hành và đảm bảo điều kiện thực hành, thực tập của sinh viên được coi trọng. Để thực hiện điều này, Khoa đã chủ động xây dựng trình ĐHQGHN phê duyệt và cho triển khai một số dự án đầu tư trang thiết bị thực hành, thực tập. Hệ thống các phòng thực hành máy tính được đảm bảo đủ số lượng, có chất lượng tốt. Trang thiết bị phục vụ thực hành cho đào tạo sau đại học và các chuyên ngành bậc đại học được tăng cường. Đối với nhiệm vụ đào tạo chất lượng cao, Khoa



cũng đã chủ động xây dựng và triển khai nhiều nhiệm vụ tăng cường yếu tố đảm bảo chất lượng đào tạo như: xây dựng hệ thống cung cấp thông tin tư liệu và phòng tra cứu thông tin tư liệu; xây dựng phòng thực hành máy tính chất lượng cao; xây dựng phần mềm và quy trình đánh giá chất lượng đào tạo góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân CNTT chất lượng cao,...

Từ năm 2001 trở đi, Khoa không tuyển sinh bậc cao đẳng nữa. Năm 2003, Khoa mở mới và tổ chức đào tạo chương trình cử nhân ngành Vật lý kỹ thuật. GS.VS Nguyễn Văn Hiệu đã vận động 7 sinh viên ngành Công nghệ ĐT-VT chuyển sang học khóa đầu tiên của ngành Vật lý kỹ thuật. Khoa cũng đã thí điểm chương trình CNTT bằng tiếng Anh theo chương trình tiên tiến, nhiều sinh viên học chương trình này được chuyển tiếp NCS tiến sĩ ở nước ngoài. Khoa đã mở 02 lớp cao học ngành CNTT đào tạo cán bộ chủ chốt về CNTT cho Tây Nguyên và Khu Việt Bắc.

So với khi mới thành lập, sau 5 năm quy mô đào tạo bậc đại học của Khoa tăng không quá 25%, quy mô đào tạo sau đại học tăng khá nhanh, khoảng 2 lần. Môi trường giáo dục, đào tạo của trường trong sạch, lành mạnh, không có tiêu cực. Chất lượng đào tạo được khẳng định, từng

bước khẳng định thương hiệu là cơ sở đào tạo uy tín, chất lượng.

Với quan điểm phát triển trên nền tảng CNTT, Lãnh đạo Khoa đã sớm đặt vấn đề tin học hóa các hoạt động, đã xây dựng đề án tin học hóa một các toàn diện phục vụ quản lý và chủ yếu hướng tới các dịch vụ dạy và học, nhằm đưa ra giải pháp thực sự nâng cao chất lượng dạy và học, từng bước xây dựng mô hình Đại học Số hóa. Khoa đã tiên phong triển khai phần mềm điều hành công việc qua mạng từ 7/2003; triển khai hệ thống Terminal tại khu giảng đường giúp sinh viên truy xuất, tra cứu các thông tin; triển khai website môn học là kênh thông tin trao đổi hai chiều giữa người dạy và người học.

Thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng

Được ĐHQGHN quan tâm, Khoa đã chủ động xây dựng và được phê duyệt triển khai một số dự án đầu tư với tổng kinh phí gần 10 tỷ đồng như “Dự án các phòng thí nghiệm điện tử và kỹ thuật máy tính”, giai đoạn 2001-2004; “Dự án tăng cường năng lực trang thiết bị nghiên cứu khoa học cho Trung tâm Nghiên cứu ĐTVT” giai đoạn 2003-2005, “Dự án tăng cường trang thiết bị nghiên cứu cho Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ phần mềm”. Việc

triển khai các dự án này đã giúp Khoa bổ sung, hiện đại hóa các trang thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu và đào tạo, thúc đẩy phát triển một số hướng nghiên cứu mới có triển vọng phát triển.

Cùng với việc đầu tư các phòng thí nghiệm, Lãnh đạo Khoa đã chủ trương khuyến khích các hoạt động NCKH từ việc thúc đẩy các đơn vị tăng cường tổ chức các seminar khoa học, các trao đổi học thuật đến việc hỗ trợ đăng ký triển khai các nhiệm vụ khoa học, mở rộng hoạt động hợp tác trao đổi nghiên cứu với đối tác nước ngoài. Từ năm 2001 đến 2004, Khoa đã có 60 đề tài NCKH với tổng kinh phí 3,72 tỷ đồng. Kinh phí NCKH tính theo số cán bộ tham gia NCKH đạt trung bình 15 triệu đồng/người. Khoa đã tổ chức Hội thảo khoa học lần thứ nhất năm 2002 với 42 báo cáo được trình bày (ngành CNTT: 24, ĐTVT: 18), Hội thảo lần thứ hai năm 2004 nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập Khoa. Tuyển tập báo cáo đã được đăng trên Tạp chí Khoa học ĐHQGHN với tổng số 29 bài trong đó ngành CNTT: 7, ĐTVT: 15 và VLKT: 7. Hoạt động NCKH sinh viên được tổ chức nền nếp với số lượng sinh viên tham gia, số lượng công trình tham dự báo cáo tăng hằng năm: năm 2001 chỉ có 18 báo cáo/25 sinh viên thì năm 2004 có 42 báo cáo/74 sinh viên. Hằng năm



đều có sinh viên đạt giải thưởng Sinh viên NCKH cấp Bộ. Khoa có 2 giải thưởng KHCN là Giải nhất cuộc thi sản phẩm CNTT năm 2001 (của PTN Công nghệ Phần mềm) và Giải nhì VIFOTEC năm 2002 (của ThS. Đào Kiến Quốc và các cộng sự). Hoạt động NCKH bước đầu đã hình thành, gắn với hoạt động đào tạo và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo chất lượng cao của Khoa. Định hướng phát triển Khoa thành Trường ĐHCN theo định hướng đại học nghiên cứu cũng được xác lập rất sớm, ngay từ khi thành lập Khoa.

Mở rộng hợp tác, nâng cao vị thế

Việc thiết lập các quan hệ hợp tác trong và ngoài nước góp phần nâng cao vị thế, củng cố và bổ sung nguồn lực cho khoa là một trong những nhiệm vụ quan trọng giai đoạn này. Khoa đã nhanh chóng thiết lập mối liên hệ chặt chẽ và thường xuyên với nhiều trường Đại học, Trung tâm, Viện nghiên cứu, PTN thuộc nhiều quốc gia và Châu lục khác nhau: Trường ĐH Paris-Sud tại Orsay, ĐH Nantes, Trường Đại học Khoa học Ứng dụng và Công nghệ Lannion, ĐH Polytechnique (Pháp); Trường Đại học Tổng hợp Pusan, Đại học Khoa học và Công nghệ Pohang, Đại học Changwon, Đại học Seoul (Hàn Quốc); ĐH Quốc gia Singapore, ĐH Cicinaiti (Hoa Kỳ); Đại học Khoa học ứng dụng Stralsund, Đại học Munchen, Đại học Bochum, Đại học Nam Úc (Australia), Viện Khoa học Vật liệu (Pháp), PTN Leti-Grenoble (Pháp), một

số trường đại học thuộc Trung Quốc, Ucraina, Nga. Từ năm học 2002-2003, Khoa bắt đầu tổ chức các chương trình đào tạo liên kết với Trường Đại học Paris-Sud tại Orsay, Trường Đại học Khoa học Ứng dụng và Công nghệ tại Lannion (Pháp) đào tạo Kỹ sư Điện tử - Viễn thông – Quang tử.

Khoa đã cùng Trường Đại học Pusan (Hàn Quốc) tổ chức tốt đẹp Hội nghị Quốc tế về CNTT, có trên 100 đại biểu tham dự, trong đó có trên 80 khách quốc tế. Trong khuôn khổ hợp tác nghiên cứu và đào tạo với Viện Quốc tế về Công nghệ Phần mềm, Trường Đại học Liên hợp Quốc, Khoa đã mở một lớp chuyên đề với nội dung “Trường hè CNTT- một số chủ đề chuyên sâu về phần mềm máy tính và ứng dụng” trong gần 1 tháng (5-31/8/2002) tại Hà Nội, có sự tham gia của 60 cán bộ CNTT trong cả nước cùng 12 khách quốc tế từ Lào và Campuchia.

Nhằm mục đích đẩy mạnh việc đào tạo và nghiên cứu – triển khai trong lĩnh vực công nghệ Micro-Nano ở Việt Nam, tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu và triển khai công nghệ Micro-Nano, đặc biệt là xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo đại học và cao học của Khoa về Công nghệ Micro-Nano, Khoa đã cùng với Viện Vật lý, Viện Khoa học Vật liệu và Minatec, (Pháp) đã ký kết thỏa thuận hợp tác về hợp tác đào tạo và nghiên cứu triển khai công nghệ Micro-Nano; Thực hiện chương trình đào tạo cán bộ về công nghệ micro-nano, Khoa đã phối hợp với Viện Vật lý và Viện Khoa học vật liệu tổ chức lớp học về “Micro-



Nanotechnologies-The perspectives for Vietnam” trong các ngày 20-23/1/2003 tại ĐHQGHN do bốn Nhà khoa học Pháp đọc bài giảng. Lớp học đã thu hút sự tham gia của gần 200 học viên từ 12 đơn vị thuộc Viện Khoa học Vật liệu (60), Khoa Công nghệ (52), Viện Vật lý (27), Trung tâm Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (22), Trường Đại học Bách khoa Hà nội (10), Viện CNTT (5), Trung tâm Sản xuất phần mềm Thừa Thiên Huế (4), Học viện Bưu chính Viễn thông (4), Viện Hóa học (6) và Trung tâm Nacentech (15). Khoa đã phối hợp với Trường Đại học tổng hợp Pusan (Hàn Quốc) tổ chức thành công Hội thảo lần thứ nhất về máy tính, Công nghệ Thông tin và Viễn thông với chủ đề “Hiện trạng và các xu hướng mới trong CNTT ở Việt Nam và Hàn Quốc”. Tham gia Hội thảo có 12 đơn vị với hơn 80 đại biểu trong và ngoài nước gồm 12 giáo sư của Viện nghiên cứu Máy tính, Thông tin và Viễn thông thuộc Trường Đại học tổng hợp Pusan và 51 cán bộ Khoa Công nghệ cùng hơn 25 đại biểu thuộc các đơn vị hợp tác với khoa. Trong dịp này GS. VS. Nguyễn Văn Hiệu và GS. Lee Jang Myung đã ký biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Khoa Công nghệ và Viện nghiên cứu Máy tính, Thông tin và Viễn thông về hợp tác nghiên cứu và trao đổi sinh viên và các vấn đề chuyên môn khác. Khoa Công nghệ cùng với Viện Khoa học Vật liệu và Trường Đại học Nantes (Pháp) ký kết thỏa thuận hợp tác thực hiện đẩy mạnh phát triển các chương trình giảng dạy và nghiên cứu trên cơ sở trao đổi sinh viên thực tập, trao đổi các nghiên cứu chung,

tổ chức Hội nghị, hội thảo khoa học, seminar chung.

Khoa đã cử một số cán bộ đi công tác và làm việc tại Trường Đại học Parma, Italy (2 cán bộ), Trường Đại học Pohang, Hàn Quốc (2 cán bộ). Đồng thời Khoa cũng gửi một số sinh viên đi học tập tại Trường Đại học Bắc Kinh, Trung Quốc (4 sinh viên), Trường Đại học Tasmania, Úc (1 sinh viên). Cử đoàn học viên cao học đi thực tập đào tạo tại PTN Leti, Grenoble, Pháp (4 người); Đoàn sinh viên năm thứ 3 Khoa Công nghệ đi học tiếp tại Lannion và Orsay theo chương trình hợp tác trao đổi ký tháng 2/2002 (8 người). Từ năm học 2002-2003, Khoa đã phối hợp với Tổ chức Recontres du Vietnam (Pháp) trao học bổng ODDON VALLET cho các sinh viên xuất sắc; sinh viên đạt giải thưởng trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế; sinh viên năm thứ nhất trúng tuyển kỳ thi đại học loại cao nhất. Mỗi học bổng trị giá 3 triệu đồng. Cùng với các học bổng tài trợ khác, đây là nguồn động viên khích lệ rất tốt cho sinh viên trong Khoa hăng say học tập.

Đánh giá chung: sau 5 năm thành lập Khoa Công nghệ, cùng với sự cố gắng của toàn thể cán bộ, viên chức trong Khoa, đặc biệt là vai trò cá nhân của GS. VS Nguyễn Văn Hiệu và cơ chế mới của Khoa trực thuộc ĐHQGHN, Khoa đã có những chuẩn bị bài bản, toàn diện trên các mặt công tác nhanh chóng khẳng định vị thế và thương hiệu trong đào tạo và NCKH so với các cơ sở đào tạo hàng đầu trong cả nước. Sự chuẩn bị chu đáo này đã tạo thế và lực cho sự ra đời của Trường Đại học Công nghệ, các quan điểm



Mười năm phát triển-thời gian ngắn, bước tiến dài

Ngày 25/5/2004, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 92/2004/QĐ-TTG thành lập Trường ĐHCN trên cơ sở Khoa Công nghệ và Trung tâm Hợp tác Đào tạo và Bồi dưỡng Cơ học thuộc ĐHQGHN với hai nhiệm vụ chính: “Đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học và bồi dưỡng nhân tài thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ; nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội”. GS.VS Nguyễn Văn Hiệu là Hiệu trưởng đầu tiên, sáng lập Trường ĐHCN. “Bồi dưỡng nhân tài” là đặc trưng điển hình nhất trong sứ mạng và nhiệm vụ của Trường ĐHCN.

I. Nhiệm kỳ thứ nhất (2004–2009): xây dựng và phát triển

1. Năm đầu sau khi thành lập

Trong năm đầu sau khi thành lập, bên cạnh việc đảm bảo thực hiện nhiệm vụ thường xuyên về đào tạo, nghiên cứu khoa học được chuyển tiếp từ Khoa Công nghệ sang Trường ĐHCN, đảm bảo không bị gián đoạn, nhiệm vụ quan trọng được Nhà trường tập trung thực hiện là công tác bàn giao, sắp xếp tổ chức, bộ máy, nhân sự theo cơ cấu một trường đại học và xác lập định hướng, chiến lược phát triển của Nhà trường.

a) Định hướng phát triển: trên cơ sở các lĩnh vực hoạt động đã được đề ra trong Đề án thành lập và nhiệm vụ Chính phủ giao, phương hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHCN đã được Đảng ủy và BGH thảo luận kỹ lưỡng, được nhất trí cao ngay tại phiên họp đầu tiên ngày 3/2/2005 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCN, cụ thể là: Trường ĐHCN tập trung các hoạt động đào tạo và nghiên cứu theo hướng các ngành công nghệ mũi nhọn thuộc bốn lĩnh vực là Công nghệ thông tin và truyền thông; Công nghệ điện tử và tự động hóa; Khoa học và công nghệ vật liệu nano; Công nghệ sinh học tiên tiến. Hoạt động đào tạo tập trung vào các loại hình đào tạo chất lượng cao. Hợp tác liên kết giữa trường đại học và viện nghiên cứu được coi là nét đặc trưng trong phát triển Nhà trường.

b) Ổn định tổ chức: Cơ cấu tổ chức các đơn vị đào tạo và nghiên cứu được sắp xếp, hoàn thiện phù hợp với bốn định hướng khoa học-công nghệ nêu trên gồm 4 khoa (CNTT, ĐTVT, Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano (VLKT&CNTT), Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa (CHKT&TĐH)) và 4 trung tâm trực thuộc (Trung tâm Nghiên cứu ĐTVT, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Phần mềm, Trung tâm Sinh học phân tử và Trung tâm Máy tính). Trong giai đoạn này, Nhà trường cũng đã

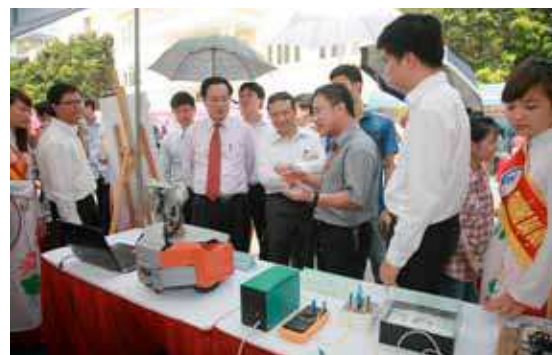




chỉ đạo các đơn vị xây dựng và hoàn thiện định hướng và lộ trình phát triển các Bộ môn trong toàn trường. Việc huy động và chuẩn bị nhân sự tham gia lãnh đạo các đơn vị đã được thực hiện chu đáo.

c) Ổn định vị trí làm việc của các đơn vị: song song với quá trình sắp xếp, hoàn thiện cơ cấu tổ chức một trường đại học, Nhà trường phải quan tâm giải quyết bài toán khó khăn về mặt bằng làm việc, mặt bằng phục vụ dạy và học. Khoa CNTT vẫn được bố trí ở vị trí cũ. Nhà G6 và một phần Nhà G2 được bố trí làm phòng làm việc của Khoa VLKT&CNNN và khoa ĐTVT, tầng 1 và 2 Nhà E3 được cải tạo, sửa chữa thành khu làm việc của Hiệu bộ. Nhà trường đã tiến hành cải tạo, nâng cấp, mở rộng thêm đầu hồi phía tây nhà E3 thành phòng làm việc, xây dựng mới tòa nhà G2B, đồng thời thuê thêm tòa nhà 252 Hoàng Quốc Việt với diện tích sử dụng 1120 m² để làm giảng đường. Khoa CHKT&TĐH được bố trí văn phòng làm việc tại Viện Cơ học và 252 Hoàng Quốc Việt.

d) Thu hút người tài: Ngay từ những bước đi đầu tiên, Đảng ủy và BGH nhà trường đã dành sự quan tâm đặc biệt cho sự phát triển đội ngũ của Trường, đã chỉ đạo xây dựng và triển khai Dự án tăng cường năng lực đội ngũ giảng viên, thực hiện chính sách thu hút giảng viên kiêm nhiệm, chính sách mời các nhà khoa học có trình độ cao và kinh nghiệm (bao gồm cả Việt Kiều) làm giảng viên kiêm nhiệm, tiếp tục thực hiện chính sách đã có từ giai đoạn Khoa Công nghệ là giữ sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc ở lại trường làm thực tập sinh khoa học để chuẩn bị nguồn lực cho tương lai. Nhà trường đã chủ động và tích cực triển khai nhiều hoạt động quảng bá chủ trương thu hút cán bộ giỏi về trường, điển hình là tháng 6/2005, Trường đã phối hợp với Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF) tổ chức Hội thảo các Nhà khoa học trẻ Việt Nam lần thứ nhất với chủ đề “Nối vòng tay lớn” với hàng chục nhà khoa học quốc tế, lãnh đạo của đa số các viện



ngiên cứu hàng đầu trong nước và hàng trăm nghiên cứu sinh, nhà nghiên cứu trẻ Việt Nam từ Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Á và Châu Úc cùng khắp nơi trong nước tham dự. GS. VS. Nguyễn Văn Hiệu đã ví cuộc gặp gỡ này như “Đàn cầu gió Đông” của Trường ĐHCN, nhằm giới thiệu sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường để thu hút các nhà khoa học trẻ tuổi năng động về tụ hội để cùng xây dựng, chung sức thực hiện sứ mệnh của nhà trường. Đây được coi là điều kiện tiên quyết cho mọi thành công của Nhà trường.

d) Đào tạo chất lượng cao: Nhà trường đẩy mạnh các giải pháp nâng cao chất

lượng đào tạo đặc biệt là việc chuẩn bị cho khóa đầu tiên chương trình đào tạo chất lượng cao tốt nghiệp (khóa K46) như mời giáo sư nước ngoài dạy các học phần nâng cao, tổ chức dạy và thi TOEFL theo chuẩn INSTITUTIONAL miễn kinh phí cho sinh viên, tổ chức tập huấn và thi miễn phí FE (Fundamental information technology Engineers) và SE (Software design and development Engineers) theo chuẩn của Nhật Bản cho sinh viên, khuyến khích sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh. Trường cũng phối hợp với Viện CNTT thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (HL KH&CN VN) tổ chức

lớp cao học CNTT chất lượng cao tại Viện. Chỉ đạo xây dựng mới chương trình đào tạo đại học ngành Cơ học kỹ thuật, được ĐHQGHN phê duyệt và bắt đầu tuyển sinh khóa đầu tiên năm 2005.

e) Chuyển dịch hoạt động nghiên cứu: Cùng với định hướng hoạt động nêu trên, nhằm từng bước phát triển Trường ĐHCN theo mô hình đại học nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ cao, Đảng ủy và BGH chủ trương tiến hành các giải pháp kiên quyết nhằm chuyển đổi từng bước từ nghiên cứu cơ bản thuần túy sang nghiên cứu công nghệ tiên tiến dựa trên nền tảng khoa học cơ bản mạnh, ưu tiên và



tập trung kinh phí cho các đề tài nghiên cứu định hướng liên ngành và quan tâm đến các nhóm cán bộ khoa học trẻ.

f) Hợp tác trường – viện – doanh nghiệp: Trong giai đoạn này, chủ trương liên kết hợp tác giữa trường đại học – viện nghiên cứu và doanh nghiệp được triển khai mạnh mẽ. Nhà trường đã ký kết và đẩy mạnh triển khai các hoạt động hợp tác với các Viện nghiên cứu thuộc Viện HL KH&CN VN gồm Viện CNTT, Viện Khoa học Vật liệu, Viện Vật lý và Điện tử, Viện Toán học, Viện Hóa học; ký kết hợp tác phối hợp với Viện Cơ học xây dựng Khoa CHKT&TĐH, phối hợp với Viện Công nghệ Sinh học xây dựng Trung tâm Sinh học phân tử. Các Viện nghiên cứu đã cử các cán bộ khoa học trình độ cao, tham gia giảng dạy và làm việc kiêm nhiệm tại các đơn vị mới thành lập của trường theo chế độ hưởng 1/3 lương tại trường. Nhà trường phát triển một số hợp tác mới với khối doanh nghiệp, cụ thể là ký kết thỏa thuận hợp tác với Tổng Công ty Điện tử - Tin học Việt Nam, VLG, Global CyberSoft, Sở Bưu chính

– Viễn thông Hà Nội,... Một số đề tài phối hợp trong Điện tử y tế, An ninh dữ liệu đã được triển khai đánh dấu bước phát triển mới trong hoạt động hợp tác liên kết giữa trường đại học và cơ sở công nghiệp. Về hợp tác quốc tế, Trường cũng đã mở rộng thêm hợp tác một số đối tác mới ở Châu Âu, Châu Á.

2) Giai đoạn 2005-2009:

Ngày 21/7/2005, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký quyết định bổ nhiệm GS.TS Nguyễn Hữu Đức giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường ĐHCN tiếp tục nhiệm kỳ 2004-2009. Đại hội Đảng bộ Trường ĐHCN lần thứ nhất diễn ra ngày 12-13/9/2005 xác định phương hướng chung là "phát huy mọi nguồn lực tạo ra một số bước đột phá trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học để xây dựng nền tảng vững chắc cho mô hình đại học nghiên cứu trong Trường ĐHCN". Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, tiếp nối các ý tưởng, tâm huyết của GS.VS Nguyễn Văn Hiệu, giai đoạn 2005-2009, GS. TS Nguyễn

Hữu Đức đã cùng tập thể Đảng ủy, BGH Nhà trường nhanh chóng đưa hoạt động của Nhà trường vào nền nếp, tạo thế và lực trên các mặt công tác.

a) Chiến lược phát triển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020: trên cơ sở đề án thành lập trường và định hướng phát triển được đã được đề ra, Đảng ủy và Ban giám hiệu Nhà trường đã chỉ đạo xây dựng và ban hành "Kế hoạch chiến lược phát triển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020", tiếp tục khẳng định các hướng nghiên cứu của trường thể hiện qua 4 chữ cái tiếng Anh là GRIN, trong đó G – Genomics (Công nghệ gen), R – Robotics (Tự động hóa), I – Information (Thông tin và Truyền thông) và N – Nanotechnology (Công nghệ nano). Mục tiêu chung đến năm 2010 là "Xây dựng Trường ĐHCN theo định hướng đại học nghiên cứu có vị thế và uy tín trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, trong đó các ngành đào tạo bậc đại học CNTT, Công nghệ Điện tử - Viễn thông, Công nghệ Cơ Điện tử và các chuyên ngành đào tạo bậc thạc sĩ và tiến sĩ



Khoa học Máy tính, Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, Vật liệu và Linh kiện Nano đạt trình độ khu vực và quốc tế". Nhà trường đặt ra một số chỉ tiêu phát triển quan trọng cho giai đoạn đến năm 2010 là: (1) Về đội ngũ cán bộ: bổ sung thêm 50 tiến sĩ; (2) Về đào tạo: hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình trong đó phần đầu đến năm 2010 xuất bản 50 giáo trình; (3) Về kết quả hoạt động KHCN: có 50 công trình công bố trên tạp chí quốc tế; (4) Về tài chính: huy động được khoảng 130 tỷ để phát triển hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, giảng dạy.

b) Phát triển môi trường làm việc số hóa Nhà trường tiếp nhận các trang thiết bị được đầu tư từ tiểu dự án Giáo dục Đại học C1.II đã được khởi động từ giai đoạn Khoa Công nghệ, thiết lập Trung tâm máy tính

trở thành trung tâm mạng hiện đại ngang tầm khu vực và quốc tế, đưa vào vận hành hệ thống Video Conferencing phục vụ Hội nghị, Hội thảo trực tuyến và hoạt động hợp tác giảng dạy nghiên cứu giữa trường ĐHCN với các đối tác nước ngoài, hệ thống LMS (Learning Management System) và phần mềm LMS Blackboard phục vụ E-Learning. Năm 2008, hạ tầng kỹ thuật mạng và các dịch vụ mạng của trường được nâng cấp (cải tạo hệ thống đường dẫn và thiết bị ghép nối, hệ thống mạng; cung cấp tài khoản, dịch vụ email và website cá nhân cho tất cả cán bộ, sinh viên trong toàn trường). Hệ thống website hỗ trợ môn học tiếp tục được mở rộng với định hướng mỗi bộ môn xây dựng được ít nhất hai môn học trên website. Chế độ thông tin đối với cán bộ và sinh viên trong trường được thực hiện thông

qua hệ thống điều hành tác nghiệp và trang tin tức sinh viên đảm bảo cập nhật nhanh chóng, kịp thời. Hoạt động quản lý, điều hành ở nhiều khâu, nhiều bộ phận đã bước đầu ứng dụng tốt các tiện ích của CNTT-TT.

c) Công tác tổ chức, cán bộ:

- Tổ chức, bộ máy: Tổ chức bộ máy của Nhà trường có những điều chỉnh sắp xếp đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả, phù hợp với quy mô hoạt động. Trong giai đoạn này, Nhà trường thành lập mới 2 PTN mục tiêu trực thuộc là PTN Các hệ Tích hợp thông minh (năm 2006) và PTN Công nghệ Micro và Nano (năm 2008) nhằm tiếp nhận và triển khai các dự án đầu tư tương ứng. Việc thành lập mới Khoa Công nghệ Sinh học gặp nhiều khó khăn, sau nhiều lần họp bàn, lãnh đạo Nhà trường đã quyết định điều chỉnh lộ trình và công tác chuẩn



bị, cụ thể là Nhà trường đã tổ chức lại Trung tâm Sinh học Phân tử thành Bộ môn Công nghệ Nanô sinh học thuộc Khoa VLKT&CNNN (tháng 3/2007), giao nhiệm vụ cho Bộ môn xây dựng và triển khai chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực này để chuẩn bị cho quá trình thành lập khoa trong tương lai.

- Mô hình mở, nhiều nguồn, nhiều tầng: Về phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu, Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch đến năm 2010 trong đó chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ của trường dựa vào việc tiếp cận và thu hút các cán bộ khoa học trình độ cao, nguồn tiến sĩ đang được đào tạo ở trong nước và nước ngoài. Song hành với đó là việc chủ động tạo nguồn giảng viên dựa vào các sinh viên, học viên tốt nghiệp loại xuất sắc, giỏi, có tiềm năng đào tạo trở thành tiến sĩ trong các năm tiếp theo. Giai đoạn đầu, Nhà trường tiếp tục duy trì hình thức thực tập sinh khoa học như trong thời kỳ Khoa Công nghệ, riêng các sinh viên tốt nghiệp thủ khoa thì được xét tuyển ngay làm giảng viên cơ hữu. Từ năm 2008, thực tập sinh khoa học được chuyển thành cán bộ tạo nguồn. Cán bộ tạo nguồn được Nhà trường ký hợp đồng lao động có đóng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế. Nhà trường cũng tiếp tục thực hiện việc đa dạng hóa nguồn kinh phí chi trả lương

cho đối tượng này từ nguồn thu bổ sung của trường hoặc nguồn kinh phí các đề tài NCKH.

Với chủ trương phát triển Nhà trường theo định hướng đại học nghiên cứu, việc tích hợp hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học được quan tâm thúc đẩy. Nguồn nhân lực giảng dạy và nghiên cứu của trường được phát triển theo mô hình mở, nhiều nguồn, nhiều tầng. Các nhóm nhiên cứu được thiết lập gồm trưởng nhóm là một nhà khoa học có trình độ cao, tiếp đến là các tiến sĩ trẻ, các cán bộ tạo nguồn, các nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên năm thứ 4. Bên cạnh nguồn lực này, từ các quan hệ hợp tác trường – viện, Nhà trường đã huy động được một lực lượng đông đảo các nhà khoa học có trình độ cao thuộc các Viện nghiên cứu của Viện HL KH&CN VN tham gia giảng dạy và làm việc tại trường, đặc biệt là tại các khoa, đơn vị phối thuộc như Khoa CHKT&TĐH, Trung tâm Sinh học Phân tử (sau này là Bộ môn Công nghệ Sinh học phân tử). Việc mời các Giáo sư Việt kiều, các Giáo sư người nước ngoài đến trường làm việc tham gia các hoạt động đào tạo, nghiên cứu tiếp tục được Nhà trường quan tâm. Các giáo sư đã có những đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường.

d) Công tác đào tạo

- Nhà trường triển khai thực hiện lộ trình

chuyển đổi từ học chế niên chế sang học chế tín chỉ theo kế hoạch chung của ĐHQGHN, tập trung chủ yếu vào việc xây dựng, chuyển đổi đề cương các môn học bậc đại học, các môn học bắt buộc bậc sau đại học phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ. Từ năm học 2007-2008, sinh viên năm thứ nhất bắt đầu được tổ chức đào tạo theo phương thức tín chỉ, sinh viên các năm khác vẫn được tổ chức đào tạo theo niên chế cho đến khi tốt nghiệp.

- Năm 2006, Nhà trường là đơn vị tiên phong trong cả nước xây dựng và triển khai chương trình đào tạo theo địa chỉ sử dụng, đã ký kết hợp tác với Tập đoàn IMI của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) xây dựng chương trình đào tạo cử nhân ngành Công nghệ Cơ – Điện tử. Chương trình đào tạo được ĐHQGHN phê duyệt và tổ chức tuyển sinh từ năm học 2007-2008. Quá trình đào tạo chương trình này có sự tham gia trực tiếp của doanh nghiệp, sinh viên có thành tích trong học tập được doanh nghiệp cấp học bổng, sinh viên tốt nghiệp được doanh nghiệp cam kết tiếp nhận làm việc.

- Năm 2007, hướng ứng chủ trương của ĐHQGHN về việc phát triển một số ngành, chuyên ngành đào tạo ở bậc đại học, sau đại học đạt chuẩn quốc tế, giai đoạn đầu được gọi tắt là chương trình 16+23, đó gọi là nhiệm vụ chiến lược. Nhà trường đã



chỉ đạo đăng ký và triển khai thực hiện. Theo đó, Khoa CNTT đăng ký xây dựng mới chương trình đào tạo đại học và thạc sĩ ngành Khoa học Máy tính theo chuẩn quốc tế; Khoa ĐTVT đăng ký phát triển ngành Công nghệ ĐTVT hiện đang đào tạo ở khoa để chuyển đổi thành chương trình đạt chuẩn quốc tế. Công tác xây dựng để án được thực hiện công phu, chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới, gắn với một đối tác cụ thể. Trong đó chương trình cử nhân Khoa học Máy tính gắn với đối tác là Trường Đại học New South Wales (Úc), chương trình thạc sĩ Khoa học Máy tính gắn với đối tác là Viện Khoa học Tiên tiến Nhật Bản (JAIST), chương trình cử nhân Công nghệ ĐTVT được gắn với Trường Đại học Quốc gia Singapore. Chương trình thạc sĩ được ĐHQGHN phê duyệt và cho phép tuyển sinh từ năm 2007, 2 chương trình cử nhân được phê duyệt và cho phép tuyển sinh từ năm 2008. Đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao, Nhà trường tiếp

tục triển khai đánh giá trình độ sinh viên tốt nghiệp theo các tiêu chí cụ thể chuẩn hóa quốc tế như yêu cầu trình độ Tiếng Anh đạt 480 TOEFL, đã qua kỳ thi sát hạch kỹ năng CNTT cơ bản FE chuẩn Nhật Bản (Trường ĐHCN là trường đại học đầu tiên đưa nội dung thi sát hạch kỹ năng chuẩn Nhật Bản vào chương trình đào tạo) và có chính sách khuyến khích sinh viên CNTT, ĐT-VT dự thi sát hạch theo các chuẩn FE, CISCO... Trường ĐHCN cũng coi thành tích của sinh viên tại các cuộc thi quốc tế về kỹ năng công nghệ là một tiêu chí để đánh giá chất lượng giảng dạy của Nhà trường và đã có nhiều chính sách hỗ trợ một cách tích cực các hoạt động này của sinh viên. Trong ba năm liền (2007, 2008, 2009) đội tuyển sinh viên Trường ĐHCN xuất sắc vượt qua vòng loại, sánh vai trong топ 100 đội tuyển của các trường đại học danh tiếng nhất thế giới tham dự Chung kết Toàn cầu Cuộc thi Lập trình Sinh viên ACM/ICPC mà ở khu vực Đông Nam Á chỉ có Nanyang Technological University (Singapore) và Bina Nusantara University (In-



donesia) đạt được kết quả đó.

- Phủ giáo trình là nhiệm vụ được Nhà trường thường xuyên quan tâm. Nhà trường đã chỉ đạo đã xây dựng bản đồ phủ giáo trình và có kế hoạch biên soạn, xuất bản giáo trình các môn học ổn định trong khung chương trình đào tạo; biên soạn các tài liệu giảng dạy thực hành. Kết quả trong giai đoạn này Nhà trường đã xuất bản mới được 42 giáo trình trong đó có 6 giáo trình thực hành. Nhà trường chỉ

đạo hoàn thiện hệ thống chương trình đào tạo phù hợp với 4 lĩnh vực KHCN của Nhà trường. Số lượng chương trình đào tạo bậc ĐH tăng từ 4 lên 7, đào tạo thạc sĩ tăng từ 5 lên 10, đào tạo TS tăng từ 6 lên 7.

- Về hoạt động liên kết đào tạo quốc tế: Nhà trường chủ trương phát triển các hoạt động liên kết đào tạo quốc tế, đã thành lập Văn phòng Liên kết đào tạo Quốc tế trực thuộc trường, thiết lập một số chương trình đào tạo liên kết với đối tác nước ngoài: Chương trình đào tạo cử nhân Khoa học Máy tính liên kết với Đại học Troy (Hoa kỳ) bắt đầu tuyển sinh từ năm học 2005-2006; Chương trình cử nhân CNTT liên thông 2+2 với Trường Đại học New South Wales (UNSW) – Úc từ năm học 2007-2008.

Năm 2006, Trung tâm Đại học Pháp tại Hà Nội (PUF) được thành lập theo thỏa thuận của hai Chính phủ Pháp và Việt Nam, đặt tại ĐHQGHN. PUF đảm bảo việc triển khai thống nhất các chương trình đào tạo của Pháp tại Việt Nam và giám sát sự tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng của Pháp. Trường ĐHCN là một đầu mối thực hiện chương trình này. Nhà trường được giao tổ chức tuyển sinh và đào tạo chương trình thạc sĩ ngành học Thông tin, Hệ thống và Công nghệ IST (từ năm học 2006-2007) với hai chuyên ngành là: Mạng và truyền thông; Công nghệ Micro-Nanô.

e) Tiên phong trong kiểm định chất lượng Trường ĐHCN tiên phong thực hiện các nhiệm vụ kiểm định chất lượng, đưa hoạt động đảm bảo chất lượng vào nền nếp. Năm 2005, Trường ĐHCN tiến hành xây dựng báo cáo tự đánh giá và đăng ký triển khai đánh giá ngoài chương trình cử nhân ngành CNTT theo bộ tiêu chuẩn của ĐHQGHN. Báo cáo sau đó được dịch sang tiếng Anh và tham dự Hội thảo của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN). Năm 2008, Trường ĐHCN xây dựng báo cáo tự đánh giá đơn vị đào tạo và đã được đánh giá ngoài được công nhận đạt kiểm định cấp độ 2 theo bộ tiêu chuẩn



của ĐHQGHN. Năm 2009, Chương trình cử nhân ngành CNTT của trường là chương trình đào tạo đầu tiên của Việt Nam được kiểm định đạt chuẩn theo tiêu chuẩn AUN. f) Hoạt động khoa học công nghệ

Trong giai đoạn này, Nhà trường tập trung thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên về KHCN theo hướng phát triển quy mô và nâng cao chất lượng, trình độ khoa học, giá trị thực tiễn của các hoạt động KHCN. Được sự quan tâm, ủng hộ của ĐHQGHN, Nhà trường được phê duyệt và triển khai 2 dự án đầu tư chiều sâu xây dựng hai PTN mục tiêu là: “Dự án đầu tư chiều sâu trang thiết bị, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học triển khai ứng dụng cho PTN các hệ tích hợp thông minh” (Dự án SIS) và “Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu triển khai vật liệu và linh kiện theo công nghệ Micro-Nanô” (70 tỷ đồng); thụ hưởng Dự án Giáo dục Đại học C1.II (30 tỷ đồng) đã được triển khai từ giai đoạn Khoa Công nghệ, xây dựng và được phê duyệt tham gia dự án Giáo dục Đại học 2 (TRIG) (25 tỷ đồng), 7 dự án tăng cường năng lực nghiên cứu. Nhờ các đầu tư này, Nhà trường có sự thay đổi căn bản về diện mạo, điều kiện và môi trường phát triển các hoạt động nghiên cứu, triển khai.

Nhà trường chủ trương phát triển môi trường nghiên cứu với phương châm mỗi giảng viên là một nhà khoa học, hoạt động đào tạo được tích hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học. Giảng viên được khuyến khích đăng ký tham gia các đề tài, nhiệm vụ khoa học; cán bộ trẻ mới về trường công tác được hỗ trợ đề tài cấp trường quản lý để khởi động hoạt độ nghiên cứu. Kinh phí nghiên cứu tính theo giảng viên trong giai đoạn này đạt 36,7 triệu đồng/người, riêng năm 2009 đạt 81,50 triệu đồng/GV. Có 03 Đề tài KC được triển khai trong giai đoạn này. Số lượng công trình khoa học được cán bộ Nhà trường công bố tăng gấp 2 lần, đạt trung bình 0,77 bài/GV/năm trong đó số bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế



tăng nhanh. Theo kết quả ghi nhận từ Scopus, trong giai đoạn này, Trường ĐHCN đã công bố quốc tế 118 công trình (đạt trung bình 0,24 bài/GV/năm).

Liên tiếp các năm từ 2006 đến 2009, các tập thể cán bộ khoa học của Trường ĐHCN có sản phẩm công nghệ dự thi và đạt giải thưởng tại cuộc thi Nhân tài Đất Việt về CNTT (01 Giải Nhất Sản phẩm có tiềm năng ứng dụng năm 2006, 01 Giải Sản phẩm vì cộng đồng năm 2007 và 01 Giải Ba Sản phẩm có tiềm năng ứng dụng năm 2008); Nhiều cá nhân và tập thể các nhà khoa học cũng được tặng thưởng các giải thưởng có giá trị khác như Giải thưởng ĐHQGHN Lần thứ nhất về KHCN, Giải thưởng Scopus Awards cho nhà khoa học Việt Nam có chỉ số h-index cao, Giải thưởng Công trình khoa học Tiêu biểu, nhà khoa học trẻ Tiêu biểu của ĐHQGHN, Giải thưởng Quả cầu vàng CNTT, Giải thưởng IBM Faculty Award. Trường chủ trì tổ chức một số Hội thảo khoa học quốc tế: Hội nghị SIRI năm 2006; KSE năm 2009, NANOMATA 2009, ASICT 2009, SEFM 2009.

g) Hợp tác trong và ngoài nước

- Hợp tác trong nước: Phát huy các hợp tác trường – viện đã được GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu thiết lập, trong giai đoạn 2005-2009, GS.TS Nguyễn Hữu Đức Hiệu trưởng kế nhiệm đã tiếp tục cụ thể hóa hợp tác này bằng mô hình “đơn vị phối thuộc”. “Đơn vị phối

thuộc” làm đầu mối thực hiện đào tạo đại học và sau đại học một số chuyên ngành có ý nghĩa chiến lược đối với cả Trường ĐHCN và viện đối tác, được coi như “con đẻ” và chịu sự quản lý điều hành của cả hai cơ quan. Từ các ý tưởng này, Khoa CHKT&TĐH đi vào hoạt động với tư cách một đơn vị (khoa) phối thuộc của Viện Cơ học. Tương ứng, một số phòng thí nghiệm hiện đại từ các viện nghiên cứu là các PTN phối thuộc của Trường ĐHCN. Nhờ các hợp tác này, Trường ĐHCN huy động được nguồn lực khoa học - công nghệ mạnh cho nhiệm vụ đào tạo đối với các chuyên ngành này tạo điều kiện đưa chất lượng đào tạo sớm đạt tới các chuẩn mực cao. Các PTN phối thuộc: PTN Cơ học Kỹ thuật Biển, PTN Chẩn đoán Kỹ thuật (từ Viện Cơ học); Các PTN Điều khiển Máy tính, Các Công nghệ Đặc biệt, Điều khiển Hệ thống (Tập đoàn IMI),... có trang thiết bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo chất lượng cao của các chuyên ngành tương ứng. Trường ĐHCN chủ trương sử dụng lâu dài các PTN phối thuộc này và sẽ tập trung vào việc xây dựng các PTN (bộ môn) hiện đại đối với các chuyên ngành cần có trong Trường ĐHCN mà hiện tại chưa mạnh ở các viện. Đến lượt mình, các PTN và các bộ môn của Trường ĐHCN sẽ trở thành phối thuộc của các viện đối tác. Giải pháp này trở nên có ý nghĩa đặc biệt trong giai đoạn ban

đầu xây dựng Trường ĐHCN.

- Hợp tác quốc tế: Trường ĐHCN đẩy mạnh các hoạt động hợp tác, xác lập được vị thế quốc tế tốt đối với nhiều cơ sở đào tạo - nghiên cứu tiên tiến và nhiều tập đoàn công nghiệp hàng đầu thế giới. Nhà trường đã phát huy tác dụng của quan hệ hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo, khoa học - công nghệ và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ của trường. Văn phòng Dự án VNU-JAIST của Viện Khoa học và Công nghệ Tiên tiến Nhật Bản (JAIST), PTN Toshiba-COLTECH đặt tại Trường ĐHCN và một số đề tài, dự án nghiên cứu của các Tập đoàn Mitani, Toshiba và Panasonic do cán bộ giảng viên nhà trường triển khai thực hiện là những minh chứng điển hình về hiệu quả hợp tác quốc tế.

Về đào tạo, đã phát triển mạnh hoạt động phối hợp tổ chức đào tạo sau đại học với các cơ sở đào tạo - nghiên cứu tiên tiến ở Nhật Bản và Pháp cả theo quy mô và theo trình độ. Theo quy mô, đã triển khai các chương trình đào tạo tiến sĩ phối hợp (theo Đề án 322 của Bộ GD&ĐT) với Viện JAIST và với Trường Đại học Paris-Sud 11 (Pháp), các chương trình đào tạo thạc sĩ phối hợp với JAIST, Trường Đại học Osaka (Nhật Bản), Trường Đại học Paris-Sud 11 (Pháp) và Trường Đại học Claude Bernard Lyon 1 (Pháp). Theo trình độ, đã liên thông được chương trình đào tạo







cử nhân ngành Vật lý Kỹ thuật của Trường ĐHCN tốt nghiệp loại giỏi được tuyển thẳng vào năm thứ hai (M2) của chương trình đào tạo hai năm cấp bằng thạc sỹ của Đại học Paris-Sud 11, cử nhân ngành CNTT loại khá trở lên được xem xét tuyển thẳng vào năm thứ hai (M2) của chương trình đào tạo cấp bằng thạc sỹ của Trường Đại học Claude Bernard Lyon 1; đã thỏa thuận thực hiện liên thông chương trình đào tạo cử nhân ĐTVT của Trường ĐHCN với chương trình đào tạo cử nhân Kỹ nghệ Điện - Điện tử của ĐH New South Wales (Úc). Nhà trường và các đối tác đang

triển khai các thỏa thuận hợp tác đào tạo quốc tế gồm 6 chương trình đào tạo phối hợp theo Đề án 322 của Bộ GD&ĐT (02 với JAIST, 02 với Trường Đại học Osaka, 02 với Trường Đại học Paris-Sud 11) và 05 chương trình đào tạo liên kết (01 với Trường Đại học CB Lyon 1, 01 với Trường Đại học Đông Nam (Trung Quốc), 01 với Đại học New South Wales, 01 với Đại học Troy, 01 với Đại học Khoa học và Công nghệ Quốc lập Đài Loan).

Về hoạt động hợp tác KHCN quốc tế, Trường ĐHCN đã phối hợp tổ chức các hội thảo, trao đổi khoa học với một số tập đoàn hàng đầu trên thế giới (NEC, Toshiba, Panasonic của Nhật Bản, IBM của Hoa Kỳ...) để giới thiệu, tìm hiểu năng lực và lĩnh vực nghiên cứu nhằm thiết lập các chương trình nghiên cứu chung. Một số nhà khoa học của Trường ĐHCN đã đề xuất và tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu với các tập đoàn Toshiba, Mitani, Panasonic, IBM... về nghiên cứu một số giải pháp công nghệ, hoặc với các trường đại học như Paris-Sud 11 về thiết bị ăng ten siêu cao tần, với UIUC (Hoa Kỳ) về hệ thống tìm kiếm thực thể.

Thông qua hợp tác quốc tế với các đối tác nước ngoài, Trường ĐHCN có gần 40 giảng viên trẻ, giảng viên tạo nguồn được cấp học bổng đào tạo tiến sĩ của nước ngoài mà điển hình nhất là JAIST. Nếu xét về kinh phí đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài thì hiệu quả của hợp tác quốc tế này là rất lớn. Từ các hợp tác này, số lượt cán bộ, sinh viên được cử đi trao đổi khoa học, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ ở nước ngoài tăng hàng năm đạt trung bình 61,2 lượt người/năm, trong đó trung bình 28,4 lượt người/năm do đối tác nước ngoài đài thọ kinh phí, điển hình các Viện NII, Tập đoàn Toshiba (Nhật Bản) đã cấp học bổng cho 4 cán bộ là nghiên cứu sinh đi thực tập 10 tháng/1 người tại các phòng thí nghiệm của các tập đoàn này.

h) Phát triển cơ sở vật chất

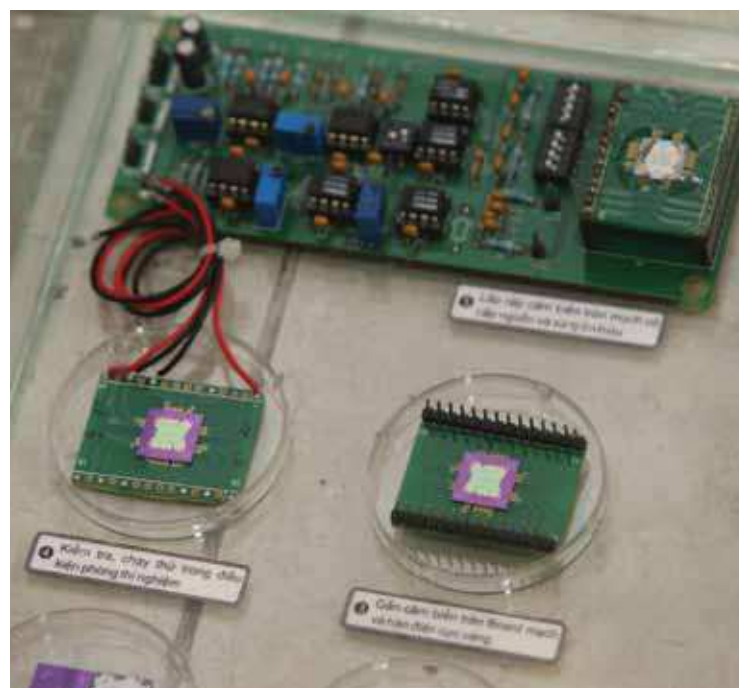
Cuối năm 2006, Khu giảng đường tại 252



Hoàng Quốc Việt được chuyển về địa điểm mới thuê tại Trường Đại học Sân Khấu Điện Ảnh Hà Nội phục vụ đào tạo đại học và Khu NTC-Mỹ Đình phục vụ đào tạo sau đại học với tổng diện tích 1956 m². Trong giai đoạn này, lãnh đạo Nhà trường quyết tâm giải quyết bài toán thuê phòng học bằng chủ trương cải tạo, nâng cấp một số Tòa nhà tại khu vực 144 Xuân Thủy. Được sự ủng hộ của ĐHQGHN và Trung tâm Nội trú Sinh viên (nay là Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên), Nhà trường đã triển khai dự án cải tạo nâng tầng câu lạc bộ Nhà ăn sinh viên vào năm 2007, tiếp đó năm 2008 thực hiện dự án cải tạo nâng tầng Nhà G2. Nhờ quyết tâm này, Nhà trường đã có thêm hơn 2000 m² phòng học đảm bảo từ năm học 2008-2009, không phải đi thuê phòng học nữa.

II. Nhiệm kỳ thứ hai (2009-2014): phát triển và trưởng thành

Ngày 9/4/2009, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 2828/QĐ-BGDĐT bổ nhiệm PGS.TS Nguyễn Ngọc Bình giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường ĐHCN nhiệm kỳ 2009-2014. Đại hội Đảng bộ Trường ĐHCN lần thứ hai diễn trong các ngày 6-7/7/2010 đã tiếp tục khẳng định mục tiêu xây dựng Trường ĐHCN theo định hướng đại học nghiên





cứu, trở thành trường đại học tiêu biểu của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, từng bước đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và Quốc tế với phương hướng chung là “Xây dựng tại Trường ĐHCN một môi trường giáo dục ĐH chuẩn mực là một thể thống nhất hữu cơ của tất cả các mặt giảng dạy, học tập, nghiên cứu và phục vụ cấu thành từ: Môi trường đào tạo chuẩn mực; Môi trường hoạt động nghiên cứu tích cực; Môi trường trao đổi, hợp tác trong nước và quốc tế cởi mở, năng động và thân thiện; Môi trường quản lý chuyên nghiệp, văn minh; Môi trường sống và làm việc giàu tính nhân văn”. Kế thừa các thành quả, tâm huyết của GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu và GS.TS. Nguyễn Hữu Đức, giai đoạn 2009-2014, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Bình đã cùng tập thể Đảng ủy – BGH và

toàn thể cán bộ, viên chức trong trường thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển giai đoạn mới, đưa Trường ĐHCN phát triển và trưởng thành:

1. Về Cơ cấu tổ chức và phát triển đội ngũ

Về tổ chức bộ máy, trong giai đoạn này, Nhà trường thí điểm mô hình phòng thí nghiệm trực thuộc khoa thay thế các Bộ môn truyền thống. Các PTN này có nhiệm vụ tổ chức NCKH và chuyển giao công nghệ, tham gia một số khâu trong đào tạo đại học và sau đại học theo sự phân công của khoa, không quản lý các ngành/chuyên ngành đào tạo như Bộ môn truyền thống. Mở đầu là sự ra đời của PTN Tương tác Người – Máy của Khoa CNTT, tiếp đến là việc chuyển đổi Bộ môn Xử lý Thông tin của Khoa ĐTVT thành PTN Tín

hiệu và Hệ thống. Hai PTN Công nghệ Tri thức và Hệ thống Nhúng trực thuộc Khoa CNTT là PTN vệ tinh của PTN Mục tiêu Hệ thống tích hợp Thông minh (SIS) trực thuộc trường. Cuối năm 2013, Nhà trường thành lập thêm PTN An toàn thông tin để phát triển hướng nghiên cứu về An toàn, An ninh thông tin. Mô hình này bước đầu phát huy hiệu quả, các PTN tập trung thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, không phải thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều phối hoạt động đào tạo. Cán bộ, giảng viên thuộc PTN sinh hoạt chuyên môn giảng dạy và chịu sự phân công giảng dạy của Bộ môn. Tuy vậy, mô hình này cũng tồn tại một số hạn chế như: việc phối hợp hoạt động giữa Bộ môn và PTN trong hoạt động đào tạo; cơ chế hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn lực cơ



sở vật chất, đầu tư trang thiết bị và nhân lực.

Trong giai đoạn nay, Nhà trường đã thành lập mới Trung tâm Đảm bảo Chất lượng (năm 2010); Trung tâm Liên kết đào tạo, Dịch vụ Khoa học Công nghệ và Chuyển giao Tri thức (năm 2011) trên cơ sở nâng cấp Văn phòng Liên kết Đào tạo Quốc tế; Trung tâm Công nghệ Tích hợp liên ngành Giám sát hiện Trường (2013) để tiếp nhận và triển khai dự án và nhiệm vụ nghiên cứu liên ngành về giám sát hiện trường. Năm 2011, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Phần mềm được tách khỏi Trường ĐHCN để thành lập Trung tâm Ứng dụng CNTT thuộc ĐHQGHN. Điều kiện thành lập thành lập Khoa

Công nghệ Sinh học vẫn chưa chín muồi, Đảng ủy-BGH đã thống nhất lùi kế hoạch sang giai đoạn sau. Bộ môn Các Phương Pháp toán trong Công nghệ thuộc Khoa CNTT được đổi tên, bổ sung nhiệm vụ thành Bộ môn Khoa học và Kỹ thuật Tính toán.

Về phát triển đội ngũ: Nhà trường tiếp tục các chính sách cán bộ đã được đề ra trong giai đoạn trước, mỗi năm trung bình thu hút thêm được 6 giảng viên có trình độ tiến sĩ. Chính sách cán bộ tạo nguồn tiếp tục được thực hiện và được cụ thể hóa thành quy chế ban hành năm 2011. Từ năm 2009 đến nay Trường đã tuyển dụng, tiếp nhận được 32 tiến sĩ vào đội ngũ giảng viên của trường. Trong giai đoạn này

cũng có 19 giảng viên của trường hoàn thành chương trình NCS được nhận bằng tiến sĩ. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên luôn đạt trên 70%, tỷ lệ GS, PGS đạt trên 25%. Cơ cấu, tỉ lệ cán bộ giảng dạy, hành chính, phục vụ được phát triển theo đúng quy định của ĐHQGHN. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi trung bình đạt 12.

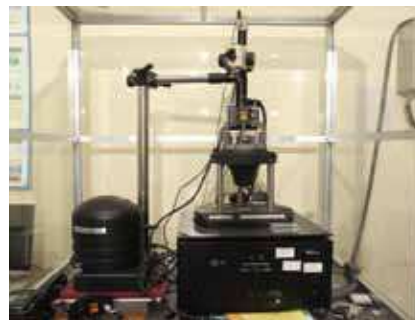
Trong giai đoạn này, Nhà trường thực hiện Dự án TRIG và Đề án phát triển một số ngành, chuyên ngành đào tạo đạt trình độ quốc tế trong đó mục tiêu quan trọng là đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ cao. Nhờ vào hai dự án này, toàn trường có gần 100 lượt cán bộ (35 lượt từ Đề án nhiệm vụ chiến lược và 60 lượt

từ Dự án TRIG) đã được cử đi đào tạo, trao đổi nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài trong đó nhiều lượt có thời gian đi từ 1 đến 6 tháng.

Mỗi năm Nhà trường có trung bình 4 cán bộ được công nhận đạt chuẩn chức danh Phó giáo sư, trong đó có nhiều cán bộ trẻ, đặc biệt có những cán bộ ở độ tuổi rất trẻ, được công nhận là PGS trẻ nhất Việt Nam như PGS.TS. Bùi Thế Duy được phong chức danh năm 31 tuổi.

2. Phát triển môi trường đào tạo chuẩn mực

- Nhà trường triển khai áp dụng toàn diện phương thức đào tạo tín chỉ thay thế đào tạo niên chế. Công tác quản lý, điều hành tổ chức dạy và học trong giai đoạn này có sự thay



đổi căn bản với nhiều nhiệm vụ mới như: Triển khai phần mềm quản lý đào tạo theo tín chỉ; tổ chức cho sinh viên đăng ký môn học và xếp lớp môn học cho mỗi học kỳ; tổ chức các học kỳ phụ, học cải thiện điểm, tương tác thầy – trò,... Nhà trường cũng đã triển khai hoàn thành một khối lượng lớn xây dựng hệ thống chuẩn đầu ra, cập nhật nội dung, xây dựng đề cương chi tiết các môn học, tăng cường công tác giáo trình, hoàn thiện hệ thống chương trình đào tạo cho tất cả các ngành học. Khóa sinh viên đầu tiên được đào tạo hoàn toàn theo phương thức tín chỉ đã tốt nghiệp năm 2013. Nhà trường tiếp tục giữ vững và phát triển môi trường đào tạo lành mạnh, không

có tiêu cực, lấy sinh viên làm trung tâm.

- Xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo, thực hiện lộ trình tăng quy mô đào tạo một cách hợp lý: Nhà trường đã được phê duyệt thêm chương trình đào tạo kỹ sư ngành Truyền thông và Mạng máy tính (trong khuôn khổ thực hiện Dự án Giáo dục Đại học 2-TRIG), thạc sĩ chuyên ngành Cơ Điện tử, thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông, tiến sĩ chuyên ngành Cơ kỹ thuật, tiến sĩ chuyên ngành Khoa học máy tính theo nhiệm vụ chiến lược; tiếp nhận chương trình thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Hệ thống thông tin từ Viện CNTT của ĐHQGHN; được phê duyệt Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ

giai đoạn 2010-2020 theo đề án 911 với 5 chuyên ngành là: Khoa học Máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật Điện tử và Kỹ thuật Viễn thông. Năm 2014, quy mô tuyển sinh đại học của trường tăng 25% so với năm 2009. Nhà trường đã xây dựng và được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt Quy hoạch các ngành và chuyên ngành đào tạo của Nhà trường giai đoạn 2014-2019. Trong giai đoạn này, Nhà trường cũng xây dựng và triển khai một số chương trình đào tạo ngành kép với Trường ĐHKHTN và Trường ĐHKHT, đáp ứng nhu cầu người học.

- Tiếp tục thực hiện tốt Đề án phát triển các ngành, chuyên ngành đào tạo đạt trình độ quốc tế đã được triển khai từ

năm 2008 trên quan điểm phát triển bền vững gắn nhiệm vụ chiến lược với công tác thường xuyên có sự quan tâm đặc biệt: đối với 3 chương trình đào tạo: Khoa học Máy tính bậc Cử nhân và Thạc sĩ, Công nghệ ĐTVT bậc đại học, Nhà trường đã chỉ đạo, triển khai đúng tiến độ, vượt mức nhiều chỉ tiêu, sản phẩm theo đề án. Sinh viên tham gia chương trình phải tăng cường học ngoại ngữ, được quản lý tập trung năm thứ nhất tại Trường Đại học Ngoại ngữ thuộc ĐHQGHN. Các môn chuyên môn được giảng dạy bằng tiếng Anh, có giảng viên trợ giảng. Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp của sinh viên, chấm Luận văn của học viên cao học có sự tham gia của giáo sư nước ngoài. Học viên cao học và sinh viên tốt nghiệp đều thể hiện tốt năng lực giao tiếp và trao đổi học thuật hiệu quả bằng tiếng Anh, một số tham gia nghiên cứu cùng với giảng viên và đã có những công trình được công bố tại các Hội nghị Khoa học Quốc tế, riêng học viên cao học 100% tốt nghiệp đều có công bố quốc tế. Nhiều học viên, sinh viên được chuyển tiếp các bậc học cao hơn ở các trường đại học, viên nghiên cứu tiên tiến trên thế giới. Hoạt động quản lý và tổ chức đào tạo được quan tâm, thực hiện nền nếp, gắn với công tác thường xuyên (không theo quan điểm dự án) nên tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn đảm bảo bền vững, không có sự xáo trộn. Sinh viên tốt nghiệp

được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao. Hai chương trình đào tạo đại học theo nhiệm vụ chiến lược đã được kiểm định chất lượng đạt tiêu chuẩn AUN: chương trình Cử nhân ngành Công nghệ ĐTVT kiểm định tháng 4/2013, Cử nhân ngành Khoa học Máy tính kiểm định tháng 5/2014. Mặc dù vậy, các chương trình đào tạo này có những khó khăn, bất cập như thời lượng học ngoại ngữ và chuyên môn; việc giảng dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng anh; chưa có sự sàng lọc trong sinh viên,... Từ năm 2013, một số vấn đề đã được ĐHQGHN xem xét tháo gỡ trong đó đã cho phép Nhà trường xây dựng và thực hiện song hành chương trình chuẩn và chương trình đào tạo nhiệm vụ chiến lược. Các sinh viên chưa đáp ứng một số chuẩn đầu ra chương trình nhiệm vụ chiến lược nhưng đã hoàn thành và đủ điều kiện tốt nghiệp của chương trình đào tạo chuẩn thì được cấp bằng tốt nghiệp hệ chuẩn.

- Nhà trường chỉ đạo xây dựng một số biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng cơ chế cố vấn học tập hỗ trợ sinh viên qua đó ổn định tỷ lệ tốt nghiệp đạt trên 96% trong đó tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn đạt 70%, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp xếp loại xuất sắc, giỏi, khá, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp ở mức cao. Từ năm học 2013-2014, Giám đốc ĐHQGHN đồng ý chuyển giao nhiệm vụ giảng dạy Vật lý đại cương từ Trường ĐHKHTN cho Trường ĐHCN nhằm đảm bảo chủ động trong công tác đào tạo của trường.

Sinh viên đạt nhiều thành tích, giải thưởng ở các cấp độ khác nhau như nhiều năm liên tục đạt giải nhất cuộc thi Imagine Cup trở thành đại diện Việt Nam dự thi Quốc tế; Giải nhất, nhì cuộc thi PROCON tổ chức ở Nhật Bản trong nhiều lần tham dự; Giải thưởng Honda Yes, Quả Cầu vàng CNTT; thành tích cao trong các kỳ thi ACM, Olympic Tin học, Toán học, Vật lý, Cơ học.

- Từ năm 2009, Trường ĐHCN được ĐHQGHN giao nhiệm vụ tổ chức Hội đồng thi tuyển sinh bậc sau đại học độc lập và đã thực hiện tốt nhiệm vụ này. BGH đã chỉ đạo tăng cường công tác kế hoạch, kỷ cương với các hoạt động đào tạo sau đại học: Tổ chức giảng dạy theo học kỳ; bảo vệ luận văn thạc sĩ theo đợt; tăng cường công tác kiểm tra đánh giá tiến độ. Quy mô đào tạo sau đại học đạt trung bình 27,5% so với quy mô đào tạo hệ đại học chính quy. Trong giai đoạn này, số lượng NCS bảo vệ thành công luận án, được cấp bằng tiến sĩ tăng nhanh.

- Từ năm 2011, Trường được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ vụ tập huấn Đội tuyển học sinh giỏi quốc gia dự thi Olympic Tin học Quốc tế và khu vực đạt kết quả tốt, được Bộ GD&ĐT đánh giá cao. Cùng với việc quan tâm thực hiện thường xuyên công tác quảng bá tuyển sinh, từ thực hiện nhiệm vụ này, Trường ĐHCN có thêm điều kiện thu hút tuyển thẳng các học sinh giỏi đạt giải quốc gia, quốc tế, đảm bảo thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đầu vào.

- Về liên kết đào tạo quốc tế: trong giai đoạn này, Bộ GD&ĐT





của Nhà trường giai đoạn này là khai thác có hiệu quả tiềm lực KHCN với cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư như các phòng thí nghiệm mục tiêu trực thuộc trường và các phòng thí nghiệm chuyên đề tại các khoa; phát triển các nghiên cứu tập trung hướng tới các sản phẩm nghiên cứu có hàm lượng, chất lượng KHCN cao được xã hội thừa nhận, có khả năng thương mại hóa và nâng cao chỉ số bài báo công bố quốc tế; tăng nguồn thu từ hoạt động KHCN để đạt tỷ lệ ngân sách hoạt động của Nhà trường 6/3/1 (Đào tạo/KHCN/Dịch vụ).

Các nhóm nghiên cứu tiếp tục được phát triển, toàn trường có 16 nhóm trong đó có 2 nhóm được ĐHQGHN công nhận là nhóm nghiên cứu mạnh. Nhà trường tiếp tục các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các hoạt động nghiên cứu tạo điều kiện cho cán bộ khoa học và giảng viên đăng ký thực hiện các đề tài nhiệm vụ nghiên cứu từ các chương trình KHCN trọng điểm của Nhà nước, từ các tập đoàn công nghệ, công nghiệp trong và ngoài nước và từ các chương trình nghiên cứu phát triển KHCN của Hà Nội và các địa phương khác. Nhờ đó, trong giai đoạn này, nguồn kinh phí nghiên cứu tính bình quân cho một giảng viên cơ hữu hằng năm đều đạt trên 93,7 triệu đồng, trong đó tới 80% nguồn kinh phí là từ các cơ sở ngoài ĐHQGHN với tổng số 05 đề tài thuộc các chương trình KC, 02 đề tài nghị định thư, 01 đề tài phối hợp với ĐHQG TPHCM.

Chất lượng của hoạt động nghiên cứu đã có sự chuyển biến rõ rệt qua từng năm với số bài báo khoa học công bố xuất bản trên các tạp chí quốc tế, các hội nghị quốc tế tính bình quân trên một giảng viên cơ hữu đạt 1,47 bài/năm, tăng gần 2 lần so với giai đoạn trước, năm 2013 đạt 2 bài/giảng viên. Nhà trường đã phát triển và hình thành nhiều sản phẩm KHCN như (1) Khối tổ hợp công suất phát 8 đường dùng cho máy nhận biết mã chủ quyền quốc gia, sản phẩm của đề tài KC.01.12/06-10 (đạo



có sự thay đổi trong chính sách tuyển sinh đối với các chương trình đào tạo liên kết quốc tế bậc đại học do vậy Nhà trường gặp khó khăn, không tuyển sinh được các khóa mới. Các chương trình đào tạo trong khuôn khổ dự án Trung tâm Đại học Pháp tại Hà Nội thực hiện hiệu quả, kết thúc dự án vào năm 2012; Thực hiện tốt các đề án đào tạo tiến sĩ phối hợp theo 322 đã được thiết lập từ giai đoạn trước. Trường đã được phê duyệt tham gia Đề án 911 giai đoạn mới; Triển khai thành công hợp tác với ĐH Lyon.

3. Phát triển môi trường nghiên cứu tích cực

Nhiệm vụ chính trong hoạt động KHCN

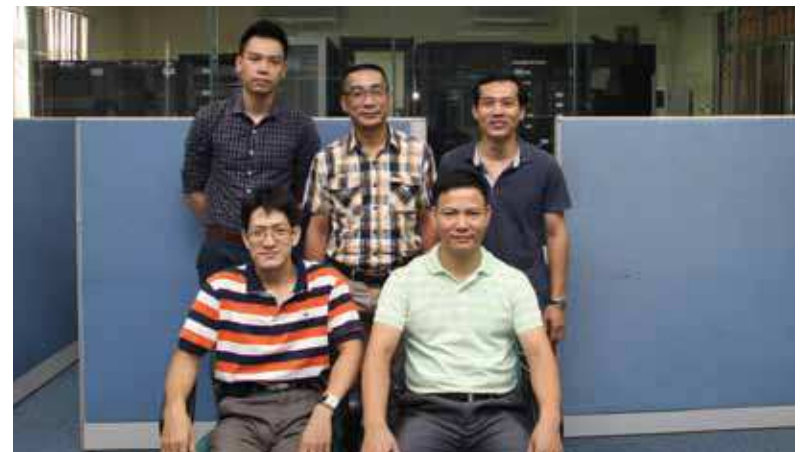


Cúp Vàng tại Techmart 2012); (2) Cảm biến đo và xác định chiều của từ trường trái đất, sản phẩm của đề tài thuộc chương trình nghiên cứu KHCN Vũ trụ (đoạt Cúp Vàng tại Techmart 2012); (3) CoMoSy - Hệ thống trên chip dùng trong đo lường, điều khiển và giám sát môi trường dựa trên công nghệ FPGA, sản phẩm của đề tài PUF.08.06, đang được hoàn thiện và đã ký thỏa thuận hợp tác chuyển giao để triển khai rộng rãi trên toàn quốc (Sản phẩm được Giám đốc ĐHQGHN tặng bằng khen tại triển lãm thành tựu KHCN kỷ niệm 20 năm thành lập ĐHQGHN); (4) Hệ thống cửa tự động lắp cho biệt thự, sản phẩm nghiên cứu của đề tài KC.03.12/06-10; (5) Hệ thống thu thập và Phân tích quan điểm cộng đồng mạng đối với các sản phẩm thương mại, sản phẩm của đề tài KC.01.TN04/11-15; (6) Hệ thống cung cấp video 360 độ trên bản đồ trực tuyến cho một số đường phố chính của Hà Nội, sản phẩm của đề tài KC.01.TN11/11-15; (7) Hệ thống đo tự động từ xa các thông số của bệnh nhân. Sản phẩm là một phần kết quả của đề tài QGTĐ.05.09 và đề tài TC-CN/03-06-2, đã được Cục SHTT cấp bằng độc quyền về Giải pháp hữu ích; (8) Đi-ốt phát quang hữu cơ OLED. Sản phẩm của đề tài NCCB-ÚD; (9) Vi mạch mã hóa tín hiệu video H.264/AVC. Sản phẩm của đề tài QGĐA.10.02; (10) Hệ thống tự động hoá phục vụ cảnh báo, giám sát và điều hành cho hệ thống truyền hình cáp hữu tuyến được triển khai thử nghiệm tại Đài Truyền hình Hà Nội. Sản phẩm của đề tài cấp Sở KH&CN Hà Nội Mã số ĐL/04-2011-2; (11)

Phần mềm đào tạo điện tử (E-learning) hướng nghiệp phục vụ người khiếm thị, hiện đang được triển khai thử nghiệm tại Hội người khiếm thị Thành phố Hà Nội. Sản phẩm của đề tài cấp Bộ Thông tin – Truyền thông năm 2012; (12) Hệ thống thông tin phục vụ tác nghiệp trong các tình huống khẩn cấp. Sản phẩm là một phần kết quả của đề tài do Trung tâm Hỗ trợ và Nghiên cứu châu Á tài trợ năm 2012 và đề tài QG.13.06; (13) Bản đồ gen của các loài sinh vật quan trọng ở Việt Nam, đặc biệt là bản đồ gen người Việt Nam (xây dựng từ dữ liệu gen được công bố bởi dự án quốc tế “1000 Hệ Gen Người”). Sản phẩm là một phần kết quả của đề tài QKHCN.13.01.

Trong giai đoạn này, hoạt động sở hữu trí tuệ được quan tâm phát triển. Nhà trường đã có 06 sản phẩm hoàn thiện hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ, đang trong giai đoạn thẩm định của Cơ quan có thẩm quyền. Trường ĐHCN được Tổ chức Sở hữu Trí tuệ và Phát minh Thế giới (WIIPA) giao làm đầu mối tại Việt Nam lựa chọn và giới thiệu sản phẩm sáng chế, phát minh thanh thiếu niên dự Triển lãm IYIE, đã đạt giải thưởng cao năm 2012, 2013. Năm 2011, Trường có sản phẩm đạt Huy chương Đồng tại Chợ Công nghệ và Triển lãm Phát minh Sáng chế Quốc tế của WIIPA tại Đài Loan.

Hàng năm, Trường ĐHCN còn là đơn vị đăng cai và phối hợp với các đơn vị khác ở trong nước tổ chức nhiều sự kiện, nhiều hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế trên các lĩnh vực KHCN liên quan như ATC, KSE, ICDV, RIVF, NANOMATA, ICEMA... Các nhà





khoa học của Trường cũng đóng góp rất tích cực vào các hoạt động trao đổi học thuật và các hoạt động của các hiệp hội nghề nghiệp khác. Khoa ĐTVT là địa chỉ văn phòng trụ sở của Tạp chí Điện tử - Truyền thông (JEC). Trường ĐHCN đã đề xuất và được ĐHQGHN giao nhiệm vụ xây dựng Chuyên san Công nghệ Thông tin và Truyền thông (JCSE) xuất bản bằng Tiếng Anh có tiềm năng trao đổi giao dịch quốc tế, đã xuất bản số đầu tiên vào tháng 7/2014. Nhà trường cũng được Hiệp hội Kỹ sư Điện, Điện tử và Truyền thông Nhật Bản (IEICE) làm đầu mối thành lập Chi nhánh Hiệp hội này tại Việt Nam và văn phòng Chi nhánh IEICE Vietnam Section đã được thiết lập tại Trường ĐHCN. Nhà trường đã chủ động đề

xuất, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền nhiều dự án đầu tư KHCN nhằm tăng cường thêm tiềm lực KHCN của trường, củng cố các hướng nghiên cứu cứu đã được thiết lập và mở ra các hướng nghiên cứu và đào tạo mới có tính liên ngành cao. Trong giai đoạn này, Nhà trường tập trung triển khai Dự án Giáo dục Đại học 2 – TRIG phát triển các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực mạng và truyền thông với tổng kinh phí 1,5 triệu USD (đã hoàn thành), nhờ dự án này hạ tầng CNTT-TT của Nhà trường tiếp tục được nâng cấp, Trường ĐHCN là đơn vị đầu tiên trong ĐHQGHN cấp đầy đủ tài khoản email cho người học, hệ thống wifi phủ khắp các giảng đường; tham gia thực hiện Dự án Nanô ứng

dụng của ĐHQGHN, nhiệm vụ của trường có kinh phí 22 tỷ đồng (đã hoàn thành); thực hiện Dự án “Dự án đầu tư phát triển công nghệ tích hợp giám sát hiện trường tai biến phục vụ ra quyết định nhanh và chính xác” với tổng kinh phí 70 tỷ đồng (đang triển khai). Ngoài ra, Nhà trường cũng trình ĐHQGHN xem xét đưa vào kế hoạch năm 2015-2017 dự án đầu tư chiều sâu về khoa học tính toán và xử lý dữ liệu lớn với 21,3 tỷ đồng; dự án xây dựng hệ thống phát triển công nghệ lĩnh vực cơ học kỹ thuật và tự động hóa với kinh phí 62,8 tỷ đồng; dự án xây dựng Phòng thí nghiệm Thực hành liên ngành Cơ - Điện - Điện tử 30 tỷ đồng. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân

lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020” (Quyết định số 99/QĐ-TT ngày 14/1/2014). Trường ĐHCN là một trong bảy cơ sở đào tạo trọng điểm được giao nhiệm vụ tham gia đào tạo và nghiên cứu về lĩnh vực này, kinh phí dự kiến triển khai là 35 tỷ đồng. Đây sẽ là nguồn lực góp phần tăng cường tiềm lực KHCN của Nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng Trường ĐHCN theo định hướng đại học nghiên cứu tiên tiến.

Với những kết quả trên, Trường ĐHCN đã đạt được những bước tiến đáng kể trong việc phát triển môi trường nghiên cứu tích cực. Năng lực nghiên cứu của Nhà trường được khẳng định và phát huy rõ rệt đồng thời cũng được cộng đồng KHCN trong



và ngoài nước công nhận và đánh giá cao.

4. Xây dựng môi trường hợp tác trao đổi rộng mở, năng động, thân thiện và hiệu quả

Trường ĐHCN tiếp tục là đơn vị giáo dục đại học hàng đầu phát triển một cách có hiệu quả các quan hệ liên kết, hợp tác bền vững với các viện nghiên cứu thành viên của Viện HL KH&CN VN (Viện CNTT, Viện Khoa học Vật liệu, Viện Cơ học, ...) và đối tác công nghệ và công nghiệp truyền thống như Tập đoàn IMI. Nhà trường cũng mở rộng các quan hệ hợp tác này sang một số viện nghiên cứu phát triển tại một số cơ sở doanh nghiệp công nghệ khác (Viện Nghiên cứu Cơ khí, Công ty HIPT, Tinh Vân, Lạc Việt, FSOFT...) ở trong nước và khai thác tốt các quan hệ hợp tác này cho các hoạt động đào tạo.

Hợp tác với Viện cơ học là hợp tác chiến lược của Nhà trường. Trong giai đoạn này, Nhà trường đã làm sâu sắc hơn,

bền vững hơn và thực chất hơn mô hình "khoa phối thuộc" mà các Hiệu trưởng tiền nhiệm đã tạo dựng. PGS.TS Nguyễn Ngọc Bình đã đề xuất phát triển khoa phối thuộc theo mô hình "2+X" trong đó nên tăng hợp tác, phát triển khoa CHKT&TĐH là Trường ĐHCN và Viện Cơ học, Trên nền tảng này, Trường và Viện cùng phát triển các đối tác mới cho khoa CHKT&TĐH như Tập đoàn IMI, Viện Nghiên cứu Cơ khí, Trung tâm Vệ tinh Quốc gia,... Mô hình này là cách đi đúng, sáng tạo, hiệu quả cho tất cả các bên liên quan. Nhà trường cùng với Viện cơ học đã tổ chức các Hội thảo về mô hình này vào năm 2010 và năm 2013, được ĐHQGHN, Viện HL KH&CN VN và các Bộ, ngành đánh giá cao, xem như hình mẫu về hợp tác Trường-Viện ở Việt Nam.

Nhà trường cũng chú ý phát triển hợp tác với Viện CNTT thuộc ĐHQGHN. Hiệu trưởng Nhà trường trong nhiều giai đoạn đồng thời là Phụ trách Viện CNTT,

một Phó chủ nhiệm Khoa CNTT giữ chức Phó Viện trưởng Viện CNTT, đã tích hợp các hoạt động nghiên cứu và đào tạo của Khoa CNTT với Viện CNTT, đã xây dựng và tạo điều kiện để Viện CNTT tổ chức đào tạo thạc sĩ hệ thống thông tin quản lý, xây dựng các phòng thí nghiệm nghiên cứu liên kết, v.v. Tuy nhiên, hiệu quả của hợp tác chưa cao vì những lý do khác nhau. Nhà trường cũng có quan hệ và hợp tác tốt với Viện Tin học Pháp ngữ IFI. Gần đây, có quan hệ hợp tác nhiều triển vọng với Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học.

Nhà trường tiếp tục là địa chỉ thu hút nhiều sự quan tâm hợp tác của các đơn vị tổ chức đào tạo, nghiên cứu từ nước ngoài. Trong giai đoạn 2009-2014, Trường ĐHCN đã thiết lập mở rộng quan hệ hợp tác, trao đổi tới các trường đại học nước ngoài như: Trường Đại học Kanazawa, Osaka, Saga, Toyohashi, Kyoto, Chiba... (Nhật Bản), Trường Đại học Yuan Ze (Đài



Loan, Trung Quốc), Trường Đại học Dublin (Ireland...), Trường Đại học Công nghệ Sydney, McQuarry (Úc), San Diego State University, ĐH Houston-Clearlerk, ĐH Chicago (Hoa Kỳ)... cùng với một loạt các trường, viện đào tạo và nghiên cứu trên lĩnh vực Công nghệ Thông tin và An toàn Thông tin của CH Liên bang Nga như ĐH Quốc gia Lomonosov (MGU), ĐH Bauman, ĐH Vật lý Kỹ thuật Moscow, Trường Đại học Kỹ thuật St. Peterburg (LETI). Các hoạt động hợp tác trao đổi quốc tế đã được chuyển giao thực hiện trực tiếp tại các đơn vị đào tạo và nghiên cứu ở các khoa. Đặc biệt, từ tháng 6 năm 2011, Trường

ĐHCN đã trở một trong bốn thành viên sáng lập Mạng lưới Đào tạo Nghề Châu Á (Asian Professional Education Network - APEN) và là đầu mối chi nhánh Việt Nam của APEN, đồng thời đã triển khai nhiều hoạt động hữu ích tại Việt Nam trong khuôn khổ hoạt động của APEN, nhất là trong việc xúc tiến các hoạt động hợp tác chuyển giao công nghệ giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ Nhật Bản với các đối tác Việt Nam. Nhà trường tham gia mạng thông tin Á- Âu giai đoạn 2 (TEIN2), được sử dụng đường truyền tốc độ cao kết nối với các trung tâm đại học lớn phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Từ các hợp tác quốc tế,



hàng năm Nhà trường khoảng 100 lượt cán bộ, sinh viên được cử đi trao đổi, nghiên cứu, học tập ở nước ngoài trong đó 60% số lượt do đối tác nước ngoài tài trợ. Tỷ lệ giảng viên được tạo điều kiện đi trao đổi ở nước ngoài 2 năm/lần khoảng 50%.

Nhà trường cũng đã thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm Liên kết Đào tạo, Dịch vụ và Chuyển giao Tri thức Khoa học Công nghệ (TSK) nhằm tăng cường mạnh mẽ hơn nữa các hoạt động liên kết, hợp tác với các cơ sở sản xuất kinh doanh, phát huy hiệu quả các hoạt động nghiên cứu và đào tạo của Nhà trường vào xã hội.

Trong thời gian vừa qua, Nhà trường đã tích cực mở rộng và khai thác sâu hơn các quan hệ hợp tác liên kết với các tập đoàn công nghệ, công nghiệp quốc tế có danh tiếng qua một số hoạt động cụ thể là triển khai các dự án nghiên cứu và đào tạo với hỗ trợ tài chính và các hỗ trợ khác từ các đối tác này như: Dự án nghiên cứu của Tập đoàn NEC (2009-2011), Panasonic (2010-2012) và các tập đoàn Toshiba, Mitani Sangyo (hàng năm), Dự án hợp tác với công ty Human Resocia của Nhật Bản cấp học bổng đào tạo nhân lực (học Tiếng Nhật) cho sinh viên kỹ thuật của Trường ĐHCN và Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, thiết lập và đưa vào hoạt động Trung tâm Công nghệ Xuất sắc IBM-UET (IBM-UET Center of Excellence) tại trường, triển khai giảng dạy và cấp chứng chỉ nhiều chuyên đề công nghệ cho hàng trăm sinh viên Trường ĐHCN và các đơn vị đào tạo khác tại Hà Nội. Văn phòng VNU-JAIST đặt tại Trường ĐHCN tiếp tục hoạt động hiệu quả... Tổng kinh phí thu hút được từ các hoạt động này đạt gần 2 tỷ đồng. Tháng 8/2014, Tập đoàn Samsung tại Việt Nam đã tài trợ Nhà trường 1 phòng máy tính phục vụ công tác thực hành (40 máy) và đào tạo bổ trợ công nghệ cho sinh viên, tặng học bổng cho 20 sinh viên mỗi suất trị giá 50 triệu đồng, hỗ trợ 2 tỉ đồng cho nghiên cứu khoa học của cán bộ và hoạt động KHCN





của Trường.

Nhà trường luôn nhận được sự giúp đỡ quý báu của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Đặc biệt, NGND GS VS Nguyễn Văn Huệ là Chủ tịch Hội đồng cố vấn quốc tế (IAB), GS Takuya Takayama (Chủ tịch JAIST) và GS Satoru Harada (Trường Đại học Keio) là các thành viên đã luôn tâm huyết với Nhà trường và cố vấn nhiều hoạt động về hợp tác và phát triển cho Nhà trường.

5. Phát triển môi trường quản trị đại học hiện đại, văn minh

Nhà trường đã lãnh đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý theo tinh thần đổi mới quản trị đại học như: Quy chế làm việc của Trường ĐHCN, các quy định, hướng dẫn thực hiện các công tác về cán bộ tạo nguồn, về chức trách nhiệm vụ của giảng viên, về chức năng nhiệm vụ các đơn vị quản lý hành chính và các khoa trực thuộc của trường. Cùng với việc đó, Nhà trường đã có cố gắng lớn trong việc triển khai xây dựng, điều chỉnh và đưa vào áp dụng Hệ thống các quy trình công tác quản lý, hành chính cho việc điều hành hoạt động của Nhà trường hướng theo Hệ thống tiêu chuẩn ISO 9000-2008.

Nhà trường đã quyết định chuyển dời, hoán đổi vị trí văn phòng làm việc, cải tạo nâng cấp tầng 1 Nhà E3 đưa vào hoạt động hệ thống văn phòng không gian mở từ năm 2012 và đã mang lại hiệu quả tốt cho hoạt động chung. Việc cải tạo, nâng cấp giảng đường, lớp học, phòng làm việc thực hiện thường xuyên, hằng năm tại các Khoa, đơn vị và rà soát, điều chỉnh, sắp xếp kịp thời góp phần tạo điều kiện cơ sở vật chất, điều kiện giảng dạy, học tập của giảng viên, sinh viên tốt hơn trong điều kiện diện tích mặt bằng cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu rất hạn hẹp. Nhà trường cũng đã triển khai dự án cải tạo, mở rộng đầu hồi phía đông Nhà E3, dự án cải tạo khu vực cầu thang Nhà E3 mở rộng thêm 600 m² phòng làm việc đồng thời khảo sát, đề xuất được Giám đốc ĐHQGHN đồng ý chủ trương cho phép cải tạo nâng tầng Nhà E3 và sẽ thực hiện trong năm 2015.

Nhà trường đang triển khai các giải pháp quản lý, chuyển giao phân cấp một số hoạt động quản lý về các đơn vị cấp khoa, tăng cường tính chủ động, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các khoa trong trường nhằm nâng cao vai trò và vị thế của các đơn vị này.

Công tác xây dựng và triển khai các Đề án, dự án được quan tâm, trên cơ sở triển khai có hiệu quả dự án TRIG tạo tiền đề công tác xây dựng, tiếp tục triển khai các dự án đầu tư chiều sâu, tăng cường năng lực đặc biệt và được ĐHQGHN giao nhiệm vụ và kinh phí trong những năm gần đây, đồng thời triển khai ký kết các hợp đồng chuyển giao KHCN với các đối tác tập đoàn công nghệ, công nghiệp trong và ngoài nước và từ các chương trình nghiên cứu phát triển KHCN của Hà Nội và các địa phương, công tác đào tạo sau đại học tại các địa phương,...góp phần quan trọng tạo nguồn thu trong nhà trường.

Các hoạt động đảm bảo chất lượng đã được triển khai ở hầu hết các lĩnh vực hoạt động của nhà trường, giúp cho nhà trường từng bước hướng đến văn hóa chất lượng một cách vững chắc. Phương châm “lấy các tiêu chí kiểm định chất lượng làm thước đo đánh giá các hoạt động của Nhà trường” được quán triệt triển khai. Trong giai đoạn này, Cùng với 2 chương trình cử nhân nhiệm vụ chiến lược được kiểm định đạt chuẩn AUN, Nhà trường đã thực hiện chu kỳ 2 kiểm định chất lượng đơn vị đào tạo theo bộ tiêu chuẩn của ĐHQGHN (tháng 11/2013) và trở thành trường đầu tiên trong ĐHQGHN đạt chuẩn chất lượng đơn vị đào tạo theo định hướng chuẩn AUN. Hai chương trình cử nhân ngành Vật lý thuật và cử nhân ngành Cơ học kỹ thuật cũng đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá chất lượng theo bộ tiêu chuẩn kiểm định của ĐHQGHN, theo kế hoạch sẽ đánh giá ngoài vào tháng 11/2014. Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy và giảng viên môn học; lấy ý kiến đánh giá về sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với cán bộ hành chính, phục vụ trong trường.

6. Phát triển môi trường sống và làm việc giàu tính nhân văn

Để thực hiện một cách thắng lợi



các nhiệm vụ chính trị trong đào tạo và nghiên cứu, thực hiện sứ mệnh của Nhà trường, đạt được những mục tiêu mà Nhà nước, ĐHQGHN và tập thể đông đảo cán bộ giảng viên trong trường kỳ vọng, việc xây dựng một môi trường sống, làm việc, học tập và nghiên cứu phù hợp là một giải pháp có tính chất quyết định. Nhận thức chủ đạo cho việc lãnh đạo Nhà trường giai đoạn này là tiếp tục tư tưởng của các Hiệu trưởng tiền nhiệm đã được thể hiện trong "Kế hoạch Chiến lược Xây dựng và Phát triển Trường ĐHCN đến năm 2010, Tầm nhìn đến năm 2015" ban hành năm 2007 (KHCL-2007) là 'Nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ viên chức, công chức; xây dựng môi trường học tập, nghiên cứu khoa học giàu tính nhân văn; xây dựng ý thức tự hào và trách nhiệm, tinh thần đoàn kết nhất trí của cán bộ và sinh viên đối với sự nghiệp phát triển Trường ĐHCN'. Đại hội Đảng bộ lần thứ hai, nhiệm kỳ 2010-2015, đã cụ thể hóa tư tưởng này bằng một trong năm mục tiêu cho các hoạt động xây dựng và phát triển Nhà trường là Phát triển tại Trường ĐHCN môi trường sống và làm việc giàu tính nhân văn và đề ra nhiệm vụ của Đảng ủy Nhà trường là: "Chỉ đạo xây

dựng môi trường làm việc, giảng dạy, học tập và nghiên cứu đặc trưng của Trường ĐHCN là: trí tuệ, năng động, hiệu quả và giàu tính nhân văn. Nhà trường trở thành địa chỉ hấp dẫn, tin cậy thu hút cán bộ có trình độ cao về làm việc" và đã khẳng định "Hơn lúc nào hết, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện môi trường sống và làm việc giàu tính nhân văn thể hiện ở tính thân thiện, đầy tình đoàn kết, thương yêu, tôn trọng, tin tưởng, giúp đỡ lẫn nhau, cùng hướng tới mục tiêu chung vì sự phát triển năng động và bền vững của Nhà trường phải là nhiệm vụ trọng tâm, được ưu tiên hàng đầu của công tác chính trị, tư tưởng trong những năm đầu tiên của nhiệm kỳ mới này. Mỗi đảng viên trong toàn đảng bộ, nhất là các đồng chí làm công tác lãnh đạo ở các cấp trong trường phải thực hiện tốt các nguyên tắc cơ bản về tổ chức kỷ luật đảng, tính tập trung dân chủ, tính gương mẫu, tiên phong trong mọi hoạt động cùng tạo nên động lực mạnh mẽ cho cả tập thể Nhà trường phấn đấu vươn lên, hoàn thành sứ mệnh cao cả của Trường ĐHCN".

Quán triệt tư tưởng chủ đạo đó, lãnh đạo Nhà trường đã phát huy trí tuệ tập thể của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và các

nhà giáo lão thành có nhiều tâm huyết với sự nghiệp xây dựng và phát triển Trường ĐHCN, xây dựng định hướng thống nhất cho mọi hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường với khẩu hiệu "Sáng tạo, Tiên phong, Chất lượng cao" trong các hoạt động của Nhà trường. Chúng ta đã thống nhất đổi tên giao dịch Tiếng Anh của Trường ĐHCN từ "College of Technology" thành "University of Engineering and Technology" khẳng định hướng phát triển về kỹ nghệ và công nghệ, đồng thời khẳng định phương châm hành động và tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn phù hợp với định hướng trên. Kế hoạch Chiến lược Phát triển Nhà trường đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 đã được xây dựng và hoàn thiện theo tinh thần đó.

Nhất quán và kiên định mục tiêu trên, Nhà trường đã triển khai các hoạt động một cách đồng bộ, mà trong đó công tác cán bộ đóng vai trò cốt tử. Đây là mảng công tác gặp nhiều khó khăn nhất của giai đoạn này. Do đội ngũ cán bộ của toàn trường chủ yếu là trẻ tuổi, tuổi đời trung bình 39,25 (73% dưới 40 tuổi) với thâm niên công tác trung bình trong ngành giáo dục là 11,07 năm (85% dưới 15 năm), tuy có chuyên môn được đào tạo tốt ở nước ngoài nhưng còn thiếu kinh nghiệm và thiếu sự từng trải thực tế đào tạo và nghiên cứu ở trong nước nên việc lựa chọn, bổ nhiệm để đào tạo các cán bộ vào các chức vụ quản lý, lãnh đạo phù hợp là một quá trình không ngắn và không đơn giản. Vì những lý do như đã nêu ở trên nên chỉ đến năm cuối nhiệm kỳ, đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo các đơn vị, nhất là các phòng chức năng mới tạm được coi là hoàn thiện và ổn định. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý từ cấp Bộ môn đến cấp Trường trẻ hóa nhanh, độ tuổi trung bình là 43,44 trong đó 62% dưới 40 tuổi đã thể hiện nhiều ưu điểm song còn bộc lộ những hạn chế như thiếu bài bản, thiếu kinh nghiệm.

Cũng trong bối cảnh như vậy,



công tác tư tưởng chính trị, việc xây dựng và duy trì khối đoàn kết nhất trí, sự đồng thuận và tình trạng ổn định cả về tổ chức lẫn về tư tưởng không chỉ của các cán bộ quản lý, lãnh đạo mà nhất là của toàn bộ tập thể cán bộ viên chức Nhà trường đã được quan tâm song vẫn gặp nhiều khó khăn và đạt hiệu quả chưa cao. Đảng ủy đã chú trọng quan tâm nhiều đến việc trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo sâu sát hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng trong trường (Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM, Công đoàn, Hội Sinh viên, Hội Cựu Giáo chức, Hội Cựu Chiến binh và các hội nghề nghiệp). Các tổ chức đoàn thể trong trường được tạo các điều kiện thuận lợi trong hoạt động, thực sự đã phát huy tốt vai trò của mình, đạt nhiều thành tích tốt đẹp, góp phần tích cực vào việc xây dựng môi trường sống và làm việc giàu tính nhân văn của Nhà trường, nhất là về mặt tinh thần.

Mặc dù có nhiều khó khăn và biến động về kinh tế ở trong nước cũng như quốc tế, tác động không nhỏ đến các mặt hoạt động, nhưng từ các hoạt động chuyên môn của mình, với các chính sách phân phối hợp lý và công bằng trên cơ sở một quy chế chi tiêu nội bộ được soạn

thảo kỹ càng và nghiêm túc, Nhà trường vẫn đảm bảo được cho cán bộ giảng viên nguồn thu nhập khá ổn định, có tăng trưởng hằng năm tuy không lớn để có cuộc sống vật chất ổn định, an tâm với công việc tại trường.

Nhìn tổng thể, Trường ĐHCN hiện là một tập thể năng động, giàu tính sáng tạo, đoàn kết, tâm huyết cùng hướng tới mục tiêu phấn đấu trở thành một đơn vị đào tạo đại học có đẳng cấp cao trong cộng đồng ĐHQGHN nói riêng và trong cộng đồng giáo dục đại học nước nhà nói chung. Trong giai đoạn 2009-2014, cho dù gặp rất nhiều khó khăn về công tác cán bộ, Trường ĐHCN vẫn luôn luôn là một địa chỉ hấp dẫn thu hút được nhiều cán bộ trẻ có trình độ tiến sĩ về công tác.

Đánh giá chung: Sau 10 năm thành lập, Trường ĐHCN đã đạt được nhiều thành tựu, trưởng thành về mọi mặt, có đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao, môi trường làm việc và học tập trong sáng, và sáng tạo, môi trường nghiên cứu tích cực, hiện đại đã khẳng định được chất lượng trong đào tạo, uy tín trong khoa học, vị thế trong hợp tác; là địa chỉ tin cậy của các cơ quan quản lý, các đối tác và người sử dụng lao động. Nhà trường có được

các thành tựu như vậy ngoài sự nỗ lực cố gắng của đội ngũ cán bộ giảng viên trình độ cao, đội ngũ cán bộ quản lý được tôi luyện, còn nhờ cơ chế và sự ủng hộ của ĐHQGHN, sự hỗ trợ của các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN hợp tác hiệu quả từ mô hình Trường – Viện – Doanh nghiệp do GS.VS. Nguyễn Văn Huệ đặt nền móng. “Đặc trưng bồi dưỡng nhân tài” trong hoạt động của Nhà trường tiếp tục được vun đắp và làm sâu sắc hơn.

Trước mắt chúng ta là tương lai rộng mở, bước sang một giai đoạn mới phát triển bền vững, đưa Trường ĐHCN tiếp cận nhanh với các chuẩn mực quốc tế góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng Nhà trường trở thành trường đại học nghiên cứu tiên tiến; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phát triển tại cơ sở mới tại Hòa Lạc.

Phần II. Nhân vật - Sự kiện



GS.VS. Đào Trọng Thi
Ủy ban Văn hóa- Giáo dục- Thanh niên- Thiếu niên và nhi đồng Quốc hội
Nguyên Giám đốc ĐHQGHN

Trường Đại học Công nghệ đi đầu trong mô hình khoa trực thuộc phát triển thành trường đại học thuộc ĐHQGHN

Xin Giáo sư cho biết chủ trương và các bước chuẩn bị trong lộ trình thành lập Trường Đại học Công nghệ- ĐHQGHN?

Năm 1993, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/CP về việc thành lập ĐHQGHN trên cơ sở sắp xếp tổ chức lại ba trường đại học hàng đầu. Đó là Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (ĐHTHHN), trường ĐH Sư phạm Hà Nội 1 và trường ĐH Sư Phạm Ngoại ngữ Hà Nội. Ban đầu, về cơ bản ĐHQGHN chỉ có khoa cơ bản và dự kiến sẽ tiếp tục sáp nhập thêm một số trường đại học khác ở Hà Nội thuộc lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế để ĐHQGHN có cơ cấu đa ngành, đa lĩnh vực. Sau khi Chính phủ có quyết định thành lập ĐHQGHN, lãnh đạo và cán bộ công nhân viên ĐHQGHN cũng rất tích cực triển khai thực hiện chủ trương này của Chính phủ. Nhưng sau một thời gian thực hiện đã phát hiện ra rằng nếu như chúng ta tiếp tục sáp nhập tiếp các trường đại học khác vào ĐHQGHN để đạt được một cơ cấu đa ngành, đa lĩnh vực thì đó là nhiệm vụ khó khăn và không có hiệu quả. Bởi vì các trường đại học của Việt Nam thời gian đó có tính đơn lĩnh vực, chuyên sâu rất cao. Bởi vậy, nếu chúng ta muốn đạt được cơ cấu đa ngành, đa lĩnh vực thì chúng ta

phải tập hợp rất nhiều trường đại học ở Hà Nội thời gian đó. Hơn nữa, chất lượng các trường đại học lúc đó không đồng đều và chất lượng của từng ngành, từng chuyên ngành trong một trường đại học không đồng nhất. Do vậy, nếu chúng ta đi theo con đường đó thì chúng ta sẽ phân tán sự đầu tư và không đạt được mục tiêu xây dựng một đại học đa ngành, đa lĩnh vực nhưng chất lượng cao.

Xuất phát từ tình hình đó, lãnh đạo ĐHQGHN quyết định lựa chọn một con đường khác, sẽ thành lập những đơn vị mới để hình thành những lĩnh vực mới ngoài lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn và ngoại ngữ hiện có. Thế thì cách thực hiện sẽ lựa chọn những đơn vị có tính chất ứng dụng cao hơn, có tính kỹ thuật nhiều hơn trong các đơn vị của trường ĐH Khoa học Tự nhiên (KHTN), trường ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn (KHXH&NV) để phát triển lên thành những trường đại học thành viên mới.

Kỳ vọng của ĐHQGHN vào Trường Đại học Công nghệ thời điểm đó như thế nào?

Để thành lập được một trường đại học, ĐHQGHN đã quyết định bước đầu tiên là



thành lập khoa trực thuộc. Và khoa này có một đặc thù riêng của ĐHQGHN, tức là về mặt hành chính tương đương với các trường đại học nhưng không có đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn như trường đại học mà phải phối hợp với ĐHQGHN mới thực hiện đầy đủ được một quy trình đào tạo cho đến cấp bằng.

Sau khi thành lập khoa trực thuộc được đầu tư phát triển và đến khi đáp ứng yêu cầu sẽ báo cáo Chính phủ để thành lập trường đại học thành viên mới, có tiền thân là khoa trực thuộc tương ứng. Trường Đại học Công nghệ (ĐHCN) cũng ra đời theo quy trình đó. Ban đầu thành lập là khoa trực thuộc rồi sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương sẽ được nâng cấp lên thành một trường đại học. Trường đại học này khi ra đời đáp ứng được một kỳ vọng của lãnh đạo ĐHQGHN cũng như cán bộ, sinh viên ĐHQGHN là giải quyết, khắc phục được khiếm khuyết của ĐHQGHN thời gian đó, tức là trên thực tế là một trường đại học chỉ gồm các lĩnh vực khoa học cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và ngoại ngữ. Trên cơ sở kinh nghiệm xây dựng phát triển trường ĐHCN, sau đó ĐHQGHN tiếp tục xây dựng các trường thành viên mới trong các lĩnh vực khác

như Đại học Kinh tế, Đại học Giáo dục... Từng bước để hình thành lên một cơ cấu đa ngành, đa lĩnh vực của ĐHQGHN như hiện nay. Đó là một ý nghĩa rất to lớn của việc xây dựng và phát triển trường ĐHCN trong ĐHQGHN.

Thưa Giáo sư, tại sao trong thời điểm đó lãnh đạo ĐHQGHN lại chọn lĩnh vực công nghệ đi đầu tiên trong các lĩnh vực truyền thống khác như kinh tế, luật?

Thứ nhất là, kinh tế và luật khi đó đã có trong ĐHQGHN thậm chí có trước đó ở trường ĐHTHHN. Đương nhiên khi đó nó tồn tại với quy mô ở một khoa trực thuộc trường ĐHTHHN và sau đó là trường ĐH KHXH&NV. Còn đối với lĩnh vực công nghệ hoàn toàn không có ở trường ĐHTHHN và sau đó, cả ở ĐHQGHN, khi đó nó chỉ xuất hiện lẻ tẻ ở một số những bộ môn, có khi chỉ có ở một số nhóm thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản nhưng mà có tính ứng dụng và tính chất công nghệ trội hơn một chút so với các lĩnh vực khoa học cơ bản khác. Bởi vậy, lãnh đạo ĐHQGHN có nguyện vọng mạnh mẽ và mong muốn được nhanh chóng thoát khỏi tình cảnh là một đại học được xác định là đại học đa ngành đa lĩnh

vực, nhưng trên thực tế lại chỉ có lĩnh vực khoa học cơ bản trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn.

Thứ hai là, lãnh đạo ĐHQGHN khi đó trực tiếp chỉ đạo triển khai việc thực hiện thành lập các đơn vị mới, các trường đại học thành viên mới trong ĐHQGHN đều là các nhà khoa học và quản lý thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên. Bởi vậy sẽ có điều kiện nắm vững, hiểu biết sâu sắc, sát sao hơn lĩnh vực khoa học tự nhiên so với các lĩnh vực khác. Thế mà các trường đại học mới như tôi đã nói ở trên đều dựa trên cơ sở những đơn vị hiện có của trường ĐHTHHN mà sau đó là trường ĐH KHTN hoặc trường ĐH KHXH&NV. Cuối cùng, chúng tôi tập trung đầu tư vào Trường ĐHCN. Và đây cũng là bài toán rất khó vì bắt đầu từ cái không có gì so với những lĩnh vực kinh tế, luật thì đã có các khoa trực thuộc các trường đại học thành viên. Khi mình thực hiện xong các nhiệm vụ khó thì những nhiệm vụ đối với phần còn lại sẽ dễ dàng hơn vì đã có kinh nghiệm.

Xin Giáo sư cho biết những khó khăn trong thời gian đầu thành lập như thế nào?

Khoa trực thuộc là mô hình rất đặc biệt và đặc thù mà chỉ có ở ĐHQGHN vì hiện nay ĐHQGHN có hai cấp gồm cấp ĐHQG và cấp các trường đại học thành viên. Vì vậy, khoa trực thuộc ĐHQG về mặt hành chính ngang với một trường đại học thành viên. Nhưng về mặt chuyên môn các chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ trong thực hiện một quy trình đào tạo thì không được giao nhiệm vụ đầy đủ. Thí dụ như không được quyền cấp bằng mà bằng của sinh viên tốt nghiệp các khoa trực thuộc phải do Giám đốc ĐHQGHN ký, còn bằng của sinh viên tốt nghiệp các trường đại học thành viên khác do hiệu trưởng ký theo luật giáo dục trước kia và luật GD ĐH hiện nay. Nghĩa là mô hình rất mới nhưng tại sao ĐHQGHN hồi đó lại chọn bắt đầu từ mô hình này? Thực ra điều đó cũng dễ hiểu, với tính tự chủ cao



của ĐHQGHN thì Giám đốc ĐHQGHN có quyền thành lập khoa trực thuộc nhưng nếu thành lập trường đại học thành viên thì phải là Thủ tướng. Nếu thành lập khoa trực thuộc trước thì sẽ chủ động hơn, chỉ cần mình tự cân nhắc và quyết định còn nếu muốn thành lập trường thành viên ngay phải báo cáo với Thủ tướng và đây là yêu cầu cao để chuẩn bị đề án. Vì vậy, tất cả các trường thành viên của ĐHQGHN đều đi theo một lộ trình. Bắt đầu từ việc xây dựng khoa trực thuộc trên cơ sở một số đơn vị hiện có trong lĩnh vực chuyên môn. Rồi sau đó, ĐHQGHN sẽ đầu tư phát triển, đến khi hội đủ các điều kiện mới hình thành đề án và báo cáo chính phủ để thành lập hoặc nâng cấp thành một trường đại học thành viên.

Khó khăn chính khi thành lập khoa Công nghệ là chúng ta bắt đầu từ không có gì, khoa Kinh tế có một khoa kinh tế trực thuộc trường ĐH KHXH&NV. Khoa Luật cũng có một khoa luật trực thuộc trường ĐH KHXH&NV. Nhưng khoa Công nghệ chúng ta chưa có đơn vị nào ở các trường đại học thành viên được mang danh là đơn vị đào tạo lĩnh vực Công nghệ. Khi

chúng ta thành lập khoa Công nghệ chúng ta phải xuất phát từ một số bộ phận lác đác ở khoa Toán, khoa Vật lý mà phải liên quan đến hai lĩnh vực là Tin học và Điện tử Viễn thông. Từ đó, chúng ta tập hợp lại và hình thành một đơn vị đầu tiên mang tên là Công nghệ. Vì vậy, chúng ta bắt đầu từ một xuất phát điểm rất thấp và đương nhiên rất khó khăn.

Chưa kể, khó khăn còn ở việc chúng ta không có đội ngũ, chưa có bộ máy hoạt động (các khoa khác ít ra còn có ban chủ nhiệm khoa, cơ chế, đội ngũ giảng viên... chỉ có điều đang ở cấp trực thuộc trường và bây giờ trở thành cấp trực thuộc ĐHQGHN). Nhưng khoa Công nghệ không có tất cả những điều đó, bởi vậy chúng ta phải có bộ máy, đội ngũ giảng viên, hình thành một bộ máy quản lý, đây cũng là khó khăn.

Việc “hóa giải” những khó khăn đã được thực hiện như thế nào, thưa Giáo sư?

Chúng ta hóa giải nó bằng cách nào? Tôi cũng phải nói đây cũng là chúng ta gặp tính huống cụ thể và khai thác được tình

huống đó bằng việc thu hút được GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu tham gia. Hồi đó, GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu là một nhà Vật lý rất nổi tiếng của Việt Nam. Lúc đó, GS không làm Viện trưởng nữa mà chuyển sang làm Chủ tịch hội đồng của Viện Khoa học Việt Nam, bởi vậy GS đã trút được gánh nặng quản lý. Và GS rất tâm huyết với sự nghiệp đào tạo và sẵn sàng nhận làm Chủ nhiệm khoa đầu tiên của Khoa Công nghệ. Như vậy chúng ta được một nhà khoa học rất lớn, mà đúng trong lĩnh vực công nghệ. Là GS Vật lý nhưng làm nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực ứng dụng vật lý và liên quan đến công nghệ.

Bên cạnh đó, với sự tham gia của GS. Nguyễn Văn Hiệu chúng ta thu hút được các nhà khoa học và các phòng thí nghiệm ở Viện tham gia cùng chúng ta để hình thành nên một đơn vị mới. Đây cũng là một kinh nghiệm rất quý của chúng ta, tức là Khoa Công nghệ thực chất hình thành trên một sự hợp tác giữa hai cơ quan khoa học lớn của ĐHQGHN và Viện. Bởi vậy, chúng ta tập hợp được đội ngũ các nhà khoa học rất mạnh. Chúng ta cũng có được các nhà quản lý có uy tín như GS.

**ĐẢNG BỘ VÀ SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ NHỊT LIỆT CHÀO MỪNG
LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**



VS. Nguyễn Văn Hiệu. Cũng nhờ uy tín và tầm ảnh hưởng của GS mà có thể nói là chúng ta hình thành được một đơn vị tập hợp từ nhiều nguồn khác nhau. Tôi phải nói nếu không có vai trò của GS. Nguyễn Văn Hiệu thì rất có thể chưa chắc đã tạo ra được sự đoàn kết nhất trí cao như vậy. Chính vì vậy, có thể nói đơn vị đào tạo của ĐHQGHN tuy là mới nhưng cũng có mối quan hệ rộng rãi với cơ quan đào tạo và nghiên cứu hàng đầu ở Việt Nam. Có lẽ đây là một trong những yếu tố làm nên sự thành công của Khoa Công nghệ.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập trường, Giáo sư có đánh giá và chia sẻ như thế nào về sự trưởng thành và phát triển của Nhà trường?

Trường Đại học Công nghệ (ĐHCN) xuất phát từ Khoa Công nghệ trực thuộc ĐHQGHN và sau một vài năm phấn đấu rất nỗ lực đã có đủ điều kiện để báo cáo

với Chính phủ để xin nâng cấp thành trường ĐHCN. Đây cũng là trường đại học thành viên đầu tiên mới của ĐHQGHN ngoài ba trường có sẵn là trường ĐH KHTN, ĐH KHXH&NV và trường ĐHNN. Từ đó đến nay, trường ĐHCN đã trải qua một giai đoạn phát triển và đạt được nhiều thành tựu.

Trước hết là, nó không còn chỉ gồm hai phân khoa là khoa Công nghệ Thông tin và khoa Điện tử- Viễn thông như ban đầu, mà hiện nay được bổ sung thêm khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nanô, khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa. Điều đó cho thấy, trường ĐHCN không còn là một trường đại học thành viên về cơ cấu chuyên môn chỉ có công nghệ thông tin mà hiện nay có công nghệ cao khác như là vật liệu mới, tự động hóa... Tôi cho rằng như thế về cơ bản cơ cấu ngành nghề của Trường đã đạt được sự hoàn chỉnh.

Có lẽ trong thời gian tới không nên quan tâm nhiều đến mở rộng cơ cấu ngành

nghề, mà tốt nhất nên giữ nguyên tắc chúng ta đã thành công, tức là có một sự chọn lọc rất kỹ về các ngành nghề trong các trường đại học này.

Trong thời gian sắp tới, chúng ta nên chuyển sang hướng ưu tiên khác đó là phát triển trường thành một trường đại học nghiên cứu hoặc định hướng nghiên cứu trên cơ sở chúng ta phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng tạo cùng với việc chúng ta đẩy mạnh hoạt động đào tạo chất lượng cao có trình độ cao. Nếu chúng ta đạt được các tiêu chí như vậy, theo phân loại hiện nay của hệ thống giáo dục Việt Nam thì trường ĐHCN sẽ trở thành một trường đại học định hướng nghiên cứu, và tôi cho rằng đó là một con đường tương lai mà trường ĐHCN cần phấn đấu để đạt được.

Xin cảm ơn Giáo sư!

Thanh Bình (thực hiện)



GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu
Hiệu trưởng sáng lập của trường ĐHCN

15 năm tháng khó quên trong cuộc đời

ĐHQGHN nổi duyên GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu với trường ĐHCN

Tôi đến với trường Đại học Công nghệ hoàn toàn là một cơ duyên khi tôi rất mong muốn được đóng góp vào việc phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thành một "tập đoàn" đại học đa lĩnh vực, nhanh chóng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và có danh tiếng trên thế giới theo kỳ vọng của cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Đúng 15 năm trước đây, tôi chuyển từ Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Viện HL KH&CN Việt Nam) về làm việc tại ĐHQGHN. Lúc đó ĐHQGHN mới chỉ có 3 trường thành viên là trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN), trường Đại học Khoa học Xã và Nhân văn (ĐHKHXH&NV) và trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN). Lúc đó chưa thể gọi là một tập đoàn đại học đa lĩnh vực được, thế thì nhiệm vụ cấp bách nhất của ĐHQGHN lúc bấy giờ là phải thành lập một trường đại học để giảng dạy và nghiên cứu về các lĩnh vực công nghệ. Chính là theo ý kiến của cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt. GS.VS. Nguyễn Văn Đạo đã mời tôi chuyển hẳn về ĐHQGHN để thực hiện nhiệm vụ cấp bách này mà việc khởi đầu là thành lập khoa Công nghệ trực thuộc ĐHQGHN.

Thời điểm đó, để thành lập khoa Công nghệ có hai bài toán lớn cần giải quyết gồm cơ sở vật chất và đội ngũ các nhà khoa học được tập hợp từ trường ĐHKHTN về khoa Công nghệ còn rất nhỏ bé và ít

người có trình độ khoa học cao. Rất may bài toán thứ nhất tôi không phải giải gì cả vì các đồng chí lãnh đạo ĐHQGHN lúc bấy giờ là GS. Nguyễn Văn Đạo, GS. Đào Trọng Thi đã hết sức quan tâm và ủng hộ. Có thể nói rất may mắn khi một trong hai bài toán vất vả nhất đã được chính ĐHQGHN giải quyết. Bài toán thứ hai không ai có thể làm thay khoa Công nghệ, nên khoa phải tự làm, tự đào tạo đội ngũ giảng viên mới. Lúc đó, tôi nhanh chóng thiết lập quan hệ hợp tác với một số nước châu Âu và một số trường đại học ở bên Mỹ và thực hiện ba giải pháp. Giải pháp thứ nhất là tuyển chọn những cán bộ xuất sắc nhất của khoa, lúc đó mới có bằng cử nhân để cử đi đào tạo ở những nước tiên tiến. Giải pháp thứ hai là khoa có chính sách ưu đãi để thu hút những cán bộ khoa học trẻ của Việt Nam đi làm luận án tiến sỹ hoặc sau tiến sỹ ở những nước tiên tiến, để thu hút họ về làm việc trong khoa. Giải pháp thứ ba là mời một số giáo sư Việt kiều về làm việc, có thể không phải toàn bộ thời gian nhưng trong một năm có thể giảng dạy được mấy tháng ở khoa. Vì vậy, tôi rất vui mừng khi đội ngũ cán bộ chủ chốt nhà trường hiện nay từ lãnh đạo trường, khoa cho đến các trưởng phòng đều thuộc số cán bộ trẻ được đào tạo từ thời đó.

Những điều trần trở vấn đề là những đơn vị tách ra từ trường ĐHKHTN để về khoa Công nghệ, khi chuyển về chỉ mang theo các thói quen. Mà các thói quen của các nhóm rất khác nhau, cũng phải nói thế này là thời kỳ đó tất cả các trường đại



học là việc quản lý tài chính lỏng lẻo. Việc đầu tiên tôi phải làm là xây dựng cho được khối đoàn kết, nhất trí trong tất cả các giảng viên, cán bộ, nhân viên ở trong khoa. Thứ hai phải thiết lập cơ chế quản lý rõ ràng, minh bạch, công khai, dân chủ và nghiêm khắc. Rất may chủ trương của tôi thực hiện hai hoạt động đó là xây dựng khối đoàn kết trong toàn khoa và thiết lập cơ chế quản lý và tuân thủ các quy định của nhà nước đã được các đồng chí đảng viên trong khoa, các nhà khoa học chủ chốt và đông đảo anh chị em hết sức ủng hộ. Cho nên việc đó thành công.

Trường ĐHCN khác biệt so với những trường trong nước

Bản thân tên trường đã nói lên được nhiệm vụ là phải giảng dạy và đào tạo một số lĩnh vực công nghệ mà trước đây lĩnh vực này ĐHQGHN chưa có. Cho nên tên trường ở chừng mực nào đó phản ánh được định hướng của lãnh đạo ĐHQGHN nhưng “Công nghệ” vẫn còn rộng quá. Sau khi bắt tay xây dựng khoa và căn cứ vào tình hình cụ thể thì chúng tôi cùng các đồng chí trong Đảng uỷ, các anh trong ban chủ nhiệm khoa và các nhà khoa học chủ chốt đã định ra được chiến lược xây dựng trường ĐHCN, khác hẳn các trường công nghệ khác trong nước, kể cả các trường đàn anh rất nổi tiếng trong nước

như trường ĐHBK. Con đường mà chúng tôi lựa chọn là tập trung hết sức vào những lĩnh vực công nghệ cao phát triển trên cơ sở những thành tựu mới nhất của khoa học tự nhiên, nó có rất nhiều những công nghệ truyền thống dẹt may, công nghệ hóa chất, công nghệ cơ khí... tất cả cái đó phát triển, nhưng mình không đi vào cái đó. Mình chọn những lĩnh vực đòi hỏi có trình độ khoa học kỹ thuật cao nhất mà ngay cả những trường đàn anh cũng khó theo kịp mình. Chúng tôi chọn 4 hướng gồm khoa học máy tính và công nghệ thông tin, điện tử và truyền thông, vật lý kỹ thuật và công nghệ nano, cơ học kỹ thuật và tự động hóa. Đây là một điểm khác biệt của trường.

Điểm thứ hai cho đến nay vẫn nổi bật nhất trong cả nước là sự liên kết giữa trường với các viện nghiên cứu, giữa các khoa của trường ĐHCN cũng như là trước đây là các bộ môn của khoa. Khoa Công nghệ liên hệ rất mật thiết với các viện thành viên của Viện HL KH&CN Việt Nam, mời các nhà khoa học giỏi của viện làm giảng viên kiêm nhiệm và gửi sinh viên, học viên cao học đến làm thí nghiệm tại các phòng thí nghiệm rất hiện đại của viện. Cho đến nay trong nước chưa có trường đại học nào có mối quan hệ với các viện nghiên cứu như là trường ĐHCN của chúng ta.

Điểm khác biệt thứ ba là mối liên hệ giữa

nhà trường với doanh nghiệp mà có thể nói sự nổi bật nhất là sự hợp tác của trường với Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp (IMI) - một doanh nghiệp khoa học công nghệ hoạt động theo hình thức cổ phần. Trên cơ sở giữa hợp tác trường-viện-doanh nghiệp thì trường bây giờ trở thành trọng tâm thực hiện mối liên kết trường đại học - viện nghiên cứu và doanh nghiệp. Tôi nghĩ rằng cho đến ngày hôm nay ở nước ta trường ĐHCN vẫn là trường đi đầu trong lĩnh vực này.

Cuối cùng điểm khác biệt so với các trường đại học trong nước là chất lượng đào tạo, nhà trường chủ trương “quý hồ tinh bất quý hồ đa” nghĩa là ít sinh viên nhưng đào tạo với chất lượng thật cao. Không tuyển hàng năm với quá nhiều sinh viên, với số lượng cán bộ như vậy thì chỉ tuyển sinh viên mức ở vừa phải. Nhưng việc tuyển ít sinh viên cũng ảnh hưởng không nhỏ tới thu nhập của cán bộ. Vậy giải quyết bằng cách nào? Cuối cùng, các đồng chí lãnh đạo trường đã có cách giải quyết rất tốt là đi tiên phong trong việc xây dựng trường đại học nghiên cứu, khuyến khích các cán bộ khoa học đăng ký các đề tài nghiên cứu các cấp, các đề tài dự án đặt hàng từ doanh nghiệp và từ đó có nguồn thu nhập thêm từ các đề tài. Như vậy mình không thu nhập ở chuyện đi dạy tràn lan thì mình có thu nhập cao nhờ tham gia các đề tài, dự án. Chính vì thế cho nên hiện nay trường vẫn là trường đại học có tỷ lệ kinh phí từ việc đăng ký đề tài các cấp so với số cán bộ là cao nhất. Tôi nghĩ đó là điểm khác biệt hẳn giữa trường với các trường khác.

Đội ngũ lãnh đạo kế cận sẽ đưa trường trở thành một trường tiên tiến trong khu vực

Cũng phải nói tôi về ĐHQGHN cách đây đúng 15 năm, 5 năm làm Chủ nhiệm khoa khoa Công nghệ để xây dựng trường ĐHCN trong tương lai. Sau đó, cách đây



sức làm được. Tất cả những gì tôi đề xuất các đồng chí đều hiểu và sẽ thực hiện. Cho nên sau 6 tháng tôi viết đơn xin từ chức với sự đảm bảo là những người kế cận tôi hoàn toàn làm được việc, không kém tôi và tôi nghĩ có thể làm hơn thế cơ. Như vậy là Giám đốc Đào Trọng Thi cho phép tôi được từ chức và đồng chí Phó Hiệu trưởng Nguyễn Hữu Đức lên làm Hiệu trưởng. Cho đến nay sau 10 năm trường ĐHCN đã có ba đời hiệu trưởng. Phải nói như thế này, các đồng chí hiệu trưởng kế nhiệm tôi lãnh đạo rất xuất sắc, có thể có những thiếu sót nhỏ, nhân vô thập toàn nhưng về cơ bản mà nói các đồng chí lãnh đạo rất giỏi. Và dưới sự dẫn dắt, lãnh đạo của hai hiệu trưởng đồng chí Nguyễn Hữu Đức và đồng chí Nguyễn Ngọc Bình thì trong 9 năm qua đến bây giờ trường vẫn đang tiến bước trên lộ trình xây dựng trường ĐHCN thành một trường tiên tiến trong khu vực và có danh tiếng trên thế giới theo đúng kỳ vọng của cố thủ tướng Võ Văn Kiệt.

T.Bình (thực hiện)

10 năm lập đề án xây dựng trường và khi đề án được thông qua có vấn đề là bây giờ cử ai làm hiệu trưởng. Quả thực lãnh đạo một trường đại học như thế lần đầu tiên cũng khó khăn, cho nên lãnh đạo ĐHQGHN vẫn tha thiết yêu cầu tôi nhận nhiệm vụ hiệu trưởng nhưng năm đó tôi đã 66 tuổi rồi, theo quy định nhà nước trên 55 tuổi không được cử làm hiệu trưởng lần đầu. Mà bây giờ GS. Đào Trọng Thi muốn cử tôi làm hiệu trưởng lần đầu trong lúc tôi 66 tuổi. Thế là phải xin phép Thủ tướng và lúc đó Thủ tướng Phan Văn Khải rất hiểu khó khăn việc xây dựng một trường đại học mới và khác hẳn các trường đại học khác. Cho nên Thủ tướng quyết định đồng ý cho tôi làm hiệu trưởng một nhiệm kỳ 4 năm. Thế nhưng tôi chỉ làm 6 tháng và tôi thấy đội ngũ kế cận vào các anh em trong BGH thừa

Ngày hội trí tuệ Việt Nam là “đàn tể cầu gió Đông của Khổng Minh”

NNgày 13/06/2005 đã diễn ra sự kiện với ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học tại Hội trường Thành ủy thành phố Nha Trang, với hơn 200 nhà khoa học trẻ Việt Nam trở về từ các trường đại học, viện nghiên cứu của Hoa Kỳ, Anh, Úc, Singapore... và từ các tỉnh, thành phố trong cả nước (từ Hà Nội đến Cần Thơ) đã có mặt để tham dự Lễ khai mạc Hội thảo "Gặp gỡ các nhà khoa học trẻ Việt Nam lần thứ nhất".

Ngay trong buổi khai mạc, GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu đã dành cho các nhà khoa học trẻ những lời tâm huyết: "Nếu không có các nhà khoa học trẻ về đây để làm chủ trường Đại học này thì cũng chẳng ích gì. Thế hệ chúng tôi chỉ mấy năm nữa là về hưu, già hết rồi. Trường xây ra nhưng không có người dạy thì làm sao thành trường đại học được. Cho nên chúng tôi tổ chức Hội nghị này, mời các nhà khoa học trẻ đến đây và xin giao trường đại học này cho các bạn. Tôi coi hội nghị tại Nha Trang hôm nay cũng như đàn tể cầu gió Đông của Khổng Minh".

Hội thảo được tổ chức bởi Trường Đại học Công nghệ (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Quỹ học bổng Giáo dục Việt Nam (VEF), với sự hỗ trợ của Phân viện Khoa học Vật liệu, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Ông Nguyễn Trọng Hoà - Phó chủ tịch Ủy



ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa, GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu, Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ, ông Phạm Đức Trung Kiên, Giám đốc điều hành Quỹ học bổng Giáo dục Việt Nam... là những vị khách quan trọng của buổi lễ khai mạc.

GS. Nguyễn Hữu Đức, Phó Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ, (Trưởng ban tổ chức Hội thảo): Năm 2008, trường sẽ đạt các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế

Phát biểu khai mạc, GS. Nguyễn Hữu Đức - Phó Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ (Trưởng ban tổ chức Hội thảo) cho biết: "Trường Đại học Công nghệ được Thủ tướng Chính phủ ra quyết định thành lập ngày 25/5/2004. Đây là một mô hình đại học hiện đại ở Việt Nam - mô hình trường đại học công nghệ trong một đại học đa ngành. Trường có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực đại học, sau đại học chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trên một số lĩnh vực khoa học - công nghệ cao, chọn lọc.

Trường đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2008 sẽ đạt các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế của một đại học nghiên cứu và số hoá trên một số lĩnh vực nghiên cứu và một số ngành đào tạo. Để thực hiện được mục tiêu trên, Trường đang tập trung huy động tất cả mọi nguồn lực có thể có trong và ngoài nước nhằm thực hiện một số khâu đột phá trong đào tạo và nghiên cứu khoa học".

Ngoài ra, trường Đại học Công nghệ và VEF còn ký kết hợp tác về việc hỗ trợ và tăng cường đội ngũ giảng viên cho nhà trường. Hàng năm, VEF sẽ tài trợ để Trường mời một số nhà khoa học Việt Nam ở Hoa Kỳ về giảng dạy và nghiên cứu tại trường.

Ông Nguyễn Trọng Hoà, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà: "Hy vọng, trong các nhà khoa học trẻ ở đây sẽ có người về làm việc tại Nha Trang"

Trong bài diễn văn đáp lễ, ông Nguyễn Trọng Hoà đã bộc lộ sự vui mừng: "Tại hội nghị này, các nhà khoa học trẻ Việt Nam sẽ có cơ hội tốt để nghe các giáo sư hàng đầu của Hoa Kỳ và Việt Nam thuyết trình về các thành tựu cũng như xu hướng phát triển khoa học mới nhất trong các lĩnh vực khoa học mũi nhọn của thế kỷ 21. Những điều này sẽ giúp cho họ trong học tập và nghiên cứu để sau này phục vụ tốt hơn cho sự phát triển của đất nước". Ông cũng khẳng định tầm quan trọng của Hội nghị này đối với các nhà khoa học ở Nha Trang: "Hội thảo này là một điều kiện tốt để họ được tiếp cận với các thành tựu khoa học hiện đại, đồng thời góp phần nâng cao hơn nữa vị thế của thành phố Nha Trang nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung".

Ông cho rằng trong quá trình phát triển của mình, tỉnh Khánh Hòa rất cần các nhà khoa học. Hy vọng, trong các nhà khoa học trẻ ở đây sẽ có người về làm việc tại Nha Trang.



GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu: "Chúng tôi "câu" các bạn trẻ về để bàn giao trường và sẵn sàng làm việc dưới quyền"

Khó có thể hình dung GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu đã ở tuổi 68 khi nghe bài phát biểu đầy nhiệt huyết tại buổi khai mạc này. Giọng nói sôi động, cách nói hóm hỉnh và giàu thông tin của VS đã khiến Hội trường chốc chốc lại rộ lên những tràng pháo tay.

GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu dành thời gian đáng kể để giới thiệu trường ĐHCN mà ông đang đảm trách chức vụ Hiệu trưởng. Ông tỏ ra rất vui khi giới thiệu đội ngũ những nhà khoa học đang có mặt tại trường như GS. Phan Đình Diệu, GS. Phan Anh, GS. Nguyễn Văn Điệp, GS. Lê Trần Bình.

Về cơ sở vật chất, hiện nhà trường đã bắt đầu được Nhà nước đầu tư để xây dựng tại khu vực cạnh đường Láng - Hòa Lạc. Nhà nước cho phép mời các công ty của nước ngoài làm tư vấn thêm thiết kế để làm sao xây dựng được một ngôi trường

đạt tiêu chuẩn hiện đại như các trường đại học ở các nước tiên tiến trên thế giới. "Tất cả những yếu tố trên đã đủ chưa? Bây giờ trường Đại học Công nghệ có hướng nghiên cứu rõ rệt, có một đội ngũ các nhà khoa học hàng đầu của đất nước, nhiệm vụ Nhà nước giao cho đã rõ rệt (Chính phủ đã quyết định đầu tư khoảng 800 tỷ cho việc xây dựng trường). Tưởng là đủ cả, nhưng vẫn thiếu.... Thiếu "ngọn gió đông ở sông Dương Tử", ông nói. Bằng tất cả sự tâm đắc, ông nhắc lại câu chuyện Chu Du muốn đánh trận Xích Bích để diệt Tào Tháo, mọi thứ đủ rồi nhưng khi chuẩn bị xuất kích thì phát hiện ra rằng mình đang thiếu gió đông để hỗ trợ cho hỏa tiễn đốt thuyền... Khổng Minh hiểu được lòng Chu Du và đã lập đàn cầu gió đông. Nhờ đó, trận Xích Bích toàn thắng.

"Tôi khẳng định rằng Đại học Quốc gia Hà Nội xây dựng trường Đại học Công nghệ cũng giống như Chu Du chuẩn bị trận chiến trên sông Dương Tử. Chuẩn bị đủ cả rồi nhưng chỉ thiếu một thứ: Gió

đông. Nếu không có các nhà khoa học trẻ về đây để làm chủ trường đại học này thì cũng chẳng ích gì. Thế hệ chúng tôi chỉ mấy năm nữa là về hưu, già hết rồi. Trường xây ra nhưng không có người dạy thì làm sao thành trường Đại học được. Cho nên chúng tôi tổ chức Hội nghị này, mời các nhà khoa học đến đây và xin giao trường Đại học này cho các bạn, coi hội nghị tại Nha Trang này cũng như đàn tế cầu gió Đông của Khổng Minh.

Trong hội nghị này, đặc biệt có các em đang học ở Hoa Kỳ về dự và có các em sắp đi làm nghiên cứu sinh ở Hoa Kỳ, có thể có một số em nghiên cứu sinh Việt Nam ở các nước khác - các em chính là Gió Đông của trận chiến mà Đại học Quốc gia Hà Nội đang lâm vào: xây dựng một trường đại học đạt trình độ quốc tế. Tất nhiên, hôm nay "lập đàn" thì không phải "gió Đông" sẽ thổi ngay, tôi hy vọng chỉ 3 năm nữa, gió Đông sẽ nổi lên.

Anh Phạm Đức Trung Kiên là Khổng Minh của trường, còn các nghiên cứu sinh học ở nước ngoài về là "gió đông" để tôi - đô đốc Nguyễn Văn Hiệu đánh thắng trận Xích Bích. Hội nghị này cũng là để tôi tuyên bố trao lại trường cho các bạn trẻ. "Đây là cuộc bàn giao thế hệ. Chúng tôi sẽ nguyện làm việc dưới quyền của các bạn, nếu các bạn đồng ý tiếp nhận thì cho chúng tôi một tràng vỗ tay".

Tất cả những gương mặt đều hồ hởi, những mái tóc xanh và những mái đầu bạc. Tiếng vỗ tay vang mãi không dứt.

"Khi biết tôi có ý định này, nhiều GS nhờ tôi nói hộ: "Các viện trường sẵn sàng chuyển giao các viện đó cho các bạn, miễn là các bạn học giỏi. Mong các bạn nói rằng "Viện này là của chúng tôi. Các ông đã có công xây dựng nên, giờ chúng tôi đã đủ sức tiếp nhận nó, các ông có thể yên tâm về nghỉ ngơi với gia đình"

Hôm nay, chúng tôi tổ chức cuộc này là lập đàn cầu gió đông".

Niềm phấn khích của ông viện sĩ 68 tuổi khiến không khí rộn ràng hẳn lên, khiến

giám đốc điều hành VEF phải dành cả mấy phút để chia sẻ ấn tượng của mình về phát biểu của GS.VS. Hiệu với những người tham dự.

Phạm Đức Trung Kiên (Giám đốc điều hành VEF): "Liên kết giữa VEF và trường Đại học Công nghệ là tiền đề cho sự hợp tác lâu dài giữa Việt Nam - Hoa Kỳ"

Chúng tôi hy vọng cuộc họp mặt khoa học này sẽ làm điểm khởi đầu của một vận hội mới cho Việt Nam: một vận hội giúp Việt Nam phát triển khoa học và công nghệ với công sức của toàn dân Việt từ khắp nơi trên thế giới với sự giúp đỡ đặc biệt của giới khoa học Hoa Kỳ. Chính vì thế chúng tôi gọi cuộc họp mặt này là "Nổi Vòng Tay Lớn"

Ước mong trên sẽ không thành hiện thực nếu không có sự liên kết và hỗ trợ của tất cả các bạn tại đây và các bạn khác hiện đang theo dõi chương trình này qua mạng toàn cầu VietNamNet. Chúng tôi kêu gọi các bạn trong 4 ngày tới đây hết lòng tham dự các cuộc thảo luận và ra sức tạo nên những liên hệ mật thiết để cùng nhau góp sức vào sứ mạng cao cả là phát triển đất nước và đưa Việt Nam vào một vị trí có tầm vóc lớn trong khoa học toàn cầu.

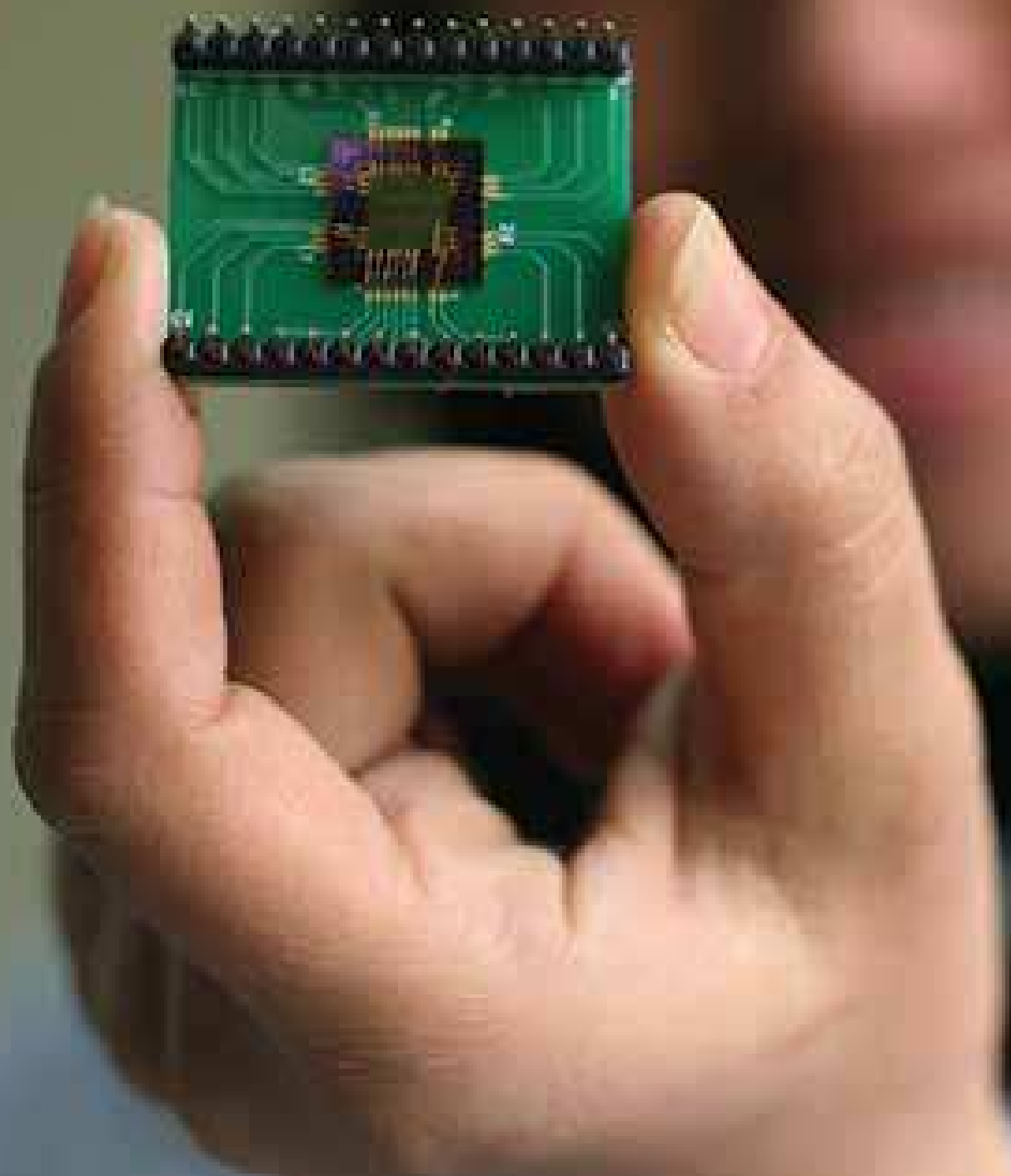
Khi còn sinh sống trong nước, tôi thường được đọc và nghe: Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, Sông có thể cạn, Núi có thể mòn nhưng chân lý ấy không bao giờ thay đổi. Chúng ta hãy cùng bắt tay nhau làm việc trong cùng chân lý ấy. Vào thứ 3 tuần tới, cũng đúng giờ này, Thủ tướng Phan Văn Khải sẽ bước chân vào Phòng Bầu Dục của Nhà Trắng để họp riêng cùng Tổng thống Hoa Kỳ George W. Bush. Đây là sự kiện mang tầm quan trọng lịch sử và chúng tôi hy vọng rằng sự hợp tác và liên kết giữa Quý Giáo Dục VEF và trường Đại học Công nghệ để tạo ra một vận hội mới về khoa học cũng là tiền đề cho sự hợp tác lâu dài khác giữa hai quốc gia Việt Nam - Hoa Kỳ."

Tiếp theo buổi khai mạc là bài trình bày của GS. Lê Trần Bình với chủ đề: "Những xu hướng hiện nay trong nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học"

GS. Nguyễn Hữu Đức cho biết: "Hội thảo được tổ chức (từ ngày 13-16/6) nhằm tạo điều kiện cho các lưu học sinh VEF và cán bộ trẻ của trường Đại học Công nghệ gặp gỡ, giới thiệu kết quả và trao đổi kinh nghiệm học tập và nghiên cứu khoa học. Đồng thời, Hội thảo là cơ hội tốt để tăng cường sự giao lưu, hiểu biết giữa các nhà khoa học trẻ Việt Nam nói chung, hiện đang sống, học tập và nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước, qua đó đặc biệt khuyến khích các lưu học sinh trở về nước công tác sau khi tốt nghiệp. Tham gia Hội thảo có hơn 200 đại biểu, trong đó có: 25 lưu học sinh VEF từ Hoa Kỳ về, 26 sinh viên VEF vừa trúng tuyển, 13 lưu học sinh Việt Nam từ Anh, Đức, Thụy Điển, Úc, Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Thái Lan và các nhà khoa học trẻ đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu hàng đầu trong cả nước.

Các nhà khoa học mang tới Hội thảo 125 báo cáo khoa học về các lĩnh vực: Công nghệ Thông tin, Điện tử Viễn thông, Công nghệ Sinh học - Y sinh học, Khoa học Tự nhiên và các khoa học khác. Đó là các thành tựu mới nhất về khoa học mà các nhà khoa học trẻ Việt Nam trực tiếp tham gia thực hiện và tiếp thu được. Thêm vào đó có 7 báo cáo mời của các nhà khoa học Hoa Kỳ.

Nguồn vietnamnet.vn





GS.TS. Nguyễn Hữu Đức
Phó Giám đốc ĐHQGHN
Hiệu trưởng nhiệm kỳ I của Trường ĐHCN

4 định hướng ưu tiên, 3 quan điểm phát triển và 2 nhóm sản phẩm là những nhiệm vụ chính trong thời kỳ đầu thành lập

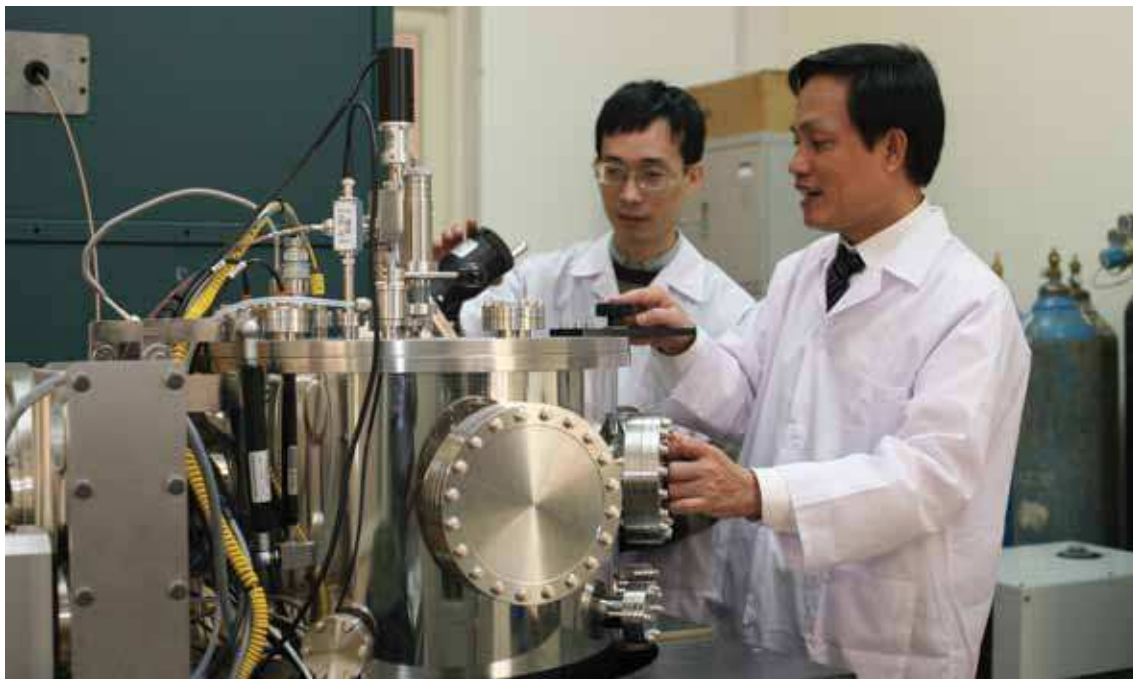
Xin Giáo sư cho biết một số nhiệm vụ quan trọng của Nhà trường sau khi Giáo sư trở thành Hiệu trưởng nhiệm kỳ I của trường ĐHCN?

Trong giai đoạn những năm đầu phát triển của Nhà trường chúng tôi vừa phải xác định các định hướng và các lĩnh vực khoa học công nghệ ưu tiên của Nhà trường. Đồng thời cũng phải xác định quan điểm phát triển và cũng phải xác định, phát triển được các loại sản phẩm của Nhà trường. Sau các buổi thảo luận rất dài, nghiêm túc và sôi nổi Nhà trường đã xác định được 4 lĩnh vực phát triển ưu tiên của Nhà trường được tóm gọn trong 4 chữ cái là chữ GRIN. Chữ G liên quan đến chữ GEN, tức là chúng tôi cũng muốn phát triển Công nghệ sinh học ở trong trường ĐHCN. Chữ R tiếng Anh tức là chữ ROBOTICS tức là trường ĐHCN cũng phải có định hướng phát triển về tự động hóa. Chữ I tức là Information Technology tức là chúng tôi rất quan tâm đến cốt lõi của Nhà trường trong lĩnh vực về CNTT-TT. Và chữ cuối cùng, chữ N là Công nghệ Nanô, cho đến bây giờ ngoài 4 chữ này thì Nhà trường có thể phát triển thêm chữ E liên quan đến tính chất công nghệ của Nhà trường, liên quan đến Công nghệ và Năng lượng, Công nghệ về biến đổi khí hậu, và về những Công nghệ tăng trưởng xanh

nhưng mà thời gian trước đây chúng ta xác định được 4 chữ cái đấy, 4 định hướng phát triển của Nhà trường là một sự tổng quát rất là cao.

Về các quan điểm phát triển thì Nhà trường cũng đã xác định được chúng ta cần dựa trên 3 quan điểm. Quan điểm thứ nhất, là quan điểm phát triển trường ĐHCN dựa vào CNTT-TT được CNTT-TT hỗ trợ. Nhưng ngược lại sẽ đặt hàng và tạo ra những bài toán nghiên cứu, phát triển cho lĩnh vực CNTT-TT. Quan điểm thứ hai là quan điểm phát triển dựa vào nội lực nhưng ngoại lực rất quan trọng. Trong môi trường phát triển ĐHCN từ bấy giờ chúng ta phải quan tâm phát triển mô hình phối thuộc, các phòng thí nghiệm, khoa phối thuộc giữa trường ĐHCN và các viện nghiên cứu thuộc Viện HL KH&CN Việt Nam và trong thời gian vừa rồi mô hình này cũng đã phát triển rất tốt. Quan điểm thứ ba của trường ĐHCN là phát triển hướng đến chất lượng quốc tế và hội nhập tốt.

Sau 4 định hướng ưu tiên, 3 quan điểm phát triển thì Nhà trường cũng xác định hai nhóm sản phẩm mà Nhà trường cần phải đạt được đến. Sản phẩm thứ nhất là nhóm các sản phẩm hoạt động thường xuyên, nhóm sản phẩm có thể đạt được đến trong thời gian trước mắt và hằng năm. Nhóm sản phẩm thứ hai, là nhóm sản phẩm chiến lược mà cần phải đầu tư



để không thể trong một năm có thể đạt được, thậm chí có thể đến 5- 7 năm sau chúng ta đạt được sản phẩm lớn. Đối với những sản phẩm của nhóm thứ nhất thì chúng ta cũng đã triển khai rất hiệu quả. Trong ba năm liền sinh viên của trường ĐHCN luôn luôn được lọt vào vòng chung kết của các cuộc thi sinh viên Lập trình quốc tế và vòng chung kết này bao giờ cũng là sinh viên của 100 các trường đại học hàng đầu thế giới. Về lĩnh vực CNTT-TT và 3 năm liền cán bộ, sinh viên, cựu sinh viên của trường ĐHCN đều có giải thưởng Nhân tài Đất Việt và cũng 3 năm liên tục từ sau ngày thành lập chúng ta luôn luôn đấu thầu và có những chương trình nghiên cứu, những đề tài nghiên cứu cấp nhà nước.

Đối với những sản phẩm có tính chiến lược như tôi đã nói ở trên trường ĐHCN ngay từ đầu đã quan tâm đến chữ G phát triển gen, phát triển về các bài toán về Công nghệ sinh học ở trong trường ĐHCN. Như chúng ta đã biết vừa rồi cùng với sự chuẩn bị ngay từ năm đầu như vậy, năm 2014 những kết quả về nghiên cứu thành công bộ gen người Việt đầu tiên là một minh

chứng cho công tác chuẩn bị để những sản phẩm chiến lược của Nhà trường. Và cũng có sản phẩm thứ hai nữa là chúng ta cũng đã khởi động, đầu tư cách đây 5 năm và đến hôm nay thì các nhà khoa học của Nhà trường cũng đã thiết kế xong một vi mạch đầu tiên của ĐHQGHN. Và chúng tôi hiện nay đang liên hệ với các công ty sản xuất lớn ở trên thế giới để đưa thiết kế này có thể sản xuất được vi mạch đầu tiên của ĐHQGHN. Và cũng có thể là sản phẩm nữa đầu tư dài hạn từ thời gian rất lâu, nhưng năm nay mới có đấy là những sensor đo từ trường rất nhạy mà có thể ứng dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống xã hội và cho phát triển công nghiệp Việt Nam.

Những ngày đầu tiên thành lập trường, Nhà trường đã gặp phải những khó khăn như thế nào?

Những năm đầu Nhà trường đã phải đối mặt với những khó khăn và thách thức lớn. Khó khăn thứ nhất, chúng ta đang phải đối mặt với một khó khăn chuyển từ quản trị đại học ở cấp khoa lên quản trị đại học cấp trường. Khó khăn thứ hai là



liên quan đến tính chuyên nghiệp và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ công tác quản lý và khó khăn thứ ba là khó khăn về cơ sở vật chất. Để giải quyết được những khó khăn này đặc biệt những khó khăn về tập tục truyền thống và thói quen cùng những khó khăn về quản trị đại học là những vấn đề rất lớn. Lúc đó, tôi nghĩ rằng chúng ta không thể giải quyết những khó khăn đó trong ngày một ngày hai được. Và giải pháp của chúng tôi đưa ra lúc ấy là không tập trung giải quyết những khó khăn của Nhà trường mà phải thực hiện thông qua một giải pháp gián tiếp. Đó chính là giải pháp về công tác chính trị tư tưởng. Chúng tôi đã tập trung vào những giải pháp để tập hợp được sự đồng lòng, đồng thuận, đồng tâm và hiệp lực của toàn thể cán bộ sinh viên của trường ĐHCN để tạo ra không khí làm việc mới, hi sinh quên mình vì sự phát triển giai đoạn đầu để tạo ra những động lực phát triển giai đoạn đầu cho Nhà trường.

Nguyễn Tùng (thực hiện)



GVCC. NGND. Hồ Sĩ Đàm

Nhiều Tiến sỹ trẻ và đầu vào tuyển sinh tốt: **HAI YẾU TỐ TIÊN QUYẾT**

Từ năm 1995 đến nay, GVCC. NGND Hồ Sĩ Đàm là một trong những nhà giáo lão thành với nhiều đóng góp cho sự hình thành và phát triển của Trường Đại học Công nghệ từ những ngày đầu là Khoa Công nghệ - ĐHQGHN. Nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày truyền thống của trường, tôi đã có may mắn được trò chuyện với thầy.

- **Thưa thầy để đảm bảo chất lượng cao trong đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường điều gì thầy quan tâm nhiều nhất?**

Tại cuộc Hội thảo về định hướng phát triển ĐHQGHN tại Ba Vì năm 2009 tôi có phát biểu đại ý, cần xác định đúng chính xác yếu tố nào là đích thực có tính tiên quyết đến chất lượng cao trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Chẳng hạn, mấy năm qua khoa CNTT trường ĐHCN có được một số thành tích nổi trội, hỏi nhờ đâu? Thường thì trong các báo cáo tổng kết hay có câu trả lời không bao giờ sai là do có đường lối, chủ trương đúng đắn, do chỉ đạo sáng suốt của cấp trên v.v... Những lý do sáo mòn và nhàm chán đó được lặp đi lặp lại năm này sang năm khác. Tôi có nói phải thay đổi tư duy nhìn đúng bản chất, đích thực để có động lực phát triển. Nếu khoa CNTT thiếu hai yếu tố quan trọng gồm đội ngũ khá đông Tiến sỹ trẻ, giỏi có nhiều công trình đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín và đầu vào tuyển sinh luôn ở tốp cao nhất trong các cơ sở đào tạo CNTT cả nước đầu có lãnh đạo sáng suốt đi chăng nữa thì liệu có đạt nhiều thành tích, kết

quả đầy ấn tượng như bây giờ không?

Hôm đó, nhiều người chia sẻ có ấn tượng tốt và đồng tình với phát biểu của tôi. Nhận diện đúng yếu tố quyết định là quan trọng nhưng cần có giải pháp thực thi mới là điều quan trọng hơn. Do vậy, sau đó tôi đã viết thành văn bản đề xuất một số giải pháp gửi Giám đốc, Phó Giám đốc ĐHQGHN, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường ĐHCN và Trưởng khoa CNTT.

- **Thưa thầy, làm thế nào để trường ĐHCN nói chung và khoa CNTT nói riêng có được một đội ngũ Tiến sỹ trẻ đầy tiềm năng như hiện nay?**

Có thương hiệu chưa đủ - Phải tạo nguồn: trường ĐHCN đã có thương hiệu nhưng còn nhiều việc phải làm mới thu hút được các tiến sỹ trẻ về trường nhiều hơn nữa. Nhất là trong bối cảnh giáo dục và đào tạo là môi trường ít hấp dẫn nhiều Tiến sỹ trẻ lập nghiệp.

Nhà trường đã tận dụng các quan hệ bạn bè thân quen để quảng bá giới thiệu nhằm thu hút, mời gọi các tiến sỹ mới tốt nghiệp ở nước ngoài về trường. Nhà trường coi trọng đơn giản hóa các thủ tục tuyển dụng, các Khoa linh hoạt trong phỏng vấn tạo môi trường thân thiện ngay từ đầu tiếp xúc. Trường chủ trương tuyển chọn bổ nhiệm các tiến sỹ trẻ có năng lực vào các chức vụ chủ chốt của khoa của trường mà không quá câu nệ tuổi đời, tuổi nghề, đảng viên hay không. Đây là một chủ trương có tầm nhìn để trẻ hóa đội ngũ cán bộ, tạo niềm



tin, phát huy năng lực và tâm huyết đóng góp, cống hiến của các tiến sỹ trẻ. Vấn đề khác không kém phần quan trọng là việc tạo nguồn để tuyển dụng người giỏi. Chủ trương về cán bộ tạo nguồn đã được hình thành từ thời Khoa Công nghệ. Nhà trường tạo điều kiện để nhiều sinh viên giỏi được ở lại trường tiếp tục học tập và tham gia các nhóm nghiên cứu. Môi trường làm việc hiện đại, thân thiện giúp sinh viên có cơ hội phát triển năng lực còn giảng viên có thêm nguồn lực cộng tác trong giảng dạy và nghiên cứu rất hiệu quả. Họ có sự đam mê, nhiệt huyết và năng lực của sức trẻ. Hầu hết các cán bộ tạo nguồn, sau khi bảo vệ tiến sỹ đều trở thành giảng viên trẻ đầy tiềm năng của trường. Đó là một chủ trương mạnh dạn có tầm nhìn.

Trường đã có nỗ lực quản lý thông thoáng, hỗ trợ tiến sỹ trẻ để họ có nhiều đề tài nghiên cứu cấp trường, cấp ĐHQGHN, cấp Bộ, Nhà nước. Thông qua các đề tài nghiên cứu khoa học đó mà số lượng các công trình được công bố ngày càng gia tăng rõ rệt qua từng năm và chất lượng nâng cao, rất có uy tín. Cũng nhờ

đó mà thu nhập thực tế của các tiến sỹ trẻ thực sự được cải thiện, giúp họ vượt qua nhiều khó khăn về chuyện ăn, chuyện ở của buổi đầu lập nghiệp, yên tâm chuyên chú cống hiến cho sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu.

- Thưa thầy, cơ duyên nào để trường ta đặc biệt là khoa CNTT ngày càng thu hút được nhiều học sinh giỏi vào học?

Có thương hiệu chưa đủ để tuyển sinh tốt - Phải quảng bá: Điểm chuẩn vào ngành CNTT có năm đạt 25,5 điểm, 30 học sinh được tuyển thẳng. Thế mà một vài năm sau đó chẳng hiểu sao số học sinh tuyển thẳng rất ít và điểm chuẩn xuống khá thấp, có năm dưới 20 điểm. Tôi trao đổi với lãnh đạo khoa và trường: Công tác tuyển sinh cực kỳ quan trọng, không quá tự tin mình đã có thương hiệu mà phải chủ động đi đến các trường chuyên có thương hiệu để quảng bá, mời gọi học sinh giỏi. Anh Nguyễn Việt Hà - Hiệu trưởng (lúc bấy giờ là Phó Hiệu trưởng) rất tâm huyết đồng tình, và ngày đó đã cho triển khai



nhiều đoàn đến giới thiệu về trường ở các trường chuyên, lớp chọn. Tôi vẫn còn nhớ ngày tôi cùng đoàn công tác tuyển sinh của trường đến các trường chuyên ở Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương để lại nhiều kỷ niệm đẹp.

Tiếp tục quảng bá: Mấy năm trước thành tích Đội tuyển Việt Nam tham gia Olympic Tin học Quốc tế (IOI VN) giảm sút, nhiều năm không có huy chương vàng và có năm không có huy chương bạc, có em không đạt huy chương đồng. Nhận ra thế mạnh của đội ngũ Tiến sỹ trẻ khoa CNTT trường ĐHCN tôi kiến nghị Bộ GD-ĐT đưa đội tuyển IOI VN về tập huấn tại trường ĐHCN. Về phía trường ĐHCN tôi trao đổi với Hiệu trưởng Nguyễn Ngọc Bình, Phó Hiệu trưởng Nguyễn Việt Hà và Trưởng khoa CNTT Phạm Bảo Sơn để trường nhận làm đầu mối tổ chức thi tuyển và tập huấn đội tuyển IOI VN, đội tuyển Olympic Tin học châu Á. Tuy công việc sẽ mất rất nhiều công sức, thời gian nhưng qua đó chắc chắn thương hiệu của trường và khoa được quảng bá rất tốt, đúng đối tượng. Các anh chia sẻ với tôi về điều đó. Do vậy,



tất cả các đội tuyển Olympic khác đều do ĐHSP HN làm đầu mối quản lý, riêng Tin học tách ra chuyển về cho trường ĐHCN, ĐHQGHN làm đầu mối quản lý, tổ chức thi tuyển, tập huấn. Trường ĐHCN, Khoa CNTT đã ưu tiên đầu tư mọi mặt về vật chất tinh thần cho công việc. Hằng năm, học sinh được giải quốc gia Tin học các tỉnh thành trong cả nước tề tựu về trường ĐHCN là đơn vị đăng cai tổ chức thi chọn và tổ chức tập huấn đội tuyển. Thương hiệu, uy tín trường ĐHCN, ĐHQGHN thêm phần được nâng cao vị thế, tuyển được nhiều học sinh giỏi vào trường. May mắn liên tục mấy năm liền thành tích của IOI VN được cải thiện, ổn định. Vậy là cả hai mục tiêu chung cho đất nước, riêng cho trường ĐHCN, cho khoa CNTT được kỳ vọng đã có những nét khởi sắc.

Nỗ lực được đền đáp xứng đáng: Điểm chuẩn vào trường cao dần lên nhất là của các ngành CNTT, ĐTVT được khôi phục và nâng cao rõ rệt. Số lượng học sinh đạt giải quốc gia quốc tế vào học trường ĐHCN gia tăng đáng mừng, năm 2014 con số đó chiếm tỷ lệ xấp xỉ 10%. Khoa CNTT tỷ lệ đó còn cao hơn lên đến trên 15%. Ba, bốn năm trở lại đây tất cả các học sinh dự thi Quốc tế Tin học đều vào học ngành CNTT của trường ĐHCN. Các con số này thật sự rất ấn tượng. Phải mất mười lăm năm phấn đấu của cả trường mới có được các thành tựu quan trọng làm hấp dẫn các

học sinh trong cả nước như vậy. Trong đó, phần đóng góp công sức của các thầy tận tụy dành nhiều tâm huyết cho IOI VN là một điểm sáng đầy ấn tượng.

Thêm một điểm nhấn quảng bá: Việc chấm thi ở các Olympic Tin học khu vực và quốc tế từ lâu đã được thực hiện tự động hoàn toàn theo theo hình thức chấm trực tuyến (online), đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng. Nhiều nước trên thế giới cũng đã sớm áp dụng hình thức chấm điểm rất hiện đại, ưu việt hiệu quả này. Ngay từ năm 2002 thời Khoa Công Nghệ đã tổ chức thi Lều chống Olympic sinh viên Tin học toàn quốc, mở đầu cho một hình thức thi hiện đại, hấp dẫn, làm kinh nghiệm cho thi ACM/IPCP sau này. Vì vậy, tôi đã đề xuất với Bộ GD&ĐT cho thực hiện hình thức thi tiên tiến online này để thi tuyển IOI VN. Năm 2014, tôi rất vui khi được tham gia cùng nhóm của anh Phạm Bảo Sơn soạn thảo văn bản, khảo sát ứng dụng phần mềm tổ chức thi chọn đội tuyển IOI VN và sau đó đã được Bộ GD&ĐT chấp thuận cho triển khai thực hiện tại trường ĐHCN, ĐHQGHN và đã thành công tốt đẹp. Hy vọng từ đây sự mở đầu tiên phong cách chấm thi Tin học của Việt Nam sẽ hòa nhập với chuẩn mực quốc tế. Ngay sau đó với sự đóng góp quan trọng của anh Hồ Đắc Phương, trường ĐHCN lại chủ trì mở đầu tổ chức kỳ thi ACM/ICPC bậc Trung học Phổ thông. Từ đây hằng

năm hàng chục hàng trăm học sinh giỏi Tin học của cả nước tề tựu vài ba lần về trường Công nghệ với biết bao phần chấn kỳ vọng. trường ĐHCN lại có thêm một điểm nhấn quảng bá đầy hiệu quả không chỉ với học sinh, phụ huynh, thầy giáo mà cả các nhà quản lý từ Bộ GD&ĐT cho đến các Sở GD&ĐT các trường chuyên trong cả nước.

- Thư thầy, nhân kỷ niệm 15 năm ngày truyền thống trường ĐHCN- ĐHQGHN thầy có điều gì suy ngẫm về trường ĐHCN trong những năm tới?

Cơ hội và thách thức: Trường Đại học Việt - Nhật thuộc ĐHQGHN đã được thành lập. Từ nay trường ĐHCN có thêm một người bạn, người anh em mới cùng lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu công nghệ cao đồng hành đầy tiềm năng. Đây một cơ hội để phát triển nhanh. Tuy vậy khi cùng lĩnh vực là công nghệ cao nhưng cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động và nhất là cơ chế điều hành, tự chủ có khác biệt có thể tiềm ẩn thách thức đối với trường ĐHCN nói chung và với khoa CNTT nói riêng. Hy vọng lãnh đạo nhiệm kỳ mới của trường ĐHCN sẽ sớm xác lập tư duy chiến lược xứng tầm để phát huy thế mạnh bản sắc riêng của trường mình cùng với trường Đại học Việt - Nhật khai thác thế mạnh và cơ hội mới hỗ trợ nhau cùng phát triển để tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh của một trường phái công nghệ cao hiện đại tiên tiến của ĐHQGHN có vị trí xứng tầm trong khu vực và quốc tế.

Nhân dịp này, tôi xin gửi lời chúc đến trường ĐHCN và khoa CNTT sẽ luôn phát triển xứng tầm với niềm tin, kỳ vọng của biết bao thế hệ sinh viên, giảng viên của tất cả những ai gắn bó thủy chung với khoa, với trường qua nhiều năm tháng. Xin trân trọng cảm ơn thầy!

Tuyết Nga (ghi)



GS.TSKH. Nguyễn Văn Điệp
Nguyên Chủ nhiệm khoa đầu tiên của Khoa
Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa

10 năm một chặng đường trưởng thành

Để chuẩn bị cho kỷ niệm 10 năm thành lập trường và 15 năm ngày truyền thống của trường Đại học Công nghệ (ĐHCN), GS.TSKH. Nguyễn Văn Điệp là một trong những người tham gia đầu tiên vào quá trình hình thành và xây dựng trường ĐHCN đã không khỏi nhớ lại những khó khăn, bước đi ban đầu phải vượt qua.

Những bước đầu tiên chuẩn bị Xin Giáo sư chia sẻ những trải trở về mô hình khoa Công nghệ vào những thời điểm đầu tiên?

Tôi nhớ cách đây 15-20 năm lúc đó các nhà khoa học của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam trước đây (nay là Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) và các nhà khoa học của ĐHQGHN luôn trăn trở một điều tại sao chúng ta khó tổ chức được một hợp tác với đúng nghĩa để góp phần vào việc nâng cao chất lượng nghiên cứu và đào tạo. Thực ra việc kết hợp giữa nghiên cứu và đào tạo trên thế giới làm rất nhiều. Những năm tháng học nước ngoài chúng tôi càng thấm thía rằng đó là một con đường hết sức hiệu quả để góp phần phát triển giáo dục đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học. Có thể nói ở Pháp, Đức, Nga, việc kết hợp đó giống như là một thực thể rõ ràng. Trong nước mình, các cơ sở đào tạo của Bộ Y tế có truyền thống thực ra họ có truyền thống hàng bao nhiêu năm nay là kết hợp chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo và các bệnh viện. Chúng ta đều biết rằng phần lớn các khoa ở các trường đại học trong

lĩnh vực y tế đều đặt cơ sở ở những bệnh viện lớn, tổ bộ môn nằm trong bệnh viện lớn đó. Như vậy, những bài học, kết quả thực tế kết hợp với đào tạo rất rõ ràng. Thế nhưng tại sao giữa các cơ sở nghiên cứu lớn như Viện HL KH&CN Việt Nam và ĐHQGHN chưa thấy có được sự hợp tác chặt chẽ như vậy.

Thưa thầy, tiền đề giúp việc thúc đẩy thành lập trường ĐHCN như thế nào?

Ngay khi GS. Nguyễn Văn Đạo rời Viện HL KH&CN Việt Nam sang công tác tại ĐHQGHN đã bàn bạc và thống nhất với GS. Đặng Vũ Minh lúc đó là Giám đốc của Viện KH&CN Việt Nam trước đây và ký kết văn bản thỏa thuận hợp tác đào tạo và nghiên cứu giữa ĐHQGHN và Viện KH&CN Việt Nam trước đây. Có thể nói đây là văn bản mở đầu cho sự hợp tác tương đối rõ ràng giữa hai cơ sở lớn về nghiên cứu và đào tạo. Thế nhưng theo theo dõi của tôi đến tận năm 1997 mới ra đời được một tổ chức đầu tiên với tư cách pháp nhân để thực hiện biên bản hợp tác đó. Đó là sự ra đời của Trung tâm hợp tác đào tạo và bồi dưỡng Cơ học - một tổ chức phối thuộc giữa Viện HL KH&CN Việt Nam và ĐHQGHN. Do ĐHQGHN ra quyết định thành lập, bổ nhiệm giám đốc trên cơ sở đồng ý của Viện và đặt trụ sở tại Viện Cơ học và tập hợp đội ngũ giảng viên, nhà nghiên cứu không chỉ của Viện Cơ học mà của nhiều cơ sở nghiên cứu và ứng dụng giảng dạy cơ học của ĐHQGHN trước

đây của các cơ sở khác ở Hà Nội để làm một nhiệm vụ đứng ra tổ chức phối hợp đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trình độ cao về cơ học. Trung tâm hoạt động có hiệu quả và mang lại kết quả ban đầu cho việc phối hợp đào tạo đó.

Nhưng thực ra mà nói trung tâm ấy cũng chỉ là hình thức ban đầu, sự kết hợp chưa thực sự chặt chẽ. Chính năm 2004, Viện HL KH&CN Việt Nam và ĐHQGHN đã chính thức được chính phủ cho phép phối hợp khoa Công nghệ và Trung tâm thành một tổ chức mới tầm cỡ cao hơn với nhiệm vụ lớn hơn. Đó là trường Đại học Công nghệ.

Khó khăn và thuận lợi khi “chuyển mình”

Trong quá trình làm quản lý, thầy có khó khăn và thuận lợi như thế nào?

Tôi nhớ lại những ngày đầu tiên để hình thành trường ĐHCN với nhiều khó khăn. Thực ra mà nói tôi chỉ nếu lại một thí dụ nhỏ để thấy rằng hình thức đó cũng không phải là quen thuộc cho nên cũng gặp nhiều trở ngại. Một thí dụ khá điển hình lúc đó ĐHQGHN trên cơ sở các văn bản pháp lý có quy định trường khoa của khoa CHKT&TĐH nằm trong trường ĐHCN đó phải là người thuộc biên chế của ĐHQGHN. Khó khăn này GS. Nguyễn Văn Hiệu có sang Viện Cơ học nói rằng hay là anh chuyển biên chế về bên đó đi. Tôi có gặp anh Hiệu, lãnh đạo ĐHQGHN và tâm sự thực ra cá nhân tôi được chuyển sang là vinh dự, nhưng tôi nghĩ rằng nếu tôi chuyển hẳn biên chế sang đó thì nó mất hết ý nghĩa của một tổ chức phối thuộc giữa ĐHQGHN và bên Viện HL KH&CN Việt Nam. Nếu tôi ở lại Viện Cơ học tôi có thể huy động được lực lượng đông đảo của các nhà cơ học, cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm tích cực tham gia vào công tác giảng dạy. Vì vậy, các anh cân nhắc lại đi. Và sau đó tôi có gặp anh Đào Trọng Thi, anh Phạm Trọng Quát – Phó Giám đốc phụ



trách công tác tổ chức tôi cũng trình bày lý do như vậy. Tôi nói với các anh rằng nếu cứ ràng buộc nhau về chuyện biên chế thì thực sự sẽ khó để ra đời một tổ chức hợp tác chặt chẽ giữa hai bên. Cuối cùng các anh đều hiểu đó là con đường tốt cho nên mặc dù tôi vẫn là biên chế của Viện nhưng vẫn được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm khoa đầu tiên của khoa CHKT&TĐH. Khó khăn thứ hai cũng có thể nói như này, trong nước chúng ta đào tạo cơ học không phải là ít về mặt cơ bản đào tạo cơ học ở trường ĐHKHTN cũng nhiều, đào tạo các ngành cơ học liên quan đến các chuyên ngành được đào tạo nhiều ở các trường Đại học Bách khoa, Thủy lợi, Giao thông vận tải. Vậy thì khoa CHKT&TĐH nằm trong trường ĐHCN là một tổ chức phối thuộc giữa trường và viện phải hướng tới một hướng đi nào đây?

Tại thời điểm có nhiều hướng đi như vậy, thầy có thể cho biết phương châm hành động của trường ĐHCN lúc bấy giờ?

Cuối cùng chúng tôi suy nghĩ, đi đến kết luận và sau đó là phương châm hành động. Thứ nhất, cố gắng phải bám cơ học với kỹ thuật công nghệ vì vậy hướng đào tạo là hướng nhằm tới kỹ sư chứ không phải hướng tới đào tạo cử nhân. Và nguyên đào tạo kỹ sư trong nước trước đây toàn 5 năm, chúng tôi đã cân nhắc rất nhiều thực ra nếu kéo dài 5 năm rất tốt và quý nhưng liệu có phải là tối ưu với các em hay không? Chúng tôi đã đề xuất một hình thức mà cho đến thời điểm đó chưa tồn tại, đó là đào tạo kỹ sư nhưng với chương trình đào tạo 4,5 năm. Đó cũng là khó khăn và vượt qua thì cũng khá thuận lợi. Khó khăn thứ ba tôi nghĩ rằng là khó khăn chung của viện và trường. Vừa mới ra đời nên trường và viện cơ sở vật chất cho đào tạo với đội ngũ sinh viên ngày càng đông đảo cũng gặp khó khăn. Tôi còn nhớ lúc đó viện cơ học nhất trí chuyển sinh viên từ năm thứ ba tức là các chuyên đề về viện đào tạo. Viện đã dành hẳn một tầng với trang bị phòng học tốt nhưng năm 1, 2 trường lúc đó còn khó khăn nên sinh viên còn phải đi

học nhiều nơi. Và ban đầu, chúng tôi chỉ mong muốn mỗi năm cố gắng tuyển vào 30 em, coi rằng 30 em hình như cũng là mức giới hạn chết mà chúng tôi phấn đấu trong nhiều năm. Thế nhưng thực lòng mà nói do tuổi sau 1-2 năm làm quản lý tôi đã xin thôi và chuyển giao lại nhiệm vụ quản lý khoa cho các bạn trẻ của Viện Cơ học và rất may mắn trường tiếp tục thỏa thuận giữa trường và viện là chủ nhiệm khoa không cần phải là người biên chế bên trường mà tốt nhất vẫn phải là Viện trưởng Viện Cơ học vì nếu là viện trưởng có thể trực tiếp huy động đội ngũ cũng như cơ sở vật chất tham gia đào tạo. Rất may mắn truyền thống đó khởi đầu gặp khó khăn nhưng sau này thì thực hiện một cách gần như tự động và đó là bước tiến cho sự phát triển của khoa.

Từ hiện thực trường thành đến tương lai Giáo sư có những đánh giá và suy nghĩ về thành tích của khoa CHKT&TĐH ngày nay như thế nào?

Nhìn lại khó khăn đó lắm lúc tôi vẫn nghĩ và trao đổi với anh em, việc xây dựng một tổ chức nào đó khó, hình thành một tổ chức nào đó khó nhưng không khó bằng việc duy trì và phát triển tổ chức. Tôi rất mừng sau 10 năm thành lập khoa trong trường thì quy mô đào tạo, chất lượng đào tạo, số lượng sinh viên ra trường có công ăn việc làm vượt xa cái mong muốn ban đầu của tôi. Tôi nhắc lại ban đầu khi xây dựng khoa này tôi chỉ mong anh em cố gắng vươn sức để thế nào mỗi năm chỉ tuyển 30 em rồi chúng ta đào tạo liên tục để có những người vừa làm công tác nghiên cứu và giảng dạy. Nhưng chỉ sau mấy năm dưới sự quản lý năng động của đội ngũ lãnh đạo trường ĐHCN và các anh em của khoa thì công tác đào tạo ngành cơ học trong trường ĐHCN, trong khoa phát triển vượt mức. Nếu tôi nhớ không nhầm thì khoa mỗi năm bây giờ đào tạo



tổng số sinh viên đứng thứ hai trong trường ĐHCN. Ngoài kỹ sư về CHKT&TĐH chúng ta còn đào tạo cử nhân về cơ điện tử chúng ta mở ra những hướng liên quan đến công nghệ vũ trụ, chúng ta mở hướng về tự động hóa thì đây quả thực là bước tiến.

Đi qua một chặng đường dài như vậy, thầy có thể chia sẻ với mọi người về kỷ niệm sâu sắc nhất mà thầy trải qua không? Cuối cùng trong quá trình hình thành và xây dựng đó tôi cũng có được tham gia nhưng có lẽ đối với tôi ấn tượng sâu sắc nhất khi mà tôi đồng tình, mong muốn tham gia chuyện này phải nói là sự nhiệt tình của GS. Nguyễn Văn Hiệu. Tôi vẫn nhớ lúc đó Viện Cơ học vẫn còn những bản khoản nhất định là mình gia nhập đây thì cán bộ của viện được quyền lợi, trách nhiệm gì và viện phải đóng góp những gì, khi mà còn bản khoản việc chủ nhiệm khoa là người bên kia hay bên này tôi vẫn nhớ GS. Nguyễn Văn Hiệu đã nhiều lần thực ra lúc đó giáo sư đau chân nhưng

vẫn lóc cóc leo lên tầng hai để thuyết phục chúng tôi tham gia chuyện đó. Đây là người trực tiếp đứng ra để làm chuyện này. Nhưng một người cũng rất quan trọng đứng ra ủng hộ vì có việc ra đời của trung tâm thì mới có khoa CHKT&TĐH, đó là GS. Nguyễn Văn Đạo. Thực ra khi anh sang đến ĐHQGHN là anh gọi tôi nói rằng bây giờ ta nghĩ cách nào đó để sao cho có một hình thức hợp tác giữa trường và viện. Thậm chí khi ra đời trung tâm đặt tại nhà điều hành trên đường Xuân Thủy anh Đạo còn chỉ cho tôi sang đây ngồi, trường dành cho anh một phòng bên cạnh chỗ chúng tôi tương đương với một số cơ sở khác. Tôi nói cảm ơn anh Đạo, tôi nói sự ủng hộ của ĐHQGHN với chúng tôi không phải chỉ là một cái phòng trên đó, mà anh ủng hộ hết sức về cơ chế, về những điều kiện khác còn anh cứ để chúng tôi ngồi với anh em viện cơ học và các em sinh viên khi các em bắt đầu học thạc sỹ. Tôi nghĩ rằng việc đóng góp của anh Đạo trong việc hình thành trung tâm là rất lớn.



Hôm nay ngồi nhớ lại, trước hết tôi phải nói rằng cảm ơn GS Nguyễn Văn Đạo, GS. Nguyễn Văn Hiệu đầu tiên, sau đó đặc biệt cảm ơn sự lãnh đạo của ĐHQGHN với một tầm nhìn rất rộng rãi dù có nhiều sức ép nhưng các anh đã vượt qua những chướng ngại đó để ủng hộ sáng kiến này. Tôi cũng rất cảm ơn những cán bộ đã cùng với tôi ngay từ đầu tham gia vào việc xây dựng và hình thành Viện Cơ học.

Sau 10 năm phát triển, kỳ vọng của thầy vào sự lớn mạnh của khoa nói riêng và trường nói chung như thế nào?

Nói về nguyện vọng của tôi đối với khoa. Thứ nhất, về hình thức tổ chức thực ra muốn nói gì thì nói tổ chức phối thuộc vẫn là một tổ chức mới và nó phụ thuộc rất nhiều vào các cơ quan đứng ra phối thuộc, nghĩa là phụ thuộc trường và viện. Rất mong lãnh đạo hai cơ quan tìm cách nào đó củng cố cơ sở pháp lý cho việc phối hợp đào tạo và nghiên cứu. Chứ còn đôi

khi phụ thuộc vào những cá nhân, tôi rất sợ có sự thay đổi lãnh đạo thì có thể dẫn tới sự thay đổi quan điểm. Ít nhất thời điểm này tôi chưa thấy điều đó. Nhưng dù sao đó cũng là việc giữa trường và viện nên tiếp tục. Tôi rất mừng cách đây không lâu được biết Giám đốc ĐHQGHN Phùng Xuân Nhạ và GS. Châu Văn Minh - Chủ tịch Viện HL KH&CN Việt Nam đã ký kết một văn bản hợp tác đào tạo nghiên cứu mới ở cấp cao hơn. Như vậy, chúng ta có thêm cơ sở pháp lý để đảm bảo sự bền vững của hợp tác. Đây là điều mong muốn thứ nhất. Điều mong muốn thứ hai, thực ra mà nói khi đào tạo sinh viên chúng tôi chỉ mong rằng sinh viên được đào tạo một cách chất lượng, ra trường có công ăn việc làm. Những con số gần đây nhất trường thông báo là tín hiệu đáng mừng để các em ra trường có thể tìm được nhiều việc làm. Chúng tôi rất mong là các thầy tìm cách để việc đào tạo gắn liền hơn nữa với nhu cầu thực tế, để sao cho các em ra trường

thấy rằng mình không lãng phí khi học 4 năm - 4,5 năm ở trường. Mong muốn cuối cùng giống như những người làm khoa học khác rất mong khoa cũng như trường phấn đấu nâng cao vị thế của khoa và trường không những ở tầm cỡ quốc gia mà vươn tới những chỉ tiêu để nâng cao uy tín của mình đối với trường quốc tế. Nhân dịp 10 năm thành lập trường tôi mong muốn bày tỏ trước hết với sự biết ơn với GS. Nguyễn Văn Đạo, GS. Nguyễn Văn Hiệu; gửi lời cảm ơn với những sinh viên đã lựa chọn khoa CHKT&TDH để học tập và với toàn bộ cán bộ giảng viên, công nhân viên đã tích cực xây dựng để trường ngày càng lớn mạnh. Tôi hy vọng rằng đến dịp kỷ niệm 15 năm chúng ta có thể cùng nhau chứng kiến bước phát triển mới của khoa cũng như của trường.

Vũ Tùng (thực hiện)



PGS.TS. Hà Quang Thụy
Nguyên Bí thư Đảng ủy Khoa Công nghệ,
Nguyên Phó Hiệu trưởng trường ĐHCN

Một sự thống nhất trong tính đa dạng

Tinh thần dân chủ trong toàn đơn vị dựa trên tinh thần dân chủ trong toàn Đảng bộ - một giá trị cốt lõi của trường Đại học Công nghệ (ĐHCN), ĐHQGHN - là yếu tố quan trọng nhất tạo động lực xây dựng và phát triển Nhà trường

Xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển trường ĐHCN thuộc ĐHQGHN từ việc thống nhất quan điểm xây dựng một trường ĐHCN thuộc ĐHQGHN theo hướng phát triển nội tại (đầu những năm 1990) tới việc hình thành Khoa Công nghệ thông tin, trường Đại học Khoa học Tự nhiên (KHTN) (tháng 02/1995), Khoa Công nghệ Điện tử - Viễn thông, trường Đại học Khoa học Tự nhiên (tháng 01/1996), Khoa Công nghệ trực thuộc ĐHQGHN (ngày 18/10/1999), và việc thành lập trường ĐHCN (ngày 25/4/2004) cho tới ngày nay là một tinh thần dân chủ. Tinh thần dân chủ đó là yếu tố quan trọng nhất đảm bảo được “sự thống nhất trong tính đa dạng” (hội tụ từ nhiều đơn vị, từ các nhân tố cũ – mới, từ các yếu tố trong – ngoài...), phát huy được mọi nguồn lực, trí tuệ của đội ngũ cán bộ - công chức vào việc hoàn thành các tiền đề cần thiết cho sự nghiệp thành lập và phát triển trường ĐHCN. Tinh thần dân chủ của trường ĐHCN trở thành một giá trị cốt lõi có tính bền vững và là một trong các yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự thành công của Nhà trường.

Tinh thần dân chủ của trường ĐHCN (và các đơn vị tiền thân) có nguồn gốc từ bản sắc của trường Đại học Khoa học Tự nhiên. Tổ chức Đảng hoạt động

đúng nguyên tắc “tập trung dân chủ” chính là hạt nhân đảm bảo tinh thần dân chủ trong đơn vị. Mức độ thi hành nguyên tắc dân chủ trong tổ chức Đảng có tính quyết định tới mức độ dân chủ trong Nhà trường. Thực tiễn quá trình hình thành và xây dựng trường ĐHCN cho thấy khi tinh thần dân chủ được thấm nhuần tốt trong tổ chức Đảng thì cho kết quả là tinh thần dân chủ cao độ trong toàn đơn vị và dẫn tới các thành công to lớn của Nhà trường. Thời kỳ hai năm 2004-2005, Nhà trường đã nhanh chóng chuyển đổi thành công mô hình hoạt động cấp khoa trực thuộc sang mô hình hoạt động cấp trường thành viên là một minh chứng cho nhận định này. Không khí hồ hởi và tinh thần mong muốn được cống hiến vào sự phát triển Nhà trường có ở mọi đơn vị, có ở mỗi cán bộ - công chức trong trường là kết quả từ sự phấn khởi với sự kiện trường ĐHCN được Chính phủ thành lập cũng như tinh thần dân chủ được phát triển cao độ trong hoạt động của tổ chức Đảng và Nhà trường.

Với tầm nhìn và kinh nghiệm nhiều năm trên cương vị Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và người lãnh đạo cao nhất Viện/Trung tâm Khoa học-Công nghệ Quốc gia, với tâm huyết cao cho công cuộc xây dựng và phát triển trường ĐHCN, GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu - Chủ nhiệm Khoa Công nghệ, Hiệu trưởng sáng lập trường ĐHCN - đã vun đắp và làm sâu sắc hơn tinh thần dân chủ của Khoa Công nghệ và trường ĐHCN. Trong

mọi trường hợp, dù tham gia hay không tham gia cấp ủy của Khoa Công nghệ/trường ĐHCN, GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu luôn xác định Đảng bộ Khoa Công nghệ/trường ĐHCN là tổ chức lãnh đạo đơn vị, là chỗ dựa tin cậy đảm bảo thực thi thành công mọi ý tưởng sáng tạo và đột phá của thầy trong quá trình hình thành và phát triển Nhà trường.

Giữ gìn và bồi đắp tinh thần dân chủ trong Nhà trường cần được thấm nhuần vào các chủ trương, chính sách và mọi hoạt động. Tôi tin tưởng rằng, các thể hệ lãnh đạo của Nhà trường tiếp tục có những đóng góp vào việc vun đắp và làm sâu sắc hơn giá trị cốt lõi của tinh thần dân chủ trong trường ĐHCN, ĐHQGHN. “Bồi dưỡng nhân tài” - một đặc trưng của trường ĐHCN - cần được bồi đắp để hình thành một giá trị cốt lõi bản sắc

Chúng ta tự hào với cụm từ “bồi dưỡng nhân tài” trong quyết định thành lập trường ĐHCN, ĐHQGHN. Chúng ta

càng tự hào hơn là rất hiếm (và có thể là chưa có) một trường đại học nào khác ở Việt Nam được ghi nhận nhiệm vụ bồi dưỡng nhân tài trong quyết định thành lập.

Đặc trưng bồi dưỡng nhân tài của trường ĐHCN có nguồn gốc từ đặc trưng đào tạo tinh hoa của trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Trong lịch sử 50 năm tồn tại của mình (1956-1995), trường Đại học Tổng hợp Hà Nội giữ vững và làm nổi bật thêm đặc trưng đào tạo tinh hoa và đặc trưng đó thấm nhuần sâu sắc vào tâm trí và là niềm tự hào của các thế hệ giảng viên, sinh viên và cán bộ. Phát huy truyền thống đào tạo tinh hoa của trường Đại học Khoa học Tự nhiên, trường ĐHCN (và các đơn vị tiền thân) đã từng bước hình thành nên đặc trưng bồi dưỡng nhân tài của mình. Đặc trưng bồi dưỡng nhân tài biểu hiện ở nhiều khía cạnh hoạt động của Nhà trường, tuy nhiên, tôi xin tập trung vào một số nét điển hình sau đây.

Từ năm 1989, Bộ môn Tin học (sau này là Viện Tin học – Điện tử và các đơn vị tiền thân của trường ĐHCN) được Bộ Giáo dục – Đào tạo tin tưởng giao trách nhiệm huấn luyện các đội tuyển học sinh giỏi phổ thông tham dự các kỳ thi “Olympic Tin học quốc tế” và là đơn vị chuyên môn chủ chốt cho các kỳ thi học sinh giỏi Tin học quốc gia. Việt Nam là một quốc gia tham dự “Olympic Tin học quốc tế” lần thứ nhất vào năm 1989 tại Bulgari và ngay lần tham dự đó, em Nguyễn Anh Linh đã đạt Huy chương đồng quốc tế (PGS.TSKH. Nguyễn Anh Linh hiện công tác tại Viện Tin học, Đại học Warsaw, Ba Lan và là giảng viên kiêm nhiệm của trường ĐHCN). Đại đa số các thành viên đội tuyển quốc gia về Tin học đã trở thành các nhà khoa học tài năng, đang công tác tại các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế. Một số người đã trở thành cán bộ khoa học chủ chốt tại trường ĐHCN. Hoạt động bồi dưỡng nhân tài của trường ĐHCN đối với học sinh phổ



thông cũng tạo thêm độ hấp dẫn cao đối với một nguồn tuyển sinh đầu vào đại học rất chất lượng.

Với tầm nhìn của một nhà khoa học có uy tín quốc tế cao, GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu đã nâng bước đặc trưng bồi dưỡng nhân tài của trường ĐHCN. Thứ nhất, đối tượng bồi dưỡng nhân tài không chỉ ở bậc phổ thông trung học mà còn ở mọi cấp đào tạo của trường ĐHCN. Thẩm nhuần chủ trương của ĐHQGHN về đào tạo cử nhân tài năng và chất lượng cao, hệ thống các chương trình đào tạo hệ chất lượng cao nhận được sự quan tâm đặc biệt ngay từ khóa tuyển sinh đại học năm 2001 (K46). Bồi dưỡng nhân tài ở các bậc đại học – cao học được tập trung vào mục tiêu là người học đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu đầu vào đào tạo Tiến sỹ tại các cơ sở KH-CN tiên tiến nhất trên thế giới. Chính sách “thực tập sinh khoa học” (chính sách “cán bộ tạo nguồn” hiện nay) tạo điều kiện cho các cử nhân tốt nghiệp loại giỏi trở lên có cơ hội tham gia vào hoạt động bồi dưỡng nhân tài bậc sau đại học tại trường ĐHCN. Định hướng mục tiêu và thi hành chính sách đúng đã tạo ra kết quả tốt với nhiều nhà khoa học trẻ có trình độ Tiến sỹ đang làm việc ở nhiều cơ sở KHCN tiên tiến quốc tế và trong nước. Chủ tịch Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản (JAIST) từng đánh giá nghiên cứu sinh từ nguồn trường ĐHCN đến JAIST có chất lượng rất cao, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo Tiến sỹ của JAIST (hằng năm trong thời kỳ 2004-2006 đều có một NCS từ trường ĐHCN tốt nghiệp xuất sắc tại JAIST) là một minh chứng về kết quả bồi dưỡng nhân tài bậc sau đại học của trường ĐHCN. Thứ hai, để có đầy đủ năng lực bồi dưỡng nhân tài bậc sau đại học, các nhà khoa học trong Khoa CN/trường ĐHCN cũng cần được bồi dưỡng nhân tài để trở thành nhà khoa học đầu đàn rồi trở thành các nhà khoa học đầu ngành. Xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ khoa học, thực thi lộ trình quy hoạch,



cử đi trao đổi khoa học ở nước ngoài, tạo cơ hội chủ trì các đề tài khoa học... là các chính sách thiết thực của Nhà trường theo định hướng bồi dưỡng nhân tài đối với đội ngũ nhà khoa học. Sự tăng trưởng nhanh chóng lực lượng các PGS trẻ tại trường ĐHCN là kết quả của chủ trương này. Thứ ba, hoạt động bồi dưỡng nhân tài tại trường ĐHCN được định hướng không chỉ giới hạn phục vụ mục tiêu phát triển trường ĐHCN mà còn mở rộng phục vụ mục tiêu phát triển KH-CN của đất nước. Quan niệm này nhằm đáp ứng toàn diện nội dung và ý nghĩa của cụm từ “bồi dưỡng nhân tài” trong quyết định thành lập trường của Thủ tướng Chính phủ. Quan niệm này định hướng xác định quy mô “thực tập sinh khoa học” (“cán bộ tạo nguồn”) và các chính sách tương ứng. Hình thức “thực tập sinh khoa học” (“cán bộ tạo nguồn”) do chủ trì đề tài trả lương là một thể hiện việc mở rộng quy mô “bồi dưỡng nhân tài”. Việc các nhà khoa học trẻ nguyên là “thực tập sinh khoa học” (“cán

bộ tạo nguồn”) tại trường ĐHCN sau khi tốt nghiệp đang tham gia công tác tại các cơ sở hàn lâm – công nghiệp khác tại Việt Nam được coi là kết quả của hoạt động “bồi dưỡng nhân tài” cho đất nước của trường ĐHCN, góp phần lan tỏa danh tiếng của trường ĐHCN tới xã hội.

Đặc trưng “bồi dưỡng nhân tài” tại trường ĐHCN đang trở nên rõ nét hơn. trường ĐHCN có những thuận lợi và khó khăn để làm sáng tỏ hơn đặc trưng này. Thuận lợi lớn nhất là chúng ta đã chuẩn bị được các nền tảng vững chắc về con người cho hoạt động “bồi dưỡng nhân tài”. Khó khăn lớn nhất là nguồn tài chính để duy trì và mở rộng hoạt động đó. Phát huy giá trị cốt lõi của tinh thần dân chủ vào việc hình thành các chính sách khai thác các nguồn tài chính từ nguồn xã hội, đặc trưng “bồi dưỡng nhân tài” của trường ĐHCN sẽ trở thành một giá trị cốt lõi. Giá trị cốt lõi đó sẽ có đóng góp tích cực nâng cao danh tiếng và tạo thêm các nguồn lực cho sự phát triển Nhà trường.



Tập trung phát triển các lĩnh vực công nghệ cao trên cơ sở các thành tựu hiện đại của các ngành khoa học cơ bản

Ngay từ năm 2003, Đề án thành lập trường ĐHCN, thuộc ĐHQGHN đã xác định "Trường Đại học Công nghệ là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học chất lượng cao, là cơ sở nghiên cứu triển khai khoa học công nghệ. Các lĩnh vực hoạt động của trường Đại học Công nghệ là các lĩnh vực công nghệ cao phát triển trên cơ sở các thành tựu hiện đại của các ngành khoa học cơ bản Toán học, Tin học, Cơ học và Vật lý. Lĩnh vực hoạt động của trường Đại học Công nghệ bao gồm ngành Công nghệ Thông tin, những ngành công nghệ tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho sự phát triển Công nghệ Thông tin đồng thời sử dụng những thành tựu của Công nghệ Thông tin, và những chuyên ngành khoa học công nghệ là thành quả của sự kết hợp Công nghệ Thông tin với các ngành khoa học tự nhiên khác. Mục tiêu đào tạo đạt chất lượng cao hàng đầu trong cả

nước là nguyên tắc cơ bản xuyên suốt mọi hoạt động của trường Đại học Công nghệ và được khẳng định ngay tại thời điểm thành lập Trường. Phấn đấu xây dựng trường Đại học Công nghệ nhanh chóng trở thành Trường Đại học đạt trình độ tiên tiến trong khu vực". Đề án cũng xác định các ngành đào tạo tại trường ĐHCN ngay khi thành lập là Công nghệ Thông tin, Điện tử - Viễn thông, Vật lý kỹ thuật, Cơ học kỹ thuật và sau một thời gian sẽ mở thêm ngành Công nghệ Sinh học và một số ngành khác như Công nghệ Công trình biển, Công nghệ Vật liệu...

Các lĩnh vực công nghệ cao được xác định tập trung phát triển tại trường ĐHCN là dựa theo định hướng phát triển các lĩnh vực công nghệ có sản phẩm mang hàm lượng trí tuệ cao từ Báo cáo chính trị tại các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, dựa trên nền tảng khoa học cơ bản mạnh của trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, dựa trên thế mạnh liên kết của ĐHQGHN với Viện/Trung tâm Khoa học và

Công nghệ quốc gia, và dựa theo lộ trình phát triển của trường ĐHCN. Xuyên suốt quá trình phát triển Nhà trường trong 10 năm vừa qua, có một vài nội dung được làm cụ thể rõ nét hơn, có một vài khía cạnh mới được bổ sung (khoa học và công nghệ vũ trụ...), có một vài nội dung được trình bày theo hình thức hiện đại hơn song tư tưởng xây dựng và phát triển trường ĐHCN trên đây luôn là kim chỉ nam chỉ đạo các lĩnh vực công nghệ cao trọng điểm của Nhà trường.

Nền kinh tế của nước ta hiện vẫn ở một trình độ rất thấp tạo nên một số khó khăn theo góc độ này hay theo góc độ khác đối với mỗi lĩnh vực công nghệ cao được định hướng phát triển tại trường ĐHCN. Một vài lĩnh vực có sự đan xen nhau giữa các thuận lợi - khó khăn tạo nên hiện tượng đối ngược nhau về nhu cầu đào tạo và nghiên cứu - triển khai. Những khó khăn đó có nguồn gốc từ xu hướng suy giảm độ quan tâm của xã hội đối với các lĩnh vực khoa học cơ bản trong



một số năm gần đây.

Kiên định định hướng các lĩnh vực công nghệ cao trọng điểm tại trường ĐHCN, xây dựng và thi hành cách chính sách tạo điều kiện cho các lĩnh vực-đơn vị có thể mạnh phát huy thuận lợi để tạo thế mạnh hơn nữa, tạo điều kiện hỗ trợ tốt nhất có thể cho các lĩnh vực-đơn vị đang có khó khăn để vượt qua khó khăn tạm thời và tạo lập thế mạnh cản trở thành định hướng đối với các hoạt động đào tạo – nghiên cứu của Nhà trường.

“Sáng tạo và đột phá” cản trở thành đặc trưng bản sắc của trường ĐHCN, ĐHQGHN

Cách đây 5 năm, tôi đã đề cập nội dung này trong bài viết nhân dịp kỷ niệm “5 năm thành lập - 10 năm truyền thống trường ĐHCN”. Yếu tố sáng tạo và đột phá của Nhà trường là điều hài lòng nhất và cũng là điều trăn trở nhất của tôi. Để cao tinh thần dân chủ, đề xuất và thực thi các giải pháp sáng tạo và đột phá có tính logic

và thực tiễn cao là một yếu tố có dấu ấn lớn tạo nên các thành công to lớn trong quá trình hình thành và phát triển trường ĐHCN. Theo chiều ngược lại, hạ thấp vai trò của việc thực hiện cơ chế dân chủ ở cơ sở, không quan tâm tới việc đề xuất và thực thi các giải pháp sáng tạo và đột phá hoặc để ra các giải pháp không thực tiễn sẽ tạo nên tình trạng trì trệ, cản trở sự phát triển Nhà trường.

Đặc trưng “sáng tạo và đột phá” cần được thấm nhuần trong mọi chủ trương, chính sách của Nhà trường, của các đơn vị. Đặc trưng “sáng tạo và đột phá” cần được thi hành trong mọi hoạt động quản lý và phục vụ quản lý, giảng dạy – học tập và khoa học – công nghệ, trong hoạt động cụ thể của mỗi đơn vị, từng cán bộ, từng giảng viên và từng sinh viên. trường ĐHCN cần luôn tìm thêm được thế mạnh độc đáo từ những yếu tố sẵn có của Nhà trường, lấy chúng làm nền tảng kết hợp

với tinh hoa đất nước và thế giới để phát triển thành các yếu tố sáng tạo và đột phá độc đáo mang bản sắc riêng của trường ĐHCN, ĐHQGHN.

Đối với trường ĐHCN, GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu đã là biểu tượng của đặc trưng “sáng tạo và đột phá”. Tôi tin tưởng rằng đội ngũ các nhà khoa học trẻ tài năng của trường ĐHCN hiện nay có tiềm năng lớn để nâng cấp đặc trưng “sáng tạo và đột phá” trở thành một đặc trưng bản sắc của trường ĐHCN.

Thay cho lời kết

Trong quá trình chỉ đạo việc thành lập và xây dựng trường ĐHCN, GS.VS. Đào Trọng Thi - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc ĐHQGHN – nhận định là trường ĐHCN đan xen các yếu tố thuận lợi - khó khăn lớn của một trường đại học thành viên mới được thành lập. Khó khăn lớn nhất là trường ĐHCN chưa có gì thật đáng kể về đội ngũ nhà khoa



học, về mô hình hoạt động và nhiều khó khăn khác. Tuy nhiên, hiện trạng chưa có gì đáng kể đó lại bao hàm một thuận lợi cơ bản là tránh được các sức ỳ của những cái vốn có và nếu biết tìm và thực hiện các cách đi đúng thì Nhà trường sẽ phát triển với tốc độ vượt bậc. Thực tiễn quá trình phát triển trong 10 năm vừa qua cho thấy trường ĐHCN đã biết phát huy và làm phong phú thêm các đặc trưng vốn có về tinh thần dân chủ, về bồi dưỡng nhân tài, về định hướng phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm dựa trên nền khoa học cơ bản mạnh, về tinh thần sáng tạo và đột phá. Tôi tin rằng quan điểm phát triển này luôn tạo thêm động lực phát triển Nhà trường đảm bảo sự phát triển bền vững của trường ĐHCN chúng ta trong quá trình nhanh chóng tiệm cận trình độ tiên tiến trong khu vực.

PGS.TS. Hà Quang Thụy



GS.TS. Nguyễn Thanh Thủy
Bí thư Đảng ủy
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ

Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế: Định hướng phát triển sản phẩm và xây dựng các trung tâm xuất sắc

15 năm phát triển khoa học Công nghệ

Sau 15 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, một trong những thành tựu lớn nhất về Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế (KH-CN&HTQT) mà Trường đã đạt được là: Trường Đại học Công nghệ (ĐHCN) đã trở thành một trường đại học nghiên cứu với cấu trúc tổ chức bộ máy, các quy chế, quy định hoạt động nghiên cứu KH-CN&HTQT tương đối hoàn chỉnh. Trường đã tiếp cận trình độ quốc tế trong nghiên cứu khoa học và đào tạo có chất lượng về các lĩnh vực công nghệ cao. Theo bảng xếp hạng QS Châu Á, trường Đại học Công nghệ (ĐHCN) trong lĩnh vực công nghệ và kỹ thuật thuộc hệ thống ĐHQGHN đã được xếp hạng khoảng 170. Nhà trường đã được ĐHQGHN đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, đạt tiêu chuẩn AUN. Có thể thấy rằng để có được những thành công đó, một trong những điểm mấu chốt quan trọng chính là Nhà trường có một định hướng chiến lược đúng đắn, rõ ràng và phù hợp với thực tế. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Lãnh đạo Nhà trường đã kiên trì những định hướng phát triển thành Trường đại học nghiên cứu ngay từ ngày đầu, kể từ khi thành lập khoa Công

nghệ và sau đó là trường ĐHCN. Nhà trường đã có một lộ trình phát triển phù hợp với bối cảnh để thực hiện với mục tiêu đề ra.

Các thành quả hoạt động Khoa học Công nghệ rất nhiều và phong phú. Các Thầy Hiệu trưởng của các nhiệm kỳ trước và các thầy giáo lão thành của Nhà trường đã có tổng kết toàn diện và đầy đủ. Sau đây, có thể nêu lại một số thành tựu chính:

- Hệ thống tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường đã được kiện toàn với tổ chức các nhóm nghiên cứu, hệ thống các phòng thí nghiệm và các định hướng, chương trình nghiên cứu chính. Cho đến thời điểm này, Trường ĐHCN đã và đang tích cực tham gia trực tiếp vào ba Chương trình Khoa học công nghệ (KH-CN) trọng điểm của ĐHQGHN. Trường có 16 nhóm nghiên cứu, trong đó có 2 nhóm nghiên cứu được ĐHQGHN xét và công nhận là nhóm nghiên cứu mạnh. Nhà trường hiện tiếp tục thực hiện định hướng xây dựng các phòng thí nghiệm và trung tâm nghiên cứu triển khai các công nghệ tích hợp có tính chất liên ngành và liên kết đơn vị.

- Về mặt đầu tư phát triển KH-CN của Nhà trường, tiếp tục được củng cố, tăng trưởng với các dự án đầu tư tăng cường năng



lực và đầu tư chiều sâu của Nhà nước và ĐHQGHN. Kinh phí cho các đề tài cũng tăng trưởng và đa dạng. Các sản phẩm về mặt KHCN cũng đã có chiều hướng phát triển một cách cân đối và tăng mạnh. Trung bình hằng năm đạt hai bài báo đối với một cán bộ giảng viên trong một năm, trong đó các bài được đăng trong hội nghị quốc tế, tạp chí quốc tế chiếm 80%. Và các bài trên các tạp chí, hội nghị được đánh chỉ số ISI, SCOPUS chiếm 32% Ngoài ra, Nhà trường có một số sách chuyên khảo của các nhà khoa học được xuất bản viết bằng tiếng Anh.

- Về sản phẩm công nghệ, Nhà trường có những sản phẩm tham gia các triển lãm quốc gia và quốc tế đạt các giải thưởng. Nhà trường cũng có một số sản phẩm bước đầu được chuyển giao cho các đối tác. Số các sản phẩm tiềm năng tương đối nhiều. Hiện tại, Nhà trường đang có những hỗ trợ cần thiết để tiếp tục phát triển các sản phẩm.

- Về mặt mô hình hợp tác, có thể nói rằng một trong những thành công đó là mô hình hợp tác với các đối tác trong nước hiệu quả. Và trong thời gian gần đây, Nhà trường cũng đã thiết lập được hợp tác với các đối tác nước ngoài có chiều sâu. Ví dụ như với TOSHIBA đã triển khai phòng thí

nghiệm hợp tác UET-TOSHIBA với chu kỳ hai trong hợp tác chuyên môn để tạo ra sản phẩm công nghệ. Với đối tác SAMSUNG, trong thời gian gần đây Nhà trường đã nhận được đầu tư của SAMSUNG gói hỗ trợ ban đầu trên 7 tỷ cho các vấn đề hợp tác KHCN, bao gồm học bổng, xây dựng phòng thực hành, khóa đào tạo công nghệ, đề tài hợp tác nghiên cứu và các hoạt động khoa học công nghệ khác. Nhà trường cũng có những chuyên gia, giáo sư nước ngoài làm việc ở trường trong thời gian rất dài, thậm chí là họ còn quay trở lại trường 2-3 lần. Nhà trường coi đó là một trong những điểm sáng về vấn đề hợp tác. Có thể nói tựu chung lại Nhà trường đã tạo dựng được uy tín và độ tin cậy trong đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ về các lĩnh vực công nghệ cao đối với Chính phủ, ĐHQGHN và các Bộ ngành. Nhờ vậy trường ĐHCN tiếp tục được giao tham gia các dự án và đề án quan trọng.

Thành công nhờ sự quy tụ và kiên trì mục tiêu mô hình đại học nghiên cứu

Nhà trường hiểu rằng để có được những thành công to lớn như vậy chính là nhờ dựa trên phát huy sức mạnh tổng hợp có vai trò chỉ đạo của Đảng ủy, trí tuệ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, đội ngũ

các nhà khoa học, các cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, lãnh đạo các Khoa, Trung tâm và vai trò hỗ trợ của bộ phận hỗ trợ và phục vụ. Bài học đầu tiên là về sự quy tụ, gắn kết và phát huy thế hệ các nhà khoa học theo mô hình liên ngành và liên đơn vị để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, tạo ra một môi trường làm việc chuẩn mực, đạt chuẩn quốc tế và có những sản phẩm đầu ra đặc sắc, tạo sức bật cho Nhà trường.

Bài học thứ hai đó là kiên trì mục tiêu một mô hình đại học nghiên cứu mở dựa vào sự phối hợp và hợp tác chặt chẽ với các trường đại học thành viên trong ĐHQGHN theo cơ cấu đa ngành, đa lĩnh vực và đặc biệt dựa trên các quan hệ chiến lược của ĐHQGHN cũng như của trường ĐHCN với các đối tác của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và các tập đoàn công nghệ và công nghiệp.

Một trong những vấn đề quan trọng là Nhà trường đã tập trung nghiên cứu và triển khai một số những công nghệ cao chọn lọc. Nhà trường tập trung định hướng vào 4 lĩnh vực công nghệ cao được thể hiện trong chữ viết tắt GRIN bao hàm kỹ thuật sinh học, tự động hóa và ROBOTICS, Công nghệ thông tin và Truyền thông và công nghệ nano. Thời gian gần đây, chúng ta



thêm chữ E ở phía cuối với hàm ý E nghĩa là năng lượng, là môi trường. GRINE đọc lái đi sẽ được hiểu là GREEN-công nghệ xanh. Công nghệ xanh cũng được xem là một định hướng phát triển KHCN quan trọng của Nhà trường.

Bên cạnh những thành tựu đã nêu trên, một trong những điểm nhấn được Nhà trường quán triệt là định hướng phát triển KHCN theo hướng liên ngành, xuyên ngành, cùng với việc củng cố, phát triển

tất cả những lĩnh vực chuyên môn Nhà trường đã có bề dày và thế mạnh. Việc củng cố và phát triển lĩnh vực CNTT-TT thể hiện ở việc ĐHQGHN cho phép thành lập Hội đồng ngành CNTT- Khoa học Tính toán và xây dựng Chuyên san CNTT-TT thuộc tạp chí Khoa học ĐHQGHN.

Các sản phẩm của Nhà trường những năm vừa rồi có khá nhiều. Có những sản phẩm đã được đầu tư một cách bài bản như sản phẩm sensor đo từ trường rất nhạy có khả

năng ứng dụng trong các lĩnh vực khác nhau và lĩnh vực công nghiệp. Nhà trường cũng được ĐHQGHN quan tâm đầu tư tập trung cho sản phẩm kết quả giải mã gen người Việt nam đầu tiên. Đề tài được khởi xuất trong thời gian không dài, song do được đầu tư tập trung nên đầu năm 2014 đã có công bố những kết quả ban đầu, hiện nay đang tiếp tục được hoàn thiện để công bố.



Định hướng phát triển trường đại học nghiên cứu tiên tiến

Liên quan đến định hướng phát triển KHCN trong thời gian tới, Nhà trường mong muốn xây dựng trường ĐHCN thành một trường đại học nghiên cứu tiên tiến, có vị thế cao trong hệ thống các trường đại học công nghệ kỹ thuật của Việt Nam, trong khu vực và trên thế giới. Đầu tiên, Nhà trường sẽ quan tâm và tăng cường hỗ trợ để gia tăng được số sáng chế và giải pháp hữu ích.

Về mặt nghiên cứu khoa học cơ bản, Nhà trường quan tâm tới việc công bố trên các tạp chí hội nghị quốc tế hàng đầu đi cùng với việc tiếp tục phát triển các nhóm nghiên cứu liên ngành, đẩy mạnh các nhóm nghiên cứu mạnh, tạo điều kiện chủ trì các hội nghị quốc tế cũng như các tạp chí chuyên san về CNTT-TT được đánh chỉ số SCOPUS.

Về mặt quản lý các hoạt động KHCN, Nhà trường chủ trương kết hợp giữa mô hình

quản lý phân tán các nhóm nghiên cứu với mô hình tổ chức tập trung các trung tâm nghiên cứu phát triển cấp khoa, cấp trường để tạo ra những sản phẩm đặc thù, chủ lực của Khoa và Trường.

Trong thời gian tới, bên cạnh các Trung tâm nghiên cứu phát triển tập trung cấp khoa, Nhà trường cũng mong muốn được sự ủng hộ của ĐHQGHN cũng như của các cơ quan quản lý Nhà nước để xây dựng một Viện khoa học tiên tiến về KHCN.

Nhà trường cũng quan tâm đến việc xây dựng các trung tâm xuất sắc về giám sát hiện trường, cũng như an toàn thông tin dựa trên hợp tác với các đối tác nước ngoài.

Phát triển những sản phẩm của Nhà trường đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và cộng đồng

Ngoài ra, Nhà trường cũng quan tâm đến việc phát triển các phòng thí nghiệm theo kiểu chế thử để đẩy mạnh chuyển giao đối với các đối tác công nghiệp trong

các lĩnh vực công nghệ cao. Nhà trường sẽ quan tâm đến việc xây dựng các hợp tác, dự án về khoa học công nghệ với các đối tác công nghiệp theo hướng góp phần đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp. Và cuối cùng là hợp tác với các địa phương để tạo động lực thúc đẩy các sản phẩm phục vụ cộng đồng. Một điểm nhấn là xây dựng đơn vị, doanh nghiệp hoạt động khoa học công nghệ tự chủ về mặt tài chính.

Trong những thời gian gần đây, Nhà trường đã được đầu tư khá lớn của Nhà nước về hai lĩnh vực là giám sát hiện trường và an toàn thông tin. Sẽ tập trung nguồn lực để có những sản phẩm đặc thù. Nhà trường nhận thấy rằng các đối tác công nghiệp, công nghệ trong và ngoài nước sẽ là một trong những điểm nhấn để tạo ra những sản phẩm khoa học và công nghệ hướng tới đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và cộng đồng.

Thanh Bình (thực hiện)



GS.TSKH. Phan Anh
Hội viên Hội Cựu giáo chức

TỪ TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA... TỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

Nhân kỷ niệm 10 năm thành lập trường Đại học Công nghệ (2004- 2014), Hội cựu giáo chức đã vận động Hội viên chúng tôi viết về những kỷ niệm đối với Trường để tập hợp thành một tài liệu tặng trường nhân dịp này. Đây là bài viết để hưởng ứng cuộc vận động đó, nhưng đối với tôi những cảm xúc và kỷ niệm này không thể chỉ tính trong thời gian 10 năm.

Những sự kiện khởi đầu

Tháng 7 năm 1997 trong một chuyến đi công tác với Đài Truyền hình Việt Nam từ Cần Thơ ra Hà Nội, tôi gặp anh Nguyễn Văn Đạo trên chuyến bay HCM –HAN. Anh Đạo hơn tuổi tôi và cũng học trên tôi một lớp nhưng chúng tôi là bạn thiếu nhi từ thời cùng học một trường trong kháng chiến chống Pháp, tại Phú Thọ. Lâu ngày gặp nhau nên trước hết hỏi thăm nhau mọi chuyện. Tôi vẫn giảng dạy tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội từ khi ở lại trường năm 1959, còn anh Đạo là Giám đốc ĐHQGHN. Anh Đạo giới thiệu với tôi về ĐHQGHN và tặng tôi một cuốn tạp chí với nhiều thông tin trong đó. Vì biết tôi thuộc ngành Điện tử-Viễn thông nên anh Đạo giới thiệu với tôi luôn về việc ĐHQGHN mới thành lập một Khoa trực thuộc gọi là Khoa Công nghệ gồm 2 ngành Điện tử Viễn thông và Công nghệ Thông tin, được hình thành từ 2 khoa tương ứng của trường Đại học Khoa học Tự nhiên lúc bấy giờ, còn chủ nhiệm Khoa là anh

Nguyễn Văn Hiệu – biệt phái của Viện Khoa học Việt Nam. Như anh Đạo nói, đây là một mô hình mới của ĐHQGHN nhằm tăng cường mối quan hệ tương tác giữa hai mảng “Đào tạo” và “Nghiên cứu” trong nước. Anh Đạo cũng ngỏ ý rằng ĐHQGHN rất muốn có các cán bộ được đào tạo chính thống về Công nghệ như tôi bổ sung cho đội ngũ giáo sư của trường. Tôi hiểu đây là “chính sách đúng đắn” để nhanh chóng xây dựng đội ngũ, rất cần thiết cho những tổ chức mới thành lập của ĐHQGHN. Điều này làm tôi thấy vui, và muốn có đóng góp công sức cho tổ chức mới này vì thật sự “ngồi” mãi một chỗ cũng có những điều trệ. Tuy nhiên, lúc này tôi chưa đủ “tuổi hoàn thành nghĩa vụ với trường Đại học Bách Khoa Hà Nội” để có thể chuyển công tác.

Giữa năm 1999, thời điểm đó đã đến, tôi được Phòng tổ chức trường gửi một thông báo đã đến tuổi nghỉ hưu, kèm theo một thư viết sẵn để tôi chỉ việc ký tên vào đó, với nội dung đồng ý ở lại làm việc tiếp với trường. Thế là không có gì ràng buộc nữa, tôi từ chối ký để có thể chuyển công tác đi đâu tùy ý. Anh Nguyễn Văn Hiệu đã đến thăm tôi tại nhà riêng và ngỏ ý mời tôi về làm việc ở Khoa Công nghệ. Sau này tôi được biết là anh Nguyễn Văn Đạo đã giới thiệu để anh Hiệu tìm đến với tôi. Mãi đến cuối năm 2000 mới xong các thủ tục để tôi rút khỏi trường Đại học Bách khoa và



đến đầu năm 2001 tôi mới chính thức chuyển công tác về ĐHQGHN, nhận nhiệm vụ tại Khoa Công nghệ.

Trung tâm Nghiên cứu Điện tử Viễn thông - Những viên gạch đầu tiên

Khi về Khoa Công nghệ, tôi được bố trí vào danh sách cán bộ giảng dạy Bộ môn Viễn thông do anh Nguyễn Kim Giao làm chủ nhiệm, nhưng anh Hiệu nói với tôi “Khoa muốn xây dựng một đơn vị nghiên cứu về Điện tử - Viễn thông để đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, anh về đây trước tiên lo giúp chúng tôi việc này”. Thế là ngoài việc tham gia giảng dạy theo bố trí của Bộ môn Viễn thông tôi bắt tay ngay vào việc soạn thảo Đề án thành lập Trung tâm và ĐHQGHN cấp vốn pháp định. Mọi chuyện diễn ra thuận lợi, đến tháng 5/2001 Trung tâm nghiên cứu Điện tử - Viễn thông do tôi làm giám đốc đã có giấy phép của Bộ Khoa học - Công nghệ và chính thức hoạt động, tên viết tắt là

ECC. Với kinh nghiệm đã tích lũy được từ những năm công tác tại trường ĐH Bách Khoa Hà Nội, tôi bắt tay vào xây dựng Trung tâm. Trước hết là định hướng về chuyên môn cho Trung tâm để trên cơ sở đó hình thành về tổ chức và nhân sự. Chúng tôi chọn 3 hướng chính là Thiết kế ASIC, Công nghệ vô tuyến và Xử lý tín hiệu, tập hợp một số cán bộ giảng dạy sẵn có của Khoa để tổ chức 3 mảng này. Đồng thời tuyển một số sinh viên mới tốt nghiệp năm đó ở lại trường làm việc dưới hình thức thực tập sinh (TTS) để tiếp tục bồi dưỡng về chuyên môn và tham gia các đề tài nghiên cứu, hình thành 3 nhóm chuyên môn của Trung tâm. Hướng Thiết kế ASIC do TS Ngô Diên Tập chủ trì, có một thực tập sinh là em Nguyễn Thị Hồng. Hướng Xử lý tín hiệu do TS Hồ Văn Sung chủ trì, có một thực tập sinh là em Nguyễn Văn Khoa, còn hướng Công nghệ vô tuyến do tôi chủ trì, có 3 em thực tập sinh là Trần thị Thúy Quỳnh, Lê Quang Toàn và Đào Lê Hương Giang. Về sau có thêm

TS Trịnh Anh Vũ tham gia sau kỳ đi thực tập ở Úc về và chủ trì mảng Thông tin vô tuyến. Về đề tài nghiên cứu, chúng tôi chọn hướng Thông tin đa sóng mang là hướng công nghệ mới phát triển và nhiều triển vọng, có tính liên ngành cao để thu hút sự tham gia của cả 3 nhóm chuyên môn, đăng ký thành đề tài cấp ĐHQGHN và mời PGS Nguyễn Viết Kính làm chủ nhiệm. Về hợp tác quốc tế, chúng tôi mời GS Maurice Bellanger của CNAM (Pháp), GS Đào Trọng Tích (Hoa Kỳ), GS Nguyễn Đình Thông (Úc) là những GS mà tôi đã có mối quan hệ từ khi còn ở trường ĐH Bách khoa. Việc mời này được GS Chủ nhiệm Khoa (CNK) Nguyễn Văn Hiệu hết sức ủng hộ và về sau, các giáo sư nói trên đã trở thành khách quý của Khoa cùng với sự cộng tác và giúp Khoa trong nhiều vấn đề.

Đây là những viên gạch ban đầu đóng góp vào việc xây dựng Trung tâm ECC. Về sau, hằng năm chúng tôi đều giữ thêm các sinh viên mới tốt nghiệp ở lại làm thực tập sinh để bổ sung cho các nhóm chuyên môn như Trần Anh Tuấn, Dương Thị Quỳnh Thu, v.v. Các TTS này trong quá trình làm việc đã tiếp tục theo học cao học và hầu như đã tốt nghiệp Thạc sỹ xuất sắc, có người tiếp tục học lên bậc Tiến sỹ. Tôi thấy đây là một hướng đi đúng vì trong lúc Khoa mới hình thành, đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu còn mỏng thì đây là giải pháp tạo nguồn cán bộ rất tốt mà GS CNK Nguyễn Văn Hiệu đã hết sức ủng hộ.

Bộ môn Thông tin vô tuyến, một trách nhiệm mới

Năm 2004, Khoa Công nghệ được ĐHQGHN cho phép nâng cấp thành trường Đại học Công nghệ. GS Nguyễn Văn Hiệu giữ trách nhiệm Hiệu trưởng. Khoa Điện tử- Viễn thông được thiết kế với ý đồ để là một trong những khoa

chủ lực của Đại học Công nghệ, do GS Nguyễn Phú Thùy làm Chủ nhiệm. Trước đó đã có những cuộc trao đổi, bàn bạc xem Khoa nên có những Bộ môn nào, nhân sự và trang thiết bị ra sao. Xu hướng được nhất trí là sẽ tổ chức thành các Bộ môn là Điện tử, Hệ thống Viễn thông, Xử lý thông tin và Thông tin Vô tuyến. Theo chủ trương của trường lúc đó thì Trung tâm nghiên cứu Điện tử Viễn thông sẽ được sắp xếp lại: các cán bộ giảng dạy và trang thiết bị được phân bổ về các Bộ môn với chuyên môn tương ứng để tăng cường lực lượng cho giảng dạy và nghiên cứu của các bộ môn, chỉ để lại Trung tâm một số ít cán bộ và những trang bị đặc thù.

Tôi cũng không tiếp tục làm Giám đốc Trung tâm vì tuổi tác lúc này đã đến ngưỡng quy định đối với các GS. Tuy nhiên, GS Nguyễn Văn Hiệu lại mời tôi tiếp tục cộng tác với trường ở cương vị Chủ nhiệm Bộ môn. Theo quan điểm của GS Hiệu thì đây là công việc mang tính chuyên môn chứ không đơn thuần là quản lý. Tôi đồng ý và bắt tay vào công việc mới là xây dựng bộ môn Thông tin vô tuyến - một bộ môn có nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành cho ngành Điện tử - Viễn thông và là một lĩnh vực đang chiếm ưu thế trong sự phát triển của viễn thông lúc này. Vì Công nghệ vô tuyến là lĩnh vực mạnh của Trung tâm ECC khi tôi phụ trách nên bây giờ việc tổ chức bộ môn cũng có thuận lợi về cả mặt nhân lực lẫn trang thiết bị. Một bộ phận cán bộ và TTS của Trung tâm lúc đó được biên chế về bộ môn cùng với một số trang thiết bị. Vấn đề còn lại là xây dựng chương trình đào tạo cho chuyên ngành, tổ chức phòng thí nghiệm cho sinh viên và định hướng nghiên cứu cho Bộ môn. Vì đã có "vốn" của mấy chục năm giảng dạy và nghiên cứu tại trường ĐH Bách Khoa Hà Nội, nên những việc này đối với chúng tôi không có mấy



khó khăn. Chúng tôi đã xây dựng được chương trình khung và chương trình giảng dạy cho các môn học thuộc lĩnh vực bộ môn phụ trách ở trình độ cập nhật, hiện đại, ít ra là so được với các cơ sở đào tạo mạnh ở trong nước. Các đề tài nghiên cứu thuộc 2 mảng Kỹ thuật siêu cao tần - Anten và Kỹ thuật truyền dẫn để tăng tốc độ trong thông tin đã được lựa chọn và đăng ký thành đề tài với ĐHQGHN. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cho các môn học cũng được chuẩn bị. Trong một vài dịp trò chuyện, tôi đã phát biểu với anh em trong Khoa và với CNK- GS. Nguyễn Phú Thùy là chúng ta tuy đi sau nhưng chắc chắn sẽ không thua kém ai nếu biết tận dụng lợi thế của thời đại này là thời đại của một "thế giới phẳng", mọi chuyện không phải bắt đầu từ abc mà có thể từ vị thế trên vai của "người khổng lồ". Năm 2005, tôi được Trường tặng danh hiệu "Nhà giáo danh dự" của trường Đại

học Công nghệ mà như GS. Nguyễn Hữu Đức - Hiệu trưởng lúc đó nói trong buổi trao tặng thì tôi là người đầu tiên được Trường tặng danh hiệu này. Tôi hiểu đây là một vinh dự, một phần thưởng cao quý của trường đối với tôi.

Đôi điều suy nghĩ

Ngày nay, trường ĐHCN đã trở thành một cơ sở đào tạo và nghiên cứu "ngang ngửa" với các cơ sở mạnh trong nước. Đó là điều rất đáng mừng. Nhưng nhìn lại thấy đội ngũ cán bộ của trường và của Khoa Điện tử - Viễn thông nói riêng vẫn còn "mỏng", tôi cảm thấy có phần hơi lo ngại. Tôi nhớ có lần trong một buổi họp Hội đồng khoa học và Đào tạo của trường tôi đã phát biểu bày tỏ điều lo ngại này và dẫn thêm một nhận xét nữa là nhiều cán bộ giảng dạy chuyên môn giỏi của khoa Điện tử Viễn thông đã được điều động sang làm công tác quản lý. Lúc đó GS. Nguyễn Văn Hiệu



đã bình luận ngay “Nhưng nếu để cán bộ dốt sang làm quản lý thì còn chết hơn”. Lời bình luận quá đúng. Bởi vì ở đâu cũng cần người giỏi cả. Tôi tự hỏi : Vì sao Trường lại không thu hút được nhiều cán bộ giỏi về làm việc; vì sao Trường lại thiếu mất sức hấp dẫn để giữ cán bộ giỏi ở lại dài dài với trường trong khi chúng ta đã tự đào tạo hay thu nạp được khá nhiều người giỏi nhưng chỉ sau một thời gian thì số này lại “chia tay” để ra cơ sở khác làm việc. Trả lời cho câu hỏi thì không khó nhưng tìm được lời giải đáp cho giải pháp nào là khả thi thì lại không dễ. Tôi cho rằng đây thực sự là điều mà những người quan tâm đến tương lai của trường cần suy nghĩ nghiêm túc và coi đây là “chuyện ưu tiên hàng đầu” bởi tôi nghĩ nếu không có đội ngũ mạnh thì trường không thể “bứt phá” mạnh hơn trong hoạt động Đào tạo và Nghiên cứu những năm sắp tới.

Hà Nội, tháng 7 năm 2014

GS.TSKH. Phan Anh, Hội viên Hội Cựu giáo chức

GS TS KH Phan Anh

- Sinh năm 1939 tại Hà Nội
- Tốt nghiệp trường Đại học Bách khoa Hà Nội K1(1956-1960), chuyên ngành Kỹ thuật Vô tuyến điện.
- Năm 1972, bảo vệ luận án Phó Tiến sỹ tại Đại học Viễn thông Mátscova MEIS (Liên Xô).
- Năm 1986, bảo vệ luận án Tiến sỹ khoa học tại Đại học Bách khoa WROCLAB, Ba Lan.
- Từ năm 1959-2000: Cán bộ giảng dạy trường ĐH Bách khoa Hà Nội, Chủ nhiệm Bộ môn Kỹ thuật vô tuyến, Chủ nhiệm Khoa Vô tuyến Điện tử-Thông tin, Giám đốc Trung tâm hợp tác NC& PT của trường ĐHBK-Tổng CTy Điện tử Tin học Việt Nam.
- Từ năm 2001: Cán bộ giảng dạy ĐHQGHN, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Điện tử - Viễn thông (2001-2004), Chủ nhiệm Bộ môn thông tin vô tuyến (2005-2009) của trường Đại học Công nghệ.
- Năm 1980, được phong Phó Giáo sư
- Năm 1990, được tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú
- Năm 1991, được phong Giáo sư.
- Năm 2005, được tặng danh hiệu Nhà giáo danh dự của trường ĐHCN.



PGS.TS. Nguyễn Viết Kính
Hội viên Hội Cựu giáo chức

Đôi dòng tản mạn về 10 năm thành lập trường

Vào một ngày trời thu, ban biên tập Kỷ yếu 10 năm thành lập trường Đại học Công nghệ (UET) đã đề nghị tôi viết một đôi điều về những ngày đầu thành lập trường. Tuy bài viết chỉ trong hai trang giấy, nhưng những kỷ niệm năm tháng dường như không bao giờ phai mờ trong tâm trí tôi dù đã cách đây mười lăm năm có lẽ. Nhà trường đã làm được một việc ý nghĩa mà Hội Cựu giáo chức định làm nhưng chưa làm được.

Những sắc màu đi cùng năm tháng

Trường Đại học Công nghệ (UET) được thành lập trên cơ sở khoa Công nghệ, với tiền thân là hai khoa Công nghệ Thông tin và Điện tử-Viễn thông thuộc trường Đại học Khoa học Tự nhiên nằm trong ĐHQG Hà Nội. Nhiều năm trôi qua, nay có dịp ngồi suy ngẫm, các kỷ niệm trở về đậm nhạt, sắc màu khác nhau, nhưng có những hình ảnh không hề phai nhạt.

Đó là các bạn đã có nhiều thời gian cùng làm việc trong những ngày mới thành lập, đã đóng góp sức lực và trí lực một cách nhiệt tình và sáng tạo cho một cơ sở đào tạo mới, khó khăn nhiều mặt nay đã ra đi không giờ trở lại. Thầy Nguyễn Khang Cường, dù mới chỉ qua thực tập ở Nga một thời gian ngắn đã dịch thuật giáo trình mới từ tiếng Nga cho sinh viên và học viên cao học, hết sức tinh tế và chuẩn xác chỉ nhờ quá trình tự học. Thầy Nguyễn Kim Giao, không quản trái tim mình hay thổn thức vẫn miệt mài tại phòng thí nghiệm, tạo

ra những bài thực tập mới, lần đầu tiên có trong ĐHQGHN giúp cho các học trò bớt phần bỡ ngỡ trong thực tế. Thầy Nguyễn Phú Thùy, một chuyên gia giỏi, tính tình hiền dịu, đã không tiếc sức gây dựng một hướng chuyên sâu mới, thu hút nhiều học trò say mê nghiên cứu ứng dụng. Thầy Nguyễn Đình Thông, sau nhiều năm công tác trong ngành giáo dục ở nước ngoài với kiến thức hiện đại và phong phú, ngoài phần giảng dạy trực tiếp đã đóng góp nhiều ý kiến, cách nhìn mới mẻ trong quy trình đào tạo góp phần cho khoa ĐTVT nhanh chóng hơn trong hòa nhập khu vực và quốc tế... Và anh Lương Đăng Định một kỹ thuật viên, sau nhiều năm làm công tác địa chất trong nước và ngoài nước đã không ngại khó, học những kiến thức mới góp phần cho sinh viên có các bài thực tập kịp thời. Mong các bạn yên nghỉ, mọi người luôn nhớ tới các bạn.

Trưởng thành theo thời gian

Những ngày gần đây, gặp lại bạn bè và học sinh cũ, những người có dịp đến trường ĐHCN đều nhận xét rằng trường có nhiều thay đổi theo hướng tích cực. Họ nói "Ồi phòng ban khang trang quá, làm việc quy củ theo giờ hành chính, các phòng thí nghiệm tăng lên rất nhiều và được trang bị hiện đại, tên giảng đường cũng oách ra trò với chức danh cán bộ trong phòng cũng oai phong, khắp nơi giáo sư tiến sỹ chỉ nghe cũng đã thèm. Đặc biệt, lại toàn những người còn trẻ nữa. Không như cơ quan chúng em số



cán bộ có học vị không nhiều như trường ĐHCN”. Tôi phải giải thích rằng làm như vậy là để hội nhập, là theo thông lệ quốc tế, vậy mà trường vẫn chưa được kể tên trong danh sách các trường có tên tuổi đâu? Còn phải phấn đấu nhiều nhưng trong tương lai, cứ đà này chẳng mấy lúc trường ta sẽ được xếp hạng. Không biết tôi trả lời như vậy có bị mọi người cho là chưa khách quan không? Các khoa khác, tôi không rõ lắm, nhưng nghĩ rằng chí ít cũng như khoa tôi, lực lượng cán bộ trong khoa, phải nói là mạnh. Các thầy cứng tuổi như thầy Vinh, Dương, Tuấn, Vũ vững vàng, trầm tĩnh, chín chắn. Kinh nghiệm giảng dạy đầy mình. Các thầy trẻ hơn như Long, Tân... lẫn lộn thực tế, xông xáo không biết mệt. Còn lực lượng nòng cốt như các thầy Hà, Trung, Giang, Trinh, Tú, được đào tạo bài bản từ các nước Tây Âu với các công trình công bố quốc tế đáng nể, tự tin trong chuyên môn và quản lý. Các lớp trẻ sau này cũng đầy tiềm năng, để làm được trong các phòng thí nghiệm phải là thạc sỹ trở lên. Đây là một điểm rất mạnh và theo hướng tích cực.

Trần trở với hiện thực

Thực ra, tôi luôn băn khoăn hai

điểm: Một là, không biết anh em ta thu nhập có khá không? Vì một số lần lãnh đạo Nhà trường đều nói đó là điều chưa làm được. Tuy nhiên, nhìn những người mà tôi quen biết và hỏi thăm một vài người mới biết là ổn. Hơn nữa trên thực tế, nếu so sánh với những cơ quan mà tôi biết thì thấy ít ra trường ta cũng hơn một vài nơi. Trong tình hình hiện nay được như vậy là lãnh đạo Nhà trường và cán bộ đã cố gắng lắm và mừng lắm. Hai là, đã nhiều năm, mà sao đến nay, ta chưa có một sản phẩm công nghệ nào được quảng bá trong xã hội, made in UET, để bù đắp lại tiền của đã bỏ ra cho các đề tài nghiên cứu, nâng cao hơn nữa đời sống của cán bộ và chưa có nhóm nghiên cứu với nhiều công trình công bố quốc tế do kết quả thu được từ các phòng thí nghiệm của ta được quốc tế kể đến. Mong lắm, hy vọng lắm, chờ đợi lắm.

Những người là cán bộ cũ, đã nghỉ hưu, đa số tham gia trong tổ chức nghề nghiệp gọi là Hội Cựu giáo chức, được Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi nhất có thể cho anh em trong hội. Hàng năm, vào ngày nhà giáo, ngày lễ tết thường được Nhà trường tổ chức cho anh em gặp mặt, trò chuyện. Quan trọng nhất là

mọi người được nghe Nhà trường trao đổi những kết quả, khó khăn của nhà trường, lắng nghe ý kiến nguyện vọng và ra về với chút quà ân tình. Điều làm mọi người cảm thấy được trân trọng là, mặc dù kinh phí phúc lợi hạn hẹp, nhưng năm nào nhà trường cũng coi cán bộ nghỉ hưu như cán bộ đương chức trong các dịp nghỉ hè do nhà trường tổ chức. Chả mấy nơi làm được như vậy đâu. Về phía tôi, một cựu giáo chức, bằng việc giới thiệu để các học sinh giỏi thi vào trường, giải thích một vài tin tức chưa rõ về trường khi có thể, tham gia một vài công việc chuyên môn khi cần thiết..., thì những hoạt động này cũng là một vài hạt cát góp công xây dựng trường, để đáp lại tình cảm của trường trong khả năng còn lại ít ỏi của mình.

Mỗi dịp kỷ niệm, là một dịp chứng kiến sự phát triển của trường, một dịp vui gặp mặt mọi người, một dấu mốc trên đường trở về với cát bụi. Hãy hy vọng, tin tưởng vào tương lai, tự hào vì là thành viên của trường.

Hà Nội, tháng 10 năm 2014

Nguyễn Viết Kính
Hội viên Hội Cựu giáo chức



PGS.TS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Hội Cựu giáo chức

Khoa Vật lý kỹ thuật & Công nghệ nano trong trái tim tôi

Như thường lệ, mỗi khi mở máy tính ra là tôi không thể không nhấp chuột vào dòng chữ www.uet.vnu.edu.vn để theo dõi các thông tin về Trường Đại học Công nghệ (ĐHCN), đặc biệt luôn tìm kiếm các thông tin liên quan đến Khoa Vật lý Kỹ thuật và Công nghệ Nanô (VLKT&CNNN). Tôi cảm thấy vui mừng khi liên tục đọc được những tin vui từ đây, sự lớn mạnh của khoa, của từng thành viên và đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ, với các thành tích mà họ đạt được.

Đôi lúc tôi không khỏi ngỡ ngàng vì sự phát triển nhanh đến thế của họ.

Khoa VLKT&CNNN - một tập thể trẻ đoàn kết, đạt nhiều thành tích cao

Khoa VLKT&CNNN là một trong các khoa trẻ và cũng khiêm tốn trong trường ĐHCN, nhưng hiện nay đã có tới hơn 20 thầy cô giáo có trình độ tiến sỹ, điều làm tôi thật sự vui mừng là trong đó có tới 10 giảng viên trẻ trình độ tiến sỹ được đào tạo từ các nước phát triển Nhật, Đức, Canada, Hà Lan, Pháp, Nga, Czech... Tôi đã liên tiếp nhận được các tin vui về sự thành công và trưởng thành của đội ngũ này.

TS. Đỗ Thị Hương Giang : được phong học hàm Phó giáo sư, là nữ PGS duy nhất của trường ĐHCN ở độ tuổi 30, đạt nhiều giải thưởng Khoa học công nghệ cao quý, lại luôn cười rất tươi và biết làm đẹp. Nhớ lại gần 10 năm trước đây, lần đầu nghe Giang trình bày chuyên

môn tại hội đồng xét tuyển tôi đã có ấn tượng rất tốt về cô gái này: kiến thức chuyên môn vững vàng, khả năng diễn giảng tốt, với nụ cười tươi và thân thiện. Những gì mà PGS.TS. Đỗ Thị Hương Giang đạt được đến ngày hôm nay, tôi đều có thể hình dung được, nhưng quả thật tôi không khỏi ngạc nhiên và ngưỡng mộ vì kết quả mà Giang đạt được rất xuất sắc và vượt thời gian.

PGS.TS. Phạm Đức Thắng, một giảng viên trẻ, với tác phong rất thư sinh, nhỏ nhẹ, mà những ngày đầu đến với khoa VLKT&CNNN còn không khỏi mang theo những đắn đo, suy nghĩ. Tuy nhiên, Ban Chủ nhiệm và Chi bộ Khoa VLKT&CNNN đã đánh giá cao năng lực chuyên môn và tâm đức của TS.Phạm Đức Thắng với kế hoạch bồi dưỡng cán bộ kế cận. TS.Phạm Đức Thắng đã được bổ nhiệm giữ chức Trưởng khoa VLKT&CNNN, được đại hội bầu vào BCH Đảng bộ trường ĐHCN, giữ chức Bí thư chi bộ Khoa VLKT-CNNN và được phong học hàm Phó giáo sư với nhiều thành tích nghiên cứu khoa học (NCKH)... Thật là vui mừng, khi nhìn thấy một phần đóng góp của mình và những hy vọng vào khoa đến nay đã trở thành hiện thực.

TS. Nguyễn Mậu Danh được bổ nhiệm chức Trưởng phòng Kế hoạch – Tài vụ; TS. Trần Đăng Khoa , Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng; TS. Nguyễn Phương Hoài Nam được bổ nhiệm giữ chức Phó chủ nhiệm khoa, PGS.TS. Nguyễn Kiên Cường, Phó ban Thanh

MA TRẬN ĐỀ THI & XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI

Bắc Ninh, Ngày 01-02 tháng 11 năm 2013



tra, CN. Nguyễn Đăng Khoa trở thành chuyên viên Ban Tổ Chức cán bộ ĐHQGHN.

Đội ngũ cán bộ nguồn của khoa nhiều hơn so với trước và đạt được các thành tích cao trong học tập, NCKH: các bạn Phạm Hoàng Ngân, Nguyễn Huy Tiệp, Phạm Thái Hà đều là những sinh viên xuất sắc đã từng nhận giải thưởng Honda YES, làm sao có thể quên được những gương mặt trẻ trung, say mê ham học hỏi ấy. Rõ ràng là đội ngũ cán bộ trẻ của Khoa VLKT&CNNN đã lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, có khả năng đảm trách nhiệm vụ đào tạo và NCKH của Khoa, đóng góp cho sự phát triển của Khoa và của trường ĐHCN.

Nhóm nghiên cứu Vật lý và Công nghệ tổ hợp Nanô do GS.TS. Nguyễn Năng Định - trưởng nhóm là một trong 16 nhóm nghiên cứu mạnh của ĐHQGHN được GD ĐHQGHN khen thưởng. GS.TS. Nguyễn Năng Định đã được nhận danh hiệu NGƯT. GS. Định còn là người có đóng góp rất lớn trong phát triển đào

tạo SDH chuyên ngành Vật liệu và Linh kiện nano. GS. Định và tôi đã quen biết, làm việc với nhau từ rất lâu, ngay từ năm 1995, anh Định (Đại diện PTN màng mỏng- Viện Khoa học Việt Nam) và tôi (Đại diện Khoa Vật lý- trường Đại học Sư phạm Hà Nội) đã cùng nhau ký kết văn bản hợp tác đào tạo và NCKH giữa 2 đơn vị. Điều bất ngờ là, đến năm 2004 chúng tôi lại gặp nhau và cùng làm việc tại Khoa VLKT&CNNN .

Mỗi thông tin là mỗi niềm vui, là những cung bậc cảm xúc tái hiện trong tôi những hình ảnh, những kỷ niệm đẹp, khó quên về những con người ấy, về những chuyến đi giảng dạy, hội thảo khoa học, trao đổi, tham quan ở Nha Trang, TP. HCM, Italy, Paris, Viện Hạt nhân Đà Lạt, ... Với những chuyến đi du xuân, nghỉ hè ở Quảng Bình, Đà Nẵng, Sapa, Côn Sơn – Kiếp Bạc, Yên tử... cùng các cán bộ của khoa và trường.

Khoa VLKT&CNNN - Mô hình độc đáo với định hướng phát triển đúng đắn

Nhớ lại những ngày đầu Khoa VLKT&CNNN ra đời với không ít rào cản và khó khăn, một số người trong trường ĐHCN cho là trở ngại đối với họ, khoa chỉ có 08 cán bộ cơ hữu, chi bộ chỉ có 03 đảng viên, cơ sở vật chất gần như không có gì. Quả thật với thực trạng đó, kéo được cán bộ trẻ có trình độ tiến sỹ về công tác tại khoa thật là khó khăn. Giải pháp có tính chiến lược và cũng là kinh nghiệm quý báu để khoa VLKT&CNNN cũng như khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa cất cánh đó là mô hình liên kết Trường – Viện do GS.VS Nguyễn Văn Hiệu- người sáng lập- Hiệu trưởng đầu tiên của trường ĐHCN khởi xướng. Đây là một mô hình độc đáo và có nhiều ưu việt. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã nảy sinh các vấn đề liên quan đến đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm, việc quản lí, trang trải chi phí, đầu tư cho các PTN của Viện như thế nào. Xét từ nhiều khía cạnh, Ban Chủ nhiệm khoa (GS.TS Nguyễn Năng Định – Chủ nhiệm và PGS.TS. Trần Thị Tâm – Phó Chủ nhiệm) và Chi ủy chi bộ (PGS.



TS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc- Bí thư) đã nhiều lần trao đổi xác định hướng đi để khoa có thể chủ động phát triển lâu dài và bền vững. Bên cạnh việc tận dụng các thế mạnh về con người và cơ sở vật chất của Viện liên kết, phải phát triển nội lực của Khoa cả về con người và cơ sở vật chất, trong đó ưu tiên phát triển nguồn nhân lực. Thực tiễn phát triển của khoa VLKT& CNNN đã minh chứng cho sự đúng đắn của mô hình liên kết Trường- Viện, của việc xác định hướng đi và lựa chọn định hướng phát triển. Mô hình liên kết Trường - Viện ngày ấy, nay đã mở rộng thành mô hình liên kết Trường – Viện – Doanh nghiệp .

Những thành tựu mà khoa VLKT& CNNN đạt được ngày hôm nay, sau 10 năm xây dựng và phát triển, là công sức đóng góp và tâm huyết của tất cả các thành viên trong ngôi nhà chung – khoa VLKT&CNNN, trong đó có công lao rất lớn của các GS đầu ngành, những nhà khoa học đến từ Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam. Sự chỉ đạo và quan tâm giúp đỡ của lãnh đạo trường ĐHCN, kiên trì

triển khai các bước đi cụ thể một cách khoa học, khả thi mà BCN khoa và chi ủy đã thực hiện là những yếu tố quyết định sự thành công đó.

Vườn ươm- Khoa VLKT&CNNN, ngày nào còn non nớt, thưa thớt, nay đã xum xuê, phát triển xanh tươi, đang từng ngày ra hoa kết trái. Đây là niềm vui không chỉ của riêng từng cán bộ đã góp sức cho khoa, mà còn là niềm tự hào của cán bộ khoa nói riêng và trường ĐHCN nói chung.

Tôi yêu quý Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano.

Hà Nội, tháng 7 năm 2014





ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HỘI NGHỊ

... DỰ ... NHỚ ... NGHỊ ... CỨU ...





PGS.TS. Đỗ Ngọc Minh

Cơ duyên đến từ “Đàn cầu gió Đông”

Lần đầu tiên tôi được tiếp xúc với PGS.TS. Đỗ Ngọc Minh khi anh có một buổi xê-mi-na tại trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN. Với sự say mê và lòng nhiệt huyết, anh không ngừng chia sẻ những kinh nghiệm của bản thân cho đồng nghiệp trong quá trình làm trợ giảng tại trường đại học hàng đầu của Hoa Kỳ-Illinois rồi trở thành giáo sư đại học nổi tiếng tại đây. Buổi tiếp xúc thứ hai cũng là lúc PGS.TS. Đỗ Ngọc Minh chuẩn bị lên đường tới thung lũng silicon (Bắc California, Hoa Kỳ) để hoàn thành chương trình một năm hoạt động trao đổi hợp tác quốc tế.

PGS có thể chia sẻ đôi chút về quá trình tu nghiệp của mình?

Tôi sinh ra ở Thanh Hóa và học trường PTTH Lam Sơn. Từ nhỏ tôi thích học toán, và càng lớn càng muốn học một ngành nào đó để sau này có thể giúp quê hương. Lúc này ngành công nghệ thông tin mới ra, đó là một điều rất mới mẻ lại có thể áp dụng toán vào đó. Năm lớp 12, tôi đạt giải Nhì Olympic Toán học quốc tế và đây chính là bàn đạp rất quan trọng cho những bước đi sau này. Năm 1991, tôi học tại trường ĐH Bách Khoa Hà Nội. Giữa năm sau, tôi nhận học bổng của AusAid và sang học 4 năm ĐH ngành máy tính tại Australia. Đến năm thứ 4 ĐH, tôi tìm được một suất học bổng nghiên cứu sinh Học viện Quốc gia Kỹ thuật của Thụy Sĩ.

Trong thời gian học tập và nghiên cứu ở nước ngoài PGS có gặp khó khăn gì không?

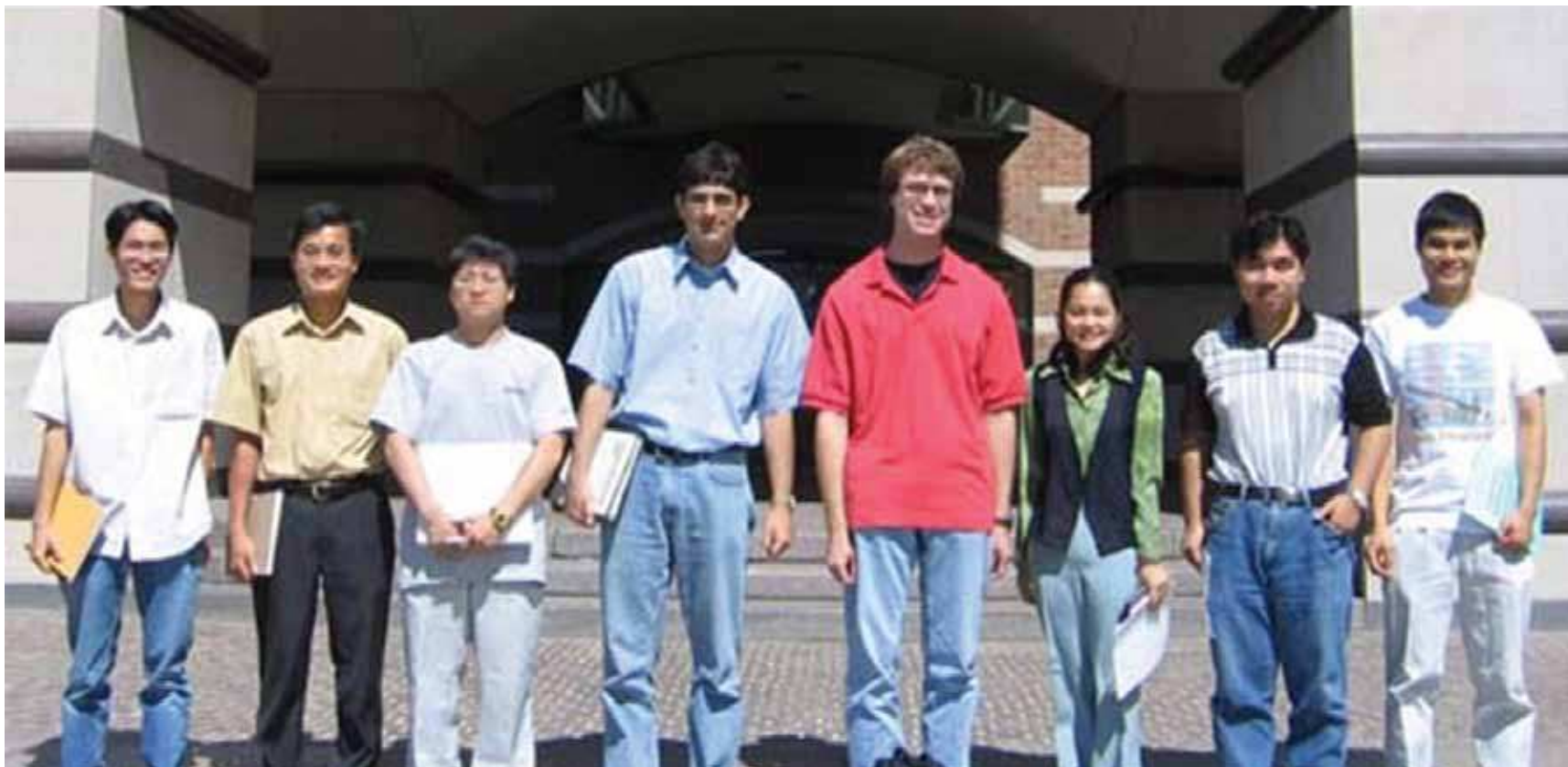
Khi sang Úc, tôi đã nghĩ Toán hay Lý,

những môn học cơ bản này là phù phiếm, không cần thiết, chỉ cần biết lập trình hay tham gia vào dự án thôi, nhưng khi theo học tại Thụy Sĩ, được nghiên cứu sâu hơn tôi thấy kiến thức cơ bản đóng một vai trò rất quan trọng. Và sau này tiếp cận với nền giáo dục của Hoa Kỳ, tôi đã đúc kết lại rằng thay vì việc nhồi vào đầu nhiều kiến thức chúng ta nên kết hợp, xen kẽ giữa học và làm. Qua quá trình làm sẽ kích thích ý muốn tìm hiểu, nâng cao, buộc bạn phải học, đào sâu thêm.

Thay đổi nhiều môi trường nhưng lại có thể thích ứng được rất nhanh, PGS có bí quyết nào vậy?

May mắn một phần là mình đã được tiếp xúc với nhiều bạn bè, đồng nghiệp giỏi và một phần là chính bản thân rất chủ động khi làm việc với đồng nghiệp và sinh viên ở nhiều ngành nghề khác nhau. Nếu chỉ ngồi một chỗ thì anh chỉ có thể làm tốt một lĩnh vực của anh. Trong khi đó, một nhà nghiên cứu về công nghệ hiện nay lại cần hiểu biết về nhiều mảng khác nhau nữa. Chính bản thân tôi luôn luôn thích tìm hiểu thêm những cái lạ và mới. Làm việc với các cộng sự có lĩnh vực nghiên cứu khác với mình là cách mình có thể học hỏi thêm được nhiều điều. Anh không chỉ biết trong ngành hẹp của anh mà anh còn liên kết nhiều ngành khác nhau từ đó đưa ra nhiều ý tưởng hơn...

Và đặc biệt tính cách của mình cũng cần phải hòa đồng, cầu thị. Trong quan niệm của mình về cộng sự, khi liên kết với nhau



làm một công trình nghiên cứu, đừng đặt trong đầu mình phải chia thành quả như thế nào và kết quả đó có dự cạnh tranh không. Anh và cộng sự cần phải hiểu rằng cùng làm thì chiếc bánh sẽ to ra chứ không phải chia làm đôi, dĩ nhiên $1 + 1$ sẽ lớn hơn 2 rất nhiều.

Hướng nghiên cứu của PGS hiện nay là gì?

Tôi đang nghiên cứu cùng một nhóm gồm 8 nghiên cứu sinh tại Hoa Kỳ. Nghiên cứu sinh cũ của tôi có 7 người đã hoàn thành PhD, họ rất tài năng, thậm chí có người đã là giáo sư của ĐH Harvard, hay có người dẫn đầu một nhóm nghiên cứu của Intel. Nhóm của tôi nghiên cứu theo 3 hướng: biểu diễn thông tin về ảnh và video (công nghệ nén ảnh, video), tạo ra những thuật toán dựng và xử lý ảnh trong sinh học, và xây dựng hệ thống kết nối nhiều micro-phone và camera.

Lĩnh vực dựng và xử lý ảnh được coi là một

trong 20 thành công lớn nhất của thế kỷ XX về kỹ thuật. Ví dụ kỹ thuật dựng ảnh trong sinh học hướng tới trình độ cao có thể giúp chúng ta phát hiện ngay những tế bào có biểu hiện bệnh để ngăn ngừa kịp thời và có cách điều trị cụ thể trước khi chúng trở nên nguy hiểm.

Trong lĩnh vực biểu diễn thông tin về ảnh và video, nhóm nghiên cứu của chúng tôi phát minh ra một phép biến đổi mới và đặt tên là "contourlet". Công trình đã đạt giải thưởng của IEE- Viện các kỹ sư điện, điện tử quốc tế (Institute of Electrical and Electronics Engineers) năm 2008. Hiện nay, nó trở nên phổ biến và được nhiều người sử dụng như nền tảng để phát triển các ứng dụng khác. Hiện dùng Google Search có thể tìm được hơn 90.000 trang web sử dụng "contourlet" và mỗi tháng có hàng trăm lượt download phần mềm của chúng tôi.

Có khó không để chọn cho mình

một hướng nghiên cứu?

Khi trở thành Giáo sư trong trường ĐH ở Hoa Kỳ, bạn hoàn toàn tự do cho phép mình chọn hướng nghiên cứu và miễn là nó có giá trị và kết quả. Đầu tiên, khi tôi tới ĐH Illinois, tôi đã đặt câu hỏi: "Phải làm thế nào để chọn cho mình được hướng nghiên cứu?". Lúc đó, rất may mắn là tôi đã được gặp GS. John Bardeen- người đã 2 lần đạt giải Nobel, và là Giáo sư cũ của khoa tôi.

GS. Bardeen đã cho rằng một hướng nghiên cứu tốt cần có 3 điều kiện: Một là lĩnh vực nghiên cứu giúp được gì cho xã hội? Hai là lĩnh vực đó, công nghệ có sẵn sàng tiếp nhận nó hay không? Chặng hạn bạn có công trình mà 50 năm nữa mới có thể ứng dụng vì công nghệ hiện tại không thể đáp ứng thì đó là một khoảng thời gian quá xa. Cuối cùng là lĩnh vực nghiên cứu đó phải đòi hỏi trí tuệ cao, đáng để nghiên cứu.



Được biết PGS có một năm hoạt động trao đổi hợp tác quốc tế, lí do nào đã đưa PGS tới trường ĐHCN?

Năm 2005, tôi đang tham dự Hội nghị những nhà khoa học trẻ được tổ chức ở Nha Trang, tại đây, tôi đã được tiếp xúc với GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu. Đối với chúng tôi, GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu được coi là một thần tượng để chúng tôi học tập và noi theo. Khi được trò chuyện và nghe thầy giới thiệu trường ĐHCN tại “Đàn cầu gió đông”, tôi thấy đây là một môi trường tốt và đã hy vọng là sẽ có cơ hội được hợp tác tại đây.

Vậy tại Khoa Điện tử-Viễn thông PGS đã có những hoạt động cụ thể gì?

Tôi và các thầy trong trường có một số hợp tác, dự án nghiên cứu với nhau chủ yếu tạo điều kiện cho sinh viên, nghiên cứu sinh trong nước. Ví dụ như vấn đề về có các bài báo khoa học quốc tế, là điều mà sinh viên, nghiên cứu sinh của ta gặp rất nhiều khó khăn. Một bài báo được gửi đi từ một nước đang phát triển thì tại hội đồng nước ngoài sẽ không được đánh giá cao như những công trình đến từ châu Âu, các nước phát triển. Vì thế, các bài báo trong nước cần có sự liên kết với cộng sự nước ngoài nhằm thâm nhập vào các tạp chí nổi tiếng của thế giới. Nội lực

kết hợp với ngoại lực để tạo ra các công trình được chứng nhận trên quốc tế. Hiện nay, các đồng nghiệp từ Trung Quốc, Ấn Độ cũng làm như vậy

Thông qua quá trình làm việc tại đây, PGS có lời khuyên nào dành cho đồng nghiệp cũng như sinh viên?

Tôi nghĩ giáo dục đại học ở Việt Nam cần chuyển đổi mục tiêu học chỉ để biết (bằng việc tập trung trang bị kiến thức cho sinh viên trên lớp học) sang thành học để biết và làm. Để đạt được điều đó thì chương trình học phải tăng thêm nhiều các bài tập, bài thí nghiệm, dự án để sinh viên thường xuyên phải tự làm, tìm tòi và sau đó được kiểm chứng chặt chẽ bởi các trợ giảng. Sinh viên học không chỉ ghi nhớ kiến thức, mà còn phải tự xây dựng lên kiến thức và kinh nghiệm của mình qua các việc làm cụ thể trên. Giảng viên đại học không chỉ biết kiến thức trong sách vở, mà phải có kinh nghiệm làm việc thực tế trong công nghiệp hoặc nghiên cứu. Chúng ta có thể mạnh dạn mời những người đang làm trong công nghiệp làm giáo sư thỉnh giảng.

Xin cảm ơn Giáo sư!

Việt Nga (thực hiện)- Bản tin VNU số 234-2010





PGS. TS. Phạm Bảo Sơn
Chủ nhiệm Khoa Công nghệ thông tin,
Trường ĐH Công nghệ

Công nghệ Thông tin cùng các ngành khác phát triển

ĐHQGHN chia sẻ, “tôi đã gắn bó với mái trường ĐH Công nghệ được 7 năm. Đó là quãng thời gian không dài song cũng cho tôi cơ hội trải nghiệm trên một số vị trí công tác”.

Phát triển theo chiều sâu

Tôi cho rằng, Khoa Công nghệ thông tin nói riêng và Trường ĐH Công nghệ nói chung là nơi có một đội ngũ cán bộ tương đối mạnh, nhiều tiềm năng phát triển.

Trong 10 năm vừa qua, Khoa Công nghệ thông tin hàng năm thu hút được từ 3 đến 5 tiến sĩ được đào tạo ở các trường đại học danh tiếng về công tác. Điều này tạo tiền đề cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ mạnh và phát triển một số chương trình đào tạo mới. Chỉ riêng Khoa Công nghệ thông tin, năm 2004 chỉ có một ngành đào tạo bậc đại học thì đến nay đã có 5 ngành đào tạo khác nhau trong nhóm ngành Công nghệ thông tin.

Chất lượng đầu vào của sinh viên là một trong những yếu tố quan trọng cho sự phát triển của trường. Ngay từ những năm đầu tiên, Trường đã rất chú trọng đến vấn đề tuyển sinh đặc biệt nhằm thu hút các em học sinh giỏi. Trường ĐHCN, trong đó Khoa Công nghệ thông tin chúng tôi làm nòng cốt, được giao làm đầu mối để huấn luyện đội tuyển Tin học của Việt Nam tham gia thi Olympic Tin học quốc tế. Chính vì thế, trường ĐHCN đã trở thành địa chỉ hấp dẫn cho các em học sinh giỏi trong lĩnh vực Công nghệ thông tin. Chỉ tính riêng

năm học 2014 – 2015, Trường đã thu hút được gần 50 học sinh đoạt giải quốc gia, quốc tế đăng kí vào các ngành học thuộc nhóm ngành CNTT..

Cũng như nhiều nhà khoa học khác, chúng tôi mong muốn được cống hiến nhiều hơn nữa cho Khoa, cho Trường. Song những cán bộ trẻ của chúng tôi cũng có trăn trở, mong muốn được tạo môi trường, cơ chế tốt hơn nữa. Tôi cho rằng để nhà khoa học cống hiến, sáng tạo ra nhiều sản phẩm, công trình thì cơ chế quản lí phải tạo động lực cho họ. Chúng tôi mong muốn một cơ chế quản lí cởi mở, trao quyền tự chủ cho các cấp. Với 5 chương trình đào tạo của Khoa Công nghệ thông tin hiện nay thì tôi nghĩ việc quản lí phải có những thay đổi khác so với khi chỉ có 1 chương trình đào tạo. Tôi thấy rằng, các bộ môn cần có quyền chủ động trong nhiều hoạt động chuyên môn hơn. Công nghệ thông tin và truyền thông là nền tảng, là triết lí phát triển của Trường ĐH Công nghệ suốt từ ngày đầu thành lập đến nay. Chúng tôi rất tâm đắc với triết lí này và thực sự đánh giá cao tầm nhìn của các bậc lãnh đạo tiền bối, những người có đóng góp đặc biệt trong việc gây dựng và phát triển Trường ĐH Công nghệ suốt thời gian qua. Tôi cho rằng, công nghệ thông tin và truyền thông sẽ tiếp tục giữ vị trí nòng cốt trong sự phát triển của Trường trong thời gian tới.

Sự gắn kết, hợp tác liên ngành tốt hơn thì sẽ thúc đẩy phát triển. Công nghệ thông



tin có mặt ở tất cả các lĩnh vực của xã hội. Công nghệ thông tin không chỉ đơn thuần là máy tính, tin học, mạng mà trước yêu cầu của sự phát triển, công nghệ thông tin phải cùng các ngành khác tạo nên các giá trị gia tăng cho xã hội. Tập thể chúng tôi gồm hơn 70 cán bộ trong đó có hơn 40 TS, mong muốn giải quyết những bài toán lớn, có ảnh hưởng và ứng dụng thực tế. Chúng tôi đang thực hiện khá nhiều nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và tham gia xây dựng các Đề án về an toàn thông tin, giám sát hiện trường,...

Mong muốn phát triển theo chiều sâu, giải quyết những bài toán lớn, tập hợp lực lượng, hợp tác với công nghiệp dựa trên các hoạt động cụ thể, có chiều sâu là định hướng phát triển của tập thể cán bộ Khoa Công nghệ thông tin.

Giảng viên- Nhà khoa học- Người định hướng

Tôi cho rằng, trường đại học phải tạo môi trường để giúp các sinh viên sáng tạo và phát triển. Trong những năm tháng ở trường đại học, các sinh viên vừa học tập, vừa xây dựng văn hóa khởi nghiệp. Các giảng viên không chỉ truyền thụ kiến thức chuyên môn mà còn là người tạo động lực cho sinh viên sống say sưa và cống hiến.

Người thầy phải tạo được hứng thú cho sinh viên học tập và sáng tạo.

Với một môi trường năng động của ngành công nghệ thông tin, những giảng viên chúng tôi luôn khuyến khích, tạo môi trường để sinh viên tự bộc lộ và khám phá mình. Tôi nghĩ, qua nhiều cuộc thi dành cho sinh viên ngành công nghệ thông tin, không ít sinh viên tìm được hướng đi, phát triển bản thân. Có sinh viên sẽ tiếp tục con đường làm khoa học, có người trở thành giảng viên, có người sẽ chọn hướng ứng dụng, làm việc tại các công ty về công nghệ thông tin.

Việc những giảng viên, nhà khoa học có kết nối với các doanh nghiệp để tạo nên sự giao lưu, cởi mở trong sự phát triển là việc cần được khuyến khích. Mỗi cá nhân góp phần tạo nên thương hiệu của nhà trường. Sự kết nối của giảng viên với các cơ quan tổ chức trong và ngoài nước, đặc biệt là các tập đoàn công nghiệp đem lại những lợi ích rất thiết thực cho người học và cả đơn vị.

Mong muốn của đội ngũ cán bộ trẻ

Tôi cho rằng, các nguồn lực để Khoa Công nghệ thông tin, Trường ĐH Công nghệ thu hút được sự quan tâm của xã hội là

có song công tác quảng bá, truyền thông chưa tương xứng và chưa đóng góp nhiều vào sự định vị thương hiệu của Trường.

Một trong những trăn trở của tôi là vị thế của Khoa Công nghệ thông tin trong hệ thống các đơn vị đào tạo ngành công nghệ thông tin của cả nước. Tôi cho rằng, việc quảng bá hình ảnh của Khoa, của Trường cần được chú trọng hơn. Công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh phải mạnh mẽ hơn nữa, đồng hành với các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học để thu hút được những người giỏi đến Khoa Công nghệ thông tin, Trường ĐH Công nghệ làm việc và học tập.

Để Khoa phát triển, Trường phát triển theo tôi cần phải có những điều kiện nguồn lực đi theo như: tài chính, cơ sở vật chất, nhân lực,... Cơ chế quản lý cần có những đổi mới, theo kịp sự phát triển nóng của trường cũng như sự đòi hỏi của xã hội. Tuy nhiên, trong môi trường đại học, quyền tự chủ luôn gắn kèm theo quyền và nghĩa vụ của mỗi cá nhân với tổ chức. Điều này cũng đòi hỏi nhận thức đúng đắn và sự nỗ lực phấn đấu liên tục của đội ngũ cán bộ, các nhà khoa học của Trường.

Ngọc Diệp (ghi)



PGS.TS. Trần Xuân Tú
Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và
Hợp tác quốc tế

Trường Đại học Công nghệ: Môi trường nuôi dưỡng đam mê nghiên cứu khoa học

PGS.TS. Trần Xuân Tú là một trong những cán bộ đã gắn bó với Khoa Công nghệ (tiền thân của Trường Đại học Công nghệ) từ những năm đầu thành lập. Sau 15 năm vượt qua nhiều khó khăn, thử thách PGS vẫn tiếp tục kiên trì và say mê với con đường nghiên cứu khoa học.

Cơ duyên đến với khoa học Thưa PGS, cơ duyên nào đã đưa PGS gắn bó với nghiên cứu khoa học trong suốt 15 năm qua?

Tôi sinh ra và lớn lên tại vùng quê giàu truyền thống cách mạng ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, thừa hưởng truyền thống gia đình hai bên nội ngoại, từ nhỏ tôi đã ham học hỏi và ưa khám phá. Gia đình luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất để tôi phát triển các tố chất của mình. Niềm đam mê ngành Điện tử- Viễn thông, rộng hơn là lĩnh vực CNTT-TT, đến với tôi cũng hết sức tình cờ. Từ khi còn học phổ thông, thời điểm mà các mặt hàng điện tử cũ của Nhật Bản ồ ạt nhập về qua cảng biển Cửa Lò, Nghệ An, tôi đã cùng một vài người bạn tự mày mò và nhận sửa chữa các hàng điện tử nhập ngoại này cho khách hàng để có thêm tiền trang trải học tập. Ở trường, tôi được thầy chủ nhiệm lớp cho tham gia xây dựng chương trình tính toán điểm cho học sinh trên máy vi tính – thời điểm đó, máy vi tính còn là một thứ rất xa lạ đối với các trường học. Chính lúc đó tôi

đã nhận ra niềm đam mê của mình dành cho điện tử và tin học.

Đến năm 1995, tôi đã quyết định thi vào ngành Công nghệ Điện tử - Viễn thông của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (KHTN), ĐHQGHN và trở thành sinh viên của trường. Được học tập tại cái nôi khoa học cơ bản đầu đàn cả nước, tiếp xúc với nhiều thầy cô dạy giỏi và tâm huyết, tôi càng thấy sự lựa chọn của mình là đúng đắn.

Thưa PGS, ngoài cơ duyên đến với khoa học thì tính tại thời điểm đó cơ duyên giúp anh gắn kết với Trường Đại học Công nghệ cho đến nay là gì?

Ngay sau khi tốt nghiệp loại giỏi, tôi đã được giữ lại làm cán bộ giảng dạy của trường Đại học KHTN. Mặc dù thời điểm đó, có rất nhiều công ty khác với mức lương và chế độ đãi ngộ hấp dẫn, nhưng tôi vẫn quyết định dấn thân vào con đường nghiên cứu khoa học để thực hiện niềm đam mê của mình. Đến năm 1999, Khoa Công nghệ Thông tin và Khoa Công nghệ Điện tử- Viễn thông thuộc trường Đại học KHTN đã được sắp xếp và tổ chức thành Khoa Công nghệ. Đó cũng được coi như một sự khởi đầu đưa tôi đến với Khoa Công nghệ.

Năm 2003, GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu – khi đó là Chủ nhiệm Khoa Công nghệ (đơn

vị tiền thân của Trường ĐHCN) đã cử một nhóm gồm tôi và 3 cán bộ trẻ khác của trường sang Cộng hòa Pháp để thực tập tại Viện Điện tử và Công nghệ thông tin thuộc Ủy ban Năng lượng Nguyên tử Pháp (CEA-LETI) theo chương trình hợp tác giữa trường ĐHCN với CEA-LETI. Tại CEA-LETI, MINATEC một trung tâm công nghệ thông tin lớn của Pháp, nơi được mệnh danh là Thung lũng Silicon thứ hai của thế giới, tôi cùng các thực tập sinh Việt Nam được tạo điều kiện tham gia 3 dự án lớn về công nghệ điện tử - viễn thông là FAUST, ALPIN và MAGALI. Ba dự án này tập trung xây dựng nền tảng cho thiết bị đầu cuối cho viễn thông 4G theo hướng mạng trên chip và thiết kế công suất thấp (dành cho các thiết bị xách tay). Sau hai năm làm việc tại CEA-LETI, tôi đã được chọn ở lại để làm tiếp nghiên cứu sinh.

Vượt qua trở ngại về ngôn ngữ là tiếng Pháp, sau 3 năm khổ luyện trong môi trường làm việc kết hợp giữa hàn lâm và công nghiệp khắc nghiệt, tôi đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ của mình bằng tiếng Pháp tại CEA-LETI, MINATEC (hợp tác với Viện Đại học Bách khoa Grenoble). Ngay khi bảo vệ xong luận án tiến sĩ, một lần nữa tôi đã được các giáo sư mời ở lại Pháp làm cán bộ giảng dạy cho một trường kỹ sư của Viện Đại học Bách khoa Grenoble. Tuy nhiên, tôi đã quyết định quay về Việt Nam vì không quên lời hứa với GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu là “sẽ trở về xây dựng trường ĐHCN” dù không có điều kiện gì ràng buộc. Thêm một lý do nữa là tôi mong muốn đóng góp những kiến thức dù là còn ít ỏi của mình để phát triển lĩnh vực thiết kế vi mạch – một lĩnh vực còn mới ở Việt Nam. Về thời điểm thì lúc đó nhà trường vừa thành lập Phòng thí nghiệm mục tiêu Hệ thống tích hợp thông minh (SIS Lab). Khi trao đổi với các đồng nghiệp tại CEA-LETI thì ông Hervé Fanet, Francois Bertrand (những người “sếp” của tôi tại thời điểm đó) cũng khuyên tôi nên trở về bắt tay vào công việc khi mọi thứ

chỉ mới bắt đầu – mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng công việc sẽ có ý nghĩa hơn.

Những ngày đầu vượt “chướng ngại vật” trong lĩnh vực mới

Trong thời gian đầu, những thử thách nào mà PGS phải vượt qua để tiên phong trong lĩnh vực thiết kế vi mạch?

Năm 2008, tôi cùng vợ và con gái về nước và tiếp tục quay về làm việc tại trường ĐHCN. Ấp ủ trong đầu ý định xây dựng một nhóm nghiên cứu về lĩnh vực thiết kế vi mạch và với xuất phát điểm từ Phòng thí nghiệm SIS cùng sự ủng hộ của lãnh đạo trường, nhóm nghiên cứu đã bắt đầu hình thành với hai thành viên đầu tiên là tôi và một cậu học trò cũ. Một thuận lợi cho tôi là tại thời điểm đó, trường ĐHCN đang thực hiện Dự án đầu tư chiều sâu trang thiết bị phòng thí nghiệm SIS. Tuy dự án không hẳn “sát sườn” với công việc tôi mong muốn thực hiện nhưng bù lại tôi có thể sử dụng một số trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học của mình. Khó khăn lớn nhất lúc bấy giờ là làm sao để có đề tài nghiên cứu

và có nhân lực để thực hiện các đề tài đó trong khi đồng lương hết sức eo hẹp. Để bắt đầu, tại thời điểm đó tôi đã phải quyết định dùng toàn bộ lương của mình để trả lương cho nghiên cứu viên trong nhiều tháng.

Vừa phải tìm kiếm đề tài, vừa tìm kiếm nhân lực không phải là công việc dễ dàng. Bằng tâm huyết của mình, với sự hỗ trợ của các đồng nghiệp trong và ngoài nước, tôi đã tập trung được ngày càng nhiều sinh viên giỏi, có niềm đam mê nghiên cứu khoa học tham gia vào nhóm nghiên cứu của mình.

Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất vẫn là trang thiết bị chưa được đầu tư một cách đồng bộ. Bên cạnh đó, lĩnh vực nghiên cứu đòi hỏi nguồn nhân lực được đào tạo bài bản trong khi đội ngũ cán bộ nghiên cứu của nhóm còn non trẻ. Mặt khác, thu nhập của người làm nghiên cứu thấp hơn nhiều so với mặt bằng bên ngoài cũng là một vấn đề hạn chế sự phát triển của nhóm.

PGS có thể chia sẻ về đề tài đầu tiên mà Phòng thí nghiệm SIS đã thực hiện tại thời điểm đó như thế nào?

Đề tài đầu tiên nhóm có được là nghiên





cứu và xây dựng mô hình mạng truyền thông trên chip phục vụ cho các hệ thống trên vi mạch cỡ lớn. Kết quả của đề tài mang lại tiềm năng lớn ứng dụng hiệu quả vào nghiên cứu các hệ thống trên chip cho các ứng dụng phức tạp trong tương lai.

Với nỗ lực không mệt mỏi, nhóm nghiên cứu VSD, Phòng thí nghiệm SIS ngày càng khẳng định được chỗ đứng, thế mạnh trong việc nghiên cứu công nghệ thiết kế hệ thống trên chip, đồng thời đang tập trung vào các chủ đề nghiên cứu liên quan đến Khoa học và kỹ thuật máy tính, Điện tử - Viễn thông. Nhóm nghiên cứu Thiết kế mạch tích hợp VLSI (VSD group) hiện có tổng cộng 22 thành viên, trong đó có 3 tiến sĩ, 6 nghiên cứu sinh, 13 học viên cao học và sinh viên (chưa bao gồm các cộng tác viên).

Có thể nói, các mối quan hệ trong thời gian làm nghiên cứu sinh đã hậu thuẫn rất nhiều cho sự phát triển của nhóm. Hằng năm, SIS mời hàng chục chuyên gia nước ngoài (Pháp, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Singapore,

Hàn Quốc, Bỉ, Anh, Israel...) đến trao đổi, hợp tác và cùng nghiên cứu khoa học. Các nghiên cứu viên có nhiều cơ hội để tiếp xúc với các chuyên gia để cập nhật công nghệ mới, nắm bắt được sự phát triển về khoa học công nghệ của thế giới.

Hiện tại, nhóm đang triển khai sản xuất và xây dựng ứng dụng thử nghiệm sản phẩm vi mạch mã hoá tín hiệu video theo chuẩn tiên tiến H.264/AVC. Đây là kết quả nghiên cứu của đề án trọng điểm Đại học Quốc gia Hà Nội vừa được nghiệm thu vào cuối năm 2013. Đề án có mục tiêu xây dựng một chip mã hoá tín hiệu video theo chuẩn H.264/AVC nhằm tới các ứng dụng liên quan đến IP camera (VENGME). Bên cạnh đó, nhóm tiếp tục đào sâu nghiên cứu các vấn đề thiết kế hệ thống trên chip có khả năng tái cấu hình nhằm phát triển các chương trình nghiên cứu lớn hơn trong thời gian tới. Nghiên cứu này đang được Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) tài trợ thông qua đề tài ReSoNoC).

Sản phẩm mới trong tương lai Đối với đề án mà PGS đề cập ở trên, khi hoàn thành sẽ mang tầm quan trọng như thế nào ứng dụng vào thực tiễn?

Mã hoá tín hiệu video đóng vai trò hết sức quan trọng trong thời đại thông tin số. Công trình nghiên cứu thiết kế và chế tạo bộ mã hoá tín hiệu video theo chuẩn H.264/AVC - là một trong những chuẩn nén tín hiệu video hiệu quả gần đây nhất, được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như đa phương tiện, truyền thông, truyền hình, thiết bị di động... Nếu sản phẩm cuối cùng thành công và đáp ứng được các yêu cầu công nghiệp, chúng tôi hoàn toàn có thể chuyển giao công nghệ sản phẩm vi mạch này để triển khai trong các thiết bị ứng dụng như IP camera dùng trong giám sát an ninh, giao thông, hay các đầu thu phát truyền hình kỹ thuật số...

Vậy trong thời gian tới nhóm nghiên cứu Thiết kế vi mạch tích hợp có định hướng gì để tiếp tục có được những công trình khoa học có giá trị cao?

Thiết kế vi mạch (thường được gọi là thiết kế chip) là lĩnh vực không dễ, đòi hỏi kiến thức đa ngành, kỹ năng tốt, sự kiên trì và bề dày kinh nghiệm. Chúng tôi xác định không nói vội trong việc tạo ra các sản phẩm. Cách đi của chúng tôi là tiếp cận dần vào công nghệ lõi, định hướng thiết kế các hệ thống trên chip, xa hơn nữa là mạng trên chip có công suất tiêu thụ nhỏ nhằm hướng tới các vi mạch ứng dụng trong các thiết bị xách tay.

Trường của chúng ta mang tên Công nghệ, có nghĩa là các hoạt động của chúng ta phải mang màu sắc các công nghệ hiện đại, các sản phẩm khoa học, sản phẩm chất xám của chúng ta phải gắn liền với đặc tính "công nghệ". Hơn nữa, để hướng tới trường đại học nghiên cứu, chúng tôi coi



trọng việc phát triển sản phẩm công nghệ có hàm lượng khoa học cao, đem lại nhiều giá trị thặng dư cho xã hội. Nhiều ý kiến cho rằng, làm công nghệ thì khó viết các bài báo. Điều đó cũng đúng nhưng không có nghĩa là không viết được bài báo, chỉ sợ trình độ công nghệ của chúng ta thấp quá nên mới không viết được. Chúng tôi tự đặt ra cho nhóm một tiêu chí khá đơn giản đó nhưng hiệu quả, đó là bên cạnh sản phẩm công nghệ thì sản phẩm của đề tài cần phải có là ít nhất một vài bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có uy tín, hoặc chí ít là các tạp chí khoa học trong nước có uy tín. Điều này nhằm khẳng định hàm lượng chất xám chứa trong các sản phẩm công nghệ.

Vừa làm khoa học, vừa tham gia công tác quản lý, PGS có thể cho biết bí quyết của mình trong điều phối công việc?

Quả thực, vừa làm khoa học, vừa tham gia công tác quản lý cũng hơi mệt, nhưng còn hơn không được làm gì. Đối với tôi, làm

khoa học là thoả mãn sự đam mê của cá nhân, làm quản lý là thể hiện trách nhiệm của mình đối với tập thể. Làm khoa học để phát triển cá nhân cũng tốt. Tuy vậy, nếu chỉ tập trung vào phát triển cá nhân mình thôi thì chưa đủ, để tiến xa hơn chúng ta cần chung tay phát triển cộng đồng, xây dựng môi trường nghiên cứu. Mà đã tham gia phát triển cộng đồng thì ít nhiều cũng dính đến công tác quản lý.

Như đã nói ở trên, sự nghiệp của tôi lớn lên cùng với sự trưởng thành của trường ĐHCN, tôi tự thấy mình có trách nhiệm đối với sự phát triển của nhà trường và ngược lại, sự phát triển của nhà trường là niềm tự hào của chúng tôi. Khi được đề nghị tham gia công tác quản lý, ban đầu tôi cũng có chút do dự nhưng nghĩ rằng, nếu mình tham gia công tác quản lý thì có thể hỗ trợ được nhiều người hơn trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Vấn đề đặt ra là làm như thế nào đó để điều phối một cách hài hoà các mảng công việc trong khi quỹ thời gian là không thay đổi (mỗi người chỉ có 24 giờ đồng hồ cho mỗi ngày). Tôi tự xây dựng cho mình một vài phương pháp làm việc cơ bản và cố gắng thực hiện theo: đề cao tính kế hoạch, xử lý công việc theo trình tự ưu

tiên; phát huy tinh thần chủ động trong công việc của các thành viên trong nhóm; hỗ trợ nhau cùng phát triển.

Lời kết

Cùng với công việc nghiên cứu và tham gia công tác quản lý ở trường, PGS. Trần Xuân Tú cũng tham gia nhiều hoạt động hội nghề nghiệp như Hội Vô tuyến – Điện tử Việt Nam (REV), IEEE (hiện là Chủ tịch IEEE SSCS tại Việt Nam), IEICE (Phó Chủ tịch IEICE Việt Nam)..., tham gia tổ chức các hội nghị khoa học quốc tế, quốc gia, xây dựng tạp chí khoa học, tham gia tư vấn, phản biện các chương trình, đề án khoa học công nghệ.

"Mọi thành công phải bắt đầu từ đam mê nhưng đam mê không vẫn chưa đủ mà phải biết xây dựng kế hoạch hiệu quả và quyết tâm thực hiện kế hoạch đó. Có được chút thành công như hiện nay là nhờ sự tạo điều kiện và hỗ trợ rất lớn của lãnh đạo Nhà trường, bạn bè đồng nghiệp, sự cảm thông chia sẻ và sát cánh ủng hộ của gia đình". PGS. Trần Xuân Tú chia sẻ.

Mai Hương (thực hiện)



Sinh viên Phạm Toàn Thắng
Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa

Trường Đại học Công nghệ: Môi trường lý tưởng cho nghiên cứu khoa học

Phạm Toàn Thắng (sinh năm 1991) là sinh viên lớp K55H, Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong thành tích về nghiên cứu khoa học của mình, Thắng đã có 3 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế ISI cùng với Thầy hướng dẫn là GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức. Ngoài 3 bài báo trên, cho đến nay Thắng đã có thêm 2 công trình nghiên cứu khoa học nữa đã gửi đăng tại các tạp chí quốc tế ISI hiện đang chờ kết quả phản biện và đăng ký một báo cáo tại Hội nghị Quốc tế về Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa diễn ra vào 10/2014. Tháng 5 vừa qua Thắng đã vinh dự dành được giải Nhất, Giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” của trường Đại học Công nghệ năm 2014. Gần đây nhất Thắng đã đoạt giải Nhất, Giải thưởng “Công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc sinh viên Đại học Quốc gia” được tổ chức ngày 23/9 vừa qua tại ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh. Đặc biệt Thắng đã vinh dự là một trong 7 thanh niên xuất sắc tiêu biểu nhất của Thủ Đô Hà Nội tham dự Đại hội Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác lần 3 năm 2014. Thắng cũng được trao rất nhiều các học bổng giá trị như 02 năm liền đạt được học bổng Vallet năm 2013 và 2014, học bổng Panasonic năm 2014...

Xin chào Thắng, được biết vừa qua em đã có nghiên cứu khoa

học đăng trên tạp chí ISI. Em có thể cho biết về quá trình nghiên cứu của em về đề tài này không? Từ đâu mà em gặp được đề tài này?

Tính đến bây giờ em đã có thời gian gần 3 năm bước vào con đường nghiên cứu. Ban đầu khi em bước vào năm nhất chỉ có một mục đích duy nhất là học cho thật tốt, cố gắng đạt được điểm số cao nhất bằng khả năng của mình. Tuy nhiên khi sang năm thứ 2 em được học môn Cơ học môi trường liên tục và môn Cơ học vật rắn biến dạng của GS. TSKH Nguyễn Đình Đức, chính từ những bài giảng của thầy đã thắp sáng cho em niềm đam mê học tập và khát khao hiểu biết. Từ đó em tìm được niềm đam mê trong học tập, trong ngành nghề và hướng đi của mình. Đề tài nghiên cứu mà em theo đuổi là: Ổn định tĩnh và động kết cấu vỏ trụ tròn làm từ vật liệu composite chức năng có cơ tính biến đổi FGM”. Có thể hiểu đơn giản đây là loại vật liệu được ứng dụng trong thiết kế làm vỏ của loa phụt tên lửa, vỏ của các bể chứa, vỏ của thân lò phản ứng hạt nhân, làm đường ống dẫn kỹ thuật có khả năng chịu nhiệt cao.

Môi trường nghiên cứu khoa học ở trường đã tạo điều kiện như thế nào trong việc học tập và nghiên cứu khoa học của em? Để phát triển thì chúng ta phải có môi



trường tốt. Ở trường Đại học Công nghệ có rất nhiều nhóm nghiên cứu mạnh và đã có nhiều công trình công bố quốc tế. Em may mắn khi gặp được người thầy giỏi, tâm huyết và nhóm nghiên cứu (NNC) tốt. Nhóm nghiên cứu mà em đang tham gia là nhóm nghiên cứu về vật liệu và kết cấu composite của GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức. Chính trong nhóm nghiên cứu này em đã tiếp cận được những vấn đề khoa học mới của thế giới. Em được tham gia nhiều các buổi hội thảo, seminar khoa học của nhóm và có thể trao đổi học thuật cũng như hợp tác với các bạn trong nhóm. Trong nhóm nghiên cứu có rất nhiều anh chị có nhiều công bố quốc tế như anh Trần Quốc Quân (đã có 8 bài báo ISI), chị Vũ Thị Thùy Anh (đã có 2 bài báo ISI) và anh Phạm Hồng Công (4 bài báo ISI) đều là các nghiên cứu sinh còn rất trẻ hướng dẫn và giúp đỡ em rất nhiều. Và từ những tấm gương người thầy và các anh chị đi trước đã giúp em tự tin hơn trên con đường nghiên cứu khoa học của mình. Ngay từ những buổi đầu em luôn được GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức chỉ bảo ân cần, được các anh chị - những người đi trước trong nhóm nghiên cứu tận tình giúp đỡ và luôn động viên.

Em còn tham gia vào các hoạt

động đoàn thể, phong trào nào của khoa, của trường không? Em thấy không khí các hoạt động này có bổ ích và hấp dẫn không?

Không chỉ nghiên cứu khoa học, ngoài giờ học em còn tham gia các hoạt động Đoàn, Hội, các tổ chức từ thiện ngoài xã hội. Ở trường em tham gia CLB Thư viện hội sinh viên, em là thành viên của hội vận động hiến máu của trường. Ngoài ra còn tham gia các phong trào, hoạt động mà Khoa, nhà Trường tổ chức như hội thao kỷ niệm ngày 26/3 và hưởng ứng các ngày lễ, kỷ niệm lớn. Các hoạt động mà em tham gia gồm đa số là các bạn trẻ và các bạn sinh viên. Vì vậy nó diễn ra rất sôi nổi và khí thế. Nhìn lại quãng thời gian tham gia tình nguyện của mình đó thực sự là những trải nghiệm đáng nhớ và vô cùng bổ ích. Em được gặp gỡ, giao lưu và học hỏi với rất nhiều bạn trẻ tài năng và nhiệt huyết.

Theo cá nhân em, giá trị lớn nhất mà trường Đại học Công nghệ đem lại cho bản thân em nói riêng và các sinh viên nói chung là gì? Nếu giới thiệu ngắn gọn về trường với các bạn khác, em sẽ nói gì?

Là sinh viên của trường Đại học Công

nghệ không chỉ là niềm tự hào, vinh dự to lớn đối với em và còn rất nhiều bạn khác. Giá trị lớn nhất mà trường Đại học Công nghệ đem lại cho bản thân em nói riêng và các bác sinh viên nói chung là chúng em đã có được một môi trường đại học tốt. Chúng em được học tập và nghiên cứu bằng niềm đam mê của mình.

Nếu được giới thiệu ngắn gọn về trường với các bạn khác em sẽ nói "Khi là sinh viên trường Đại học Công nghệ bạn sẽ được học tập và nghiên cứu với những điều kiện tốt nhất. Bạn sẽ được gặp gỡ và học tập, nghiên cứu với các nhà khoa học đầu ngành của đất nước. Các bạn sẽ được tham gia rất nhiều các hoạt động ngoại khóa, được học các kỹ năng mềm giúp để giúp hoàn thiện bản thân. Và với những kiến thức bạn tích lũy được và sự rèn luyện trong những năm tháng trên giảng đường đó sẽ là những hành trang quan trọng nhất giúp bạn ra trường đầy tự tin trên con đường lập nghiệp của mình"

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập trường, em có điều gì muốn chia sẻ đến nhà trường?

Hiện nay em đang là sinh viên năm cuối của trường, thực sự quãng thời gian được học tập, nghiên cứu và rèn luyện dưới mái trường Đại học Công nghệ là quãng thời gian tươi đẹp và đáng nhớ đối với em. Em đã được học tập, nghiên cứu với một niềm đam mê của mình. Được thực hiện những ước mơ, hoài bão bấy lâu nay em vẫn ấp ủ. Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập trường em xin được gửi lời chúc sức khỏe và lời tri ân sâu sắc nhất đến các Thầy cô trong Ban Giám hiệu nhà trường, các thầy cô giảng dạy và các cán bộ nghiên cứu. Chúc các bạn sinh viên đang ngồi trên ghế giảng đường dồi dào sức khỏe, đạt được nhiều thành tích hơn nữa để đóng góp vào truyền thống vẻ vang của nhà trường.

Hương Giang (thực hiện)



Sinh viên Nguyễn Xuân Đức
Khoa Công nghệ Thông tin

Truyền lửa nghiên cứu khoa học qua quá trình học

Em là Nguyễn Xuân Đức, sinh viên khoa Công nghệ thông tin, trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Khi còn là học sinh phổ thông trung học, em đã biết đến khoa Công nghệ thông tin (CNTT) của trường. Qua tham khảo ý kiến của nhiều thầy cô, bạn bè, cùng các nguồn trên mạng thì em được biết khoa CNTT của trường Đại học Công nghệ có rất nhiều ưu điểm như giảng viên trẻ, nhiệt tình, vui vẻ; hệ thống tài liệu, phòng thực hành chất lượng; giáo trình học cập nhật và cung cấp cho em những kiến thức rất quan trọng cho quá trình làm việc sau này. Thêm nữa là các anh chị sinh viên khóa trước đều giỏi giang và năng động, vì thế em đã quyết định lựa chọn khoa CNTT của trường để học ở bậc đại học. Quả thực lựa chọn của em đã không hề sai. Điểm đặc biệt mà em rất ấn tượng về trường Đại học Công nghệ là môi trường nghiên cứu khoa học lành mạnh, công bằng, kích thích cá nhân phát triển.

Trước hết, giáo trình của khoa được cập nhật thường xuyên với giáo trình của các trường Đại học uy tín hàng đầu về CNTT của các nước trên thế giới. Bên cạnh đó, các thầy cô hầu hết là giảng viên trẻ, nhiệt tình, sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của sinh viên. Trong quá trình học tập tại trường, mỗi khi em gặp phải những vấn đề khó hiểu trong quá trình làm bài tập lớn hay gặp vấn đề khi nghiên cứu tài liệu, em đều có thể gửi email trao đổi với thầy cô hoặc đặt câu hỏi trên diễn đàn của lớp môn học đó. Đặc biệt, môi trường học tập

của chúng em rất khuyến khích sáng tạo, tranh luận, ở trên lớp, chúng em được các thầy cô khuyến khích trao đổi giữa sinh viên với nhau, thậm chí giữa thầy cô và sinh viên. Chúng em có thể đặt câu hỏi, nêu thắc mắc và phản biện các vấn đề với giảng viên một cách rất thoải mái. Điều này đã làm chúng em càng say sưa nghiên cứu, tìm hiểu khi một kiến thức mới được đưa ra. Không chỉ vậy, các bạn trong lớp cũng có kiến thức rất tốt, tạo môi trường cạnh tranh với nhau về học tập nhưng cũng luôn giúp đỡ nhau cùng nghiên cứu. Có thể nói, em đã được truyền “lửa” nghiên cứu khoa học qua quá trình học tập, trao đổi tại trường.

Nhờ có môi trường học tập nghiêm túc, yêu cầu sinh viên tự nghiên cứu là chủ yếu cùng với sự giúp đỡ của thầy, cô, qua một thời gian học tại trường, dù chưa dài nhưng em cảm thấy khả năng tự nghiên cứu của mình cũng tiến bộ hơn trước khá nhiều, em đã có thể hiểu tường tận hơn về những vấn đề em chưa giải đáp được. Đồng thời, kỹ năng làm việc của em cải thiện hơn, như kỹ năng lập trình, kỹ năng làm việc nhóm... Qua thời gian học tập tại trường, em được truyền rất nhiều cảm hứng sáng tạo, nghiên cứu khoa học. Em nhận thấy khoa học về máy tính ẩn chứa rất nhiều điều thú vị mà em chưa biết và mong muốn được tìm hiểu kỹ hơn về nó.

Em cũng đã vinh dự được tham gia kỳ thi lập trình viên sinh viên cấp khu vực



tại Đà Nẵng. Thời gian em được ôn luyện cùng thầy cô và các bạn khi tham gia thi kỳ thi Năng là khoảng thời gian vô cùng đáng nhớ. Em đã được giao lưu, gặp gỡ rất nhiều bạn sinh viên tài giỏi trên khắp cả nước cũng như quốc tế. Nhờ đó em đã rút ra được nhiều kinh nghiệm học tập rất bổ ích cho bản thân. Đồng thời trong thời gian đó, thầy Hồ Đắc Phương phụ trách các đội tuyển cũng giúp đỡ và chỉ dạy chúng em rất tận tình. Thầy là người đã truyền cảm hứng cho những bạn sinh viên đi thi và dẫn dắt chúng em trong suốt quá trình cuộc thi diễn ra. Em rất trân trọng và cảm ơn công sức của thầy.

Không chỉ cung cấp môi trường nghiên cứu khoa học lành mạnh, kích thích sự sáng tạo của mỗi cá nhân, môi trường sinh



hoạt đoàn thể cũng là nơi mà kỹ năng của chúng em được rèn luyện nhiều hơn. Hiện tại, em đang tham gia Câu lạc bộ Thuyết trình của khoa. Trước đây, em khá rụt rè khi xuất hiện và phát biểu trước đám đông, từ sau khi tham gia Câu lạc bộ, em đã được các anh chị đi trước và các bạn chia sẻ những kỹ năng diễn thuyết như cách luyện giọng nói trầm ấm để thuyết phục người đối diện, cách sử dụng ánh mắt, ngôn ngữ cơ thể để thu hút người đối diện. Mặc dù mới chỉ tham gia được hơn một năm nhưng khả năng thuyết trình của em đã được cải thiện rất nhiều. Em đã tự tin hơn khi xuất hiện trước đám đông, trình bày vấn đề một cách logic hơn và thu hút người nghe.

Với cá nhân em, trường Đại học Công

ng nghệ đã đem lại cho bản thân em nói riêng và các sinh viên nói chung động lực thúc đẩy sinh viên luôn muốn tìm tòi, khám phá những cái mới và ngày một phát triển bản thân mình. Nếu giới thiệu ngắn gọn về trường với các bạn khác, em sẽ nói trường Đại học Công nghệ là một trường đại học rất tuyệt vời, môi trường học tập cũng như hoạt động đoàn thể đều rất tuyệt và bạn sẽ không hối hận khi đã chọn ngôi trường này để theo học. Tuy chỉ mới thành lập nhưng nhà trường đã đạt được nhiều thành tựu xuất sắc và em mong rằng nhà trường sẽ ngày một xuất sắc hơn nữa, trở thành ngôi trường hàng đầu Việt Nam trong ngành công nghệ thông tin

Đoàn Hương (ghi)



Ngô Khắc Hoàng
Phó Chủ tịch Hội sinh viên

THỦ LĨNH PHONG TRÀO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

Những tưởng với một “bảng vàng” thành tích đáng nể, Ngô Khắc Hoàng – thủ khoa tốt nghiệp năm 2014 ngành Công nghệ Điện tử - Viễn thông, trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN sẽ có rất nhiều cơ hội nghề nghiệp mở ra trước mắt nhưng chàng trai này đã lựa chọn gắn bó với ngôi trường mà cậu đã gắn bó suốt 4 năm đại học. Hiện tại, Ngô Khắc Hoàng là Phó Chủ tịch Hội sinh viên trường. Vậy điều gì đã níu chân Hoàng ở lại với ngôi trường này?

Ngô Khắc Hoàng - Phó Chủ tịch Hội sinh viên
- Với những thành tích đó, chắc hẳn bạn sẽ có nhiều cơ hội nghề nghiệp. Vậy, điều gì đã níu chân Hoàng ở lại Trường Đại học Công nghệ?

Trường Đại học Công nghệ, nơi em đã gắn bó trong 4 năm học là môi trường học thuật rất tốt để em có thể thực hiện đam mê nghiên cứu khoa học của mình. Hiện tại, em đang thực hiện đề tài “Thực thi kỹ thuật mã mạng – một kỹ thuật mới trong mạng truyền thông được đề xuất năm 2000 – trên hệ thống radio định nghĩa bằng phần mềm”. Kỹ thuật này có tiềm năng được sử dụng trong mạng không dây tương lai. Em hy vọng phần việc của mình góp phần vào việc đưa kỹ thuật này từ lý thuyết đến thực tiễn.

Ngoài ra, em có mong muốn học tập tại

nước ngoài. Việc ở lại trường tạo thuận lợi cho em trong việc đăng ký học và tìm kiếm học bổng du học.

- Bạn nói gì về quá trình thành lập Hội Sinh viên cũng như những hoạt động và thành tích mà Hội đạt được đến nay?

Tiền thân của Hội Sinh viên trường Đại học Công nghệ là Hội Sinh viên Khoa Công nghệ - ĐHQGHN, được thành lập ngày 31/3/2004. Ngày 18/1/2006, Hội Sinh viên Khoa Công nghệ được đổi tên thành Hội Sinh viên Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN.

Từ khi thành lập, Hội Sinh viên trường đã không ngừng phát triển và tổ chức triển khai những hoạt động thiết thực, có hiệu quả đến sinh viên.

Hội Sinh viên trường Đại học Công nghệ xác định hình thức hoạt động theo mô hình các CLB học thuật, CLB sở thích. Đó là phương thức tốt để thu hút sinh viên. Hiện tại, Hội Sinh viên trường có 7 CLB trực thuộc tập trung vào các lĩnh vực kỹ năng, sở thích (CLB Thuyết trình, CLB Nghệ thuật), hỗ trợ sinh viên trong học tập, nghiên cứu khoa học, việc làm (CLB Thư viện Hội sinh viên, CLB Nguồn nhân lực HR Tech, CLB Tiếng Anh), hoạt động xã hội (CLB Hỗ trợ sinh viên SGUET, CLB Sinh viên vận động hiến máu Người Việt trẻ).

Dựa trên đặc thù của sinh viên Trường

Đại học Công nghệ, Hội Sinh viên đã có nhiều hoạt động hỗ trợ sinh viên trong học tập, nghiên cứu khoa học và tìm kiếm việc làm. Ngày hội việc làm sinh viên Công nghệ 2014 là một trong những hoạt động tiêu biểu trong việc hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm. Với sự tham gia của 18 doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, Ngày hội đã thu hút hàng ngàn sinh viên trong và ngoài Trường. Ngoài ra, các hoạt động định hướng môn học, chia sẻ kinh nghiệm học tập giữa các khóa được tổ chức hằng năm. Phong trào Hội Sinh viên trường Đại học Công nghệ đã nhận được các cấp Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Sinh viên Thành phố Hà Nội. Hội Sinh viên ĐHQGHN khen thưởng về các thành tích đã đạt được.

- Những ngày đầu làm Phó Chủ tịch Hội Sinh viên, bạn đã gặp phải những khó khăn gì?

Em được hiệp thương giữ vị trí Phó Chủ tịch Hội sinh viên trường vào năm 2012, khi đang là Chủ nhiệm CLB Thuyết trình. Khi đó, em gặp phải hai khó khăn chính. Thứ nhất là việc thiếu kinh nghiệm. Em đã có một số kinh nghiệm quản lý và tổ chức hoạt động khi là thành viên rồi Chủ nhiệm CLB Thuyết trình, nhưng với cương vị Phó Chủ tịch Hội Sinh viên Nhà trường lại là một thử thách mới ở mức độ cao hơn. Thứ hai là việc tổ chức Hội Sinh viên trường Đại học Công nghệ khi đó còn chưa hoàn thiện, chưa có cấp Chi hội và Liên Chi hội sinh viên, số lượng CLB ít (chỉ có 03 CLB) và các CLB hoạt động riêng rẽ. Vì thế, việc tổ chức các hoạt động của Hội Sinh viên Trường thiếu nhân lực hỗ trợ và khó tạo được sức lan tỏa rộng rãi trong sinh viên.

- Bạn đã vượt qua khó khăn đó như thế nào?

Để tích lũy kinh nghiệm, em vừa hoạt động vừa học hỏi từ các cán bộ Đoàn – Hội đi trước. Khi tổ chức các hoạt động của hội sinh viên, em thường tham khảo ý kiến của những người đã có kinh nghiệm. Qua một số hoạt động đầu tiên, em đã có

kỹ năng tốt hơn khi nhận những nhiệm vụ tiếp theo.

Về tổ chức Hội Sinh viên trường, em xác định có hai công việc chính: thành lập một nhóm hỗ trợ trực tiếp cho Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên Trường; củng cố và liên kết hoạt động các CLB trong trường. Đầu năm học 2012-2013, CLB Hỗ trợ sinh viên (SGUET) đã được thành lập, tiền thân là Nhóm hỗ trợ sinh viên trường Đại học Công nghệ. Nhiệm vụ chính của CLB là làm cầu nối giữa Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường với sinh viên, hỗ trợ Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức các hoạt động dành cho sinh viên. CLB đã hoạt động hiệu quả và có một số hoạt động mang bản sắc riêng như UET Radio – chương trình phát thanh dành cho sinh viên Nhà trường. Bên cạnh các CLB đã có như: CLB Thuyết trình, CLB Tiếng Anh, CLB Thư viện thì CLB Nguồn nhân lực HR Tech, CLB Sinh viên vận động hiến máu và CLB Nghệ thuật được thành lập, nâng tổng số CLB trong Trường lên con số 7, thu hút đông đảo sinh viên tham gia.

- Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên ĐHQGHN có ảnh hưởng như thế nào trong phong trào Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên của trường Đại học Công nghệ?

Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên ĐHQGHN định hướng, chỉ đạo phong trào Đoàn – Hội của các cơ sở thành viên, trong đó có Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên trường Đại học Công nghệ. Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên ĐHQGHN là cầu nối đưa thông tin và triển khai các hoạt động từ Hội Sinh viên Việt Nam và Hội Sinh viên Thành phố Hà Nội. Các cuộc vận động lớn, các cuộc thi như: Tôi yêu Hà Nội, Tuổi trẻ vì biển đảo quê hương được Hội Sinh viên trường Đại học Công nghệ triển khai đầy đủ theo chỉ đạo của Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên ĐHQGHN. Hằng năm, Hội Sinh viên trường triển khai các hoạt động thi đua như Sinh viên năm tốt, Sinh viên thủ đô thời đại mới, Tập thể thân thiện, lành mạnh, Sao tháng Giêng; xét chọn các cá nhân, tập

thể xuất sắc để khen thưởng và đề xuất khen thưởng cấp ĐHQGHN cũng như các cấp cao hơn thông qua Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên ĐHQGHN. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên ĐHQGHN luôn tạo điều kiện liên kết hoạt động của các cơ sở thành viên thông qua các hoạt động lớn có sự tham gia của nhiều đơn vị như Ngày hội việc làm, Olympic Tiếng Anh không chuyên, Ngày hội Tân sinh viên...

- Điểm khác biệt của Hội Sinh viên trường Đại học Công nghệ so với những cơ sở Hội khác là gì?

Hội Sinh viên trường Đại học Công nghệ có ba điểm khác biệt lớn so với những cơ sở Hội khác:

- Thứ nhất, so với Hội Sinh viên các trường thành viên của ĐHQGHN như: trường Đại học Ngoại ngữ, trường Đại học KHXH&NV, trường Đại học Khoa học Tự nhiên thì Hội Sinh viên trường Đại học Công nghệ có quy mô nhỏ. Tuy nhiên, Hội sinh viên trường đang ở giai đoạn phát triển nhanh. Số lượng các CLB liên tục tăng, các hoạt động ngày càng phong phú, hấp dẫn.

- Thứ hai, đặc tính của sinh viên công nghệ là thông minh, sáng tạo nhưng không thực sự năng động. Do đó, để sinh viên tham gia hoạt động và phát huy tính nhanh nhạy, làm chủ công nghệ, cần có hoạt động truyền thông, vận động có tính lôi cuốn, hay nói cách khác, cần một cú hích vào sinh viên.

- Thứ ba, sinh viên nam chiếm đa số trong Trường Đại học Công nghệ, các sinh viên thường tập trung vào hoạt động học tập, nghiên cứu. Chính vì vậy, Hội Sinh viên trường có nhiệm vụ chính là hỗ trợ sinh viên trong các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học, định hướng việc làm theo đúng sở thích. Ngoài ra, Hội Sinh viên trường tổ chức các hoạt động mang tính giải trí như văn nghệ, thể thao và các hoạt động sở thích khác.

- Trong quá trình hoạt động, kỷ niệm nào để lại cho bạn ấn tượng sâu sắc nhất?

Kỷ niệm sâu sắc nhất của em là chương



trình nhạc hội trong chuyến giao lưu thanh niên Việt – Trung tháng 11/2013. Hơn 3000 thanh niên Việt Nam và 6000 thanh niên Trung Quốc tập trung trong nhà thi đấu, cùng hát vang những bài hát truyền thống của mình. Thanh niên Việt Nam hát những ca khúc quen thuộc như Lên đàng, Đi lên thanh niên... Khi đó, ai cũng cố hát thật to, với tất cả lòng nhiệt huyết của mình. Giây phút đó cho em cảm nhận về sức mạnh và sự đoàn kết của tuổi trẻ.

- Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập Trường, bạn muốn nhắn gửi điều gì đến Nhà trường?

Em rất vui mừng và tự hào về truyền thống và những thành công Nhà trường đã đạt được. Em hy vọng nhà trường ngày một phát triển, trở thành điểm đến lý tưởng và bệ phóng thành công cho các bạn trẻ

đam mê học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong cả nước.

Bản thân em, là một cử nhân tốt nghiệp từ mái trường Đại học Công nghệ, cũng sẽ cố gắng làm tốt nhiệm vụ của mình dù ở vị trí, hoàn cảnh nào để xứng đáng với hình ảnh năng động, sáng tạo, luôn đi đầu của sinh viên trường Đại học Công nghệ – ĐHQGHN và quảng bá hình ảnh đó đến với xã hội.

Cảm ơn Hoàng về những chia sẻ thú vị này!

Quá trình hoạt động:

- Năm 2014: Thủ khoa tốt nghiệp ngành Công nghệ Điện tử - Viễn thông với 3.75/4.0

- Khóa học 2010-2014: Bằng khen cho Thủ khoa Xuất sắc tốt nghiệp các trường đại học, học viện trên địa bàn Thành phố Hà Nội của UBND Thành phố Hà Nội,

Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN vì đã có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện toàn khóa học 2010 – 2014.

- Năm 2012: Hoàn thành đề tài “Solar Panel Charge Controller” tại Đại học Quốc gia Singapore

- Năm 2013: Giải thưởng Honda dành cho Kỹ sư và Nhà khoa học trẻ Việt Nam năm 2013 do Quỹ Honda Foundation

Hương Giang (thực hiện)



Department of Electrical & Computer Engineering

Certificate of Completion

This is to certify that

Ngo Khac Hoang

successfully completed the

Undergraduate Research Attachment Programme

held from July 2012 - 3 August 2012





Sinh viên Đỗ Bá Đức
Khoa Công nghệ Thông tin

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh- Những dấu ấn trong lòng tôi

Tên tôi là Đỗ Bá Đức, sinh viên lớp K48CA, trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN. Hôm nay, tôi rất vinh dự khi được góp mặt trong Đại hội Thi đua yêu nước ĐHQGHN lần 2. Tôi càng vinh dự và tự hào hơn khi may mắn được đại diện cho hàng chục nghìn đoàn viên, thanh niên là sinh viên của ĐHQGHN trình bày tham luận tạ Đại hội. Nhân dịp này, tôi xin được nói lên những suy nghĩ, cảm nhận của chính bản thân mình qua thời gian hoạt động tròn đội ngũ đoàn viên của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Tôi đã đứng trong hàng ngũ của Đoàn được 6 năm kể từ ngày đầu tiên được kết nạp. Khoảng thời gian ấy quả không phải là ngắn, nhưng tôi chỉ thực sự gắn bó với công tác đoàn được 2 năm, tính từ khi trở thành sinh viên đại học. Suốt những năm tháng còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông, ngoài những kiến thức hết sức cơ bản về đoàn mà tôi được tiếp xúc mua tài liệu, sách vở, báo chí, thì kinh nghiệm hoạt động đoàn của tôi hầu như chưa có gì đáng nói. Chỉ đến khi được sống dưới "mái nhà chung Khoa Công nghệ"- cái tên thân thương mà sinh viên chúng tôi vẫn thường gọi trường mình, nay là trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN- thì mọi suy nghĩ, hiểu biết của tôi về đoàn mới thực sự sang trang.

ĐHQGHN, như mọi người đều biết, là một đơn vị rất giàu truyền thống và thành tích

trong việc liên tục phát động và thúc đẩy các phong trào đầy ý nghĩa lực lượng đông đảo đoàn viên thanh niên là sinh viên. May mắn được học tập và sinh hoạt trong môi trường đó, tôi đã sớm được không khí hào hứng, sôi nổi của hoạt động đoàn chinh phục.

Câu chuyện nhỏ còn đang được viết tiếp về hoạt động đoàn của tôi bắt đầu bằng hai chữ "văn nghệ". Với chức vụ Bí thư chi đoàn lần đầu được đảm nhận do Đoàn trường chỉ định, sự góp mặt hết sức rụt rè của tôi đánh dấu bởi một tiết mục văn nghệ trong buổi lễ chào mừng năm học mới. Sự ủng hộ của các thầy cô, anh chị và các bạn sinh viên đã làm tôi cảm thấy thật bất ngờ và hạnh phúc. Sau nhiều dịp như vậy, với lý do đồng chí Trưởng ban Văn nghệ. Được các anh chị đoàn viên có kinh nghiệm chỉ bảo, dìu dắt, tôi đã bớt lúng túng, dần quen với nhiệm vụ của một Ủy viên Ban chấp hành Đoàn trường và cảm thấy rất hứng thú với ban văn nghệ mà mình được đảm trách. Qua quá trình thường xuyên xây dựng các chương trình, đóng góp các tiết mục văn nghệ cho các hoạt động đoàn, các cuộc họp, buổi lễ của nhà trường và của ĐHQGHN, công tác đoàn với tôi đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống.

Tham gia nhiều hoạt động đoàn thể là một cách thú vị để một đoàn viên có thể tự hoàn thiện bản thân và khám phá ra tất



cả những điều chưa biết về chính mình. Những thay đổi diễn ra ngay ở con người mình cho người ta cái cảm giác thú vị khi lần lượt được trải qua không ít những bất ngờ nho nhỏ. Thật lạ khi một ngày tôi bỗng nhận thấy mình đã trở nên tự tin hơn rất nhiều trước đám đông, mạch lạc hơn khi phát biểu, bỏ được tính cầu thả đối với những công việc nhỏ, không bao giờ bỏ qua ý kiến đóng góp của người khác. Thật lạ khi mọi ngày mình hay lấp bắp là thế, nhút nhát là thế, vậy mà lúc đứng trên sân khấu nói thay người dẫn chương trình vắng mặt, câu chữ vẫn đầu vào đấy, chẳng hỏi hớp một chút nào. Thật vui sướng khi tham gia tổ chức thành công được nhiều chương trình, điều mà trước kia chưa bao giờ tôi nghĩ rằng mình có thể. Càng vui sướng hơn, khi một lần tham gia một lễ kỷ niệm, nghĩ bụng chương trình sẽ thiếu đi sự trang trọng vì thiếu bài hát chính thức của trường, đặt bút, cầm đàn loay hoay một hồi, bài hát tôi viết về trường đã nằm ngay ngắn trên giấy, dù cho về nhạc lý hầu như tôi mù tịt. Chẳng có gì có thể diễn tả hết được những cảm xúc trào dâng trong tôi mỗi khi những bài hát tôi viết được cất lên trong các dịp lễ hội, nhận được sự cổ vũ nhiệt tình của bạn bè, thầy cô. Cảm ơn hoạt động Đoàn đã cho những đoàn viên như tôi cơ hội được khám phá mới mẻ đó! Hoà mình vào hoạt động đoàn, đoàn viên thanh niên chúng tôi sẽ có nhiều điều kiện tham dự các buổi sinh hoạt tập thể, những chuyến tập huấn thú vị, những buổi giao lưu hấp dẫn, những đợt tình nguyện đầy ý nghĩa. Đó là một chất xúc tác hiệu quả cho việc phát triển toàn diện những khả năng vốn có của mỗi người, giúp mỗi người sống vui, có ích, thu nạp được nhiều kỹ năng, kiến thức bổ ích, cũng có thể nhờ đó mà hiệu quả học tập được tăng cường. Xuất phát từ những giá trị tích cực mà công tác đoàn thể mang lại, tôi luôn có mong muốn lôi kéo được ngày càng nhiều các đoàn viên thanh niên trong chi đoàn mình nói riêng và trong

trường mình nói chung tham gia. Tôi xin phép được nói một chút về chi đoàn của mình. Bước vào một tập thể 60 con người xa lạ, phải gắn kết họ lại với nhau trong một thể thống nhất đoàn kết quả thật đã là khó, lại càng khó hơn khi đó là tập hợp những con người có điểm tuyển sinh cao hơn con số 26, những con người mà thoát nhìn có người đoán ngay rằng họ có lẽ chẳng quan tâm đến bất cứ gì ngoài sự học. Nhưng sự thật thì không giống như vậy. Đoàn viên chi đoàn tôi đã sớm xích lại bên nhau và trở nên thân thiết chỉ sau một vài hoạt động nhỏ chúng tôi tổ chức ngay ở đầu năm học. Tuy nhiên, do sự thiếu kinh nghiệm tổ chức, trong năm học đầu tiên, hoạt động của chi đoàn về sau có phần trùng xuống. Sau khi bàn bạc và rút kinh nghiệm trong Ban chấp hành Chi đoàn cũng như tiếp thu ý kiến trong các cuộc họp Chi đoàn, chúng tôi đã chú trọng hơn trong công tác tổ chức, hướng hoạt động chung về đa số chứ không phải thiếu số rời rạc như trước, coi nhiệm vụ kích thích hoạt động đoàn thông qua thúc đẩy những mô hình thi đua, hỗ trợ học tập làm mũi nhọn. Kết quả là tính tích cực của các đoàn viên thanh niên được nâng lên rõ rệt, chúng tôi thực hiện thành công ngày càng nhiều hoạt động lớn có ý nghĩa, để lại ấn tượng tốt đẹp trong mắt các chi đoàn bạn và nhà trường. Tinh đoàn kết cũng như không khí học tập chung nhờ đó mà ngày càng được củng cố. Với tư cách là một đoàn viên thanh niên, bảo rằng tham gia một cách vô tư, nhiệt tình trong những hoạt động sôi nổi do đoàn tổ chức thì quả là dễ với tất cả mọi người. Những một khi đã được lãnh đạo đoàn cấp trên tin tưởng giao cho nhiệm vụ thì tôi biết chắc mình sẽ vượt qua những khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ, tổ chức tốt công tác được giao. Tôi tự nhận thấy người cán bộ đoàn cần phải có được rất nhiều phẩm chất: nhiệt tình, ý thức trách nhiệm cao, sáng tạo, có khả năng tập hợp, bao quát tình hình, phân

công công việc tốt, dự đoán được những diễn biến có thể phát sinh, v.v... Làm cán bộ đoàn tuy thật khó nhưng bù lại, niềm vui của họ sẽ được nhân lên trong niềm vui chung của tập thể. Đôi khi nhận được những ánh mắt thiện cảm, những nụ cười tươi hay đôi câu nói tốt đẹp và chân thành sau một hoạt động mà mình đã rất cố gắng để tổ chức thật tốt, những cán bộ đoàn như tôi có thể hiểu sự nỗ lực của mình đã mang lại kết quả không tồi. Những giây phút như thế, một cách hết sức tự nhiên, trở thành liều thuốc kỳ diệu, giúp cho mỗi đồng chí cán bộ đoàn có thêm niềm đam mê, hứng thú với những công việc mới đoàn giao phó.

Trải qua thời gian hoạt động của mình, được tiếp xúc với nhiều người và có thêm bạn bè ở khắp nơi, càng lúc tôi càng nhận thức rõ một điều rằng: những cán bộ đoàn như mình hẳn phải là những con người của tập thể. Ở trong tập thể nào cũng vậy, tôi cảm thấy thật tự nhiên và hoàn toàn thoải mái khi tiếp xúc và hòa đồng vào

cùng mọi người, luôn luôn mong muốn mình có thể đóng góp chút gì đó có ích cho tập thể. Có thể là từ lúc mà tôi bắt đầu biết say mê thực sự với hoạt động đoàn, mà cũng có thể là từ khi tôi bắt đầu biết quan tâm đến những thiết sót, bất cập còn tồn tại trong trường, lớp mình để cố gắng suy nghĩ, tham khảo ý kiến nhằm để xuất những giải pháp khắc phục chúng. Bởi những gì làm được còn quá nhỏ bé, những giải pháp đưa ra còn chưa mang lại hiệu quả như ý trên thực tế, vậy nên càng lúc tôi tự thấy mình còn phải phấn đấu để vươn lên hoàn thiện mình hơn nữa, đóng góp nhiều hơn nữa thông qua công tác đoàn. Sở dĩ tôi nhận ra được sự gắn bó giữa bản thân với trường, lớp là vì đi bất cứ đâu, đứng giữa bất kỳ một tập thể nào, tôi luôn sẵn sàng nói đôi điều về chi đoàn K48CA của mình, sẵn sàng hát những bài hát tôi đã viết về Trường Đại học Công nghệ và giới thiệu về trường. Những lúc ấy, tên của tôi dường như là sinh viên K48CA, là sinh viên Trường Đại học Công

nghệ, chứ không còn là tên tôi nguyên nghĩa nữa. Chỉ biết rằng tôi cảm thấy cái việc làm quen thuộc ấy chẳng bao giờ nhàm chán cả!

Rất có thể những dòng suy nghĩ trên là của riêng cá nhân tôi, nhưng tôi nghĩ rằng: các bạn sinh viên đã từng tham gia hoạt động đoàn như tôi sẽ có chung suy nghĩ đó. Những dấu ấn, những kỷ niệm của người đoàn viên đã từng gắn bó với công tác đoàn thì bao nhiêu giấy mực cũng không thể kể hết. Tôi mong rằng với những gì đã bộc bạch trên đây, tôi sẽ nhận được sự đồng cảm từ phía những đồng chí đã và đang trực tiếp hay gián tiếp tham gia công tác đoàn. Tôi cũng rất mong vào một dịp gần nhất, sẽ có cơ hội được lắng nghe và chia sẻ tâm sự từ phía các đồng chí khác để có thể có được cách nhìn, cách nghĩ toàn diện, sâu sắc hơn nữa về đoàn.
Đỗ Bá Đức- K48CA (Trích Kỷ yếu Đại hội Thi đua yêu nước ĐHQGHN lần thứ II)





ĐOÀN TÀI TRỢ CHI MINH ĐOÀN
BCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ



**Cựu sinh viên Nguyễn Trí Hiến
Chủ tịch Ban Liên lạc cựu sinh viên
Nguyễn Bí thư Đoàn Thanh niên
Nguyễn Chủ tịch Hội sinh viên**

UET- Mái trường mến thương!

Trường Đại học Công nghệ là mái trường mà tôi đã gắn bó suốt quá trình học tập và công tác gần trong 8 năm. Mỗi lần đi ngang qua trường là những cảm xúc và kỷ niệm trong tôi ùa về.

Tôi sẽ không bao giờ quên được cảm giác háo hức vì bạn bè mới, môi trường mới trong ngày đầu tiên đến làm thủ tục nhập học. Tháng 09/1999, khi lần đầu tiên nhìn thấy Khoa Công nghệ (trường ĐHCN sau này)- ngôi trường với bao kỳ vọng và mơ ước của bản thân, tôi biết rằng đây là lựa chọn đúng đắn của mình. Tôi vẫn nhớ như in những ánh mắt đam mê thể hiện ước mơ hoài bão của các bạn sinh viên năm thứ nhất giống như mình.

Sau khi vào học, tôi lại càng ấn tượng và choáng ngợp trước sự uyên thâm về kiến thức chuyên môn của các thầy cô giáo trong trường. Các thầy cô miệt mài giảng dạy và không ngừng truyền lửa cho các thế hệ sinh viên qua năm này đến năm khác. Chúng tôi may mắn được học tập với các thầy cô từ những ngày đầu thành lập khoa như thầy Hà Quang Thụy, thầy Tường với những bài giảng sâu sắc, thầy Hoàng vui tính, thầy Việt ân cần, tận tình với sinh viên... cùng nhiều thầy cô khác.

Không để thời gian sinh viên trôi đi vô ích, tôi đã tích cực tham gia hoạt động đoàn hội của Khoa Công nghệ. Vì vậy, lớp chúng tôi K45C đã đạt nhiều giải thưởng của Trung Ương Đoàn, Trung Ương Hội. Riêng bản thân mình, tôi luôn tự hào đã đưa hình ảnh Khoa Công nghệ tới hàng triệu sinh viên trên toàn quốc.

Nhớ đến ngày đó, bằng sự nhiệt huyết và đam mê của tuổi trẻ chúng tôi đã kết hợp với nhiều trường đại học để tổ chức các chương trình giao lưu, tình nguyện. Rồi sau những lần kết hợp như vậy, chúng tôi đã tìm ra những tên gọi thân thương và tình nghịch mang đậm chất sinh viên thời bấy giờ cho từng trường trong ĐHQGHN. Chúng tôi cùng với Kinh tế trở thành “Kinh Công” hoạt náo các chương trình giao lưu. Chúng tôi kết hợp với Ngoại Ngữ trở thành “Ngoại Công” tổ chức nhiều đêm nhạc rock cháy hết mình. Chúng tôi kết hợp cùng với Nhân Văn trở thành “Văn Nghệ” (văn công | nhân công | nghệ nhân) với những buổi giao lưu âm nhạc, thơ văn ...

Năm 2004, là thời điểm các thầy cô mong chờ và sinh viên háo hức bước vào đời nhưng tôi lựa chọn ở lại cống hiến cho trường. Ngày tốt nghiệp, tôi ở lại công tác tại trường với chức danh Bí thư Đoàn trường đầu tiên của trường Đại học Công nghệ. Tôi lại bắt đầu truyền nhiệt và đưa hình ảnh của Nhà trường đến nhiều sinh viên hơn nữa. Lúc đó, các hoạt động đi vào chiều sâu với sự phối kết hợp của Đoàn thanh niên và Hội Sinh viên tổ chức nhiều chương trình lớn như “Ngày hội mã nguồn mở”; “Cuộc thi lập trình quốc tế ACM ICPC”; “Cuộc thi lập trình cờ tướng”; “Cuộc thi lập trình bóng đá Fira” ... góp những phần nhỏ đưa trường Đại học Công nghệ trở thành địa chỉ công nghệ hàng đầu Việt Nam.

Việc kết nối cựu sinh viên là điều mà tôi cùng nhiều cựu sinh viên khác trăn trở



ngay từ những năm 2003. Cùng sự mong chờ và nỗ lực của nhiều thế hệ cựu sinh viên, đến năm 2014, Ban Liên Lạc Cựu sinh viên đã ra mắt và điều ý nghĩa nhất là Ban liên lạc ra mắt vào đúng ngày 25/05 - ngày thành lập trường ĐHCN. Chúng tôi mong muốn đây sẽ là một địa chỉ để cựu sinh viên có thể chia sẻ kinh nghiệm cùng nhau, giao lưu và hỗ trợ nhau cùng phát triển. Bên cạnh đó, chúng tôi luôn mong muốn là cầu nối giữa sinh viên, nhà trường với cựu sinh viên để có thể góp một phần nhỏ xây dựng thương hiệu trường Đại học Công nghệ ngày càng vững mạnh.

Tuy sau này không còn công tác tại trường nhưng với tư cách là cựu sinh viên, chúng tôi luôn luôn tự hào khi trường Đại học Công nghệ được công nhận là một trong những trường Việt Nam đầu tiên đạt chuẩn châu Á.

Trong thời gian tới, Ban liên lạc Hội cựu sinh viên sẽ tổ chức các buổi gặp mặt thường kỳ theo chủ đề để các cựu sinh viên tham gia và giao lưu. Trong tháng 09/2014, Ban liên lạc đã tổ chức giải

bóng đá Cựu sinh viên Đại học Công nghệ lần thứ nhất. Chúng tôi cũng lên kế hoạch thường xuyên tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm giữa cựu sinh viên và sinh viên, hỗ trợ sinh viên trong việc làm và khởi nghiệp. Trong công tác với nhà trường, ban liên lạc sẽ thường xuyên có những phản hồi về sự hòa nhập việc làm của sinh viên mới ra trường nhằm góp phần nâng cao hơn nữa công tác đào tạo tại nhà trường, hướng tới trường Đại học Công nghệ là trường tiêu chuẩn quốc tế.

Cùng với những ước mơ và hy vọng khi thành lập, Ban Liên lạc Cựu sinh viên đã lên rất nhiều kế hoạch và hoạt động có thể làm để gắn kết cựu sinh viên với sinh viên và cựu sinh viên với nhà trường. Nhưng ban liên lạc sẽ ưu tiên và lựa chọn để thực hiện trước những chương trình bổ ích nhất dành cho cựu sinh viên và sinh viên.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập trường và 15 năm ngày truyền thống, thay mặt Cựu sinh viên trường Đại học Công nghệ xin gửi lời tri ân tới các thầy

cô giáo đã dành tâm huyết giảng dạy, trang bị kiến thức cho chúng em, xin cảm ơn mái trường Công nghệ đã luôn tạo mọi điều kiện cho chúng em phát triển, tiếp cận những công nghệ mới nhất. Chúng em xin chúc trường Đại học Công nghệ ngày càng phát triển, bền vững.

Và cựu sinh viên sẽ luôn chào đón các bạn sinh viên, vì một ngày không xa các bạn sẽ là những cựu sinh viên để góp phần cho sự phát triển của nhà trường trong tương lai. Hãy học tập hết mình, dẫn thân và đam mê!

Hà Nội, tháng 09 năm 2014
Nguyễn Trí Hiến

Nhớ mãi những năm tháng dưới mái trường UET

Tôi biết đến Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano (VLKT&CNND), trường Đại học Công nghệ (ĐHCN) qua lời giới thiệu của thầy giáo dạy Vật lý lớp 12. Thầy mong muốn tôi theo một chương trình đại học về Vật lý có chất lượng cao và có tính cập nhật. Tôi còn nhớ thầy có nói rằng: Công nghệ nano còn mới mẻ ở Việt Nam, nhưng trên thế giới đang là tâm điểm nghiên cứu của các nước lớn, đây là một ngành học đầy hứa hẹn cho em.

Nhớ lại hình ảnh ngày đầu tiên bước chân vào trường ĐHCN năm 2008, tôi cảm thấy như mới hôm qua, tất cả cảm xúc và cảnh vật hiện ra rõ nét như một thước phim quay chậm. Tôi vẫn thấy vẹn nguyên cảm giác phấn khích và tự hào khi trở thành sinh viên của trường. Trong 6 năm gắn bó với Khoa VLKT&CNND qua các chương trình đào tạo tiên tiến, có tính cập nhật cao như Cử nhân ngành Vật lý kỹ thuật (VLKT) và Thạc sỹ chuyên ngành Vật liệu và linh kiện nano (VL&LKNN), tôi đã có rất nhiều kỷ niệm khó phai, những người bạn tốt, tôi có những người thầy người cô tuyệt vời mà tôi không bao giờ quên được.

Khoa VLKT&CNND trong tôi có những điều đặc biệt. Đầu tiên là sự quan tâm ân cần của các thầy cô giáo và chuyên viên văn phòng khoa với sinh viên. Tôi còn nhớ những ngày bỡ ngỡ mới vào trường, hầu như tuần nào tôi cũng lên văn phòng khoa để hỏi nhiều vấn đề, và luôn nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình, điều mà nhiều người bạn của tôi ở trường khác ghen tị. Tôi cũng rất nhớ những ngày tập văn nghệ hàng tháng, và luôn có sự theo sát động viên từ các thầy cô giáo và Ban chủ nhiệm khoa. Một điều tôi thấy may mắn và ấn tượng về Khoa VLKT&CNND của mình đó là được học tập trong môi trường đào tạo gắn với các hướng nghiên cứu mới về khoa học và công nghệ micro-nano, có hợp tác quốc tế với các trường đại học và viện nghiên cứu tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, Chúng tôi có cơ hội được nghe bài thuyết trình của các giáo sư nước ngoài, tham dự các hội nghị khoa học quốc tế. Bên cạnh các học bổng hỗ trợ trong quá trình học tập, sinh viên ngành Vật lý kỹ thuật và học viên cao học chuyên ngành

Vật liệu và Linh kiện nano có cơ hội tiếp cận với nhiều chương trình học bổng quốc tế, các cơ hội đi trao đổi và du học sau đại học ở nước ngoài.

Tôi viết lá thư gửi về trường từ nước Pháp, nơi tôi đang tiếp tục theo đuổi niềm yêu thích nghiên cứu về Vật lý nano. Ở đây, tôi càng thấy rõ giá trị của những hành trang quý báu mà các thầy cô giáo của Khoa VLKT&CNND và Nhà trường đã trang bị cho mình. Dù trong điều kiện khó khăn chung của Việt Nam, nhưng ở Khoa VLKT&CNND tôi vẫn có cơ hội được tiếp cận sử dụng khá nhiều thiết bị khoa học kỹ thuật tiên tiến, vừa xây đắp nền tảng chắc chắn về lý thuyết, vừa rèn luyện kỹ năng thực nghiệm để có thể hòa nhập nhanh trong môi trường quốc tế. Tôi thầm cảm ơn các thầy cô giáo của Khoa VLKT&CNND năm xưa đã rất nghiêm khắc với sinh viên chúng tôi trong học tập và rèn luyện để chúng tôi mỗi ngày một trưởng thành.

Tôi rất tự hào khi mình từng là một sinh viên của Khoa VLKT&CNND, Trường ĐHCN. Nay là một cựu sinh viên của trường, tôi rất mong muốn tiếp tục tham gia vào các hoạt động kết nối cựu sinh viên và sinh viên của trường, chia sẻ những kinh nghiệm của mình với các bạn sinh viên và học hỏi những điều mới mẻ, để cùng các bạn viết nên những trang sử tự hào về sinh viên của Trường Đại học Công nghệ.

**Cựu sinh viên Phạm Thái Hà
Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ Nano**





Trần Đức Tân
Bí thư Đoàn trường

Các sân chơi bổ ích dành cho sinh viên

Hướng tới kỷ niệm 10 năm thành lập Trường và 15 năm ngày truyền thống trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN, Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Đại học Công nghệ tổng kết những hoạt động, thành tựu mà Đoàn - Hội Nhà trường đã đạt được kể từ ngày trường Đại học Công nghệ được ký quyết định chính thức thành lập.

Kể từ ngày đầu thành lập đến nay, Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên luôn là đơn vị đi đầu tại Đại học Công nghệ trong công tác Đoàn - Hội, tạo ra môi trường giao lưu bổ ích, lành mạnh cho sinh viên Công nghệ sau những thời gian học vất vả trên giảng đường. Là một đơn vị thành viên trong khối Đại học Quốc gia, Đoàn - Hội Trường Đại học Công nghệ luôn tích cực trong công tác triển khai, thực hiện các công văn, nhiệm vụ mà Thành Đoàn Hà Nội, Đoàn Đại học Quốc gia Hà Nội giao xuống, đồng thời, cũng có nhiều những hoạt động phối hợp cùng Đoàn Thanh niên các đơn vị bạn trong khối Đại học Quốc gia Hà Nội.

Với đặc thù là một trường đại học định hướng khoa học - công nghệ, sinh viên trường Đại học Công nghệ được biết đến với sự thông minh, ham học hỏi trong các hoạt động học tập, tuy nhiên lại chưa thực sự mạnh trong các hoạt động nghệ thuật, kỹ năng mềm, chính vì thế, việc có những hoạt động phù hợp mong muốn, nhu cầu của sinh viên, đồng thời giúp sinh viên nâng cao những kỹ năng là hết sức cần

thiết tại trường Đại học Công nghệ.

Năm học 2014 - 2015, Đoàn Thanh niên trường Đại học Công nghệ có tất cả 2200 đoàn viên đang sinh hoạt tại 42 chi đoàn trực thuộc 4 liên chi đoàn các khoa. Về phía Hội Sinh viên, Hội Sinh viên trường bao gồm 7 Câu lạc bộ chính thức về nhiều mảng hoạt động khác nhau như: kỹ năng mềm, nhân lực, nghệ thuật, học tập, trợ giúp,... mang đến cho sinh viên nhiều cơ hội tham gia hoạt động Đoàn - Hội trong trường.

Ra quân tiếp sức mùa thi 2014

Về phía hoạt động của Đoàn Thanh niên, Đoàn trường tổ chức nhiều hoạt động thường niên dành cho các bạn sinh viên trong trường, có thể kể đến các giải bóng đá thường niên do các liên chi đoàn trong trường tổ chức, các chương trình tập huấn cán bộ đoàn - hội cho các bạn bí thư, lớp trưởng, các hội thảo, cuộc thi về nhiều mảng kỹ năng khác nhau như: Cuộc thi tiếng hát Công nghệ, các cuộc thi về lập trình, hội thảo chuyên ngành,... Bên cạnh đó là nhiều hoạt động, chương trình giao lưu văn hóa nghệ thuật như Chào tân sinh viên, Hội trại sinh viên, ... Đáng chú ý nhất trong các hoạt động của Đoàn Thanh niên Trường, đó chính là hoạt động tình nguyện hè được triển khai quy mô, bài bản, thu hút sự quan tâm của đông đảo các bạn sinh viên trong trường. Thông qua hoạt động tình nguyện hè, các bạn sinh

viên đã có cơ hội trải nghiệm công việc tình nguyện, đồng thời rèn luyện những kỹ năng đáng quý, và quan trọng nhất là có cơ hội được góp sức mình vào những hoạt động có ý nghĩa cho cộng đồng, xã hội.

Hỗ trợ sinh viên K59 khóa mới nhập trường năm 2014

Về phía Hội Sinh viên, những hoạt động mà Hội Sinh viên triển khai trong thời gian qua thực sự gần gũi với các bạn sinh viên, đem đến cho các bạn sinh viên môi trường giao lưu, rèn luyện vô cùng thiết thực. Đáng chú ý nhất trong các hoạt động của Hội Sinh viên chính là hoạt động của CLB Thuyết trình với bề dày 8 năm hoạt động, giúp các bạn sinh viên rèn luyện kỹ

năng thuyết trình – một kỹ năng vô cùng quan trọng không chỉ trong học tập mà còn trong công việc sau này. Cuộc thi Bản lĩnh Công nghệ mở rộng do CLB tổ chức thu hút được sự tham gia rất lớn đến các bạn sinh viên Công nghệ và cả sinh viên các trường đại học xung quanh. Về mảng nhân lực, tuyển dụng, CLB Nguồn nhân lực với mục tiêu, sứ mệnh làm cầu nối giữa sinh viên và doanh nghiệp đã triển khai nhiều hoạt động, hội thảo nhằm giới thiệu tới các bạn sinh viên những cơ hội việc làm, đồng thời nâng cao những kỹ năng cần thiết trong quá trình tuyển dụng. Để hỗ trợ sinh viên trong trường cũng như các hoạt động của Đoàn, Hội, Nhà trường, CLB Hỗ trợ Sinh viên được thành lập đã mang đến một màu sắc mới

năng động hơn cho hoạt động Đoàn – Hội tại trường Đại học Công nghệ. Câu lạc bộ tiếng Anh tạo nên một môi trường học tập, rèn luyện tiếng Anh bổ ích, Câu lạc bộ Thư viện Hội Sinh viên quản lý các đầu sách tại thư viện trường Đại học Công nghệ, CLB Nghệ thuật với mục đích giúp các bạn sinh viên UET thể hiện những tài năng của bản thân, hay CLB Sinh viên vận động hiến máu cũng mang lại những sắc thái khác nhau trong hoạt động của Hội Sinh viên trường Đại học Công nghệ.

Bí thư Đoàn trường Trần Đức Tân





PGS.TS Đặng Thế Ba
Chủ tịch công đoàn trường

Phát triển trên nền tảng đoàn kết nhất trí trong môi trường năng động sáng tạo

Thưa PGS, quá trình hoạt động công đoàn của thầy như thế nào?

Về quá trình tham gia hoạt động công đoàn thì có thể tóm tắt như thế này: Từ khi còn làm việc ở Viện Cơ học tôi cũng đã tham gia công tác công đoàn. Khi Khoa Cơ học Kỹ thuật và Tự động hóa (CHKT&TĐH), đơn vị phối thuộc giữa Viện Cơ học và trường Đại học Công nghệ (ĐHCN) được thành lập tôi chuyển sang và là giảng viên cơ hữu của trường ĐHCN, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Vì là Khoa phối thuộc, cán bộ giảng viên của Khoa có nhiều dạng, giảng viên cơ hữu ít, nên các tổ chức đoàn thể của Khoa đều sinh hoạt chung với Khoa Vật lý Kỹ thuật và Công nghệ Nano (VLKT&CNNN). Thời gian đó, từ năm 2007, tôi cũng đã tham gia Ban chấp hành công đoàn liên Khoa CHKT&TĐH và VLKT&CNNN. Năm 2011 tôi được bầu là ủy viên Ban chấp hành công đoàn Trường ĐHCN và sau đó là ủy viên Ban chấp hành công đoàn ĐHQGHN nhiệm kỳ 2012-2017. Trong Đại hội công đoàn trường ĐHCN, ngày 13/04/2013, tôi được bầu vào Ban chấp hành công đoàn trường ĐHCN. Sau đó, trong hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Công đoàn Trường khóa IV, ngày 22/4/2013, tôi được bầu làm Chủ tịch công đoàn Trường.

Trong những năm qua, Công

đoàn có những thành tích gì nổi bật?

Hoạt động công đoàn trường ĐHCN, từ thời kỳ đầu do đồng chí Đào Kiến Quốc sau đến đồng chí Nguyễn Nam Hải làm chủ tịch cho đến nay là một quá trình hình thành và phát triển cùng với sự phát triển của nhà trường, mang những nét đặc trưng cơ bản đó là sự đoàn kết nhất trí trong môi trường năng động và sáng tạo. Các thành tích và truyền thống có được mang dấu ấn rõ nét của các đồng chí lãnh đạo và tập thể ban chấp hành cùng với sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, sự ủng hộ của Ban Giám hiệu và sự đoàn kết nhiệt tình của các công đoàn viên qua các thời kỳ. Những kết quả hoạt động chủ yếu có thể tóm tắt trên các mặt như sau:

Về quy mô: Công đoàn trường ĐHCN đã phát triển nhanh chóng và lớn mạnh không ngừng cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, Công đoàn trường ĐHCN được tổ chức thành 5 công đoàn bộ phận, 16 tổ công đoàn, số lượng công đoàn viên có trên 220 người, trong đó nữ chiếm hơn 30%, giảng viên chiếm hơn 62%. Giảng viên có trình độ tiến sỹ trở lên chiếm hơn 70%. Ngoài ra, trường ĐHCN hoạt động theo mô hình mở, nhiều đơn vị phối hợp, liên kết; giảng viên làm việc tại trường dưới nhiều hình thức như: kiêm nhiệm, thỉnh giảng, giảng viên là người nước



ngoài... Mặc dù đây không phải là công đoàn viên công đoàn, tuy nhiên lại có nhiều điểm chung về nhu cầu xây dựng Trường cũng như quyền lợi và nghĩa vụ.

Về công tác chính trị tư tưởng và tuyên truyền phổ biến pháp luật: Các hoạt động của Công đoàn đã góp phần quan trọng nâng cao nhận thức chính trị, ổn định tư tưởng trong tập thể cán bộ viên chức và người lao động, vì mục tiêu xây dựng một môi trường công tác giàu tính nhân văn, chuyên nghiệp, đoàn kết, tập trung nội lực cho sự phát triển.

Về việc tham gia công tác chuyên môn, quản lý và giám sát thực hiện dân chủ cơ sở: Cùng với chính quyền, Công đoàn đã tham gia tổ chức tốt các Hội nghị cán bộ chủ chốt và Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm; phối hợp với Đảng ủy chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân. Các báo cáo tại các Đại hội cán bộ viên chức luôn có chất lượng, được Đảng ủy, Lãnh đạo nhà trường và tập thể cán bộ viên chức đánh giá cao. Thông qua các hội nghị này, Công đoàn trường cũng đã có những đóng góp nhất định trong việc xây dựng, giám sát việc thực hiện các chủ

trương, chính sách phát triển Trường; thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của đơn vị; giải thích động viên cán bộ viên chức hiểu rõ và thực hiện đúng các chủ trương chính sách của nhà nước, ngành, ĐHQGHN và của trường ĐHCN.

Về chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng của người lao động: Đây luôn là nhiệm vụ trọng tâm của Công đoàn với một số hoạt động thường xuyên như tổ chức nghỉ hè tập thể hàng năm, khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ và quản lý tốt bếp ăn tập thể. Các hoạt động này luôn được chú ý tổ chức thực hiện với nhiều phương thức ngày càng phù hợp hơn, thành công hơn.

Một trong những nội dung quan trọng và được quan tâm nhiều trong thời gian qua là vấn đề thực hiện hỗ trợ phụ cấp ngoài lương như phụ cấp nhà giáo, phụ cấp thâm niên đối với khối cán bộ không phải là giảng viên. Nhận thức đây là vấn đề có tác động sâu sắc đến tinh thần làm việc của công đoàn viên, Công đoàn đã tổ chức nhiều hội nghị Ban Chấp hành Công đoàn mở rộng, tìm hiểu đúng bản chất vấn đề, tham khảo thông tin từ nhiều đơn

vị bạn. Kết quả là đã có sự nhất trí và ủng hộ cao với đề xuất của Ban CHCD với lãnh đạo nhà trường về hỗ trợ thu nhập thêm tương đương phụ cấp nhà giáo và phụ cấp thâm niên cho khối cán bộ không phải là giảng viên. Vào những dịp lễ, tết, Công đoàn đã đề xuất với nhà trường sử dụng quỹ phúc lợi chi thưởng động viên kịp thời cho cán bộ viên chức.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thị trường có nhiều biến động, đời sống kinh tế, xã hội xuất hiện nhiều khó khăn, thu nhập hàng năm của cán bộ, giảng viên, người lao động luôn tăng từ 15 đến 20%. Kết quả đó là thành quả của những nỗ lực của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các tập thể đơn vị và cả Công đoàn.

Công đoàn luôn là đại diện quan trọng trong tổ chức và đánh giá thi đua, xem xét đề nghị nâng lương, chuyển ngạch của cán bộ theo đúng theo quy chế của Nhà nước.

Về công tác nữ công: Các hoạt động trong khuôn khổ các phong trào như "Giải việc trường, đảm việc nhà", "Vì sự tiến bộ của phụ nữ" luôn thực hiện tốt. Nhân dịp các ngày lễ lớn, Ban nữ công đã có nhiều sáng



kiến tốt tổ chức được những hoạt động sinh động và có ý nghĩa động viên kịp thời cán bộ và con em cán bộ phấn đấu vươn lên trong công tác và học tập.

Về hoạt động phong trào, hoạt động xã hội: Công đoàn trường ĐHCN là một trong số ít đơn vị thực hiện tốt sự phối hợp với Đoàn thanh niên tổ chức nhiều hoạt động hội thao, hoạt động xã hội từ thiện... đạt được nhiều kết quả đáng trân trọng như: Nhiều năm vô địch giải bóng đá cán bộ và sinh viên trong ĐHQGHN, đạt giải cao trong các Hội diễn văn nghệ ĐHQGHN, đạt nhiều giải cầu lông, tennis cá nhân và đồng đội. Số tiền ủng hộ hàng năm của các công đoàn viên cho các chương trình từ thiện xã hội đạt khoảng 50-60 triệu đồng.

Về công tác xây dựng tổ chức công đoàn và tham gia xây dựng Đảng: Công đoàn trường ĐHCN luôn chấp hành nghiêm túc điều lệ Công đoàn, các văn bản hướng dẫn và chỉ đạo của Công đoàn cấp trên về xây dựng các tổ chức công đoàn vững mạnh. Công tác kiểm tra công đoàn đã được thực hiện đầy đủ đúng quy định. Công tác khen thưởng của Công đoàn đã luôn có những bước tiến rõ rệt, khen thưởng các công đoàn viên có thành tích xuất sắc sau mỗi dịp hoạt động lớn, kịp thời động viên được công đoàn viên tích cực tham gia các hoạt động công đoàn. Công đoàn Trường cùng một số công đoàn bộ phận và nhiều công

đoàn viên đã được nhận bằng khen của Công đoàn Ngành Giáo dục, Công đoàn ĐHQGHN.

Công đoàn trường luôn quan tâm tạo điều kiện và động viên các cán bộ, công đoàn viên tham dự các đợt tập huấn nghiệp vụ cũng như chủ động tổ chức các đợt tập huấn trao đổi kinh nghiệm công tác công đoàn. Công đoàn cũng đã tích cực phát hiện những công đoàn viên ưu tú để giới thiệu đứng trong hàng ngũ của Đảng. Trong những năm gần đây, mỗi năm trung bình có khoảng 10 công đoàn viên được kết nạp Đảng.

Thưa PGS, trong giai đoạn tới Công đoàn phải chú trọng đến những vấn đề gì?

Số lượng công đoàn viên của Trường hiện nay có hơn 220 người, thuộc quy mô trung bình nhưng có đặc trưng nổi bật là tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sỹ trở lên rất cao, có thể nói là cao nhất nước, và trong tương lai gần, tỷ lệ giảng viên là Giáo sư/Phó giáo sư cũng sẽ rất cao. Đây là một thuận lợi lớn nhưng cũng là thách thức cho cả Đảng ủy, Ban giám hiệu và Công đoàn trong việc phát huy tiềm năng này một cách hiệu quả nhất cho sự phát triển của nhà trường.

Mặt khác, tình hình kinh tế xã hội có nhiều chuyển biến, phát triển nhanh và có những đổi mới, trong đó có chủ trương về đổi mới toàn diện giáo dục Việt Nam. Để thực hiện chủ trương này,



cán bộ giảng viên nhà trường vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của tiến trình đổi mới và chắc chắn sẽ có những tác động đến tâm tư của các công đoàn viên. Để cùng với nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ này, công đoàn phải chủ động, chú trọng đổi mới phương thức hoạt động, tranh thủ sự lãnh đạo của Đảng ủy, các hoạt động của công đoàn phải gắn kết chặt chẽ với các hoạt động nhà trường, có sự phối hợp đồng bộ với các tổ chức chính trị xã hội và đặc biệt là phải động viên, khích lệ được sự hưởng ứng và tham gia nhiệt tình của đông đảo công đoàn viên.

Vừa làm quản lý vừa làm công đoàn PGS đã gặp những khó khăn và thuận lợi như thế nào?

Thực ra, trước hết tôi là giảng viên và tôi yêu nghề này. Những việc khác như tham gia quản lý, công đoàn thì mỗi người cũng chỉ làm một thời gian nhất định, theo phân công của tổ chức.

Thuận lợi là được làm việc trong các môi trường khác nhau, với nhiều đối tượng khác nhau, vì vậy có nhiều trải nghiệm làm phong phú thêm kinh nghiệm cuộc sống và qua đó hỗ trợ cho các công việc tại Trường.

Khó khăn lớn nhất là vấn đề thời gian, ai cũng chỉ có 24 giờ mỗi ngày. Dành nhiều thời gian làm việc ở trường thì chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến thời gian cho những nhu cầu khác. Tuy nhiên,

thuận lợi là tập thể có nhiều người thông minh, nhiệt tình, cởi mở và cộng tác nên công việc cũng được san sẻ.

Trong công tác quản lý và công đoàn thì PGS cảm nhận thấy công tác nào "thu hút" hơn?

Mỗi công tác đều có những chuỗi công việc, trong đó có công việc "thu hút" và không "thu hút" lắm. Luôn có những niềm vui nho nhỏ hay những trải nghiệm nhất định khi mỗi công việc được hoàn thành.

Ngoài ra, nhân dịp kỷ niệm 10 năm của trường, PGS có chia sẻ hay nhắn nhủ như thế nào đối với BGH và các công đoàn viên của Nhà trường?

Nhân dịp 10 năm thành lập, 15 năm truyền thống của Trường ĐHCN, xin chúc tập thể cán bộ Trường luôn đoàn kết, nhất trí, đồng lòng để nhà trường phát triển nhanh, vững chắc theo đúng định hướng đã được Đảng ủy, Ban giám hiệu và toàn thể cán bộ giảng viên và người lao động nhất trí đề ra. Mỗi người đều nhìn thấy mình phát triển cùng nhà trường và nhà trường phát triển cùng với sự phát triển của mỗi người.

PV (thực hiện)



PGS.TS. Đinh Văn Mạnh
Viện trưởng Viện Cơ học, Viện Hàn lâm
KH&CN Việt Nam

HỢP TÁC TRƯỜNG - VIỆN - DOANH NGHIỆP TRONG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Vai trò thiết yếu của việc liên kết 3 “nhà” trong lĩnh vực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ (KH&CN) đã được nhắc đến từ lâu. Chủ trương “bảo đảm kết hợp giữa viện nghiên cứu và trường đại học, gắn nghiên cứu - triển khai với sản xuất - kinh doanh” của Đảng và Nhà nước đã được nêu rõ trong Nghị quyết TW2, khóa VIII, và đã được quán triệt ở nhiều cấp lãnh đạo và nhiều đơn vị triển khai. Tuy nhiên, trong nhiều năm qua, số kết quả nghiên cứu của các viện/trường đại học đến được với doanh nghiệp để giúp doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường còn hết sức khiêm tốn, phản ánh thực tế là vẫn còn nhiều trở ngại cho mối liên kết hợp tác viện/trường đại học và doanh nghiệp. Một trong những điểm sáng hiếm hoi trong mối quan hệ này là Quan hệ hợp tác giữa Công ty Cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng Đông và trường Đại học Bách khoa Hà Nội được bắt đầu từ năm 2007, khi trường đại học lớn này chuyển giao cho công ty công nghệ sản xuất một số nguyên vật liệu làm đèn chiếu sáng vốn trước đây vẫn phải nhập khẩu. Theo đánh giá của GS.VS Nguyễn Văn Hiệu: “quan hệ hợp tác giữa Rạng Đông và trường Đại học Bách khoa Hà Nội như một mối lương duyên mà cả hai bên đều may mắn khi gặp được nhau...”

Hợp tác trường – Viện – Doanh nghiệp

tại Khoa Cơ học Kỹ thuật và Tự động hóa, trường Đại học Công nghệ

Vi vậy, ngay từ khi mới được thành lập, Trường Đại học Công nghệ (ĐHCN) đã coi hoạt động liên kết với các viện nghiên cứu, cơ sở sản xuất là một đặc thù trong quá trình xây dựng và phát triển. Trường đã và đang khai thác nhiều điều kiện và nhân tố thuận lợi để triển khai thành công quan hệ hợp tác liên kết trường đại học – viện nghiên cứu – doanh nghiệp.

Với sứ mệnh “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu phát triển và ứng dụng các lĩnh vực khoa học – công nghệ tiên tiến trên cơ sở phát huy thế mạnh về Công nghệ Thông tin và Truyền thông; tiên phong tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học khu vực và thế giới, đóng góp tích cực vào sự phát triển nền kinh tế và xã hội tri thức của đất nước.” [2], ngay trong nội dung hoạt động của Nhà trường đã bao hàm nhu cầu tất yếu là phải liên kết, hợp tác ở trình độ cao với các viện nghiên cứu, đặc biệt các viện chuyên ngành thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Viện HL KH&CN Việt Nam). “Hợp tác này là một đặc trưng của mô hình đại học nghiên cứu. Đó vừa là phương thức vừa là mục tiêu nhằm tới sự phát triển của từng đối tác và cả sự phát triển chung của sự nghiệp khoa học - công nghệ và giáo dục đại học của nước nhà” [3].

Ngay từ thời điểm trường ĐHCN được

thành lập, GS. VS Nguyễn Văn Hiệu (Hiệu trưởng đầu tiên của nhà trường) đã trực tiếp chỉ đạo, thực hiện ký kết các văn bản thỏa thuận hợp tác liên kết với Viện Công nghệ Thông tin, Viện Vật lý - Điện tử, Viện Khoa học Vật liệu, Viện Cơ học, Viện Công nghệ Sinh học, Viện Hóa học thuộc Viện KH&CN Việt Nam, Viện Điện tử - Tin học - Tự động hóa thuộc Bộ Công Thương. GS Nguyễn Hữu Đức, Hiệu trưởng nhiệm kỳ tiếp theo, đã tiếp tục phát triển mở rộng các quan hệ hợp tác này với một số đối tác mới như: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương (Tập đoàn IMI), Viện Khoa học và Công nghệ Vũ trụ thuộc Viện HL KH&CN Việt Nam. Năm 2013, Nhà trường tiếp tục ký kết hợp tác với Viện Nghiên cứu Cơ khí và Trung tâm Vệ Tinh Quốc gia.

Thực tiễn triển khai hợp tác giữa trường ĐHCN với các viện nghiên cứu chuyên ngành trong thời gian 10 năm vừa qua cho thấy mô hình hợp tác trường - viện trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu đã đi đúng hướng và có tính bền vững cao, khẳng định ý nghĩa chiến lược lâu dài của mô hình liên kết đối với sự phát triển của trường ĐHCN và cả của các viện nghiên cứu - triển khai.

Giai đoạn đầu, hợp tác chủ yếu mới dừng lại ở mức các Viện nghiên cứu cử cán bộ tham gia giảng dạy tại trường ĐHCN cũng như tạo điều kiện để sinh viên của trường được thực tập tại các phòng thí nghiệm của viện.

Giai đoạn 2005-2009 tiếp tục được cụ thể hóa bằng mô hình "đơn vị phối thuộc". "Đơn vị phối thuộc" làm đầu mối thực hiện đào tạo đại học và sau đại học một số chuyên ngành có ý nghĩa chiến lược đối với cả trường ĐHCN và viện đối tác, được coi như "con đẻ" và chịu sự quản lý điều hành của cả hai cơ quan. Từ các ý tưởng này, tại trường ĐHCN, Khoa Cơ học Kỹ thuật và Tự động hóa (CHKT&TĐH) đã được thành lập và đi vào hoạt động với tư cách một đơn vị (khoa) phối thuộc của



Viện Cơ học. Tương ứng, một số phòng thí nghiệm của Viện Cơ học cũng là phòng thí nghiệm phối thuộc của trường ĐHCN. Giai đoạn 2010 đến nay, Mô hình hợp tác 2 + "x" được triển khai trong phát triển khoa phối thuộc, theo đó nền tảng phát triển của khoa Cơ học Kỹ thuật và Tự động hóa (CHKT&TĐH) là hợp tác chiến lược giữa trường ĐHCN và Viện Cơ học, việc mở rộng hợp tác với các viện nghiên cứu khác trong phát triển khoa CHKT&TĐH được thực hiện trên nền tảng hợp tác bền chặt này.

Việc thành lập và duy trì, phát triển hoạt động đơn vị phối thuộc của trường ĐHCN và các viện nghiên cứu để làm đầu mối phối hợp thực hiện đào tạo đại học và sau đại học một số chuyên ngành, triển khai một số nghiên cứu có ý nghĩa chiến lược đối với tất cả các bên đối tác.

Trước hết, trường ĐHCN huy động được

nguồn lực khoa học - công nghệ mạnh từ các viện cho nhiệm vụ đào tạo đối với các chuyên ngành này, tạo điều kiện đưa chất lượng đào tạo sớm đạt tới các chuẩn mực cao. Các phòng thí nghiệm (PTN) phối thuộc: PTN Cơ học và Môi trường Biển, PTN Chẩn đoán Kỹ thuật (từ Viện Cơ học); Các PTN Điều khiển Máy tính, Các Công nghệ Đặc biệt, Điều khiển Hệ thống (từ Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp tức Tập đoàn IMI),... có trang thiết bị hiện đại, đáp ứng ngay nhu cầu đào tạo chất lượng cao của các chuyên ngành tương ứng. trường ĐHCN chủ trương sử dụng lâu dài các PTN phối thuộc này và sẽ tập trung vào việc xây dựng các PTN (bộ môn) hiện đại đối với các chuyên ngành cần có trong trường ĐHCN mà hiện tại chưa mạnh ở các viện. Giải pháp này trở nên có ý nghĩa đặc biệt trong giai đoạn ban đầu xây dựng trường ĐHCN.



Tiếp theo, thông qua việc hợp tác này, các viện nghiên cứu sẽ khai thác và phát huy cao độ các nguồn lực cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ của mình góp phần trực tiếp đào tạo cán bộ khoa học cho đất nước nói chung và bổ sung nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao cho viện nói riêng. Từ khi thành lập đến nay, chất lượng tuyển sinh đầu vào của trường ĐHCN luôn thuộc diện cao nhất nước. Thông qua việc giảng dạy và hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, các nhà khoa học tại các viện nghiên cứu có thêm học trò đi theo hướng nghiên cứu của mình, mở rộng phạm vi tìm kiếm và đào tạo cán bộ khoa học kế cận, mở rộng quy mô các đề tài nghiên cứu - triển khai của cả hai bên. Các PTN phối thuộc của trường ĐHCN là những PTN mạnh trên các lĩnh vực tiên tiến của các viện nghiên cứu, sẽ đảm nhận nhiệm vụ đào tạo và hỗ trợ nghiên cứu đối với các chuyên ngành tương ứng của trường ĐHCN, không chỉ trong thời gian trước mắt mà còn về lâu dài. Mô hình này còn cho phép trường ĐHCN khai thác

hiệu quả lực lượng cán bộ khoa học trình độ cao và các điều kiện mặt bằng - cơ sở vật chất từ các viện vào việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nó đặc biệt có ý nghĩa đối với một trường ĐHCN mới được thành lập, từng bước định hình mô hình hoạt động và cũng sẽ còn tiếp tục đóng góp vào sự phát triển bền vững của Trường trong những năm tới.

Trách nhiệm và quyền lợi của các đối tác đã được thống nhất trong các văn bản thỏa thuận. Hợp đồng "giảng viên kiêm nhiệm" (trong đó giảng viên kiêm nhiệm có nhiệm vụ hoàn thành 1/3 khối lượng công việc của giảng viên cơ hữu và tương ứng nhận 1/3 mức lương từ trường ĐHCN) mà trường ĐHCN ký với các nhà khoa học thuộc các viện đối tác cho phép huy động được một lượng nhân lực khoa học trình độ cao cho trường.

Cho đến nay, Khoa CHKT&TĐH có một số nét khác biệt trong tổ chức và hoạt động như sau:

- Về đội ngũ giảng viên của khoa gồm: giảng viên thuộc biên chế của trường

ĐHCN và cán bộ khoa học thuộc biên chế của Viện Cơ học. Cán bộ khoa học thuộc Viện Cơ học tham gia làm việc và giảng dạy tại Khoa CHKT&TĐH được hưởng thêm 1/3 lương ngạch bậc do trường ĐHCN chi trả.

- Viện trưởng Viện Cơ học trực tiếp làm Chủ nhiệm Khoa CHKT&TĐH, Phó Viện Trưởng phụ trách đào tạo kiêm Phó Chủ nhiệm khoa phụ trách đào tạo Sau đại học (điều đó cho thấy sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo Viện Cơ học đối với sự hoạt động và phát triển của Khoa) và 02 Phó chủ nhiệm Khoa là giảng viên cơ hữu của Trường.

- Hiện nay, khoa có 29 giảng viên (14 cán bộ cơ hữu của trường ĐHCN và 15 cán bộ nghiên cứu của Viện) trong đó có 4 GS, 11 PGS, 7 TS, 7 ThS. Trong giai đoạn 2007 đến nay, khoa tiếp nhận 2 tiến sỹ người Hàn Quốc làm việc tại khoa theo chương trình trao đổi nhân lực trong đó có 1 tiến sỹ làm việc thường xuyên, khoa có 07 giảng viên kiêm nhiệm hưởng thù lao theo nhiệm vụ.
- Khoa được tổ chức gồm 4 Bộ môn: Thủy



khí Công nghiệp và Môi trường, Công nghệ Cơ điện tử, Công nghệ biển và Môi trường, Công nghệ Hàng không vũ trụ. Trường ĐHCN tập trung đầu tư và phát triển 2 Bộ môn đặt tại Trường, và cùng Viện đối tác phát triển hai bộ môn phối thuộc là thế mạnh của Viện.

- Cơ sở vật chất của khoa được Trường và Viện quan tâm bố trí: cơ sở 1 đặt tại trường ĐHCN (170 m² gồm văn phòng, Bộ môn, Phòng thí nghiệm) và cơ sở 2 đặt tại Viện Cơ học (250 m² gồm văn phòng, giảng đường, Bộ môn và phòng thí nghiệm).

- Khoa CHKT&TĐH thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường ĐHCN và Viện Cơ học. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được trường ĐHCN và Viện Cơ học cấp theo nhiệm vụ tương ứng giao cho khoa.

- Trường ĐHCN phối hợp với Viện Cơ học giao cho Khoa CHKT&TĐH làm đầu mối chủ trì tổ chức Hội nghị quốc tế về cơ học kỹ thuật và tự động hóa ICEMA 2 năm một lần.

Từ thực tiễn hoạt động trong thời gian qua đã chỉ ra mô hình Hợp tác Trường – Viện – Doanh nghiệp có những thuận lợi và khó khăn

Mô hình khoa phối thuộc sau 10 năm hoạt động đã chứng minh được hiệu quả, là minh chứng cho sự vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng và Nhà nước về sự kết hợp giữa Trường đại học và Viện nghiên cứu. Vì vậy, mô hình này đã được Đảng và Nhà nước ta chủ trương thúc đẩy và được coi như một giải pháp tích cực để phát huy hiệu quả nội lực khoa học - công nghệ - giáo dục Việt Nam trong chiến lược phát triển khoa học - công nghệ - giáo dục đại học của đất nước.

Bản thân hoạt động hợp tác Trường - Viện – Doanh nghiệp sản xuất có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển của các bên đối tác liên quan, hoạt động này vừa được coi là biện pháp vừa là mục tiêu nhằm phát triển của từng đối tác và vì sự phát triển chung.

Hợp tác giữa trường ĐHCN và Viện Cơ học cũng như các viện đối tác khác đã trải qua

chặng đường 10 năm với mỗi giai đoạn có sự điều chỉnh cho phù hợp, mô hình hợp tác ngày càng rõ nét và chứng minh hiệu quả đặc biệt trong triển khai hoạt động khoa phối thuộc và các phòng thí nghiệm phối thuộc. Do thống nhất quan niệm các đơn vị phối thuộc là “con đẻ” của sự hợp tác và là bộ phận hữu cơ của mỗi chủ thể hợp tác Trường – Viện, Trường – Doanh nghiệp, nên các đối tác đều thấy rõ quyền lợi của mình trong đó và do vậy đều phải có trách nhiệm và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm chút để đưa “con đẻ” của mình phát triển. Đây chính là điểm mấu chốt, quan trọng bước đầu tạo nên thành công của mô hình hợp tác, liên kết Trường đại học – Viện nghiên cứu tại trường ĐHCN.

Đã từng bước hình thành các cơ chế chính sách phù hợp trong hợp tác Trường – Viện (kinh phí thường xuyên, kinh phí sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, PTN, quyền lợi và nghĩa vụ của GV kiêm nhiệm ...).

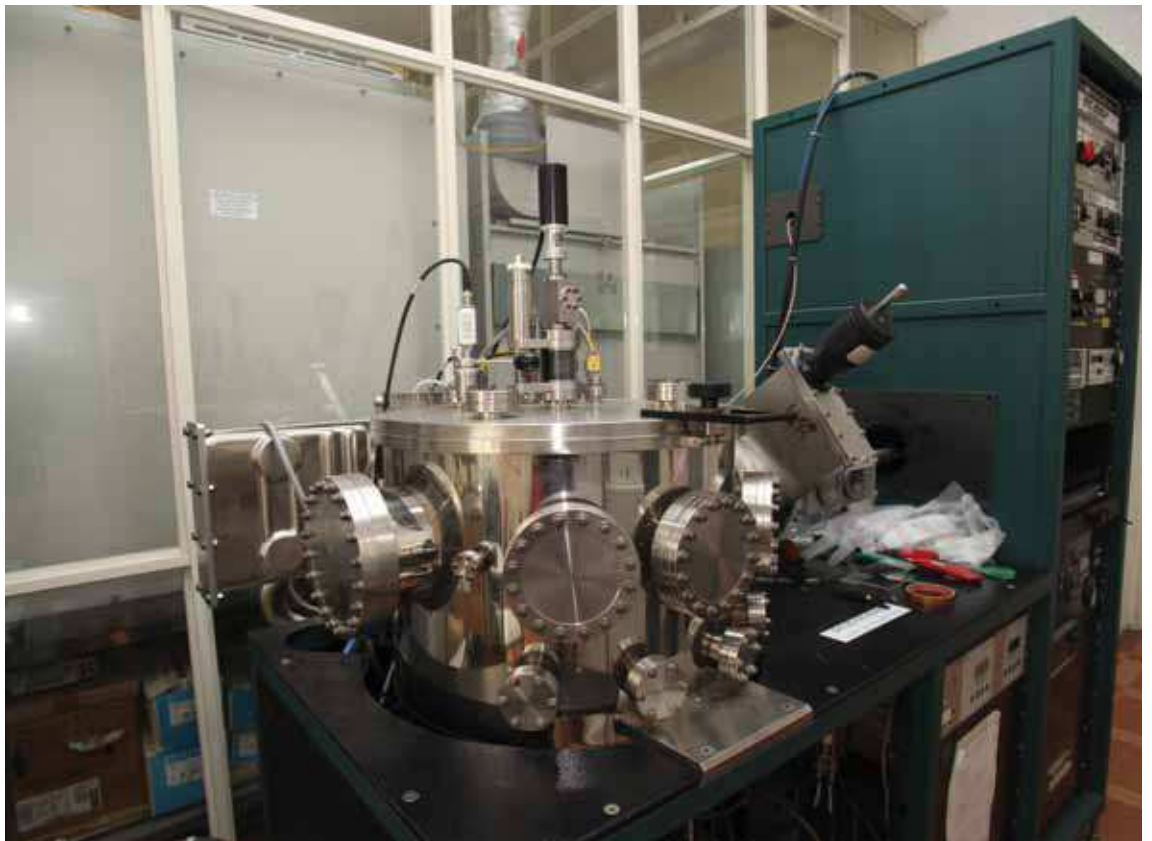
Viện HL KH&CN Việt Nam và ĐHQGHN đã ký kết hợp tác (ngày 17/5/2014) với nội dung: Về hoạt động khoa học công nghệ và đào tạo, hằng năm, ĐHQGHN và Viện HL KH&CN Việt Nam thống nhất phối hợp xây dựng chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu chung; phối hợp trong việc tạo ra các sản phẩm khoa học công nghệ hữu hình mang thương hiệu chung, trên cơ sở thế mạnh của mỗi bên; phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ liên ngành mà hai bên có thế mạnh nhằm tạo ra sản phẩm khoa học công nghệ quốc gia; tăng cường khai thác sử dụng các trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm của hai bên; trao đổi thông tin khoa học công nghệ dưới dạng chia sẻ các xuất bản khoa học công nghệ và học liệu; phối hợp nhằm thương mại hóa một số sản phẩm KH&CN mà hai bên cùng quan tâm; xem xét việc thành lập các phòng thí nghiệm phối thuộc; phát triển chất lượng nguồn nhân lực KH&CN thông qua việc trao đổi chuyên gia dưới dạng các hợp đồng giảng dạy hoặc nghiên cứu; hai bên thực hiện việc tiếp nhận sinh viên,

học viên cao học và nghiên cứu sinh thực tập tại các phòng thí nghiệm; nhận hướng dẫn và đồng hướng dẫn NCS, học viên cao học; tham gia cùng đào tạo các cấp ĐH và SĐH; liên kết đào tạo ở bậc SĐH trên cơ sở thể mạnh của hai bên, ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực cho hai bên theo Đề án 911 trình Chính phủ phê duyệt; phối hợp thành lập mô hình đào tạo liên kết theo phương thức đào tạo gắn với nghiên cứu; phối hợp xây dựng chuyên ngành đào tạo mới với sự tham gia của các bên; xem xét việc thành lập các khoa phối thuộc thông qua hình thức Trưởng khoa kiêm nhiệm; xem xét công nhận chương trình đào tạo, chứng chỉ và bằng cấp của nhau tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Hoạt động hợp tác đã được cả trường ĐHCN và Viện Cơ học đặc biệt quan tâm, chăm lo, và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, kết quả hợp tác trong giai đoạn vừa qua vẫn chủ yếu dựa trên sự tin cậy lẫn nhau giữa hai cơ quan. Thực tiễn triển khai cần có cơ chế chính sách (bằng văn bản) cho mô hình đặc thù này đặc biệt là cơ chế đảm bảo nguồn lực: nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất,...

ĐHQGHN và Viện HL KH&CN Việt Nam cần quan tâm hơn nữa các chính sách với nhà giáo, hoạt động KH&CN và đầu tư cơ sở vật chất

Như đã nêu trên, trong mô hình khoa phối thuộc, khoa CHKT&TĐH có đội ngũ cán bộ cơ hữu là giảng viên cơ hữu của trường ĐHCN và cán bộ khoa học cơ hữu của Viện Cơ học. Cơ sở vật chất, phòng học, phòng thí nghiệm của khoa được bố trí ở cả trường ĐHCN và Viện Cơ học. Đây là những điểm đặc thù đã được ghi nhận. Tuy nhiên, trong thực tế, quan niệm về điểm đặc thù này trong mô hình khoa phối thuộc trong một số trường hợp không nhất quán chẳng hạn trong các chính sách đối với nhà giáo, hoạt động KH&CN, đầu tư cơ sở vật chất,... để nghị lãnh đạo ĐHQGHN và Viện HL KH&CN Việt



Nam quan tâm tháo gỡ:

- Cần cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ cán bộ khoa học của Viện tham gia các nhiệm vụ hợp tác trường đại học – viện nghiên cứu, cụ thể là hoạt động của khoa phối thuộc. Đề xuất cơ quan có thẩm quyền xét tặng các danh hiệu nhà giáo đối với giảng viên của khoa (là cán bộ Viện Cơ học) đủ tiêu chuẩn như đối với giảng viên cơ hữu của trường ĐHCN.

- Áp dụng các chính sách về hoạt động KH&CN đối với giảng viên kiêm nhiệm của khoa như đối với cán bộ của Trường/Viện. Đồng thời, tạo điều kiện để trường ĐHCN và Viện Cơ học xây dựng và triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu phối hợp có sự đầu tư kinh phí của cả hai cơ quan.

- Quan tâm đến cơ chế đầu tư, đảm bảo kinh phí, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, giảng đường, phòng thí nghiệm của khoa (cơ sở 1, cơ sở 2).

- Nâng cao hơn nữa chất lượng thực hành, thực tập cho sinh viên: cần có

những chính sách khuyến khích để có được các cơ sở thực tế, thực tập đa dạng và ổn định thông qua các thỏa thuận với các cơ sở nghiên cứu, sản xuất khác.

PGS.TS. Đinh Văn Mạnh

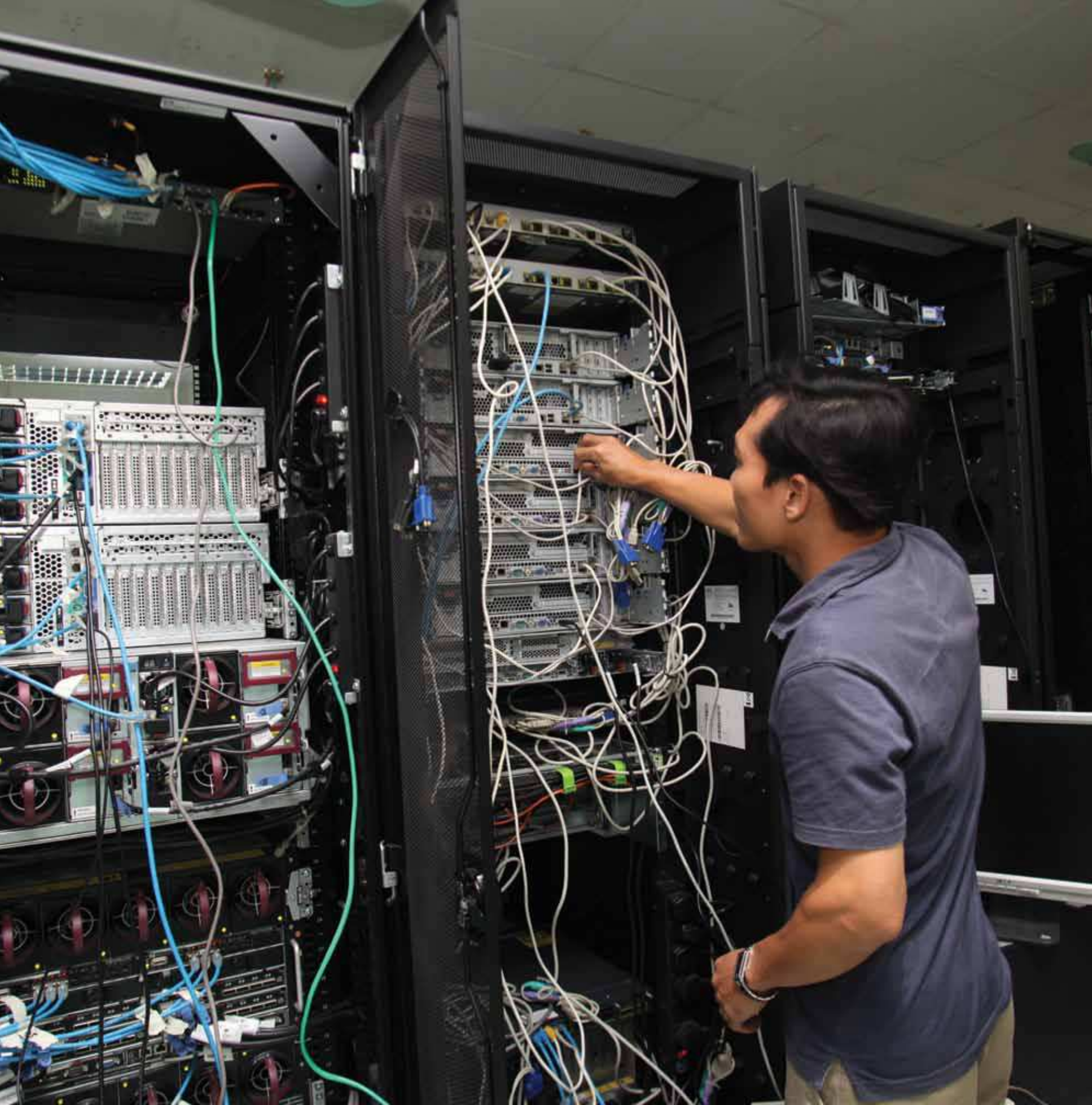
Viện trưởng Viện Cơ học, Viện HL KH&CN Việt Nam

Tài liệu tham khảo

[1] Liên kết doanh nghiệp với viện/trường: Yếu tố thành công và rào cản. Báo Tia Sáng, 16/07/2013.

[2] Kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHCN đến năm 2020, tầm nhìn 2030, Website trường Đại học Công nghệ, www.coltech.vnu.edu.vn/.

[3] Phát biểu của Giám đốc ĐHQGHN tại “Hội thảo Hợp tác Trường – Viện nghiên cứu – Doanh nghiệp”, Hòa Lạc 24/6/2009



USA Vietnam Education Foundation Project Activities at UET

Jay S. Bagga, Ph. D.

Professor of Computer Science

Vietnam Education Foundation - US Faculty Scholar (2011-14)

Department of Computer Science

Ball State University, Muncie, Indiana, USA

I am pleased that VNU-UET is celebrating 10 successful years. I have been closely associated with the Faculty of Information Technology at VNU-UET for the last several years. During 2011-14, I was a US Faculty Scholar as part of a project funded by Vietnam Education Foundation (VEF), a US Government Agency based in Washington DC.

I have been teaching computer science at undergraduate and graduate level for more than 25 years. During 2011-14 I taught three classes at VNU-UET in computer science in the areas of Design and Analysis of Algorithms, Theory of Computation, and Graph Algorithms. These classes were taught by live videoconference from Ball State as well as in person at VNU-UET. The classes included students from VNU-UET as well as from Ball State. One of the most exciting aspects of these classes was the interaction between Vietnamese and American students. Both groups of students participated in research presentations and discussions in class. I found that the Vietnamese students are of very high quality and they did extremely well in all the classes I taught. I had significant group and one-on-one interactions with the VNU-UET students and I am very im-

pressed by their knowledge and preparation, which is generally on par and in many instances better than that of their American counterparts.

I also worked closely with many faculty members and administrators at VNU-UET. The quality of instruction and research at VNU-UET is of high standard. The faculty members are engaged in state of the art research and publish in high quality international journals. During 2013-14 many faculty members at VNU-UET worked together to begin publication of a new journal in IT, the VNU Journal of Computer Science and Communication Engineering. I serve on the Editorial Board of this journal. The undergraduate and graduate IT programs at VNU-UET are of international standards and quality. Over the past two years I have advised the IT faculty on program development and introduction of new courses. My project with VEF also funded new computer equipment and computer science books for faculty members and students. The books are housed in a library for use by faculty and current and future students.

The Environment, Science, Technology, and Health Officer of U.S. Embassy in Ha-

noi visited and reviewed our classes and according to him, "... the students were engaged. It was useful and encouraging to see the exactly how VEF is contributing to the country's education."

My VEF project and its outcomes were also reviewed and evaluated by UET administrators including the rector and the Dean for IT, as well as by students. According to these reviews. "I cannot stress enough the importance and benefits Prof. Bagga and VEF funding has brought to our students and faculty through teaching and research collaboration. Specifically, the Algorithm course Prof. Bagga taught is a new course added to our curriculum. The way the course was conducted is a good mix between theoretical and practical aspects, which gives students a good hands-on experience on mobile devices. We are happy with our collaboration with Prof. Bagga through VEF support. We hope the program will continue to support us and other universities in Vietnam and we are happy to contribute back to the program. The program has given our students a chance to get familiar with the teaching methods at US universities.

In addition, the program also trains Vietnamese teaching assistants the style of



teaching and learning in a US class, and they can get some useful experience. Prof. Bagga has been very active in working with us to enhance our curriculum as well as discussing various avenues to apply for research grant both in Vietnam and in US. In short, I really think this program has tremendous value to us and we hope we can continue to get support from the program and to contribute back to the program."

I look forward to continuing activities and association with VNU-UET. Congratulations on the 10th Anniversary and best wishes for continued successes.

Jay S. Bagga, Ph. D.

Fruitful cooperation between VNU-UET and Korean PNU

Hyung-Kook Kim

Professor of Department of Nanomaterials
College of Nanoscience and Nanotechnology
Pusan National University, Republic of Korea

It is a great honor for me to prepare the congratulatory remarks on this occasion of the 10th year anniversary of University of Engineering and Technology (UET), Vietnam National University (VNU) in Hanoi. The friendship between Pusan National University (PNU) and VNU by me (former dean of College of Nanoscience and Nanotechnology (CNN)) and the former dean of UET, Prof. Nguyen Nang Dinh, in 2006. After first

signing of the Memorandum of Understanding (MOU) in 2006 on Educational and Research Cooperation between the UET (Rector Nguyen Huu Duc) and Pusan National University (President Inse H.K. Kim), Korea, we have continued very fruitful collaboration and strengthened our friendship.

The VNU-UET and CNN-PNU have enjoyed a long standing friendship with each other. Over the last several years, many successful programs of cooperation have been established in the field of education and researches on both sides, including the educational and academic exchange between two organizations, assistance to support study to those seeking scholarships, research collaborations, seminars, workshops and conferences, etc.

Since the first MOU in 2006, we have renewed our contract two times (2007, 2011) and during that period, almost in every year, we have exchanged faculties to both universities and improved our academic relationship. Also, five VNU-UET students have joined our Graduate School

of CNN. Among them, one student graduated with a master degree and other four students continue to study as PhD candidates. I was very much impressed by their passion for scientific inquiry, politeness, and diligence. They are very well along with other Korean graduate students in the department. We are very happy with Vietnamese students and we hope more VNU-UET students join PNU for our further Educational and Research Cooperation.

At this moment of celebration, I would like to express my sincere congratulation for the great success of VNU-UET on the occasion of 10th anniversary. I am confident that we will be able to continue to develop even stronger relationships and friendships between two organizations. I also wish the greatest success of VNU-UET by playing its vital role in the higher education in Vietnam.

Thank you.







PGS.TS. Đào Như Mai
Giảng viên Khoa Cơ học kỹ và Tự động hóa

Trường Đại học Công nghệ trở thành ngôi nhà thứ hai

Cơ duyên nào đã đưa cô đến với Nhà trường và Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa?

Khi còn học đại học, công tác giảng dạy thực sự là niềm mơ ước của tôi. Tuy nhiên, khi tốt nghiệp tôi lại được phân về Viện Cơ học làm công tác nghiên cứu. Sau thời gian làm việc tôi thấy công việc nghiên cứu cũng mang lại niềm say mê và hứng thú. Tôi những tưởng rằng mình sẽ theo con đường nghiên cứu, còn giảng dạy sẽ giúp tôi phát triển công việc này. Vì vậy, tôi cũng đã tham gia giảng dạy các môn cơ sở của ngành Cơ học như Cơ Lý thuyết, Cơ học Vật rắn biến dạng ở một số trường kỹ thuật như trường Đại học Bách khoa Hà Nội, trường Đại học Lương Thế Vinh, trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

Phải nói rằng tôi bén duyên với Khoa CHKT&TĐH cũng nhờ vào Trung tâm Hợp tác, Bồi dưỡng và Đào tạo Cơ học - đơn vị phối hợp giữa Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Đại học Quốc gia Hà Nội được hình thành năm 1997. Trước khi giảng dạy tại Khoa CHKT&TĐH tôi đã có thời gian giảng dạy cao học ở trung tâm từ khi thành lập. Và sau khi thành lập trường Đại học Công nghệ, tôi đã chính thức giảng dạy ở Khoa từ học kỳ 2 năm 2006-2007. Sau 8 năm tham gia giảng dạy, tôi vẫn không quên được môn học đầu tiên tôi dạy ở Khoa Cơ học Kỹ thuật và Tự động hóa là môn Sức bền vật liệu. Và điều đặc biệt là, đến học kỳ này (năm học 2014-2015) tôi đang dạy chính môn Sức bền vật liệu cho khóa 57 của Khoa. Môn

học này nhắc tôi nhớ lại những kỷ niệm đầu tiên khi đến với trường.

Khi được đề nghị tham gia giảng dạy ở Khoa tôi rất mừng và cũng rất lo. Mừng vì tôi được làm công việc mơ ước từ khi còn trẻ, lo là liệu mình có đáp ứng được những đòi hỏi của công việc mới không. Tôi luôn coi việc tham gia giảng dạy tại Khoa vừa là nhiệm vụ vừa là một cơ duyên. Khoa Cơ kỹ thuật và Tự động hóa và trường Đại học Công nghệ đã trở nên thân thiết với bản thân tôi. Mọi hoạt động của Khoa và của Trường khi được giao tôi luôn luôn cố gắng tham gia và hoàn thành tốt.

Sau 8 năm tham gia giảng dạy, theo đánh giá của cô, Khoa CHKT&TĐH nói riêng và Nhà trường nói chung đã có thay đổi như thế nào?

Trong những năm qua, Khoa CHKT&TĐH nói riêng và trường Đại học Công nghệ đã có những bước phát triển lớn. Tôi cảm thấy rất tự hào khi bản thân cũng đã đóng góp một phần nhỏ cho những sự thay đổi của Khoa và Nhà trường. Thời gian đầu, Nhà trường còn phải thuê phòng học, nhưng một vài năm sau cơ sở vật chất ngày càng được mở rộng. Mô hình phối thuộc giữa viện - trường đã giúp Khoa và Trường có thêm cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Vì vậy, hiện nay công tác giảng dạy của trường được tiến hành tại khuôn viên của Trường và Viện Cơ học. Các phòng học được trang bị máy móc và thiết bị tốt hơn rất nhiều. Quy mô giảng dạy của nhà trường và Khoa cũng phát triển. Từ



khóa đầu tiên với một lớp Cơ Kỹ thuật với 30 sinh viên nay đã có thêm ngành Công nghệ Cơ Điện tử. Ban đầu chỉ có đào tạo đại học, nay ở Khoa đã đào tạo đầy đủ từ bậc đại học đến tiến sỹ. Những thành tích ngày nay của Khoa về chất lượng, quy mô và số lượng đào tạo là minh chứng cho sự phát triển sau 10 năm của Nhà trường và Khoa.

Nhớ về những năm tháng đã qua, cô có ấn tượng như thế nào về Nhà trường và Khoa ạ?

Thời gian đầu, đến với công việc giảng dạy tôi gặp không ít khó khăn. Các khó khăn đến từ những việc nhỏ như thời gian đầu trên lớp tôi có cảm giác mình bị hụt hơi và tôi phải tập nói to hơn. Việc soạn bài giảng cũng là một trong những trở ngại của buổi đầu tiên, với thời lượng chương trình đều rút ngắn, các môn cơ sở ngành cơ đều là những môn khó. Do vậy, tôi phải tìm cách tiếp cận môn học phù hợp với sinh viên. Khó khăn còn đến từ việc cân đối giữa công việc nghiên cứu và giảng

dạy. Rồi đến khó khăn chung của những người “lái đờ” giống tôi như việc ứng xử với sinh viên, quan tâm, động viên, khích lệ các em thế nào.

Dù gặp nhiều trở ngại và khó khăn song trong tám năm qua tôi thấy mình như trẻ ra vì hằng năm được tiếp xúc với lớp sinh viên mới, gặp được nhiều sinh viên say mê học tập và nghiên cứu khoa học. Những lúc như vậy tôi cảm thấy công việc “trồng người” mình đang làm thật có ích. Chưa kể, có nhiều sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và được đăng bài ở các hội nghị quốc gia. Có thể kể đến những sinh viên như Trịnh Lê Khánh (K49), Hà Văn Sâm (K53), Nguyễn Văn Tân (K54). Điều tôi luôn tâm niệm khi dạy học là các sinh viên sẽ là đồng nghiệp của mình trong tương lai.

Trong suốt quá trình tham gia giảng dạy ở Khoa, cô có mong muốn đối với Nhà trường và sinh viên như thế nào?

Có thể nói mô hình Trường – Viện đã phát triển rất tốt trong những năm vừa qua.

Sinh viên trường Đại học Công nghệ đã được tiếp cận với các phòng thí nghiệm của Viện Cơ học, tuy nhiên theo ý kiến cá nhân tôi có thể sử dụng triệt để hơn các phòng thí nghiệm của Viện.

Trong những mong muốn của mình, có một mong muốn giản dị và dễ thực hiện là những sinh viên xuất sắc nhất, có nguyện vọng và đủ điều kiện, sau khi tốt nghiệp của Khoa được ở lại Trường tham gia giảng dạy. Điều này minh chứng cho việc chúng ta thực sự tin vào chất lượng đào tạo của mình.

Tuyết Nga (thực hiện)

Câu chuyện về một người thầy hết lòng vì sự nghiệp giáo dục

Hà Nội, những ngày vào đông. Đất trời hanh hao trong tiết khí giao mùa. Lòng người cũng theo đó mà xao động những nỗi niềm khôn tả. Xưa và nay cứ quện lẫn vào nhau. Người ra đi hay người ở lại đều phảng phất dư vị của hương thời gian lắng đọng trong từng hơi thở. Giữa những giao thoa của đất trời và nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập trường Đại học Công nghệ, xin được hoài niệm về một người suốt cuộc đời đã cống hiến và đóng góp cho nền giáo dục Việt Nam nói chung và cho sự phát triển của trường Đại học Công nghệ nói riêng. Xin được gọi Người với tên gọi rất đỗi thân thương “thầy giáo, giáo sư Nguyễn Đình Thông”.

Người thầy của tri thức

GS. Nguyễn Đình Thông sinh ra và lớn lên trong một gia đình trí thức và có học vấn cao: ông ngoại là một viên quan trong triều đình Huế; ông nội là hậu duệ của nhà thơ nổi tiếng - học giả Nguyễn Công Trứ (1778-1858); cha của thầy dạy văn học Pháp, là giáo viên đầu tiên có bằng “giảng dạy có chất lượng bằng tiếng bản ngữ” tại Đại học Vinh, tổ chức giáo dục cao cấp nhất của Nghệ An.

Thừa hưởng nền tảng giáo dục của gia đình, GS. Thông đã đạt được những thành tích học tập hết sức đáng nể khi còn ngồi trên ghế nhà trường. GS. Thông tốt nghiệp Quốc học Huế năm 1961 với bằng xuất sắc và được trao học bổng “Colombo” của Chính phủ New Zealand. Thầy lấy bằng xuất sắc cử nhân Kỹ thuật của trường Đại học Canterbury (New Zealand) năm 1965 và bằng tiến sĩ về lĩnh vực Điện- Điện tử

tại Đại học Auckland (New Zealand) năm 1969. Sau đó, GS đã trở về Việt Nam công tác với vai trò là một giảng viên, rồi được phong hàm Phó Giáo sư và Phó Giám đốc Viện Bách khoa Quốc gia Sài Gòn (sau này là trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh). Năm 1975, giáo sư định cư ở New Zealand với tư cách là Phó giáo sư của Khoa Điện-Điện tử, Đại học Auckland - New Zealand. Dù ở nước ngoài với cuộc sống sung túc đầy đủ, thầy vẫn luôn canh cánh những trăn trở về giáo dục nước nhà, mong muốn được góp một phần sức lực của mình để xây dựng đất nước. Thầy là một trong các nhà khoa học Việt kiều đầu tiên theo tiếng gọi của Đảng và Chính phủ Việt Nam trở về đất nước. Từ những năm 1979, thầy tham gia các phái đoàn phi chính phủ góp ý cho Bộ Đại học (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) các chương trình đào tạo, lĩnh vực nghiên cứu về điện-điện tử tiên tiến trên thế giới. Khi thầy trở thành Giáo sư, Trưởng khoa Điện & Điện tử tại Đại học Tasmania (UTAS) - Úc năm 1989, thầy càng có điều kiện giúp đỡ xây dựng đất nước. Thầy là tác giả của chương trình đào tạo quốc tế đầu tiên vào thập kỷ 90 của nước ta, giữa trường UTAS và trường Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh. Hàng năm, hàng chục sinh viên Việt Nam được đưa sang Úc đào tạo các bậc Đại học và sau này cả bậc Sau đại học (cao học và nghiên cứu sinh). Rất nhiều người trong đó hiện nay đang đóng góp đắc lực trong nền kinh tế nước nhà, một số trở thành các nhà khoa học nhà quản lí, doanh nghiệp thành đạt.

Cơ duyên gắn bó của GS. Nguyễn Đình



Thông với Khoa Điện tử - Viễn thông bắt đầu từ năm 2001. Khi đó, GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu - Chủ nhiệm Khoa Công nghệ trực thuộc Đại học Quốc Gia Hà Nội cùng GS. Phan Anh - Giám đốc trung tâm Điện tử Viễn thông đã mời GS. Nguyễn Đình Thông về cộng tác với Khoa. Một trong các việc cần làm ngay khi đó là nâng cao năng lực cán bộ và định hướng nghiên cứu. GS. Thông là người đầu tiên đặt nền móng cho ý tưởng về dự án “Mạch tích hợp thông minh” phục vụ các hướng nghiên cứu liên quan đến xử lí ảnh, truyền thông số. Dự án từ những ngày đầu phôi thai sau 5 năm đã được duyệt và đi vào hoạt động. Phòng thí nghiệm Hệ thống tích hợp thông minh (SIS) được ra đời từ đó và ngày càng có nhiều đóng góp cho

trường Đại học Công nghệ về các sản phẩm khoa học công nghệ có tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, Giáo sư còn nhận vai trò đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ của ngành Điện tử - Viễn thông. Tiến sỹ Trịnh Anh Vũ là một trong số cán bộ đầu tiên được cử đi Úc dưới sự bảo trợ và hướng dẫn của thầy. Sau một năm làm việc tại UTAS - Úc, Tiến sỹ Vũ (bây giờ là Phó giáo sư) lần đầu tiên có một báo cáo quốc tế về lĩnh vực nhận dạng vân tay, đánh dấu con đường nghiên cứu và bước trưởng thành của bản thân trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông. Hồi tưởng về những ngày được Giáo sư Thông dìu dắt ở Úc, PGS.TS. Vũ vẫn không khỏi bồi hồi, xúc động bởi sự quan tâm chu đáo, sự chỉ dẫn rất cẩn thận và chi tiết để đi đến một bài báo quốc tế theo chuẩn IEEE, một mơ ước

của các nhà khoa học Việt Nam thời bấy giờ.

Không chỉ giúp đỡ Tiến sỹ Vũ, Giáo sư Thông còn thường xuyên gửi các tài liệu của nước ngoài, trao đổi thông tin để giúp đỡ các cán bộ khác định hướng nghiên cứu và tham gia nghiên cứu. Rồi cũng chính giáo sư là người dìu dắt PGS.TS. Nguyễn Quốc Tuấn - Chủ nhiệm bộ môn Hệ thống Viễn thông hoàn thành luận án Tiến sỹ của mình. Những ngày tháng hai thầy trò gắn bó, trao đổi thảo luận cùng nhau, vượt qua những khó khăn của quá trình làm tiến sỹ ở Việt Nam sẽ mãi là một kỷ niệm không bao giờ phai đối với PGS. TS. Nguyễn Quốc Tuấn. Lớp thế hệ cán bộ đầu tiên của Khoa Điện tử - Viễn thông được thầy dìu dắt nay đã trưởng thành, giữ những cương vị chủ chốt trong Khoa, và tiếp nối thầy gặt hái được nhiều thành

công trong nghiên cứu Khoa học cũng như tham gia đào tạo những thế hệ tương lai tài năng cho đất nước.

Kỷ niệm khó quên trong suốt cuộc đời

Khi nhắc lại lần đầu tiên gặp GS. Thông vào năm 2001, PGS.TS. Trịnh Anh Vũ bồi hồi nhớ lại ấn tượng lúc đầu về giáo sư với phong cách lịch lãm của một giáo sư Việt kiều có những nhận xét ngắn gọn và sắc sảo. Ở giáo sư có hai nét đối lập, đó là hàng ria mép oai phong luôn được xén tỉa cẩn thận, tạo dáng dấp đàng hoàng, ngạo nghễ, trong khi bộ comle thường mặc lại giản dị chỉnh chu cùng những lời trao đổi thường nghe: “Quý vị có thấy rằng vấn đề là...” tạo cho người đối thoại một cảm giác trân trọng nghiêm túc và dễ chịu. Đồng thời thuyết phục người nghe từ tốn bằng



luận lý logic chứ không phải kiểu hùng biện như một số người từ các nước phát triển về Việt Nam.

Sau đó rất may mắn là TS. Trịnh Anh Vũ được GS mời sang thực tập tại Đại học Tasmania, Australia một năm với trợ giúp kinh phí của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Những ngày đầu đến Australia, giáo sư biết tôi có nhiều lúng túng và bỡ ngỡ khi thay đổi thói quen và môi trường sống, nên đã tận tình hướng dẫn và dìu dắt để tôi làm quen với môi trường. Cho đến nay, những hình ảnh giáo sư nấu nướng tại nhà và lau chùi dọn bếp hồng ngoại sạch bong đã tạo ấn tượng mạnh và là kỷ niệm khó quên trong tôi. Các thói quen, cách sống khi đi xe bus hoặc sinh hoạt ở Australia cũng được giáo sư giải thích và hỗ trợ trong những ngày tôi mới đến.

Quãng thời gian tôi ở Tasmania ngắn ngủi song tôi học được nhiều điều, từ pháp luật của một xã hội phát triển và từ GS. Nguyễn Đình Thông, người mà 40 năm trước chỉ là cậu học trò Việt Nam ít ỏi sang Úc du học, sau đó đã thành danh là một trong hai người Việt Nam có tên trong sách "Who is Who's in Australia" trong lĩnh vực giáo dục. Điều tôi khâm phục ở GS không chỉ là tầm vóc khoa học, sự hòa nhập nhuần nhuyễn với xã hội nước ngoài mà còn bởi khả năng quản lý lãnh đạo và khả năng làm kinh tế. Những lúc ngồi trà nước mạn đàm, Giáo sư bộc lộ: "Mình quan niệm làm bất kỳ việc gì đều phải cố gắng trở thành Leader của lĩnh vực đó". Và thực tế giáo sư đã có nhiệm kỳ làm Head of ECE School trong khoa kỹ thuật của Đại học Tasmania, khi nghỉ hưu còn thuộc lớp giáo sư triệu phú đô la, điều mà thỉnh thoảng tâm đắc giáo sư bảo: ít người làm được.

Hòa nhập với xã hội nước ngoài song giáo sư vẫn nặng lòng với con người, đất nước mà mình sinh ra. Mỗi dịp có sinh viên Việt Nam sang học, giáo sư luôn dành sự ưu ái giúp đỡ hết lòng. Nhiều Tiến Sĩ người Việt đã thành danh dưới sự hướng



dẫn của thầy.

Tôi cũng được thầy quan tâm ưu ái. Sau 6 tháng giáo sư nói: "Vũ ơi cũng phải làm gì chứ nhỉ?". Sau đó, giáo sư đã đưa cho tôi rất nhiều tài liệu cùng hướng nghiên cứu mà giáo sư đang làm. Một vài hôm sau, tôi chán nản đến gặp giáo sư nói: "Em có cảm giác những cái gì có thể nghiên cứu được thì người ta đã cày xới hết cả rồi, chả còn chỗ nào cho mình làm nữa cả". Lúc đó lại được giáo sư rí rả động viên: "Thì kỹ thuật là thế mà, chỉ cần cải tiến cái gì đó nâng cao lên một chút là được, đầu nhất thiết phải ra một cái gì đó mới về nguyên tắc" như tôi quan niệm. Thế là tôi lại xác định lại tinh thần ngồi hi hục xem xét. Sau 3 tháng, khi nghe tôi trình bày một vài kết quả, giáo sư nói: "Tớ sẽ giúp cậu chấp bút bài viết này vì chỉ còn 3 hôm nữa là deadline thời hạn nộp bài một hội nghị khoa học". Và thế là lần đầu tiên tôi có bài ở hội nghị quốc tế theo chuẩn của IEEE .

Người thầy chấp cánh cho nghiên cứu

Năm 2005, GS. Nguyễn Đình Thông nghỉ hưu và chuyển tới Sydney sinh sống. Thầy là giáo sư danh dự của trường Đại học Công nghệ Sydney (UTS). Lúc này thầy bắt đầu có nhiều thời gian hơn để về nước thường xuyên, trực tiếp phục vụ đất nước. Giáo sư Nguyễn Đình Thông về nước ít nhất 2 lần trong năm, mỗi lần với khoảng thời gian từ 1 đến 2 tháng, với tư cách là giáo sư mời của trường Đại học Công nghệ. Vẫn phong cách nho nhã, giản dị cùng một tấm lòng triu mến yêu thương, thầy đã quan tâm đào tạo nhiều thế hệ cán bộ và vẫn tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh, giảng dạy cao học và tham gia giảng dạy cả bậc đại học. Thầy trực tiếp tham gia giảng dạy 04 khóa học chất lượng cao bậc Đại học và 03 khóa học bậc sau Đại học vào những năm 2005 cho tới năm 2010, hướng dẫn luận văn Thạc sĩ và luận án Tiến sĩ. Cho đến nay, thầy đã hướng dẫn



tại trường Đại học Công nghệ thành công 6 khoá luận tốt nghiệp đại học chất lượng cao, 4 luận văn cao học, 1 luận án tiến sĩ và 1 luận án tiến sĩ khác sắp được bảo vệ. Các hướng đề tài do thầy hướng dẫn đều có tính thời sự, tương xứng với trình độ quốc tế.

Trong những lần về nước làm việc tại trường Đại học Công nghệ (ĐHCN) - Đại học Quốc gia Hà Nội, GS Nguyễn Đình Thông luôn dành hết sức mình tham gia nghiên cứu và seminar khoa học. Các vấn đề Giáo sư trình bày trong seminar không chỉ để cập các hướng nghiên cứu mới trên thế giới, các hướng nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu của nền Khoa học Công nghệ trong nước mà cả các góp ý, gợi mở về phương pháp tổ chức giảng dạy, tổ chức nghiên cứu trong khoa Điện tử Viễn thông (ĐTVT) sao cho có hiệu quả. Giáo sư luôn theo sát, hướng dẫn các cán bộ trong bộ môn Hệ thống Viễn thông (HTVT) định hướng nghiên cứu rồi cùng tham gia ng-

hiên cứu với mọi người. Lúc nào cũng dễ dàng nhận thấy ở Giáo sư một con người nhiệt huyết, say sưa với mọi công việc, cho dù đó là công việc có nhiều khó khăn, nhưng khi được giao nhiệm vụ và thấy đó là công việc cần thiết, thầy đều tham gia với tất cả trí tuệ và tâm huyết của mình. Cho đến nay, thầy đã cùng các cán bộ trong bộ môn HTVT và bộ môn khác của khoa ĐTVT có 25 báo cáo khoa học quốc tế, 5 báo cáo khoa học trong nước, 4 bài báo khoa học cấp quốc gia và 03 bài báo khoa học quốc tế ISI/Scopus.

Giáo sư Nguyễn Đình Thông (thứ hai từ bên phải sang) bên cạnh các cán bộ Bộ môn HTVT tại phòng thí nghiệm Hệ thống Viễn thông

Một trong các dự án lớn, thực hiện nhiều năm tại trường Đại học Công nghệ mà Giáo sư tham gia đó là "Dự án giáo dục Đại học" hay còn gọi là dự án TRIG. Thầy

là người tham gia tư vấn viết dự án, đưa ra các ý tưởng, các kinh nghiệm có được của loại dự án này thực hiện tại các nước Đông Nam Á khác như Thái Lan, Philipin .. nhằm xây dựng một dự án có tính thuyết phục cao, hiệu quả lớn cho trường Đại học Công nghệ. Giáo sư cũng chính là người tham gia thực hiện dự án TRIG-B trong những năm từ 2008 cho tới 2012 với vai trò tư vấn. Để hoàn thành nhiệm vụ tư vấn chương trình đào tạo theo chuẩn ABET cho TRIG-B, Giáo sư đã dành nhiều thời gian đến các doanh nghiệp Viễn thông (như Viettel, Vinaphone, SaigonTelecom ...) để khảo sát nhu cầu về kỹ thuật, nhu cầu việc làm, hay đến các trường Đại học khác (như trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Học viện Bưu chính Viễn thông 1, Bách khoa Đà Nẵng, Bách khoa TP Hồ Chí Minh ...) để tìm hiểu chương trình đào tạo, nhu cầu đào tạo cũng như khả năng đáp ứng nhân lực cho lĩnh vực mạng và truyền thông. Từ đó, Giáo sư đã đề xuất một chương trình giảng dạy bao gồm cả 3 bậc: đại học, cao học và tiến sĩ cho dự án TRIG-B. Dự án TRIG-B tại trường ĐHCN thành công có sự đóng góp rất lớn của thầy.

Trong sự nghiệp đào tạo của mình, Giáo sư Nguyễn Đình Thông là tác giả và đồng tác giả của hơn 180 báo cáo và bài báo khoa học quốc tế, hướng dẫn thành công hơn 27 nghiên cứu sinh trong các lĩnh vực: xử lý tín hiệu số, xử lý tiếng nói, xử lý ảnh và mã hóa ảnh, các kỹ thuật điều chế đa sóng mang, ăng ten thông minh, mạng truy cập băng rộng, mạng không dây 4G/5G, mạng vô tuyến có ý thức ...

Lời kết

Ngoài tài năng trong khoa học, tôi cũng khâm phục về cách ứng xử xã hội của thầy. Nhớ lúc sang Australia năm 2001. Sinh viên Việt Nam còn kháo nhau rằng thầy Thông nói tiếng Việt có lúc không chuẩn đầu (vì xa nhà quá lâu và ít về Việt Nam), nhưng sau một số lần về Việt Nam giáo



sư đã hòa nhập rất nhanh với các đồng nghiệp già trẻ của khoa ĐTVT. Hòa nhập nhưng không hòa tan với những cung cách làm việc quản lý, quan liêu. Nhớ lần nhận làm cố vấn viết chương trình đào tạo theo sự tài trợ của World Bank. Giáo sư yêu cầu làm hợp đồng và thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định của World Bank. GS kiên quyết phản đối cách làm tùy tiện của một vài cán bộ quản lý, mà vì thế một số thầy hay nói là GS. Thông không hiểu Việt Nam bằng những giáo sư Việt kiều khác. Nhưng tôi thì hiểu ngược lại. Sau nhiều năm về Việt Nam, Giáo sư quá hiểu cung cách và lễ thói ở nhà. Song những gì trì trệ, vi phạm hợp đồng thì giáo sư phản đối không khoan nhượng thu nhiên vẫn giữ thái độ ôn hòa.

GS. Nguyễn Đình Thông và TS. Trịnh Anh Vũ tại Vũng Chùa (04/2014)

Chuyến đi Quảng Bình cũng là kỷ niệm cuối cùng với thầy. Số phận con người sao thoát đến, thoát đi nhanh như vậy. Viết những dòng này trong tâm trí tôi vẫn nhớ như in hình ảnh, tại khách sạn Quảng Bình, từ sớm đã thấy thầy chạy rèn luyện sức khỏe trên bãi cát như một thói quen (ở Hà Nội thì chạy vòng quanh hồ Gươm) và những lời vui đùa lạc quan: “Mình về Hà Nội chỗ nào gặp bạn bè cũng thấy nói chuyện về thuốc men, mách nhau uống thuốc này thuốc kia chữa bệnh và lo nghĩ về sức khỏe. Còn mình thì đầu óc lại chỉ nghĩ đến công việc cho học sinh và NCS”. Suốt cuộc đời hoạt động khoa học và giáo dục của mình, GS. Nguyễn Đình Thông dù ở trong nước hay nước ngoài luôn mong muốn đóng góp xây dựng một nền giáo dục Việt Nam tiên tiến và xứng tầm quốc tế. Đây là một thành tích được nhà nước Úc công nhận nhưng lại chứa

đựng cả một tấm lòng luôn hướng tới nền giáo dục nước nhà. Với những đóng góp của mình, thầy đã được Đại học Quốc gia Hà Nội tặng thưởng huy chương “ Vì sự nghiệp phát triển của ĐHQG Hà Nội” năm 2009 và được đề nghị tặng thưởng huy chương “ Vì sự nghiệp phát triển của ĐHQG Hà Nội” lần 2 nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập trường ĐHCN.

Tháng 5/2014, trái tim vì sự nghiệp giáo dục của Giáo sư đã ngừng đập. Nhưng những cống hiến của Giáo sư sẽ còn mãi trong lòng của những ai đã từng được sống, học tập và làm việc bên thầy.

Bút nghiên vẫn còn đây

Mà người đã đi mãi

Con đò rời bến đỗ

Ngôi nghỉ chốn bình yên...

Tháng 10/2014

PGS.TS. Nguyễn Quốc Tuấn, PGS.TS.

Trịnh Anh Vũ





Tiến sỹ Seung Chul Jung
Giảng viên nước ngoài tại khoa
CHKT&TĐH

Mong muốn gắn bó lâu dài với trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN

Tiến sỹ Seung Chul Jung, quốc tịch Hàn Quốc, tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển, tại đại học POSTECH. Hiện nay, Tiến sỹ Seung Chul Jung và gia đình đang sinh sống và công tác tại Việt Nam. Bản thân TS. Seung Chul Jung đang là thành viên của chương trình “Techno Peace Corp” (TPC) và đang nghiên cứu giảng dạy tại khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa, trường Đại học Công nghệ (ĐHCN), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Khi nói đến trường ĐHCN, anh đều thể hiện bằng những tình cảm thân thương và triu mến nhất.

Thật may mắn, với tư cách là phóng viên của trường tôi đã có dịp được nói chuyện với TS. Seung Chul Jung và “giải mã” được phần nào tình cảm đặc biệt của anh dành cho Nhà trường.

Thưa Tiến sỹ, anh đã biết đến trường Đại học Công nghệ và tham gia công tác từ năm nào?

Từ năm 2006, Bộ Khoa học Công nghệ Hàn Quốc (KHCHN HQ) đã bắt đầu một chương trình hợp tác quốc tế ở mọi lĩnh vực khoa học công nghệ với nhiều nước trên thế giới, với tên gọi “Techno Peace Corp” (TPC). Lúc đó, tôi đang làm việc ở Văn phòng đại diện tại Hà Nội của Viện Nghiên cứu Công nghệ Công nghiệp Hàn Quốc (KITECH), tôi đã có cơ hội thăm trường ĐHCN trong quá trình hợp tác giữa trường ĐHCN và KITECH. Qua tìm hiểu về chương trình và kế hoạch đào tạo của trường, tôi thấy các

thầy, trò của Nhà trường có nhiều ý tưởng, hoài bão trong việc nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo về công nghệ, đặc biệt là phát triển các sản phẩm trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Đến năm 2007, tôi quyết tâm tham gia và trở thành một thành viên của chương trình TPC ở trường ĐHCN. Với những kiến thức, kinh nghiệm và khả năng của bản thân, tôi thấy cần phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho thầy trò của một đất nước chịu thiệt thòi do chiến tranh nhưng lại rất ham học hỏi và đang có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước thay đổi hàng ngày.

Vậy là theo thỏa thuận giữa trường ĐHCN và KICOS (thuộc Bộ KHCHN HQ), tôi bắt đầu hoạt động chương trình này ở Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa của trường ĐHCN từ tháng 9/2007. Cho đến nay, tôi đã hợp tác với trường được hơn 4 năm với hai giai đoạn từ tháng 9/2007-11/2009 và từ 9/2012 đến nay.

Được biết, để thuận lợi cho công việc tại Trường, anh đã đưa gia đình sang sinh sống tại Việt Nam. Vậy những ngày đầu, gia đình anh đã gặp những khó khăn như thế nào?

Gia đình tôi đã sang và sinh sống ở Việt Nam vào năm 2004 đến nay. Lúc đó, hai con của tôi mới tầm 2-3 tuổi và bây giờ chúng đều đang đi học tại trường quốc tế Hàn Quốc Hà Nội. Vì đã sống lâu ở Hà Nội nên cả gia đình đều cảm thấy hạnh phúc



và quen dần với phong cách sống ở Việt Nam. Tuy nhiên, những ngày đầu gia đình tôi cũng gặp một số khó khăn như không quen khí hậu, thức ăn, và đặc biệt là ngôn ngữ. Nhưng được sự giúp đỡ của bố mẹ bạn bè ở Việt Nam, hàng xóm xung quanh đã giúp gia đình tôi thích ứng nhanh với môi trường và coi như con cháu trong nhà để làm quen với điều kiện sống ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, các điều kiện hỗ trợ của trường ĐHCN và tình cảm của đồng nghiệp cũng giúp tôi vượt qua khó khăn những ngày đầu tiên. Tôi nghĩ rằng quan trọng nhất là môi trường làm việc phải hòa đồng, thân thiện, văn minh và lịch sự giữa những giảng viên Việt Nam với giảng viên nước ngoài, mà những điều kiện này trường ĐHCN đều có đủ. Vì vậy, hiện tại tôi cảm thấy hài lòng với môi trường giảng dạy ở trường ĐHCN. Và nếu có điều kiện tôi hy vọng được hợp tác, giảng dạy và làm việc lâu dài ở trường.

Hơn 4 năm công tác, "tài sản" lớn nhất Tiến sỹ nhận được từ những cán bộ, đồng nghiệp và sinh viên của trường ĐHCN là gì?

Trong khoảng thời gian làm việc tại trường, "tài sản" lớn nhất mà tôi nhận được là quen biết thêm nhiều đồng nghiệp và

sinh viên Việt Nam. Tôi cảm thấy mình rất hạnh phúc vì được làm việc với họ. Đặc biệt, tôi sẽ không quên được những sinh viên do mình giảng dạy và khoảng thời gian tôi trực tiếp hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên. Tuy tôi là người nước ngoài nhưng cán bộ, sinh viên lại coi tôi như một người Việt Nam và đối xử bằng tình cảm chân thành, sự tin tưởng lẫn nhau. Điều đó làm tôi thấy mình càng muốn gắn bó hơn nữa với trường ĐHCN. Hơn ai hết, khi nghe tin Nhà trường có thể hợp tác với các đối tác Hàn Quốc như DMS, Compass... và khoảng 30 sinh viên vào SEV năm 2013 tôi đều thấy vui mừng vì mình đã góp một phần công sức vào những thành tích của Nhà trường trong những năm vừa qua.

Tiến sỹ có thể nói gì thêm với thầy cô và sinh viên Trường Đại học Công nghệ khi nhà trường đang chuẩn bị kỷ niệm 10 năm thành lập trường và 15 năm ngày truyền thống?

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập trường, lời đầu tiên tôi xin được chúc mừng 10 năm thành công cùng sự đóng góp công sức của tất cả cán bộ, giảng viên trong toàn trường. Điều thứ hai, tôi muốn

chia sẻ về trường Đại học POSTECH- là ngôi trường tôi đã học 13 năm từ quá trình đại học đến khi trở thành tiến sỹ. Hằng năm, nhà trường tuyển hơn 300 sinh viên và 550 học viên cao học, nghiên cứu sinh nhưng hiện nay POSTECH được đánh giá là một trong ba trường ĐH tốt nhất trong lĩnh vực Khoa học công nghệ ở Hàn Quốc. Mặc dù, số sinh viên chỉ bằng 1/10 của hầu hết trường ĐH khác ở Hàn Quốc nhưng chất lượng đào tạo, lực lượng nghiên cứu để đáp ứng nhu cầu xã hội và nhà nước lại rất nhiều. Qua câu chuyện này, tôi hy vọng trường ĐHCN sẽ trở thành một trường ĐH ở Việt Nam giống như POSTECH đã làm ở Hàn Quốc và xa hơn như CALTECH của Hoa Kỳ. Sau này vào những ngày kỷ niệm thành lập trường, khi nhớ lại chặng đường 10 năm của trường với những thành công đã trải qua, tôi hy vọng rằng 10 năm sau, trường ĐHCN sẽ trở thành trường ĐH tốt nhất ở Việt Nam và là một trong những trường ĐH tốt nhất trên thế giới ở lĩnh vực khoa học công nghệ.

Xin cảm ơn Tiến sỹ về cuộc trò chuyện này. Xin chúc Tiến sỹ và gia đình có nhiều sức khỏe, những ngày ở Việt Nam đầy ắp kỷ niệm và gắn bó hơn nữa với trường Đại học Công nghệ.

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2014



Cố GS.TSKH Nguyễn Phú Thù

NGƯỜI THẦY “VI THỢ MỘC” CỦA TÔI

Tôi còn nhớ mãi bức thư điện tử Thầy Nguyễn Phú Thù gửi cho tôi về hướng nghiên cứu Vi cơ điện tử (Microelectromechanical systems) lúc tôi đang loay hoay tìm định hướng nghiên cứu trong thời gian trao đổi khoa học tại Đại học Parma, Italy. Bức thư của Thầy là chìa khóa giúp tôi bước vào thế giới liên ngành của vật lý, điện tử, cơ học và cả y sinh học của ngành MEMS mà tôi theo đuổi từ đó đến nay.

Tháng 12 năm 2002, tôi về Việt Nam để tham gia nhóm nghiên cứu MEMS của Khoa Công nghệ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội nay là Bộ môn Vi cơ điện tử và Vi hệ thống, Khoa Điện tử - Viễn thông, trường Đại học Công nghệ. MEMS là công nghệ chế tạo các linh kiện kích thước micromet có chức năng điện tử, cơ học, quang học hoặc sinh học, ... trên cơ sở kỹ thuật vi chế tạo. Sản phẩm công nghệ MEMS đã được sử dụng rộng rãi trong đời sống xã hội ví dụ như chức năng theo dõi chuyển động, micro định hướng sử dụng linh kiện MEMS đang là chức năng cơ bản của tất cả các điện thoại thông minh. Ngoài ra, linh kiện MEMS được sử dụng phổ biến trong các hệ thống khí tài quân sự, công nghiệp ô tô, máy bay, trong các hệ thống mổ nội soi, mổ tế bào và xét nghiệm, phát hiện bệnh sớm. Để sinh viên dễ dàng hình tượng MEMS là gì và phương pháp chế tạo của nó, Thầy đã rất hóm hỉnh và sâu sắc khi ví Thầy đang là một Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Vật lý chuyển sang nghề thợ mộc với vật liệu là phiến silicon thay cho tấm gỗ, công cụ chế tác là hệ thống vi

chế tạo với các máy quang khắc, ăn mòn dùng hóa chất, phủ màng mỏng và pha tạp thay thế cho các công cụ như bào, đục, cưa, sơn phủ.

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập, nhóm MEMS đã thu hút được nhiều cán bộ và sinh viên giỏi tham gia nghiên cứu khoa học. Dựa trên thế mạnh về kỹ thuật điện tử và hệ thống nhúng của các thành viên trong nhóm trên nền tảng của ngành Điện tử - Viễn thông và phối hợp với nhóm nghiên cứu về MEMS của Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu IT-IMS do PGS.TS. Vũ Ngọc Hùng phụ trách, nhóm MEMS đã tập trung vào các hướng ứng dụng của linh kiện MEMS như vi cảm biến áp suất, vi cảm biến gia tốc và con quay vi cơ. Các hướng nghiên cứu đó đã nhanh chóng đạt được kết quả rất tốt và nhận được Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục năm 2004, giải “Vi lợi ích cộng đồng” Nhân tài đất Việt năm 2007, giải Ba – Nhân tài đất Việt năm 2008.

Bên cạnh các hợp tác trong nước, Thầy đã đẩy mạnh hợp tác với các nhóm nghiên cứu mạnh về MEMS trên thế giới đồng thời lần lượt cử các cán bộ đi trao đổi hợp tác nghiên cứu và làm nghiên cứu sinh tại nước ngoài. Hiện nay, các cán bộ tham gia nhóm nghiên cứu từ những ngày đầu đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, hai người đã được phong phó giáo sư trong những năm qua. Kết quả nghiên cứu cũng như đội ngũ cán bộ và các định hướng nghiên cứu của nhóm cho đến hiện nay đã thể hiện tầm nhìn rộng và xa của Thầy.



Cuối năm 2007, sau khi tôi bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, Thầy nói tôi nên về ngay để cùng Thầy và các đồng nghiệp xây dựng bộ môn MEMS đi theo hai định hướng ứng dụng trong công nghiệp và nghiên cứu hàn lâm trong thiết kế linh kiện MEMS. Sau 12 năm kể từ khi thành lập, bộ môn MEMS đã đào tạo được nhiều sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh giỏi và có nhiều kết quả nghiên cứu khoa học tốt. Cho đến nay, ngoài các giải thưởng nêu trên, Bộ môn MEMS đã nhận được Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 1018 của Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ với tên sáng chế “Hệ thống đo tự động từ xa các thông số của bệnh nhân” theo quyết định số 67086/QĐ-SHTT ngày 26 tháng 11 năm 2012. Kể từ khi thành lập đến nay, Bộ môn MEMS đã có được nhiều kết quả nghiên cứu khoa học tốt với trên 50 bài báo tạp chí quốc tế và trên 100 hội nghị khoa học quốc tế.

Bước sang năm 2008, sức khỏe của Thầy tiến triển không tốt cần nhiều thời gian nghỉ ngơi hơn. Tuy vậy, với tình yêu dành cho khoa học Thầy vẫn định hướng nghiên cứu cho bộ môn, hàng tuần Thầy vẫn đến thảo luận và sửa bài viết cho các cán bộ. Thầy và cô Bình luôn nhiệt tình tham gia các hoạt động chung của Khoa và Nhà trường.

GS.TSKH. Nguyễn Phú Thùy sinh ra và gắn bó cả đời với mảnh đất Hà Nội cùng đầy ắp các kỷ niệm. Mùa thu năm 2010, Thầy cũng hào hứng mong chờ để được chứng kiến thời khắc chuyển giao 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Ngày 10 tháng 10 năm 2010, dù sức khỏe lúc đó đã rất yếu, nhưng Thầy vẫn cố gắng theo dõi lễ kỷ niệm thông qua màn hình TV nhỏ tại Bệnh viện Hữu nghị. Sức khỏe của Thầy sa sút nhanh chóng sau lễ kỷ niệm này và Thầy đã đi xa vào sáng sớm ngày 14 tháng 10 năm 2010.

Chiều nay, nhân ngày giỗ lần thứ 4 của Thầy, “chúng con thay mặt cho Bộ môn đến thắp hương lễ Thầy. Chúng con nguyện luôn cố gắng xây dựng Bộ môn và tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các định hướng nghiên cứu và giảng dạy của Thầy”.

Hà Nội, ngày 7 tháng 10 năm 2014
(tức ngày mồng 7 tháng 9 âm lịch)

PGS.TS. Chủ Đức Trình
Khoa Điện tử- Viễn thông



ThS. Đào Kiến Quốc

Gần 40 năm bôn duyên CNTT

Vừa qua, ThS. Đào Kiến Quốc được bầu chọn là Lãnh đạo Công nghệ thông tin tiêu biểu năm 2013 của các nước Đông Nam Á, phóng viên Bản tin ĐHQGHN đã có dịp phỏng vấn về những kinh nghiệm của thầy trong suốt 37 năm qua.

Thầy bôn duyên với ngành CNTT như thế nào ?

Từ những năm 70 của thế kỷ trước, ngành Tin học ở nước ta đã bắt đầu hình thành. Trước đó, chưa có ngành tin học hay CNTT mà chỉ có ngành Khoa học máy tính được xem là một ngành hẹp của toán học. Do vậy, những người làm CNTT ở lứa tuổi của tôi chủ yếu xuất thân từ những người làm toán.

Tôi tốt nghiệp ngành Toán lý thuyết tại trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Lúc đó, chủ nhiệm khoa đã điều tôi làm việc ở tổ máy tính thuộc bộ môn Phương pháp tính. Ban đầu, với công việc tôi cũng không hứng thú vì không được làm đúng ngành mình đã học. Nhưng đến bây giờ nghĩ lại tôi thấy mình may mắn vì càng gắn bó lâu với nghề tôi càng thấy đam mê. Phải chăng đó cũng là một cái duyên với ngành CNTT.

Ở Bộ môn Phương pháp tính, chúng tôi thường phải phục vụ trong các đề tài thực tế như các lập trình viên xử lý số liệu. Lúc đó ở Việt Nam công việc chủ yếu của người làm máy tính là tính toán giải quyết các bài toán khoa học kỹ thuật. Với những máy tính rất yếu thời đó, chúng tôi cũng đã làm được nhiều việc như tính toán các chế độ lập tàu cho ngành đường sắt, tính toán để tối ưu hóa các vị trí cho các trạm quan trắc động đất ở Việt Nam, tính trữ lượng dầu lửa ở vùng Tiền Hải, tính chiến

lược điều phối nước cho thủy điện. v.v.

Năm 1985, tôi có cơ hội đi thực tập ở Pháp, được làm việc ở Học viện Tin học quản lý. Từ đó, tôi bắt đầu hiểu làm tin học ứng dụng như thế nào và từ đó gắn bó với hoạt động này.

Thưa thầy, trong suốt thời gian làm quản lý có kỷ niệm nào cho đến bây giờ nhắc lại thầy vẫn nhớ không?

Trong cuộc đời làm ứng dụng CNTT tôi chỉ thực sự làm CIO (tức là có vị trí lãnh đạo một cách chính thức trong hoạt động CNTT) từ năm 2004, khi làm Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Phần mềm ở trường Đại học Công nghệ. GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu, Hiệu trưởng nhà trường khi ấy muốn tôi xây dựng và lãnh đạo Trung tâm này để đón nhận một đầu tư làm phần mềm phục vụ cho chương trình Micro-Nano của châu Âu. Do việc đó không thành, vốn ban đầu không có nên sau khi thành lập, để kiếm được tiền tự trang trải hoạt động, chúng tôi đã phải rất vất vả làm sản phẩm và tìm cách bán sản phẩm. Năm 2006, chúng tôi quyết định mang sản phẩm đi dự thi cuộc thi Nhân tài Đất Việt (NTĐV) vì nghĩ rằng sản phẩm khá tốt, nên nếu được giải thì hiệu quả bán hàng sẽ cao.

Khi đưa giấy mời dự lễ trao giải NTĐV cho thầy Nguyễn Hữu Đức, Hiệu trưởng nhà trường lúc đó, thầy Nguyễn Hữu Đức có hỏi tôi rằng sản phẩm có đoạt giải không và được giải gì. Theo yêu cầu của ban tổ chức tôi không được phép tiết lộ thông tin về giải thưởng nên tôi phải trả lời rằng tôi không biết. Tuy vậy, thầy Nguyễn Hữu

Đức vẫn tham dự và còn yêu cầu Phòng Hành chính chuẩn bị hoa đến động viên chúng tôi. Thầy Nguyễn Văn Hiệu, nguyên Hiệu trưởng của Trường chính là Chủ tịch hội đồng giám khảo. Nhưng điều lạ là hôm trao giải chúng tôi không thấy thầy Hiệu có trong Hội đồng Ban giám khảo như trong các lần thi NTĐV trước. Một tháng sau, thầy Nguyễn Văn Hiệu gọi tôi lên và hỏi: “Cậu có biết tại sao tôi không dự lễ trao giải không?”. Rồi thầy giải thích, “khi đọc hồ sơ tham dự vòng sơ khảo, tôi đã biết cậu có thể có giải cao. Nếu tiếp tục tham gia chấm ở vòng chung khảo, người ta có thể nghĩ rằng tôi thiên vị cậu. Vì vậy, tôi mua vé sang Hàn quốc làm việc một tháng để anh em trong Ban Giám khảo chấm cho khách quan”.

Sau này, mỗi khi nhắc đến chuyện này, tôi đều nói với anh em cán bộ rằng chúng ta may mắn có những lãnh đạo như vậy.

Thầy có thể cho biết định hướng phát triển của Trung tâm Ứng dụng CNTT ?

Trung tâm Ứng dụng CNTT là một trung tâm phục vụ, có sứ mạng đảm bảo kỹ thuật cũng như tư vấn cho các hoạt động tin học hóa của ĐHQGHN. Khi đề xuất cơ cấu tổ chức, tôi đã đề nghị thành lập ba phòng chuyên môn là Phòng quản trị mạng và an ninh hệ thống, Phòng quản lý dịch vụ và phòng Nghiên cứu phát triển. Đương nhiên phải có bộ phận quản trị mạng và an ninh hệ thống. Còn sở dĩ lập hai phòng kia vì cần đảm bảo khả năng phát triển bền vững của Trung tâm và chức năng của hai phòng này cũng thể hiện định hướng của Trung tâm.

Để phục vụ tốt, phải có bộ phận nghiên cứu phát triển có đủ sức để bảo trì sâu các sản phẩm cho hoạt động phục vụ. Mặt khác chính bộ phận này phải kiểm tra tiến độ hoạt động nghiên cứu phát triển để nâng cao mức sống của cán bộ. Nếu chỉ dựa vào lương ngạch bậc thì không thể



giữ được người. Ngoài ra tôi cũng muốn bộ phận này đầu tư cho một số sản phẩm độc đáo, có tiềm năng bán để tạo thương hiệu như trước đây chúng tôi đã từng thành công.

Phòng quản lý dịch vụ không phải chỉ hỗ trợ sử dụng cho các đơn vị trong ĐHQGHN mà còn kinh doanh các dịch vụ trên mạng. Các dịch vụ cần bán giá rẻ nhưng phải bán cho số lớn. Lợi ích của kinh doanh dịch vụ là ở chỗ kinh doanh dịch vụ thường mang lại thu nhập ổn định hơn sản xuất phần mềm vốn phụ thuộc rất nhiều vào cơ hội. Ngoài hoạt động phục vụ theo chức năng, hai định hướng xây dựng các sản phẩm mạnh có khả năng thương mại và triển khai dịch vụ CNTT vẫn được quán triệt và vẫn đang được thực hiện.

Thầy có thể điểm lại những sản phẩm về lĩnh vực CNTT đã được đưa vào sử dụng và hiện tại Trung tâm có sắp cho ra đời sản phẩm mới gì không?

Bắt đầu bằng công việc lập trình, rồi trở thành người phân tích thiết kế, cuối cùng trở thành người quản trị dự án và lãnh đạo CNTT, tôi đã trải qua hầu hết các vị trí và các khâu trong hoạt động phát triển phần

mềm.

Nhiều sản phẩm do tôi thiết kế đã nhận được nhiều giải thưởng, được triển khai rộng rãi và mang lại hiệu quả lớn. Đáng kể nhất và cũng tâm đắc nhất là phần mềm Net Office với hơn 100 cơ quan sử dụng và phần mềm Mrtest với hơn 400 cơ sở giáo dục sử dụng. Trong 3 năm qua, Trung tâm Ứng dụng CNTT chủ yếu làm phần mềm cho ĐHQGHN. Trung tâm cũng làm một số phần mềm đóng gói nhỏ, có ý tưởng độc đáo nhưng chưa có điều kiện đầu tư thành sản phẩm thương mại.

Theo thầy, đối với các nhà quản lý CNTT điều kiện để dẫn tới thành công là gì?

Các tiêu chí được IDG sử dụng để bình chọn CIO phần nào đã cho thấy các phẩm chất cần có đối với CIO. Vai trò của một CIO cũng có nhiều thang bậc khác nhau. Ở những bậc khác nhau, thách thức và phẩm chất đòi hỏi cũng khác nhau.

Trong vai trò tư vấn hoặc hoạch định chính sách thì điều khó khăn là dự báo. Khi đó tầm nhìn, sự hiểu biết của CIO về khuynh hướng phát triển của công nghệ và của xã hội là quan trọng.

Còn nếu vai trò chính của CIO là quản lý một tổ chức phát triển sản phẩm thì khó



khăn lớn nhất là đảm bảo chất lượng sản phẩm và quản lý sự thay đổi từ phía người dùng. Khi đó, khả năng phân tích và khả năng tổ chức, điều phối các nguồn lực của CIO lại là quan trọng.

Thầy có điều gì muốn hoặc hoặc chia sẻ với những đồng nghiệp hoặc gia đình đã đồng viên, giúp đỡ thầy nhận được danh hiệu này không ạ?

Tôi đã làm việc cho ĐHQGHN được 37 năm. Tôi chỉ còn một năm làm việc nữa theo quy định hiện hành. Có lẽ giải thưởng vừa nhận được là giải thưởng chuyên môn cuối cùng đối với cuộc đời giảng dạy và hoạt động CNTT của tôi tại ĐHQGHN. Vì thế tôi có cảm giác giải thưởng này giống như một sự ghi nhận mang tính tổng kết một quá trình làm việc. Những gì tôi có được tới nay không tách rời khỏi sự ủng

hộ của người thân, của các đồng nghiệp trong đơn vị.

Trân trọng cảm ơn thầy!

Ths. Đào Kiến Quốc đã từng học ở trường ĐHTổng hợp Hà Nội. Năm 1976, thầy Đào Kiến Quốc được giữ lại làm cán bộ giảng dạy – sau này là trường ĐH Khoa học Tự nhiên. Từ năm 1999, thầy Đào Kiến Quốc về Khoa Công nghệ, sau nay là Trường ĐH Công nghệ và làm việc ở đó tới năm 2010 với vị trí là Phó chủ nhiệm Bộ môn Công nghệ Phần mềm. Hiện nay, thầy Đào Kiến Quốc đang là Giám đốc Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Thông tin, đơn vị có chức trách đảm bảo kỹ thuật và tư vấn cho hoạt động tin học hóa của ĐHQGHN. Ngoài công việc quản lý hành chính, thầy còn trực tiếp phụ trách hoạt động nghiên cứu phát triển của Trung tâm. Đồng thời,

- Năm 2001 và năm 2002: Đạt giải thưởng Sáng tạo Khoa học Công nghệ của Liên hiệp các hội khoa học & Kỹ thuật Việt Nam và Bộ Khoa học Công nghệ.

- Năm 2006: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ phần mềm nhận được giải nhất cuộc thi Nhân tài Đất Việt

- Năm 2005: Cúp vàng CNTT của Hội Tin học Việt Nam

- Năm 2007 và năm 2008: Cúp Bạc CNTT của Hội Tin học Việt Nam

Tuyết Nga - Bản tin ĐHQGHN số 271 (9/2013)





PGS.TS Nguyễn Ngọc Bình
Nguyên Hiệu trưởng trường ĐHCN

Tự hào là thành viên ĐHQGHN

Nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày Chính phủ ban hành Nghị định về ĐHQGHN, PGS.TS Nguyễn Ngọc Bình-Hiệu trưởng trường ĐHCN đã có những chia sẻ về những đóng góp của trường ĐHCN cho sự phát triển của ĐHQGHN và chặng đường 20 năm đã qua của ĐHQGHN.

Trường ĐHCN là một trong những đơn vị đào tạo và nghiên cứu hàng đầu của cả nước về công nghệ, xin Thầy đánh giá về những đóng góp chính của nhà Trường cho sự phát triển ĐHQGHN?

Trường ĐHCN được thành lập nhằm mục tiêu phát triển các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trên các lĩnh vực khoa học công nghệ và khoa học ứng dụng, đặc biệt là trên các hướng công nghệ mũi nhọn mà Nhà nước rất quan tâm ưu tiên đầu tư phát triển, là một bước đáng kể trong quá trình hoàn thiện cơ cấu đại học đa ngành đa lĩnh vực, trình độ cao và chất lượng cao của ĐHQGHN. Các đơn vị tiền thân của Khoa Công nghệ ban đầu và của Trường ĐHCN hôm nay là các bộ phận cấu thành của các khoa Toán và Vật lý của Trường ĐHTổng hợp Hà Nội trước đây (nay là Trường ĐHTổng hợp Hà Nội và Trường ĐHTổng hợp Hà Nội trước đây). Vì vậy, Trường ĐHCN thực sự là sự kế thừa, tiếp nối truyền thống học thuật của Trường ĐHTổng hợp Hà Nội và đó là lợi thế quan trọng của Nhà trường.

Từ bối cảnh đó, Trường ĐHCN đã xác định tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của mình là “trên nền tảng Khoa học Cơ bản vững chắc, lấy Công nghệ Thông tin và Truyền

thông (CNTT-TT) làm trung tâm, phát triển các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu được CNTT-TT hỗ trợ, tạo môi trường phát triển CNTT-TT”, phát triển tại Trường ĐHCN môi trường giáo dục đại học chuẩn mực quốc tế với “môi trường đào tạo chuẩn mực chất lượng cao; môi trường nghiên cứu tích cực; là nơi hợp tác trao đổi cởi mở, thân thiện, năng động và hiệu quả; áp dụng quản trị đại học hiện đại, văn minh; nơi sống và làm việc giàu tính nhân văn”, tiên phong tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học quốc tế và trở thành một trường đại học tiêu biểu của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và sự phát triển nền kinh tế tri thức của nước nhà.

Cho đến thời điểm hiện tại, với đội ngũ cán bộ, giảng viên chất lượng cao, Trường ĐHCN đang đào tạo 6 Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân khoa học, cử nhân công nghệ, 2 CTĐT kỹ sư; 8 CTĐT thạc sĩ và 8 CTĐT tiến sĩ trên các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ mũi nhọn với CNTT-TT là trung tâm. Trong số đó, CTĐT cử nhân CNTT (năm 2009) và CTĐT cử nhân công nghệ Điện tử và Truyền thông (năm 2012) đã được kiểm định theo hệ tiêu chuẩn chất lượng của Mạng lưới Đại học ASEAN (AUN). Các CTĐT cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Khoa học Máy tính (KHMT) thực hiện theo chuẩn mực chất lượng và trình độ quốc tế trong đề án Nhiệm vụ Chiến lược (NVCL) của ĐHQGHN.

Trường ĐHCN coi thành tích của sinh viên tại các cuộc thi kiến thức và kỹ năng



công nghệ quốc tế là thước đo đánh giá và kiểm chứng chất lượng đào tạo của mình. Chúng tôi rất vui mừng và tự hào là trường đại học đầu tiên và duy nhất của Việt Nam 3 năm liền (2007, 2008 và 2009) có một đội tuyển sinh viên cùng với 99 đội tuyển khác từ các trường đại học nổi tiếng thế giới lọt vào Vòng Chung kết Cuộc thi Lập trình Sinh viên Quốc tế (ACM/ICPC). Hoạt động nghiên cứu của Trường ĐHCN phát triển mạnh mẽ với trên 80% nguồn kinh phí thu hút được từ ngoài ĐHQGHN. Tại thời điểm năm 2012, chỉ số bài báo khoa học công bố quốc tế đạt 1,3 bài trên một giảng viên và chỉ số bài báo đăng trên các tạp chí KHCN thuộc hệ thống ISI đạt 0,29 bài trên giảng viên... Cán bộ giảng viên của Nhà trường cũng đã có hàng chục sản phẩm khoa học công nghệ được giải thưởng tại các cuộc thi Nhân tài Đất Việt, Công nghệ Thông tin, các Chợ Công nghệ và Triển lãm Sáng chế trong và ngoài nước. Hiện nay, Nhà trường được giao kinh phí thực hiện dự án KHCN về Giám sát bề mặt với kinh phí hàng chục tỷ đồng, đồng thời được giao làm đầu mối xây dựng dự án đầu tư chiều

sâu về Giám sát hiện trường cấp quốc gia. Từ năm 2009, Trường ĐHCN là đơn vị đầu mối tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo KHCN quốc tế như “Kỹ nghệ Tri thức và Hệ thống” (KSE), “Công nghệ Truyền thông Tiên tiến” (ATC), “Thiết kế và Kiểm chứng Vi mạch” (ICDV)... Tập thể cán bộ khoa học của Trường ĐHCN được giao chủ trì xuất bản Chuyên san Công nghệ Thông tin và Truyền thông (JCSCE) của Tạp chí Khoa học ĐHQGHN. Khoa Điện tử - Viễn thông của Nhà trường cũng là địa chỉ tòa soạn của Tạp chí Điện tử - Truyền thông (JEC) của Hội Vô tuyến – Điện tử Việt Nam. Trường ĐHCN triển khai nhiều mô hình hợp tác bền vững và hiệu quả, phát triển các quan hệ hợp tác, liên kết Trường Đại học – Viện Nghiên cứu – Doanh nghiệp Công nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu với số lượng lớn các viện nghiên cứu của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp khác như Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp (tức Tập đoàn IMI thuộc Bộ công thương) và Viện Cơ học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Trường ĐHCN hiện đang có quan hệ hợp

tác trao đổi với trên 50 trường đại học và viện nghiên cứu có danh tiếng ở khắp các châu lục. Đồng thời Trường ĐHCN cũng là địa chỉ hợp tác hấp dẫn và tin cậy của nhiều tập đoàn công nghệ, công nghiệp nổi tiếng thế giới như: IBM, Boeing, Synopsys, Toshiba, SONY, Renesas, Panasonic, NEC, NTT, Mitsubishi, Mitani-Sangyo, Fujitsu, Cadence... mà trong đó Phòng thí nghiệm Liên kết UET-Toshiba và Trung tâm Công nghệ Xuất sắc IBM tại Trường ĐHCN là những sản phẩm tích cực và bền vững của các quan hệ hợp tác này.

Với những phác họa như trên về Trường ĐHCN, chúng tôi có thể tự hào khẳng định rằng Trường ĐHCN đã tiến những bước tiến mạnh mẽ trong những năm qua, tiếp cận rất gần mục tiêu đặt ra cho mình là xây dựng và phát triển một môi trường giáo dục đại học chuẩn mực quốc tế. Và đó cũng là những đóng góp cụ thể và thiết thực, có ý nghĩa nhất của Nhà trường đối với sự nghiệp chung của ĐHQGHN.

Xin Thầy cho biết suy nghĩ của Thầy về chặng đường hai mươi năm đã qua của ĐHQGHN về ngày lễ kỷ niệm trọng đại này?

Tôi về Trường ĐHCN, ĐHQGHN công tác vào đầu năm 2006, tức là tính đến nay tôi có thâm niên trong đại gia đình ĐHQGHN mới gần tròn 8 năm. Tám năm đó đã mang lại cho tôi những trải nghiệm rất đặc biệt. Trong những ngày kỷ niệm trọng đại này của ĐHQGHN, và vào năm tới sẽ là lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập và 15 năm ngày truyền thống của Trường ĐHCN chúng tôi, cảm nhận đầu tiên và bao trùm đối với tôi là niềm tự hào và vinh dự được là một thành viên trong cộng đồng ĐHQGHN.

Việc ĐHQGHN nói riêng và hai ĐHQG nói chung được thành lập và giao quyền tự chủ cao trong nhiều mặt hoạt động cũng như việc ĐHQG được ghi nhận như một thể chế có tính pháp lý trong Luật Giáo dục Đại học mà Quốc hội đã ban hành



năm 2012 chứng tỏ sự tin tưởng của Đảng và Nhà nước đối với các ĐHQG. Điều này mang lại cho mỗi thành viên của ĐHQGHN niềm tự hào to lớn nhưng đó cũng là trách nhiệm xã hội nặng nề mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

Nhìn lại hai mươi năm qua, ĐHQGHN đã làm được nhiều việc và có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp giáo dục đại học nước nhà, góp phần thiết thực vào việc hoạch định các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong nhiều lĩnh vực tri thức và công nghệ tiên tiến thúc đẩy quá trình đổi mới và phát triển khoa học công nghệ của đất nước.

Trong quá trình hai mươi năm xây dựng

và phát triển ĐHQGHN, chúng ta cũng được chứng kiến sự ra đời và phát triển của một mô hình tổ chức giáo dục đại học tiên tiến, độc đáo. ĐHQG được xem như hình mẫu về hệ thống các trường đại học hiện đại, tiên tiến, được ưu tiên với nhiều cơ chế hoạt động mới, với tính tự chủ rất cao. ĐHQGHN cũng đang tạo điều kiện, cơ chế để đảm bảo và phát huy tốt hơn nhất quyền tự chủ của các trường thành viên, của các đơn vị trực thuộc, gia tăng thêm giá trị của việc tích hợp các đơn vị thành viên, khai thác tối đa vị thế và năng lực của các đơn vị này trong các mặt hoạt động đào tạo, nghiên cứu, hợp tác, trao đổi mà qua đó thực hiện có hiệu quả nhất

sứ mệnh cao cả cùng các nhiệm vụ, chức năng có tầm quan trọng chiến lược mà Nhà nước kỳ vọng ở ĐHQGHN.

Xin Thầy cho biết những mong muốn và kỳ vọng của Thầy đối với ĐHQGHN cũng như về Trường ĐHCN trong thời gian tới đây?

Thực tiễn hai mươi năm hoạt động vừa qua với tất cả những thành tựu đã đạt được, chúng ta phải tiếp tục đầu tư trí tuệ và đẩy mạnh sáng tạo trong hoạt động thực tiễn để làm rõ triết lý hoạt động và các cơ chế vận hành mô hình ĐHQG để triển khai thực hiện một cách hiệu quả hơn nữa, nhất là trong bối cảnh hội nhập

quốc tế toàn diện của đất nước với xu thế toàn cầu hóa sâu sắc hiện nay, mà trong đó cộng đồng đại học với các hoạt động đào tạo lẫn hoạt động nghiên cứu phát triển học thuật, tri thức khoa học công nghệ đỉnh cao luôn luôn ở hàng đầu. Kỷ niệm hai mươi năm ngày Chính phủ ban hành “Nghị định về ĐHQG” là một dịp rất thuận lợi để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ này, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, khi ĐHQGHN đang đẩy mạnh quá trình tái cấu trúc, thực hiện những điều chỉnh cần thiết cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Những vấn đề liên quan đến mô hình ĐHQG cần được thể hiện và thực thi trong hoạt động quản trị đại học để thực hiện các chủ trương nâng cao chất lượng hoạt động của ĐHQGHN, càng sớm thì sẽ càng có hiệu quả cao.

ĐHQGHN có nhiều điểm mạnh nổi bật, đóng góp tích cực vào sự phát triển của hệ

thống giáo dục đại học nước nhà, trong đó có cách đi độc đáo mà các thế hệ lãnh đạo ĐHQGHN đã triển khai để nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong cộng đồng ĐHQGHN. Ví dụ nổi bật là đề án phát triển một số ngành, chuyên ngành đạt chuẩn mực trình độ quốc tế mà lúc đầu được gọi là “Chương trình 16+23” và hiện nay chúng ta gọi là Đề án Nhiệm vụ Chiến lược (NVCL), trên cơ sở khai thác các kinh nghiệm đạt được trong việc thực hiện các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo cử nhân tài năng và đề án hợp tác quốc tế trong Trung tâm Đại học Pháp (PUF) với sự hỗ trợ của hai chính phủ Việt Nam và Pháp. Trường ĐHCN chúng tôi tự hào là trường đầu tiên trong ĐHQGHN có hai chương trình đào tạo cử nhân, một chương trình đào tạo thạc sĩ và một chương trình đào tạo tiến sĩ, trong đó ngành Khoa học Máy tính (KHMT) có các

CTĐT ở cả ba bậc đào tạo đại học và sau đại học được thực hiện trong đề án này. Qua các chương trình này chúng tôi thu hút được nhiều nhà khoa học, nhiều giáo sư từ các trường đối tác danh tiếng từ các nước Pháp, Mỹ, Singapore, Nhật Bản v.v... tham gia các hội đồng chấm luận văn, khóa luận cho các HVCH và sinh viên của các CTĐT này. Chúng tôi mong ĐHQGHN tiếp tục phát huy và tạo các nguồn lực cần thiết để triển khai tốt và mở rộng quy mô đào tạo hợp lý cho các CTĐT đang thực hiện theo Đề án NVCL, đồng thời tích cực phát triển thêm các CTĐT cho các ngành và chuyên ngành khác theo hướng này.

PGS.TS Nguyễn Ngọc Bình - Hiệu trưởng trường ĐHCN (Bản tin ĐHQGHN số 272+273)





TS. Phan Xuân Hiếu

Khát vọng đưa nghiên cứu vào thực tiễn

Giải thưởng Khoa học kỹ thuật Thanh niên mang tên “Quả Cầu Vàng 2013” do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức đã được trao cho TS. Phan Xuân Hiếu- Khoa CNTT, Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN.

Giải thưởng đã được trao cho 10 tài năng trẻ tiêu biểu có thành tích xuất sắc trên toàn quốc thuộc bốn lĩnh vực: công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT); công nghệ y-dược; công nghệ sinh học; và công nghệ môi trường. Trong lĩnh vực CNTT- TT, giải thưởng này được trao cho bốn người, trong đó có TS. Phan Xuân Hiếu- Khoa CNTT, Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN.

Niềm đam mê Công nghệ thông tin

Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất hiếu học Yên Thành, Nghệ An, TS. Phan Xuân Hiếu đã ấp ủ niềm đam mê với tin học ngay từ thời trung học. Những năm 1995-1996, máy vi tính vẫn là một khái niệm xa lạ với học sinh nông thôn.

Lần đầu tiên anh biết đến khả năng của máy tính điện tử là qua lời kể của một giáo viên đã hoàn thành chương trình cao học toán- tin. Từ đó, anh đã có những tưởng tượng có ngày được máy tính thực hiện theo những suy nghĩ của mình. Niềm đam mê với lĩnh vực CNTT được bắt nguồn từ những ý nghĩ đơn sơ đó. Tốt nghiệp phổ thông trung học, bến đỗ đại học của TS. Phan Xuân Hiếu chính là trường ĐH

Khoa học tự nhiên, và Khoa Công nghệ, ĐHQGHN. Những năm tháng đại học đã bồi đắp thêm niềm đam mê về CNTT với nhiều kỷ niệm khó quên. Những năm đầu khi chưa có máy tính, anh đã luôn ưu tiên tiền chi tiêu cho việc mua sách và thuê máy tính để lập trình. Những môn học tưởng như khô khan như đại số tuyến tính, xác suất thống kê, trí tuệ nhân tạo... đã tạo nền tảng cho đam mê về khoa học máy tính của anh được chấp cánh sau này.

Tốt nghiệp đại học năm 2001, TS. Phan Xuân Hiếu công tác tại trường ĐH Công nghệ với vai trò trợ giảng và cán bộ tạo nguồn. Sau chương trình cao học, anh tiếp tục hành trình của mình với chương trình nghiên cứu sinh ba năm tại Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản do Chính phủ Nhật Bản tài trợ. Sau khi nhận bằng tiến sĩ năm 2006, anh đã được Hiệp hội phát triển khoa học Nhật Bản (JSPS) tài trợ chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ trong hai năm tại Đại học Tohoku. Năm 2008, anh tiếp tục công việc nghiên cứu ở một môi trường mới là Đại học New South Wales, Sydney, Australia. Khi việc nghiên cứu ở Australia kết thúc, anh đã quyết định trở về Hà Nội và bến đỗ không đâu khác chính là Trường ĐHCN. Ở đây, anh đảm nhận vai trò nghiên cứu và giảng dạy tại Phòng Thí nghiệm Công nghệ tri thức và Bộ môn Các hệ thống thông tin thuộc



khoa CNTT. “Năm tháng đi qua và khi về lại trường, niềm đam mê với máy tính, với CNTT của tôi vẫn chưa hề thay đổi, điều đó giúp tôi có nhiều động lực gắn bó với nghề”- TS. Phan Xuân Hiếu chia sẻ.

Những đóng góp bước đầu trong hoạt động nghiên cứu

Những năm tháng du học và làm việc ở nước ngoài, TS. Phan Xuân Hiếu đã đồng chủ trì một dự án do Nhật Bản tài trợ, làm trưởng nhóm nghiên cứu của một dự án ở Sydney, và đặc biệt làm tham gia hai dự án liên quan đến Việt Nam. Anh đã có những đóng góp thiết thực vào sự thành công chung của dự án Xử lý ngôn ngữ tiếng Việt (VLSP). Dự án này đã để lại không ít kỉ niệm với anh vì đây là dự án cần sự phối hợp của nhiều đơn vị trong và ngoài nước, nên việc tập trung mọi người cũng khá vất vả. Các giáo sư chủ trì không quản ngại khó khăn để tập hợp được các nhà nghiên cứu ở các đơn vị. Cuối cùng, sự thành công của dự án đã được kế thừa và ứng dụng ở nhiều trường, viện cũng như các doanh nghiệp. Trong thời gian này, anh cũng đã phát triển nhiều công

cụ và phần mềm mã nguồn mở trong lĩnh vực, khai phá dữ liệu, và xử lí ngôn ngữ tự nhiên. Những phần mềm như FlexCRFs, GibbsLDA++ đã được cộng đồng nghiên cứu và phát triển trong và ngoài nước sử dụng khá rộng rãi cho mục đích nghiên cứu và ứng dụng.

Về lại Việt Nam, anh vẫn tiếp tục triển khai các hướng nghiên cứu là thế mạnh của mình. Đồng thời anh đã tham gia tích cực vào nhiều hoạt động chuyên môn của khoa CNTT, như hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, hướng dẫn cao học, nghiên cứu sinh, tổ chức các seminar khoa học, tham gia công tác hợp tác quốc tế, tham gia câu lạc bộ VSL của ĐHQGHN, tham gia phản biện khoa học cho các hội nghị, tạp chí và tổ chức các hội nghị khoa học...

Không chỉ dừng lại ở các nghiên cứu thuần túy, TS. Phan Xuân Hiếu luôn mong muốn chuyển giao được những ý tưởng và kết quả nghiên cứu của mình và cộng sự vào ứng dụng trong công nghiệp. Trên thực tế, anh đã tham gia tư vấn và đề xuất giải pháp xây dựng mạng quảng cáo trực tuyến eClick của Công ty FPT Online (Vn-

Express) và hệ thống gợi ý tin tức theo sở thích của người dùng trên mạng xã hội Zing Me của tập đoàn VNG. Những vấn đề nghiên cứu xuất phát từ nhu cầu thực tiễn luôn là động lực để anh có những đóng góp thiết thực hơn nữa trong tương lai.

Môi trường nuôi dưỡng đam mê

Con đường đến những thành công bước đầu ngày hôm nay của TS. Phan Xuân Hiếu có dấu ấn của các giáo sư, của không ít các thầy cô và đồng nghiệp trong và ngoài nước. Những định hướng, hướng dẫn, góp ý, và trao đổi học thuật của các giáo sư, đồng nghiệp, cộng sự đã giúp anh trưởng thành hơn trong từng giai đoạn. Bên cạnh đó tình yêu, sự thấu hiểu và ủng hộ không điều kiện từ phía gia đình, người thân cũng giúp anh yên tâm tập trung cho công việc nghiên cứu và giảng dạy.

Trở về công tác tại Khoa CNTT, Trường ĐHCN, anh may mắn được làm việc và cộng tác cùng nhiều đồng nghiệp giỏi, trẻ trung trong tư duy, luôn có tinh thần kết nối và tương trợ nhau trong công việc. TS. Phan Xuân Hiếu cho rằng Trường ĐHCN là môi trường thuận lợi để phát triển khoa



học vì tỉ lệ giữa thời lượng giảng dạy và nghiên cứu là hợp lý. Trên thực tế, việc nghiên cứu và giảng dạy hỗ trợ bổ sung lẫn nhau vì những tri thức chất lọc trong quá trình nghiên cứu sẽ được truyền tải đến sinh viên. Cũng tại đây, anh luôn tìm thấy những sinh viên giỏi, có đam mê, và dám dẫn thân trong con đường nghiên cứu khoa học lâu dài.

Trong thời gian tới, TS. Phan Xuân Hiếu sẽ tập trung hơn vào các nghiên cứu liên quan đến khai phá dữ liệu và thông minh doanh nghiệp tại Phòng thí nghiệm Công nghệ tri thức, Khoa CNTT, Trường ĐHCN. Bên cạnh những nghiên cứu cơ bản, anh luôn trăn trở việc kết nối và chuyển giao được những kết quả nghiên cứu vào các ứng dụng trong đời sống và công nghiệp.

Một số thành tích nổi bật:

- + Năm 2003-2006: Nghiên cứu sinh tiến sĩ theo học bổng Chính phủ Nhật Bản.
- + Năm 2006-2008: Nghiên cứu sau tiến sĩ tài trợ bởi Hiệp hội phát triển khoa học Nhật Bản (JSPS).
- + Năm 2008-2010: Nghiên cứu tại Trung tâm y tế sức khỏe, Đại học New South Wales, Sydney, Úc.

+ Gần ba mươi công trình đăng trên các hội nghị (21) và tạp chí (9) chuyên ngành uy tín và nhiều công trình có chỉ số trích dẫn cao.

+ Tham gia phát triển phần mềm mã nguồn mở trong khai phá dữ liệu, học máy, và xử lý ngôn ngữ phục vụ cho nghiên cứu và phát triển, điển hình như GibbsLDA++, FlexCRFs, JVN-TextPro, .v.v.

+ Tham gia tư vấn và chuyển giao kết quả nghiên cứu vào ứng dụng trong đời sống và doanh nghiệp như hệ thống gợi ý tin tức trực tuyến theo sở thích trên mạng xã hội Zing Me hoặc mạng quảng cáo trực tuyến eClick.

+ Giải thưởng H-Index cao của Trường Đại học Công nghệ, ĐHQG HN, 2013.

+ Giải thưởng Quả cầu vàng 2013.

Theo Tuyết Nga (Bản tin ĐHQGHN số 274+275)

LỄ KỶ NIỆM

10 NĂM GIẢI THƯỞNG QUẢ CẦU VÀNG
VÀ TRAO GIẢI THƯỞNG "QUẢ CẦU VÀNG" NĂM 2013
PHẦN THƯỞNG TÍNH VIÊN CNTT TIÊU BIỂU NĂM 2013

ngày 23/12/2013



HỘI KHÓA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ





GS.TS. NGUYỄN NĂNG ĐỊNH

Người tâm huyết xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh

Nhóm nghiên cứu “Vật lý và công nghệ tổ hợp nano hữu cơ ứng dụng trong y- sinh và môi trường”, là một trong bốn nhóm được đề xuất khen thưởng “Nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN năm 2014”. Nhóm đã có ba sản phẩm công nghệ và 10 công trình tiêu biểu thuộc tạp chí ISI.

Nếu được chọn, vẫn “say” với nghiên cứu khoa học

GS.TS. NGUYỄN NĂNG ĐỊNH là giảng viên cao cấp khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano (VLKT&CNN), trưởng nhóm nghiên cứu đã có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học (NCKH). Ngay từ năm 1982, tại Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, GS.TS. Nguyễn Năng Định đã tập hợp các nghiên cứu viên để hình thành một nhóm nghiên cứu ở Viện Khoa học Vật liệu (KHLV). Đến năm 2003, khi được về trường Đại học Công nghệ-ĐHQGHN công tác, giáo sư đã xác định xây dựng khoa có nhóm nghiên cứu mạnh về khoa học và công nghệ nano.

GS quan niệm: “Là một giảng viên phải có nghiên cứu mới cập nhật được kiến thức của nhân loại. Ở các trường đại học nước ngoài đều có các nhóm nghiên cứu mạnh để phát triển tư duy sáng tạo của một tập thể. Nhưng, trước hết nhóm nghiên cứu phải được hình thành một cách tự nhiên do nhu cầu NCKH và do năng lực của các nhà khoa học với niềm say mê nghiên cứu khám phá. Từ đó, các thành viên được quy tụ thành nhóm với cùng mục tiêu và định hướng phát triển. Tiếp theo, sự hỗ trợ của nhà trường, nhà nước sẽ là thúc đẩy nhanh hơn quá trình phát triển và duy trì

bền vững nhóm nghiên cứu”.

Khi chia sẻ về niềm say mê nghiên cứu khoa học của bản thân và nhóm nghiên cứu, GS tươi cười nhận xét: “... thiếu thốn về vật chất con người có thể khắc phục, nhưng thiếu thốn về tinh thần thì rất khó có thể bù đắp”. Với tuổi đời 65, đối với một GS, cuộc sống đã qua thật không dễ dàng nhưng đến bây giờ GS.TS. Nguyễn Năng Định đã tự thỏa mãn với những gì bản thân GS đã làm được do niềm đam mê khoa học đem lại. “Nếu được bắt đầu lại một lần nữa, tôi vẫn chọn nghề làm khoa học, đó là vì niềm đam mê khoa học có ý nghĩa rất lớn lao, nó cho tôi một cuộc sống hài hòa giữa vật chất và văn hóa tinh thần”-GS.TS. Nguyễn Năng Định bày tỏ.

Sản phẩm quan trọng nhất là đội ngũ tri thức trình độ cao

Đề cập đến tiêu chí hoạt động của nhóm, GS.TS. Nguyễn Năng Định nhấn mạnh, đã là nhóm nghiên cứu mạnh thì phải cho ra đời được các sản phẩm khoa học tương xứng. Sản phẩm khoa học trực tiếp của nhóm nghiên cứu là các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí ISI (hàng năm phải có ít nhất 3 bài báo), các phát minh sáng chế, các sản phẩm chế thử ở trình độ quốc tế, tạo ra các sản phẩm mới, chuyển giao tri thức và công nghệ, góp phần vào sự phát triển của ĐHQGHN và sự phát triển của đất nước.

Ngay khi tập hợp được nhóm nghiên cứu “Vật lý và công nghệ tổ hợp nano hữu cơ ứng dụng trong y- sinh và môi trường”, GS đã xác định sản phẩm quan trọng nhất của nhóm là phát triển và duy trì đội ngũ



tri thức có trình độ cao. Để lớp tiến sĩ trẻ sẽ kế tục liên tiếp những hướng nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước, từ đó nhân rộng thành nhiều nhóm trong một trường và trong toàn ĐHQGHN.

Sản phẩm thứ hai của nhóm là sự thành công trong hợp tác quốc tế. Trong vòng 5-7 năm trở lại đây, nhóm đã thiết lập được quan hệ hợp tác chặt chẽ với các thành viên như Đại học Quốc gia Pusan (Hàn Quốc), Viện Khoa học và Công nghệ Tiên tiến Nhật Bản (JAIST), ĐH Concordia (Canada), v.v....

Đã làm nghiên cứu khoa học ngoài các công trình cơ bản thì việc làm ra những sản phẩm ứng dụng, và triển khai thực tế luôn được nhóm ấp ủ. GS. TS. Nguyễn Năng Định cho biết, để tìm ra được sản phẩm gọn nhẹ như hiển vi quang y sinh nhóm đã mất hơn 5 năm, từ ý tưởng cho đến hoàn thành sản phẩm. Với sự kết hợp chặt chẽ với các chuyên gia y sinh từ đến từ Sinh học, Viện HLKHCNVN, Viện Quân y, Bộ Quốc phòng nhóm đã thực hiện thành công ý tưởng đưa hiệu ứng huỳnh quang tăng cường của các hạt nano bán dẫn vào phát hiện nhanh vết khuẩn. Từ đó hình thành một sản phẩm là thiết bị quang y sinh gọn nhẹ phát hiện vi khuẩn

gây bệnh đường ruột. Trên thực tế các loại khuẩn đều có thể phát hiện chính xác tại các phòng thí nghiệm hiện đại với thiết bị tiên tiến, phân giải cao.

Tuy nhiên, các mẫu mầm bệnh phải đem về các Viện tại Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh. Với mục tiêu phát hiện khuẩn trực tiếp ở vùng sâu vùng xa, Nhóm nghiên cứu muốn tạo ra sản phẩm có tính năng như như một phòng thí nghiệm nhỏ không cần đến điện lưới, có thể mang theo hay nói cách khác hệ thiết bị kiểu "Lab.-on-a-chip". Đây là sản phẩm được nhóm tâm đắc vì nó mang tính đa ngành, từ vật lí linh kiện đến công nghệ nano, y sinh và môi trường ... Kết hợp với Viện KHV, Viện HLKHCNVN, Nhóm cũng đã chế tạo thành công các loại đèn chiếu sáng rắn (solid-state lighting), không những tiết kiệm điện năng mà còn giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đèn chiếu sáng này ước tính tiêu thụ điện năng chỉ bằng 10% so với các loại đèn hiện nay.

Trong quá trình hoạt động NCKH, bản thân GS.TS. Nguyễn Năng Định và các thành viên trong nhóm gặp không ít khó khăn trong cuộc sống cũng như điều kiện cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, tài chính còn hạn chế. Nhưng chính niềm đam mê khoa học đã tạo ra động lực to lớn, giúp

nhóm vượt qua mọi khó khăn để có được thành công trong khoa học.

Nghiên cứu khoa học là sự nghiệp cả đời

Đối với một nhà khoa học, những sản phẩm có giá trị như những đứa con tinh thần, mang lại niềm hạnh phúc và lòng say mê sáng tạo trong khoa học. GS chia sẻ, những "đứa con tinh thần" là kết quả của cả quá trình lao động sáng tạo dày công - quá trình "mang nặng đẻ đau". Có những sản phẩm phải trải qua thời gian tích lũy kinh nghiệm 5 năm, 10 năm, thậm chí cả cuộc đời mới hoàn thiện. Khát vọng về các sản phẩm của nhóm thì đã có từ rất lâu, tuy nhiên gần đây, một số sản phẩm tâm đắc bắt đầu hình thành, cũng là kết quả tích lũy kinh nghiệm hàng chục năm nghiên cứu, chứ không phải ngày một ngày hai. Vì vậy, cho đến nay có nhiều nhà khoa học, để có được giải thưởng cao quý như giải Nobel, họ đã phải hi sinh cả cuộc đời của mình".

Trong thời gian tới, nhóm sẽ tập trung nghiên cứu và dự kiến cho ra các sản phẩm như hệ HQYS hoạt động "in-situ" nhằm phát hiện nhanh một số loại khuẩn; pin mặt trời chấm lượng tử (QSC) và hữu cơ (OSC) giá thành hạ; thiết bị cảm biến/sensor phát hiện và xác định nồng độ khí thải gây ô nhiễm môi trường.

Để ĐHQGHN có thêm nhiều nhóm nghiên cứu mạnh, GS.TS. Nguyễn Năng Định cho rằng, ĐHQG cần có chính sách hợp lý có tính khả thi cao để các nhóm nghiên cứu ở các trường như ĐHCN nói riêng và toàn ĐHQGHN nói chung có cơ hội hình thành và phát triển. Đồng thời, nhân rộng kinh nghiệm xây dựng nhóm NCM hiện có ở ĐHQGHN cùng với chính sách đãi ngộ tốt nhất đối các nhà khoa học trẻ có niềm đam mê nghiên cứu khoa học.

Tuyết Nga (Bản tin ĐHQGHN số 279)



Luôn khuyến khích các nhà khoa học trẻ

Trường Đại học Công nghệ đã hình thành phong trào nghiên cứu khoa học ngay từ khi thành lập. Truyền thống cùng môi trường nghiên cứu tích cực và đội ngũ cán bộ trẻ, nhiệt huyết đã trở thành những yếu tố phát triển nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Tạo ra môi trường nghiên cứu tích cực

Trường Đại học Công nghệ là một trong những trường thành viên tích cực của Đại học Quốc gia Hà Nội trong nghiên cứu khoa học với mục tiêu “trở thành trường ĐH nghiên cứu tiêu biểu của hệ thống

giáo dục ĐH Việt Nam, đạt trình độ tiên tiến khu vực năm 2020”. Vì vậy, trong 10 năm qua Nhà trường đã thực hiện nhiều chính sách, biện pháp và cải thiện cơ sở vật chất bằng cách xây dựng thêm các phòng thí nghiệm để thu hút giảng viên, các nhà nghiên cứu trẻ.

Bên cạnh đó, tính chất hoạt động nghiên cứu của Nhà trường cũng chuyển mạnh từ các nội dung nghiên cứu cơ bản sang các đề tài trong các chương trình nghiên cứu ứng dụng và phát triển giải pháp công nghệ, cả về số lượng đề tài lẫn về kinh phí thực hiện. Nhờ đó, các sản phẩm KHCN ứng dụng, được chuyển giao cũng

ngày càng nhiều (giai đoạn năm 2006-2010: 9 sản phẩm; từ năm 2010-nay: 14 sản phẩm). Ngay đến kinh phí đề tài cũng tăng lên sau 10 năm (năm 2004: 1,38 tỷ đồng; năm 2013: 12 tỷ đồng).

Hoạt động nghiên cứu đã trở thành nhu cầu hàng ngày của mỗi cán bộ, giảng viên và là công cụ hữu ích để giảng viên kết hợp công tác giảng dạy, và công tác biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy. Mỗi giảng viên dành khoảng 1/3 thời gian làm việc cho hoạt động nghiên cứu. Từ đó, nghiên cứu và hướng dẫn nghiên cứu là hai công việc mang tính chuyên nghiệp giúp các thầy cô tìm kiếm, phát hiện bởi

dưỡng chuyên môn, năng lực thực hành cho người học, đặc biệt hình thành thói quen, niềm say mê nghiên cứu khoa học. Bởi vậy, người giảng viên trong các trường đại học phải là một nhà khoa học bên cạnh vai trò nhà giáo. GS.TS. Nguyễn Năng Định, Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh khẳng định, một trường đại học nghiên cứu nhất định phải có những nhóm nghiên cứu trẻ và mạnh để cập nhật được kiến thức trong giảng dạy và nghiên cứu. Ở nước ngoài, các trường đại học có nhóm nghiên cứu và là cơ sở phát triển tư duy sáng tạo của tập thể. Nhưng các nhóm phải hình thành theo bản năng, say mê khoa học và năng lực của nhà khoa học đã được công nhận.

Từ năm 2010 đến nay, phong trào nghiên cứu khoa học phát triển nên số lượng các sản phẩm của Nhà trường tiếp tục tăng lên và đạt những thành tựu mới với bốn sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ, đang thẩm định; một sản phẩm đạt Huy chương đồng Hội chợ Công nghệ QT tổ chức tại Đài Loan; hai Sản phẩm Cúp vàng Hội chợ Công nghệ và Thiết bị Quốc tế tổ chức tại Việt Nam năm 2012; hai sản phẩm được chuyển giao ứng dụng (Trường nhà, thiết bị trường học) và năm nhóm sản phẩm tiềm năng.

Yếu tố con người hình thành phong trào

Khi môi trường nghiên cứu đã hình thành thì yếu tố con người sẽ quyết định đến định hướng phát triển phong trào nghiên cứu khoa học. Ngay từ những ngày đầu tiên thành lập, nghiên cứu khoa học đã trở thành nền tảng của trường ĐHCN và mỗi cán bộ là linh hồn để hình thành nền tảng đó. Nhà trường có đội ngũ cán bộ khoa học mạnh với 73% giảng viên cơ hữu có học vị tiến sĩ trở lên, tỷ lệ GS, PGS đạt trên 25%. Hiện nay, trường có 15 nhóm nghiên cứu với 2 nhóm nghiên cứu mạnh nhận được khen thưởng cấp ĐHQGHN năm



2014.

Với 40 năm kinh nghiệm nghiên cứu khoa học với 10 năm đóng góp nghiên cứu khoa học tại trường ĐHCN, ngay khi về trường GS.TS. Nguyễn Năng Định đã tạo lập được nhóm nghiên cứu. Hiện tại, nhóm có hơn 10 thành viên đều là các tiến sĩ, nghiên cứu sinh còn rất trẻ đang giảng dạy, nghiên cứu tại Nhà trường. GS.TS. Nguyễn Năng Định chia sẻ, Nhà trường đã khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các nhà khoa học trẻ để nuôi dưỡng niềm nhiệt huyết đam mê. Từ cơ sở đó, giảng viên ở các khoa tự hình thành nên các nhóm nghiên cứu trẻ. Đặc biệt là, nhóm trưởng có định hướng nghiên cứu và tích cực để tạo thành được đặc trưng của nhóm. Tại trường ĐHCN, nghiên cứu khoa học đã trở thành truyền thống với đội ngũ kế cận trẻ, nhiệt huyết và đam mê để tiếp nối các hướng nghiên cứu. Chưa kể, môi trường của trường ĐHCN rất thuận lợi cho nghiên cứu khoa học với cơ chế mở để các thành viên và nhóm trưởng tự do sáng tạo.

Nhà trường đều khuyến khích, tạo điều kiện để mỗi khoa hình thành các nhóm nghiên cứu với tuổi đời rất trẻ, nhưng đã

tạo lập được phong trào cùng với nhiều sản phẩm KHCN như nhóm nghiên cứu tin sinh học của TS. Lê Sỹ Vinh với tám thành viên là NCS, TS còn rất trẻ tại trường ĐHCN. Nhóm nghiên cứu Tin Sinh học được thành lập đều xuất phát từ đam mê tạo ra sản phẩm KHCN phục vụ nhu cầu xã hội với sự hỗ trợ, tạo điều kiện của Nhà trường trong quá trình nghiên cứu. Cuối cùng, nhóm đã công bố và có kết quả đầu tiên về việc nghiên cứu xây dựng và phân tích hệ gen người Việt. Trong 5 năm vừa qua, nhóm tập trung nghiên cứu bài toán liên quan đến phân tích hệ gen người và cụ thể là hệ gen người Việt. Đây được coi là một trong các bước đột phá khoa học quan trọng nhất trong thế kỉ 21, và là bước đi đầu tiên để chúng ta tiếp tục tiến hành các dự án lớn về hệ gen người Việt tiếp theo một cách đồng bộ, vừa nâng cao trình độ nghiên cứu vừa phát triển các ứng dụng hiện đại, vừa góp phần chăm lo sức khỏe người Việt và phát triển kinh tế-xã hội.

Tuyết Nga (Bản tin ĐHQGHN số 280)



Sự ra đời về logo đầu tiên của trường Đại học Công nghệ

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập và 15 năm ngày truyền thống, phóng viên đã có dịp được gặp gỡ và trò chuyện với GS.TS. Nguyễn Hữu Đức cùng cựu sinh viên và giảng viên Lê Quang Toàn (cựu sinh viên khóa 42, khoa Điện tử - Viễn thông), là hai nhân vật đã có đóng góp trong việc xây dựng ý tưởng tạo nên logo của Nhà trường. Qua những câu chuyện có thể tái hiện lại hình ảnh của Nhà trường trong từng ý nghĩa, sự ra đời của logo COLTECH (hiện nay là UET).

Câu chuyện về logo đầu tiên của trường ĐHCN

Nhớ lại những ngày tháng đầu tiên, GS.TS. Nguyễn Hữu Đức – Hiệu trưởng nhiệm kỳ I đã chia sẻ về cuộc thi “Thiết kế logo trường Đại học Công nghiệp” vào năm 2005. Đối với đơn vị mới thì việc xây dựng, xác định sứ mệnh, chiến lược phát triển và hệ thống giá trị cốt lõi và các logo cho đơn vị là việc đương nhiên người ta phải triển khai thực hiện. Tuy nhiên, ở đây tôi muốn nói là lúc chúng tôi triển khai việc xây dựng hình tượng, thiết kế cho logo này ở trong một tâm trạng mà các cán bộ, sinh viên Nhà trường có một niềm tin rất mãnh liệt vào sự phát triển, rồi một sự hồ hởi, quyết tâm rất lớn. Cho nên chúng tôi đã tổ chức một cuộc thi tuy nhiên quyết tâm, sứ mệnh nhà trường giống nhau nhưng mỗi một thầy, cán bộ, sinh viên thể hiện cách khác nhau thế nên chúng tôi phải có tổ công tác tích hợp lại ý tưởng của tất cả cán bộ, sinh viên trong nhà trường. Yêu cầu của ý tưởng chỉ là thể hiện thể mạnh của trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN; nét độc đáo, tạo nên sự khác biệt (đơn vị đào tạo công nghệ trọng điểm, chất lượng cao, bồi dưỡng tài năng, định hướng mô hình đại học nghiên cứu); ý tưởng về màu sắc, nội dung và tạo hình.

Cùng từng dòng hồi tưởng lại quá khứ, cựu sinh viên Lê Quang Toàn chia sẻ cơ duyên với việc tham gia sáng tạo logo. Tôi vẫn nhớ ngày đó, cuộc thi được phát động rất rộng rãi nhưng kết thúc lại không có giải nhất mà chỉ có hai giải nhì, ba giải ba và hai giải khuyến khích. Điều bất ngờ hơn nữa là thầy Nguyễn Hữu Đức - Hiệu trưởng trường ĐHCN lúc bấy giờ lại không chọn được một logo đoạt giải nào để sử dụng làm logo của Nhà trường. Vì vậy, “bài toán” của Nhà trường lúc bấy giờ là thiết kế logo để thể hiện hết được điểm nổi bật của cái tên COLTECH và Nhà trường.

Mọi việc cũng chỉ là cơ duyên khi mà lúc đó tôi đang là thực tập sinh, vừa tốt nghiệp xong thạc sỹ tại trường và qua các kênh thông tin tôi biết trường vẫn đang “khuyết” logo. Lúc đó, tôi chợt nảy ra một ý nghĩ sao mình không thử làm, biết đâu lại có thể cống hiến cho ngôi trường đã đào tạo mình trong những năm qua. Thực ra, việc tham gia thiết kế logo chủ yếu là do ý thích và dựa vào việc tôi có một chút kiến thức tự học về photoshop chứ bản thân cũng chưa có kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Khi quyết định thử thiết kế logo, chủ yếu cũng là tôi muốn thử sức mình, muốn có một trải nghiệm mới. Lúc đó, tôi không đặt nặng chuyện sản phẩm có được chọn hay không. Tuy nhiên, tôi

vẫn vận dụng hết sự sáng tạo, tâm trí và tình cảm đối với Nhà trường vào “đứa con tinh thần” của bản thân vì dù sao nếu sản phẩm được chọn, tôi cũng thấy rất tự hào.

Trong suốt quá trình làm logo tôi có tự tìm hiểu và tham khảo một số mẫu logo trên mạng nhưng khi thử áp dụng cho trường thì thấy không phù hợp. Rồi nhiều khi nảy ra những ý tưởng thể hiện được tiêu chí, tôn chỉ... của trường, nhưng khả năng photoshop, CorelDraw của tôi không đủ hiện thực hóa ý tưởng đó. Một ngày đẹp trời, tôi tự nhiên lóe lên một ý tưởng, tuy mộc mạc nhưng cũng đủ ý nghĩa, và phần thể hiện cũng không quá phức tạp. Tôi đã vẽ, sửa và mang lên cho thầy hiệu trưởng xem, thầy có gợi ý chỉnh sửa một chút để logo được hoàn thiện hơn. Cuối cùng, sản phẩm logo đầu tiên của tôi đã ra đời. Bất ngờ và hạnh phúc hơn nữa là sản phẩm của tôi đã được Nhà trường chọn làm logo cho trường với tên viết tắt lúc bấy giờ là COLTEC

Logo trường Đại học Công nghệ - đơn giản mà ý nghĩa

GS.TS. Nguyễn Hữu Đức đã chia sẻ ý nghĩa về mô hình logo của ngày hôm nay thể hiện một số triết lý đơn giản như sau thứ nhất tên Nhà trường thời điểm đấy cũng phải được tích hợp trong logo này, đó chính là xuất phát từ tên tiếng Anh

là College of Technology. Trong logo bây giờ chúng ta vẫn thấy có chữ C và một hình tượng của chữ T. Nhưng mà chúng tôi cũng muốn kết hợp giữa tiếng Anh và tiếng Việt, cho nên chỉ là sự tình cờ khi chữ C tiếng Anh là College, trong tiếng Việt chúng tôi muốn sử dụng là chữ C viết tắt đầu tiên của chữ Công nghệ. Còn chữ T cũng là chữ Công nghệ bằng tiếng Anh là Technology. Thành thử về phương diện cả tiếng Việt và tiếng Anh chúng tôi đều thể hiện được hết. Trong cấu trúc của chữ C chúng tôi cũng thấy tại thời điểm đó trường ĐHCN còn rất nên trẻ nên muốn phát triển hình tượng chữ C thành một vầng trăng non, trăng khuyết để cho thấy xuất phát điểm của Nhà trường là một thời điểm mới mẻ và còn nỗ lực rất nhiều. Và một hình tượng khác chúng tôi có triết lý phát triển trường ĐHCN dựa trên Công nghệ thông tin và Truyền thông, được CNTT-TT hỗ trợ và đặt hàng cho những bài toán phát triển cho CNTT-TT và tại thời điểm đó, hình tượng CNTT-TT là các ăng ten trên các toà nhà, nhà máy, những nơi thu sóng của truyền thông được. Cho nên chữ T chúng tôi phát triển thành hình tượng của những ăng ten. Số vạch trên ăng ten cũng được mô phỏng đi để thành chỉ số tương đương với số lượng khoa trong trường ĐHCN tại thời điểm đấy.

Trong suy nghĩ của cựu sinh viên Lê Quang Toàn, những thầy cô trường ĐHCN luôn có sự nhiệt huyết, mộc mạc và chân thành. Đó cũng là điều tôi muốn thể hiện trong thiết kế. Thêm nữa, tôi thấy rằng đôi khi những điều đơn giản, chân chất lại là những điều đẹp nhất. Thế nên, ý tưởng của tôi là làm sao thể hiện được những gì đơn giản nhất, trường ĐHCN là một thể thống nhất và đoàn kết.

Sự phát triển của logo ngày nay

Đến năm 2009, ngay khi bước vào nhiệm kỳ mới lãnh đạo Nhà trường tại thời điểm đó đã tiếp nối và định hướng phát triển tăng cường hàm lượng Công nghệ trong hoạt động nghiên cứu, đào

tạo. Vì vậy, tên trường bằng tiếng Anh đã thay đổi từ COLTECH thành UET (University of Engineering & Technology) với hàm nghĩa chữ E

Từ thay đổi đó, logo đã được điều chỉnh để phản ánh đúng nội hàm trong định hướng phát triển của Nhà trường thời điểm đó. Cùng việc những thanh ăng-ten trên logo được dịch chuyển xuống phía dưới để vừa tạo thành chữ E mà vẫn giữ được chữ T. Bên ngoài của logo vẫn thể hiện chữ C với ý nghĩa trường ĐHCN vẫn dựa trên CNTT-TT nhưng phát triển cao các yếu tố kỹ thuật công nghệ.

Mái trường của đam mê

Trong ký ức của cựu sinh viên Lê Quang Toàn, cán bộ và giảng viên của Trường có một điều gì đó rất khác so với các trường đại học khác khiến anh cảm thấy thân thương. Các thầy cô đều là những người giản dị, mộc mạc và tình cảm. Ngay từ những ngày đầu, trường cũng thu hút được rất nhiều các cán bộ, chuyên gia giỏi như GS. Phan Anh, GS. Nguyễn Văn Ngọ, GS. Nguyễn Đình Thông, GS. Huỳnh Hữu Tuệ... Trong đó, có lẽ anh Quang Toàn ấn tượng và nhớ nhất tính cách của GS. Huỳnh Hữu Tuệ, một người rất giỏi nhưng vui tính, hơi phong trần và bụi bặm một chút. Rất nhiệt huyết và say mê trong khoa học, trong công việc nhưng cũng rất thoải mái trong cuộc sống.

Nhắc đến kỷ niệm, tôi không thể quên được lần chuẩn bị sản phẩm cho luận văn thạc sỹ. Lần đó, tôi cần làm một cái ăng ten riêng cho mình, nhưng dù tôi đã đi tìm khắp nơi ở Hà Nội mà vẫn không có mẫu chần tử mà tôi cần, tôi đã phải đội mưa đi tìm cả khu chợ trời, khu bách khoa..., nhiều khi người ướm hết nhưng không tìm được. Tôi còn nhờ cả thầy Phan Anh khi đi công tác trong Sài Gòn đặt người ta làm cho nhưng không ai nhận đặt làm mẫu một cái. Cuối cùng tôi đã phải tự làm và tự chế từ các vật liệu, phương tiện sẵn có. Qua một thời gian được học tập, nghiên cứu và giảng dạy dưới mái trường ĐHCN

tôi đã nhận ra một điều rất quan trọng là dù mình làm gì, cũng cần có đam mê. Không có đam mê sẽ khó mà thành công được. Điều này đã giúp tôi rất nhiều trong suốt quá trình học và làm việc sau này, dù cho ở bất cứ nơi nào.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập trường, tôi thực sự biết ơn khoảng thời gian học tập và làm việc ở trường ĐHCN. Ngôi trường này đã giúp tôi trưởng thành và học hỏi được rất nhiều điều, cả về chuyên môn và trong cuộc sống từ các thầy cô, anh chị em bạn bè, đồng nghiệp, và cả các em sinh viên nữa. Những gì tôi có được ngày hôm nay, cũng một phần là nhờ những trải nghiệm của tôi từ mái trường thân thương đó.

Quá trình hoạt động cựu sinh viên Lê Quang Toàn:

- Năm 2001: Tốt nghiệp trường Đại học Công nghệ
- Năm 2002: Công tác tại trường với nhiệm vụ nghiên cứu, hỗ trợ giảng dạy
- Năm 2005: Tốt nghiệp thạc sỹ tại trường ĐHCN
- Năm 2006: Giảng viên trường Đại học Công nghệ
- Nhận được Bằng khen của Trung ương hội tặng do tích cực tham gia đóng góp cho hoạt động của Hội Vô tuyến điện tử Việt Nam (REV). Đã có 1 bài báo được in trong kỷ yếu hội nghị của Hội.
- Năm 2007, làm việc tại Công ty Thông tin di động - Trung tâm Thông tin di động khu vực I (Hà Nội),
- Hiện nay đang công tác tại Trung tâm TTĐĐ KV 5 (Hải Phòng), là phó phòng Kỹ thuật - Khai thác, công việc chính là quản lý, điều hành khai thác mạng thông tin di động của VMS Mobifone trên địa bàn 14 tỉnh Đông Bắc Bộ.

Tuyết Nga (ghi)



Cựu sinh viên **Đỗ Bá Đức**

Nuôi dưỡng nhiệt huyết bằng những ca khúc sáng tác về trường Đại học Công nghệ

Khoảng thời gian được học tập dưới mái trường Đại học Công nghệ quả thực là khoảng thời gian tươi đẹp khó quên nhất trong cuộc đời tôi. Tôi không những đã tìm thấy nhiều niềm vui trong học tập, mà còn cảm nhận được sức hút rất lớn của hoạt động đoàn hội, đặc biệt là khám phá niềm đam mê mới cho bản thân: sáng tác nhạc. Hoạt động thanh niên sinh viên ở trường chính là nguồn cảm hứng lớn nhất của tôi, và thật tự nhiên, một phần không nhỏ trong những ca khúc tôi viết lúc bấy giờ đều là về chủ đề này.

Sau một buổi tập dượt văn nghệ, chị Cẩm Lệ lúc bấy giờ có nói vui với tôi: “Trước đây, Đức viết bài hát cho Khoa Công nghệ rồi, nhưng giờ khoa đã thành trường Đại học Công nghệ, nên vẫn chưa có bài hát về trường. Hay là Đức viết một bài khác đi?”. Dù tôi biết bài hát trước chưa để lại nhiều ấn tượng trong lòng thầy cô giáo, nhưng lúc ấy tôi vẫn trả lời nửa đùa nửa thật: “Nếu trường chưa đặt hàng ai sáng tác thì để em viết nhé!”. Chị Cẩm Lệ vui vẻ gật đầu, thế là tôi chính thức có thêm một cơ hội thử sức.

Khác với cách sáng tác chuyên nghiệp là tách phần lời và phần nhạc ra thành hai công đoạn khác nhau, tôi bắt đầu bằng việc tập hợp những cảm xúc chân thành nhất mà mình có được về trường, rồi tận dụng thế mạnh chọn lựa ngôn từ của mình để nghĩ ra những câu hát đầu tiên. Tôi vừa viết lời bài hát, vừa ngâm nga hát thử theo nhịp điệu dễ nghe nhất. Và cứ như thế, tôi đã chọn những câu hát đầu tiên của bài hát là:

*Trường Đại học Công nghệ chúng tôi, chiếc nôi dưỡng nuôi bao lớp nhân tài
Trường Đại học Công nghệ chúng tôi, dang rộng vòng tay, đón những tài năng mới ...*

Nếu tôi được đề nghị giới thiệu về trường, thì những câu hát giản dị này chính là những điều mà tôi tự nhủ rằng mình chắc chắn sẽ tự hào chia sẻ với người nghe. Rồi trong những câu tiếp theo của bài hát tôi cố gắng truyền đi một thông điệp mang đậm cảm xúc cá nhân rằng: “những người học tập và nghiên cứu ở trường chúng ta không hề khô khan, mà rất yêu văn nghệ và giàu tình yêu với cuộc sống”. Cuối cùng là đoạn điệp khúc, tôi đã chọn những câu chữ giàu tình cảm để thể hiện sự kính trọng với những cống hiến miệt mài của các thầy cô, và điều may mắn, hạnh phúc của tôi là khi được học tập dưới mái trường này:

Từ bài giảng quý, lẫn giọt mồ hôi, dâng hiến cho đời bao công trình hôm nay

Tự hào biết mấy, là những sinh viên, trường Đại học Công nghệ của chúng tôi...

Cứ như thế, việc sáng tác bài hát diễn ra khá trôi chảy. Giai đoạn hoàn thiện ca khúc là kết quả của việc điều chỉnh ca từ dựa trên ý tưởng và mạch cảm xúc chủ đạo mà tôi

đã xác định, do vậy tôi đã hoàn thành ca khúc này chỉ trong vòng một buổi chiều.

Vào lần đầu tiên tập cho các bạn sinh viên trong đội văn nghệ hát bài hát của mình, tôi cảm thấy bất ngờ và phấn khởi vì bài hát nghe khí thế hơn rất nhiều khi được tốp ca thể hiện. Ngay ở giờ phút nghe các bạn hát trọn vẹn ca khúc lần đầu tiên, tôi rất vui mừng vì điều tôi mong ước nhất có lẽ đã trở thành hiện thực. Không những tâm sự tôi muốn gửi gắm qua ca từ và giai điệu đã lan toả ra cả dàn đồng ca, mà còn được các bạn sinh viên truyền đạt lại một cách đầy khí thế. Với sự hỗ trợ điều chỉnh của nhạc công và góp ý của chị Cẩm Lệ, bài hát của tôi đã được biểu diễn trôi chảy đôi lần và ấn tượng nhất là bài hát được trình diễn vào Lễ khai giảng năm học 2004-2005.

Sau khi sáng tác bài hát dành cho trường và được mọi người đón nhận, tôi có thêm tự tin để viết tiếp một số ca khúc khác. Ở vai trò là trưởng Ban văn nghệ, nhiệm vụ sắp xếp nội dung biểu diễn cho các chương trình chính là động lực và là cơ hội cho những ca khúc tiếp theo của tôi ra đời:

- Bài "Chào mừng tân sinh viên" - Viết tặng sinh viên nhân dịp khai giảng khoá K50

- Bài "Ngày hôm qua" - Viết tặng sinh viên sắp ra trường

- Bài "Tình yêu sinh viên Đại học Công nghệ" - Viết tặng nhà trường nhân dịp đưa ra kế hoạch xây dựng trường đại học đẳng cấp quốc tế.

Điều mà tôi cảm thấy vui mừng. bất ngờ nhất là một số ca khúc kể trên được ghi âm và sử dụng tại các buổi lễ kỷ niệm, lễ khai giảng của Nhà trường trong năm học mới.

Trong vòng bốn năm học đại học, tổng cộng tôi đã viết được 14 ca khúc, có tới 5 trong số đó là viết về trường, có lẽ từng ấy bài hát đủ để thấy dấu ấn mà trường đã để lại trong tôi sâu đậm biết bao nhiêu. Từ sau ngày tốt nghiệp, tôi sang làm việc ở đất nước Nhật Bản, và nhanh chóng hoà mình vào phong trào thanh niên sinh viên ở đây. Sau 3 năm gắn bó với phong trào ở vị trí Trưởng ban Văn hoá khu vực Kan-to - trọng tâm của phong trào, và sau đó là làm chủ tịch Hiệp hội Thanh niên Sinh viên Việt Nam toàn Nhật Bản trong vòng một năm, có nhiều lần bạn bè đã hỏi tôi về việc sáng tác bài hát cho Hội. Không biết có phải do áp lực công việc, cùng với công việc gia đình bận rộn, hay đơn giản chỉ là cảm xúc không còn như trước, mà sau nhiều lần đặt bút tôi vẫn chưa viết được bài hát nào thật sự tâm đắc đủ để làm bài hát chính thức cho Hội.

Là người đã từng được nuôi dưỡng và trưởng thành dưới mái trường Đại học Công nghệ, tôi luôn tin rằng các bạn sinh viên đang sở hữu trong tay một tài sản vô cùng quý giá. Các bạn đang dùi mài đèn sách ở một ngôi trường có biết bao nhiêu thầy cô giỏi và tâm huyết luôn tạo điều kiện để các bạn học tập và nghiên cứu tốt nhất. Các bạn đang được sống trong môi trường thuận lợi để tham gia nhiều hoạt động sôi nổi và bổ ích của sinh viên. Ngoài ra, các bạn còn có nhiều cơ hội để nâng cao tri thức và kỹ năng mềm. Hãy trân trọng tài sản đó, vì khi ra trường và lao vào guồng quay công việc như tôi, có thể bạn sẽ thấm ước: giá như được quay trở lại cái thời sinh viên trẻ trung vô tư dưới mái trường thân yêu ấy một lần nữa, để được cháy hết mình đầy đam mê và nhiệt huyết một lần nữa.

Tokyo, ngày 15 tháng 9 năm 2014

Đỗ Bá Đức (Tức Duck48ca)

Quá trình hoạt động:

Năm 2003-2005: Bí thư chi đoàn, Ủy viên Ban chấp hành đoàn trường Đại học Công nghệ

Năm 2005-2006: Phó Chủ tịch Hội sinh viên Trường Đại học Công nghệ

Năm 2010-2011: Chủ tịch Hiệp hội Thanh niên Sinh viên Việt Nam toàn Nhật Bản (VYSA), nhiệm kỳ IX

Năm 2012-2013: Thành viên nhóm tình nguyện Hương vị Việt vì trẻ em nghèo - Betoaji.

Công việc hiện tại:

Team lead

Ichiba iOS development team

Mobile Applications Group

Smart Device Technologies Department

Rakuten Inc. Japan

